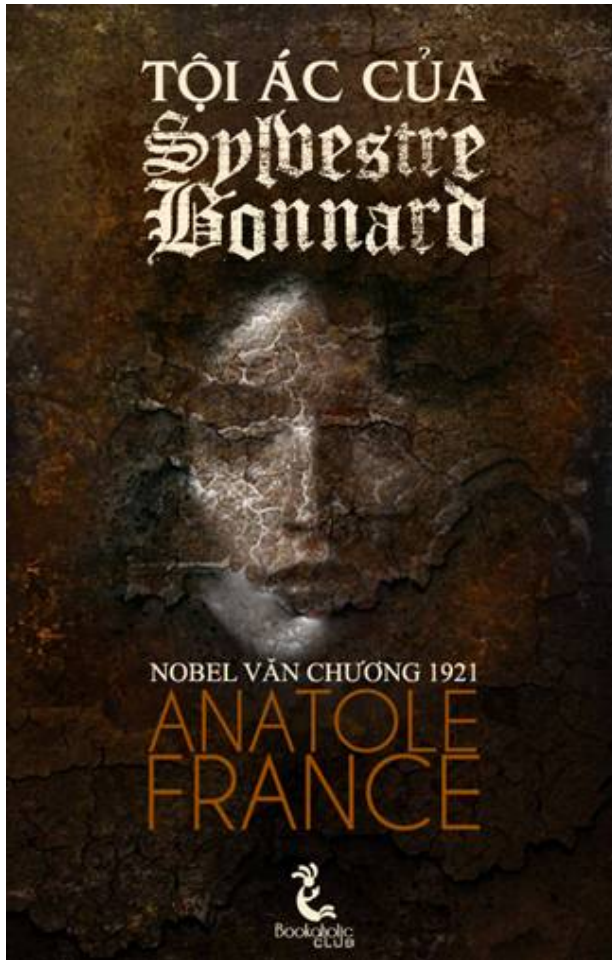


TỘI ÁC CỦA SYPHISTRE BONNARD

NOBEL VĂN CHƯƠNG 1921

ANATOLE
FRANCE



TỘI ÁC CỦA SYLVESTRE BONNARD

Anatole France

Making Ebook Project
BOOKAHOLIC CLUB





Tên sách: **TỘI ÁC CỦA SYLVESTRE BONNARD**

Tác giả: **Anatole France**

Nguyên tác: *Le Crime de Sylvestre Bonnard*

Dịch giả: Nguyễn Xuân Phương

Nhà xuất bản: Văn Nghệ

Năm xuất bản: 2001

Số trang: 233

Khổ sách: 13x19cm

Giá bìa: 22.000 đồng

Đánh máy: **Thanh Hà, Thu Thủy, Đình Đình, Thanh Loan**

Kiểm tra: **Hồng Sơn**

Chế bản ebook: **Hannah Le**

Ngày thực hiện: 21/8/2011

Making Ebook Project #168 –
www.BookaholicClub.com

Bạn đang đọc ebook **TỘI ÁC CỦA SYLVESTRE BONNARD** của tác giả **Anatole France** do **Bookaholic Club** chế bản theo **Dự án chế bản Ebook (Making Ebook Project)**.

Mong rằng ebook này sẽ mang đến cho bạn một tác phẩm Văn học hay, giàu giá trị biểu cảm và nhân văn, với chất lượng cao. Chúng tôi luôn cố gắng mang đến những chế bản ebook tốt nhất, nếu trong quá trình chế bản có lỗi sai sót nào mong bạn góp ý và cho chúng tôi biết những ebook mà đang mong muốn.

Making Ebook Project của **Bookaholic Club** là một hoạt động phi lợi nhuận, nhằm mục đích mang đến những chế bản ebook hay, có giá trị với chất lượng tốt nhất mà chúng tôi có thể với Cộng đồng đọc - người Việt. Tuy nhiên, nếu bạn có khả năng xin hãy đọc tác phẩm này bằng sách trước hết vì lợi ích cho Nhà xuất bản, bản quyền tác giả và góp phần phát triển xây dựng nền Văn hóa đọc.

Hãy chỉ đọc chế bản này trong điều kiện bạn không thể tìm đến ấn phẩm sách.

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU VỀ TÁC GIẢ
GIỚI THIỆU NỘI DUNG

Phần một

KHÚC CỬ

Phần hai

TIÊU THỦ JEANNE ALEXANDRE

I

II

III

IV

GIỚI THIỆU VỀ TÁC GIẢ



Anatole France (tên thật là François-Anatole Thibault, 16 tháng 4 năm 1844 – 13 tháng 10 năm 1924) sinh ở Paris, là con của một chủ cửa hàng sách, từ nhỏ đã ham mê văn học, nghệ thuật. Học ở trường Collège Stanislas. Trong thập niên 1860, France tiếp xúc với nhóm Parnasse và xuất bản tập thơ đầu tiên (1873). Sau đó ông chuyển sang viết văn xuôi và thật sự có tiếng tăm khi cuốn tiểu thuyết **Le crime de Sylvestre Bonnard** (*Tội ác của Sylvestre Bonnard*, 1881) ra đời và được nhận giải thưởng Viện Hàn lâm Pháp. Trong thập niên 1890, ông viết nhiều bài phê bình văn học cho *Le Temps* (Thời báo) và in thành 4 tập sách với tên **La vie littéraire** (Đời sống văn học).

Những năm cuối thế kỉ 19 và đầu thế kỉ 20, tư tưởng và sáng tác của Anatole France đã có những thay đổi. Ông từ bỏ lập trường người quan sát để trở thành chiến sĩ đấu tranh cho nền dân chủ. Cụ thể là trước kia ông thường miêu tả cuộc sống và con người thời kỳ Trung cổ hoặc thời kỳ suy vong của chế độ phong kiến, thì nay ông viết về các sự kiện lịch sử và xã hội đương đại, đồng thời tiếp tục truyền thống nhân văn chủ nghĩa của Rabelais và Voltaire, phê phán nền cộng hòa thứ ba của Pháp, chế giễu không thương xót những kẻ gây chiến tranh xâm lược tàn khốc. Năm 1921 ông được trao giải Nobel Văn học vì “những tác phẩm xuất sắc mang phong cách tinh tế, chủ nghĩa nhân văn sâu sắc và khí chất Gô-loa đích thực”...

A. France là một trong những nhà văn lớn nhất của nước Pháp thời cận đại, trải qua một con đường khó khăn và phức tạp từ chủ nghĩa nhân đạo ảo tưởng đến chủ nghĩa hiện thực cách mạng. Ông mất ở Tours, Indre-et-Loire.

Tác phẩm chính:

- Những câu thơ vàng (*Poèmes dorés*, 1873), thơ.
- Tội ác của Sylvestre Bonnard (*Le crime de Sylvestre Bonnard*, 1881), tiểu thuyết.

- Sách của bạn tôi (*Le Livre de mon ami*, 1885), hồi ký.

- Bông huệ đỏ (*Le lys rouge*, 1894), tiểu thuyết.

- Vườn Epicure (*Le jardin d'Epicure*, 1894), tập cách ngôn.

- Lịch sử hiện đại (*L'histoire contemporaine*), gồm 4 tiểu thuyết:

+ Cây du trên đường dạo chơi (*L'orme du mail*, 1897)

+ Hình người bằng cây liễu (*Le mannequin d'osier*, 1897)

+ Chiếc nhẫn tử thạch anh (*L'anneau d'amethyste*, 1899)

+ Ông Bergeret ở Paris (*Monsieur Bergeret à Paris*, 1901)

- Hung thần lên cơn khát (*Les dieux ont soif*, 1912), tiểu thuyết

- Thiên thần nổi loạn (*La révolte des anges*, 1914), tiểu thuyết.

Những tác phẩm đã được xuất bản ở Việt Nam:

- Quyển truyện của bạn tôi (*La livre de mon ami*, hồi kí), Vũ Thị Hay và Lê Ngọc Trụ dịch, Trung tâm Học liệu xuất bản, 1962, tái bản 1972

- Sách của bạn tôi (*La livre de mon ami*, hồi kí), Hương Minh dịch và giới thiệu, NXB Văn Học, 1988, tái bản 2009.

- Đảo Panhgoanh (*L'Île des Pingouins* tiểu thuyết), Nguyễn Văn Thường dịch, NXB Văn Học, 1982.

- Thiên thần nổi loạn (*La révolte des anges*, tiểu thuyết), Đoàn Phú Tứ dịch, NXB Văn Học, 1987.

- Bông huệ đỏ (*Le lys rouge*, tiểu thuyết), Nguyễn Trọng Định dịch, NXB Phụ Nữ, 1989.

- Các hung thần lên cơn khát (*Les dieux ont soif*, tiểu thuyết), Trần Mai Châu dịch, NXB Văn Nghệ TP.HCM, 1990.

- Tội ác của Sylvestre Bonnard (*Le crime de Sylvestre Bonnard*, tiểu thuyết), Nguyễn Xuân Phương dịch, NXB Quân Đội Nhân Dân, 1996.

- Tội ác của Sylvestre Bonnard (*Le crime de Sylvestre Bonnard*, tiểu thuyết), Nguyễn Xuân Phương dịch, NXB Văn Nghệ TP. HCM, 2001.

- Thais-Vũ nữ thoát tục, (*Thais*, tiểu thuyết), Hoàng Minh Thức dịch, NXB Tổng hợp Tiền Giang, 1989.

- Mối tình người thợ gốm, (tập truyện ngắn), Nxb Văn học, Hà Nội 1987.

GIỚI THIỆU NỘI DUNG

Sylvestre Bonnard, một học giả già lồi lạc đang gặp các vấn đề bất ngờ khi ông bắt tay vào tìm kiếm một vài tài liệu văn học cổ xưa của Giáo Hội để mang từ Paris đến Sicily và ghi dấu vào lịch sử cuộc đời của chính mình. Vì lợi ích của công lý và tình yêu, ông cố gắng hoàn thành công việc sao cho tốt nhất nhất là tính hợp pháp nghi ngờ. Với "Tội phạm của Sylvestre Bonnard", Anatole France (1844-1924) đã viết một cuốn tiểu thuyết vừa thông minh và khôn ngoan và theo cách thức của các bậc thầy vĩ đại của phong cách văn học - một cuốn sách đầy đủ lần hồi hợp từ đầu đến cuối.

Phần một

KHÚC CỬI

Ngày 24 tháng 12 năm 1861

Tôi xỏ chân vào giày vải, khoác lại áo mặc trong nhà rồi lau giọt nước mắt do cơn gió bắc thổi ngoài bến tàu làm cho tôi tối tăm mặt mũi. Lửa rực sáng trong lò sưởi phòng làm việc của tôi. Những tinh thể băng tuyết hình lá dương xỉ phủ đầy bên ngoài mặt kính các cửa sổ, che lấp con sông Seine, các cây cầu và cung điện Louvre des Valois.

Tôi đẩy ghế bành và bàn di động đến gần lò sưởi chiếm lấy chỗ của chú mèo Hamilcar. Nó nằm khoanh tròn trên chiếc ghế lông, bốn chân ôm lấy mũi, ở đầu các thanh gác cúi. Một làn gió đều đều phe phẩy bộ lông dày và nhẹ của nó. Thấy tôi đến gần, nó hé hai hàng mi, đưa cặp mắt mã não ra nhìn dịu dàng rồi nhắm lại ngay, nghĩ rằng: “Không hề gì, đó là bạn ta.” “Hamilcar!”. Tôi vừa kéo chân vừa gọi nó – “Hamilcar, ông hoàng ngủ gà của khu nhà sách, người canh gác ban đêm ơi! Màý chông lữ gặm nhấm hèn hạ, bảo vệ những bản thảo và ấn phẩm mà nhà bác học già nua đã mua với số tiền dành dụm ít

oi là lòng nhiệt thành không mệt mỏi. Hamilcar, trong chốn thư viện im lặng này được các đức tính nhà binh của mày bảo vệ, mày hãy ngủ ung dung dài các như một bà hoàng! Bởi vì ở mày hội tụ được dáng vóc tuyệt vời của một quân nhân Hung Nô với vẻ yêu kiều của một phụ nữ phương Đông. Hỡi chú Hamilcar anh hùng và thích khoái lạc, hãy vừa ngủ vừa chờ cơ hội lũ chuột nhảy múa dưới ánh trăng, trước giáo đường của nhà thông thái giáo phái Bông-lăng”.

Lời mở đầu bài diễn văn này làm vui lòng con Hamilcar, nó phụ theo bằng một tiếng khò khò trong họng như tiếng reo trong ấm nước sôi. Nhưng khi tôi cất cao lời nói, con Hamilcar cụp tai xuống, nhăn cái trán vằn, có ý cảnh cáo tôi nói năng cầu kỳ hoa mỹ như vậy là nghe chướng và nó nghĩ:

“Con người sách vở này nói năng chẳng đâu vào đâu, còn bà quản gia thì bao giờ cũng chỉ tuôn ra những lời lẽ đầy ý nghĩa, chứa đựng sự việc, hoặc báo tin một bữa ăn hoặc một trận đòn. Người ta biết chắc điều gì bà nói. Còn ông già này ghép lại những âm chẳng có ý nghĩa gì hết”.

Con Hamilcar nghĩ như vậy đó. Để mặc cho nó suy tư, tôi mở một cuốn sách và chăm chú đọc. Đó là cuốn danh mục các bản thảo. Tôi thấy không có gì dễ dàng hơn, thú vị hơn, êm đềm hơn bằng đọc một cuốn danh

mục. Cuốn danh mục tôi đọc, do ông Thompson, cán bộ thư viện của ngài Thomas Raleigh, soạn thảo vào năm 1824 là cuốn sách hỏng, đúng thế, vì sự vắn tắt quá đáng và không thể hiện chút nào thứ chính xác mà các nhà lưu trữ thế hệ tôi đầu tiên đưa vào các tác phẩm về ngoại giao và về khoa chữ cổ. Nó chưa hoàn hảo, phải đoán mò. Có lẽ vì thế mà khi đọc nó, theo một bản tính tương tượng phong phú hơn bản tính của mình, tôi có cái cảm giác đáng được gọi là sự mơ mộng. Tôi lâng lâng thả mình trong dòng suy tư lơ mơ thì chị quản gia bằng một giọng cáu kỉnh bảo tôi biết có ông Coccoz yêu cầu nói chuyện với tôi.

Quả nhiên, một người nào đó lặng lẽ theo chị đi vào thư viện. Đó là một con người bé nhỏ, một con người bé nhỏ thảm hại, vẻ mặt ốm yếu, mặc chiếc áo mỏng dài đến đầu gối. Anh tiến về phía tôi, cúi chào mỉm cười nhiều lần, một cách tự tin. Anh rất đổi xanh xao, tuy còn trẻ và nhanh nhẹn, nhưng hình như đang ốm. Nhìn anh, tôi nghĩ tới một con sóc bị thương. Anh cầm trong tay một mảnh vải bọc hàng màu xanh, đặt lên ghế, rồi mở bốn đầu mối của mảnh vải, để lộ một lô sách màu vàng.

- Thưa ông – lúc ấy anh cất tiếng – tôi không có hân hạnh được ông quen biết. Thưa ông, tôi là người môi giới cho hiệu sách. Tôi làm việc này cho các nhà buôn chính ở thủ đô, và với hy vọng rằng ông vui lòng cho tôi

được hết sức tự hào về sự tin cậy của ông, tôi xin tự tiện mời ông một vài cuốn sách mới.

Trời đất ơi! Sách mới gì mà con người Coccoz nhỏ bé này mời tôi mua thế. Tập thứ nhất anh ta đặt vào tay tôi là cuốn *Lịch sử tháp chiến Nesle* với những chuyện đan díu giữa Margurite de Bourgogne và đại tá Buridan.

- Đó là cuốn sách lịch sử. – Anh vừa cười vừa bảo tôi.
– Một cuốn sách đích thực.

- Trong trường hợp này – tôi đáp – thì chán lắm, bởi vì những cuốn sách lịch sử mà không nói láo thì đều buồn thiu buồn thiu. Chính tôi đã viết những sách xác thực kia và nếu chẳng may cho anh, anh đi từ nhà này sang nhà khác giới thiệu cuốn nào, anh sẽ có nguy cơ suốt đời giữ nó lại trong cái bọc vải xanh của anh, không bao giờ tìm ra một chị cấp dưỡng nào khá kém chín chắn mua cho anh.

- Thưa ông, tất nhiên – Con người nhỏ bé đáp lại hoàn toàn chiều theo ý tôi.

Và vừa cười, anh ta đưa cho tôi cuốn *Những chuyện đan díu của Héloïse và Abeilard*, nhưng tôi làm cho anh hiểu ngay rằng ở tuổi tôi, tôi chẳng làm gì với một chuyện tình.

Vẫn nụ cười trên môi, anh đề nghị tôi mua cuốn *Luật về trò chơi đông người* bài pikê, bài béji, bài các tê, bài úýt, bài súc sắc, bài con đăm, cờ tướng.

- Chao ơi! – Tôi bảo anh ta – nếu anh muốn tôi nhớ lại luật chơi bài béji, anh hãy trả lại ông bạn già Bignan của tôi đã cùng tôi chơi bài mỗi buổi chiều, trước lúc ông ấy được năm viện hàn lâm long trọng đưa đến nghĩa địa, hoặc anh hãy làm xẹp sự thông minh trang trọng của con Hamilcar mà anh thấy nằm ngủ trên chiếc gối này, đối với chuyện phù phiếm về các trò chơi của con người, vì ngày nay, nó là người bạn duy nhất trong các buổi tối của tôi.

Nụ cười của con người nhỏ bé trở nên mơ hồ và hốt hoảng.

- Đây – anh bảo tôi – một tập mới xuất bản về các trò giải trí đông người, những câu pha trò, những trò chơi chữ, với những cách đổi một hoa hồng đỏ thành hoa hồng trắng.

Tôi bảo anh rằng từ lâu tôi đã rôi lên với những hoa hồng, còn đối với những câu pha trò thì tôi chỉ cần những câu nào tôi được phép dùng một cách tự nhiên trong quá trình tiến hành các công việc khoa học.

Con người bé nhỏ lại đưa cho tôi cuốn sách cuối cùng với nụ cười lần chót. Anh nói:

- Đây là *Sách giải mộng*, giải thích tất cả mọi giấc mộng của người đời: mộng được vàng, mộng thấy mình là kẻ trộm, mộng thấy mình chết, mộng thấy từ trên cao rơi xuống... Đủ cả!

Tôi cầm cái gắp than, vung mạnh và trả lời ông khách luôn:

- Đúng, anh bạn ạ, nhưng những giấc mơ đó và muôn nghìn giấc mơ khác, vui có, buồn có, tóm lại chỉ là một mà thôi, đó là giấc mộng cuộc đời, và cuốn sách bìa vàng nhỏ của anh có cho tôi cái chìa khóa để giải giấc mộng đó không?

- Thưa ông có – anh chàng nhỏ bé trả lời tôi. – Cuốn sách này có đầy đủ và không đắt: một quan hai mươi lăm xu, ông ạ.

Tôi không đi xa hơn nữa câu chuyện với người bán hàng rong. Mong rằng những lời nói của tôi đúng như tôi thuật lại, tôi không dám khẳng định điều này. Biết đâu tôi đã chẳng thêm vào một cái chi tiết khi viết ra giấy. Rất khó tuân thủ sự thật từng chữ, dù trong một tờ báo. Nhưng nếu không phải là lời nói của tôi thì cũng là ý nghĩ của tôi.

Tôi gọi chị quản gia, vì không có chuông trong nhà.

- Chị Thérèse – tôi nói – ông Coccoz mà tôi yêu cầu chị đưa về, có một cuốn sách có thể làm cho chị thích thú: đó là cuốn *Sách giải mộng*. Tôi sẽ sung sướng tặng chị cuốn sách đó.

Chị quản gia đáp lời tôi:

- Thưa ông, khi người ta không có thì giờ để mơ mộng lúc thức, thì lúc ngủ, cũng không có nhiều thì giờ hơn để mà mơ mộng. May thay! Ngày giờ của tôi đủ cho công việc của tôi, và công việc của tôi cũng đáp ứng đủ ngày giờ của tôi, và mỗi buổi tối; tôi có thể nói: “Lạy Chúa, xin Người hãy ban phúc lành cho giấc ngủ sắp tới của con!”. Tôi không mơ mộng lúc đứng hay nằm, không xem cái chăn bông là con quỷ như đã xảy ra với cô em họ tôi. Và nếu ông cho phép tôi phát biểu ý kiến, tôi sẽ nói rằng ở đây chúng ta có đủ sách rồi. Ông có những hàng nghìn hàng vạn cuốn khiến ông phát điên, phát cuồng, còn tôi hai cuốn là đủ: cuốn *Sách kinh* và cuốn *Chị cấp dưỡng tâm thường*.

Nói thế xong chị quản gia giúp con người nhỏ bé nọ gói cất lại số hàng số xấu kia vào mảnh vải xanh.

Con người nhỏ bé Coccoz không cười nữa. Nét mặt ỉu xìu của anh tỏ ra đau khổ đến nỗi tôi lấy làm hồi hận đã chế giễu một con người đáng thương như vậy. Tôi gọi anh lại và nói tôi đã liếc thấy anh có một bản cuốn

Chuyện nàng Estelle và chàng Nemorin rằng tôi rất yêu những nam nữ chẵn cừu và tôi vui lòng mua với giá hợp lý cuốn chuyện hai người tình tuyệt vời kia.

- Tôi sẽ bán cho ông cuốn sách này một quan hai mươi lăm xu ông ạ – Coccoz trả lời tôi mặt mày rạng rỡ vui vẻ. – Đó là chuyện có thực và ông sẽ bằng lòng. Bây giờ tôi biết cái gì thích hợp với ông. Tôi thấy ông là một người thành thạo. Ngày mai tôi sẽ đem tới ông cuốn *Những tội ác của các giáo hoàng*. Đó là một tác phẩm hay. Tôi sẽ đem tới ông cuốn sách ông muốn mua với nhữn hình ảnh tô màu.

Tôi bảo anh đừng đả động gì đến chuyện đó và để anh thỏa mãn đi về. Khi tấm vải màu xanh biến mất với người bán hàng rong trong bóng tối hành lang, tôi mới hỏi chị quản gia anh chàng nhỏ bé tội nghiệp kia từ đâu rơi xuống.

- Đúng là rơi xuống – chị đáp. – Hẳn từ mái nhà rơi xuống, ông ạ, hẳn ở với vợ hẳn trên đó.

- Chị bảo hẳn có vợ phải không? Điều đó thật phi thường. Đàn bà là những người lạ lùng. Chị này hẳn phải là một người đàn bà hèn mọn tội nghiệp.

- Tôi không biết nhiều về chị ấy – chị Thérèse đáp – nhưng tôi thấy sáng nào chị ta cũng kéo lê trên cầu thang những chiếc áo lụa dài lốm đốm vết mỡ. Mắt chị ta sáng

ngời và theo lẽ công bằng, cặp mắt và những áo dài kia liệu có phù hợp với một phụ nữ được người ta thu nhận do lòng tự thiện? Trong khi sửa chữa lại mái nhà người ta bắt gặp họ ở tầng thượng, anh chồng thì ốm đau còn chị vợ đang mang bầu. Cả bà gác cổng sáng nay cũng bảo rằng chị ấy thấy đau đớn và đi nằm vào lúc đó. Dù sao họ cũng cần có một đứa con.

- Chị Thérèse – tôi đáp – dĩ nhiên họ chẳng thiết gì có con. Nhưng tạo hóa lại muốn họ sinh ra một đứa, phải có một sự khôn ngoan gương mẫu mới làm thất bại những mưu mẹo của tạo hóa. Phải thương xót họ, đừng chê trách họ. Còn về những áo lụa dài, không có người phụ nữ trẻ nào lại không thích. Những nàng con gái của bà Eve đều say mê trang sức. Cả chị, Thérèse, chị nghiêm trang và đứng đắn, thế mà khi thiếu một tấm tạp dề trắng để phục vụ bữa ăn, chị đã toáng lên như thế nào. Nhưng chị cho tôi biết, ở trên tầng thượng kia, họ có đủ đồ dùng cần thiết không?

- Thưa ông, làm sao họ có được. Cứ theo lời bà gác cổng nói với tôi, thì anh chồng, ông vừa gặp đó, là tay môi giới bán đồ nữ trang, nhưng không hiểu vì sao anh ta không bán đồng hồ quả quýt nữa. Bây giờ anh ấy bán sách lịch. Đó không phải là một nghề lương thiện và tôi không bao giờ tin rằng Chúa ban phúc lành cho một gã bán sách lịch. Còn mục vợ, nói riêng giữa chúng ta với nhau, có vẻ đôi với tôi là đồ vô dụng, là một con mẹ lẳng

lơ. Tôi tin rằng con mẹ này không thể như tôi, dạy nổi một thằng bé chơi đàn ghi ta. Không biết bọn họ từ đâu đến, nhưng tôi chắc rằng họ tới bằng thứ xe ngựa chở hàng cà tàng từ cái xứ sở Vô tư lự.

- Chị Thérèse, dù từ đâu đến, nhưng họ là những kẻ bất hạnh và tầng thượng nơi họ ở thật lạnh lẽo.

- Tất nhiên, mãi nhà bị bực võ nhiều chỗ, khi trời mưa nước chảy xuống thành rãnh. Họ chẳng có đồ đạc quần áo gì hết. Tôi nghĩ rằng thợ mộc và thợ dệt không làm cho đám con chiên loại đó.

- Điều đó rất đáng buồn, chị Thérèse ạ, và đây là một nữ tín đồ Cơ đốc không được cấp phát đầy đủ, kém hơn con Hamilcar không tín ngưỡng này. Chị ta có nói gì không?

- Thưa ông, tôi không bao giờ trò chuyện với bọn ấy.
– Tôi không hiểu ả nói gì cũng không biết ả hát gì. Nhưng ả hát cả ngày. Từ cầu thang, tôi đã nghe tiếng ả, khi tôi đi vào hay đi ra.

- Nay, cậu con trai của vợ chồng Coccoz có thể nói như thằng ngốc trong câu nói bóng bẩy của nông dân: “Mẹ tôi vừa hát vừa sinh ra tôi”. Henri VI cũng gặp chuyện như vậy. Khi Jeane d’Albret thấy đau đớn, nàng bắt đầu hát bài thánh ca xứ Bearn:

Lạy Đức bà ở đầu cầu

Hãy đến cứu giúp con giờ phút này!

Hãy cầu mong Đức Chúa trời

Người đỡ đỡ nhanh chóng cho con.

Người cho con một đứa con trai.

Tất nhiên sinh ra những kẻ bất hạnh là vô lý. Nhưng chị Thérèse tội nghiệp của tôi ơi, điều đó lại thường xảy ra, và tất cả những nhà triết học trên thế gian không đạt tới chỗ triệt bỏ được cái tập quán điên rồ này. Chị Coccoz đã theo tập quán này và chị ta đang hát. Thế là phải đây! Nhưng chị Thérèse này, hôm nay chị không nấu món thịt bò hầm chãng?

- Thưa ông, tôi đã nấu rồi và chỉ còn đi hút bột nữa thôi.

- Tốt lắm! Nhưng chị đừng quên múc ra một bát to nước dùng đem cho chị Coccoz là người lảng giềng hết sức gần gũi của chúng ta.

Chị quản gia sắp rút lui khi tôi nói thêm rất kịp thời:

- Chị Thérèse, trước hết xin chị gọi bảo người bạn chờ hàng của chị vào trong đồng củi nhà ta, lấy ra một bó to mang lên tầng thượng cho gia đình Coccoz, và chú ý đặt

vào bó củi một khúc lớn nhất, một khúc củi thực sự cho lễ Noel. Còn anh chàng nhỏ bé kia, nếu anh ta trở lại, xin chị lễ phép không cho anh ấy và tất cả những sách bìa vàng của anh ấy vào nhà.

Sau khi thu xếp xong những chuyện lật vặt này, với tính ích kỷ của một ông già độc thân, tôi trở lại tiếp tục đọc cuốn mục lục.

Thật bất ngờ, xúc động, bồi hồi xiết bao khi tôi thấy trong cuốn sách lời cước chú mà tôi không thể ghi lại không run tay:

Tập truyện thánh kỳ diệu của Jacques de Gênes (Jacques de Voragine) bản dịch tiếng Pháp.

“Bản thảo này ở thế kỷ 14, ngoài bản dịch khá đầy đủ tác phẩm nổi tiếng của Jacques de Voragine, gồm có: 1 – Truyện các thánh Ferreol, Ferrution, Germain, Vincent và Droctovée. 2 – Một bài thơ về tang ma huyền diệu Đức thánh Germain d’Auxerre. Bản dịch này, những truyện thánh này, và bài thơ này là của học giả Jean Toutmouillé.

“Tập bản thảo viết giấy vê lạnh, chứa đựng nhiều văn chương hoa mỹ và hai tiểu phẩm được thể hiện tinh tế nhưng bị bảo quản tồi: một miêu tả lễ *Thánh mẫu hiến đường*, còn tiểu phẩm kia miêu tả lễ *đăng quang của Prosepine*”.

Một phát hiện kỳ lạ đến thế! Trán tôi đổ mồ hôi, mắt tôi mờ đi. Tôi run lên. Tôi đỏ mặt không nói nên lời. Tôi thấy cần kêu to một tiếng.

Một vật quý đến thế! Từ bốn mươi năm tôi nghiên cứu nước Gaule Cơ đốc giáo và đặc biệt tu viện vinh quang cao cấp Saint-Germain-des-Prés này, từ đây xuất thân các vị vua tể tướng đã sáng lập ra triều đại quốc gia của chúng ta. Thế mà, mặc dầu việc diễn đạt còn kém cỏi có làm lỗi, đối với tôi, rõ ràng bản thảo này là từ tu viện lớn kia. Tất cả chứng minh cho tôi điều đó. Tất cả những tiểu thuyết do người dịch thêm vào đều liên quan tới việc thành kính sáng lập tu viện của vua Childebert. Truyện thánh Droctovée đặc biệt có ý nghĩa vì đó là truyện của vị trưởng tu viện đầu tiên của tu viện thân yêu của tôi. Bài thơ tiếng Pháp liên quan tới việc mai táng thánh Germain dẫn dắt tôi cả vào giữa nhà thờ lớn đáng tôn kính là cái rôn của nước Gaule Cơ đốc giáo.

Tập truyện thánh kỳ diệu tự nó là một tác phẩm quảng đại và thanh nhã. Jacques de Voragine, phụ tá cai quản dòng thánh Dominique và là tổng giám mục địa phận Gênes tập hợp vào thế kỷ 13 những truyền thuyết liên quan tới các vị thánh của giáo dân đạo Thiên chúa và lấy đó tạo thành một tập phong phú đến nỗi trong các tu viện và các cung điện người ta phải kêu lên: Đó là *Tập truyện thánh kỳ diệu*. *Tập truyện thánh kỳ diệu* phong

phú nhất về khoa thánh tích nước Ý. Những nước Gaule, những nước Đức, nước Anh ít có địa vị trong đó. Qua làn sương mù lạnh lẽo, Voragine chỉ thấy những bậc thánh vĩ đại nhất của phương Tây. Cho nên phải chăng những dịch giả các xứ Aquitaine, Germain và Saxe của tập truyện kỳ diệu đầy đủ này đã chú ý thêm vào tập truyện kể của họ cuộc đời các vị thánh nước họ...

Tôi đã đọc và kiểm tra kỹ các bản thảo “Tập truyện thánh kỳ diệu”. Tôi thuộc lòng những bản thảo do ông bạn đồng sự thông thái của tôi là Paulin mô tả, trong cuốn danh mục to lớn các bản thảo của thư viện nhà vua. Tôi chú ý đặc biệt hai bản thảo. Một viết vào thế kỷ 14 gồm bản dịch của Jean Belet; bản kia viết sau một thế kỷ là bản dịch của Jacques Vignay. Cả hai bản đều từ kho sách Colbert mà ra, và được người cán bộ thư viện Baluze chăm sóc đặt lên giá sách của gia đình Colbert vinh quang này, và tôi không thể đọc tên Baluze mà không ngả mũ xuống, bởi vì trong thế kỷ những nhà học thức uyên bác không lồ, Baluze khiến người ta kinh ngạc về sự vĩ đại của ông. Tôi biết một tập bản thảo hết sức lý thú của kho sách Bigot, tôi biết có bảy mươi tư lần in xuất bản, bắt đầu từ lần xuất bản in mẫu trân trọng bằng chữ gô-tích vùng Strasbourg, khởi sự năm 1471 đến năm 1475, mới xong. Nhưng không có một tập nào của các bản thảo này, không có một lần xuất bản nào này chứa đựng chuyện các thánh Ferreol, Ferrution, Germain Vincent và Droctovée, không có tập nào mang tên Jean

Toutmouillé, tóm lại không ai xuất thân từ tu viện Saint-Germain-dé-Prés. Tất cả cái gì là tỳ vết của vàng ngọc đều được ông Thompson mô tả trong bản thảo là quý giá. Chính mắt tôi thấy, tay tôi sờ một bằng chứng không thể bác bỏ sự tồn tại của tài liệu này. Nhưng chính tài liệu này tự nó sẽ trở thành cái gì? Ngài Thomas Raleigh kết thúc cuộc đời trên bờ hồ Coome, nơi đây ông đã mang đi một phần của cải quý giá của mình. Vậy thì những của cải này bay đi đâu, sau cái chết của con người thanh lịch thu nhập của quý này? Vậy thì tập bản thảo của Jean Toutmouillé bay đi đâu?

“Vì sao, tôi tự nhủ – vì sao tôi được biết cuốn sách quý giá kia đang còn, khi tôi không chiếm hữu nó, không thấy nó bao giờ? Tôi sẽ đi tìm nó giữa châu Phi nóng bỏng hay trong băng tuyết địa cực nếu tôi biết nó ở đây – Nhưng tôi không biết nó đang ở đâu. Tôi không biết có phải nó được giữ trong tủ sắt với ba lần khóa, bởi một anh chàng mê sách bo bo cất kỹ, tôi không biết có phải nó móc meo trong gác thượng của một tên dốt nát. Tôi run rẩy nghĩ rằng biết đâu những tờ sách của nó chẳng bị xé ra bọc những lọ dưa chuột của một bà nội trợ nào đó.

Ngày 30 tháng 8 năm 1862

Trời nóng bức làm chậm bước của tôi. Tôi lướt qua các bức tường những bên cạnh phía bắc và trong bóng mát những hiệu sách cũ, tranh ảnh và đồ đạc cũ làm vui mắt tôi và tôi trò chuyện với chúng trong tâm trí – Vừa tìm sách cũ vừa đi lững thững, tôi thường thức thoáng qua mấy câu thơ rất kêu của một thi sĩ nhóm Tao đàn, tôi liếc trộm một đám cưới giả trang duyên dáng của Watteau, tôi đưa mắt nhìn một kiếm khách, một tay cầm diềm mũ che cổ bằng thép, một tay cầm mũ quân nhân thời xưa. Trời đất ơi! Mũ gì mà dày thế! Áo giáp gì mà nặng thế! Quần áo của người không lò chăng? Không, đó là vỏ bảo vệ sâu bọ. Con người lúc ấy được bọc sắt như bọ hung. Sự yếu đuối của họ là ở phía trong và tâm hồn vũ trang của chúng ta tồn tại trong một thân thể bạc nhược.

Đây là tranh màu phần một phu nhân thời xưa, gương mặt mờ nhạt như bóng tối, mỉm cười và người ta thấy một bàn tay mang bao tay cặp nhật hờ ngón, đang giữ trên đầu gối nhẵn mịn một bàn chải nhung quấn băng. Hình ảnh này làm tràn ngập trong tôi một nỗi buồn thú vị. Mong rằng những ai không có trong tâm hồn một bức tranh màu phần nửa phần mờ nhạt hãy chế nhạo tôi đi.

Như đàn ngựa đánh hơi chuông, tôi bước vội khi gần tới nhà. Đây là tổ ong người mà tôi có một lỗ riêng để luyện thứ mật hơi hà khắc của học thức uyên bác. Tôi bước nặng nề lên cầu thang. Còn mấy bậc nữa thì tôi tới

cửa. Chưa thấy chị ta, nhưng tôi đoán một chiếc áo lụa dài nhàu nát đang bước xuống. Tôi dừng lại tránh sát vào lan can. Thiếu phụ sột soạt đi tới, đầu để trần; nàng còn trẻ, nàng hát, cặp mắt và hàm răng lóng lánh trong bóng tối vì nàng nhìn và mở miệng tươi cười. Chấn chấn là chị láng giềng quen thuộc nhất. Nàng bế một chú bé xinh đẹp trên tay, một chú bé trần truồng, như con trai một nữ thần, cháu mang ở cổ một ảnh tượng buộc vào một sợi dây chuyền nhỏ bằng bạc. Cháu đang bú tay và mở to hai mắt nhìn tôi như một thế giới cũ kỹ đối với cháu còn mới lạ. Người mẹ cũng nhìn tôi, vẻ bí hiểm và láu lỉnh, nàng đứng lại, đỏ mặt, theo tôi nghĩ, và chìa cậu bé về phía tôi. Thằng bé có cái ngấn đẹp giữa cổ tay và cánh tay, ở cổ cũng có một cái ngấn, và trên má lúm đồng tiền xinh đẹp tươi vui trên nước da hồng hào.

Người mẹ tự hào chỉ thằng bé với tôi.

- Thưa ông – nàng nói giọng du dương – thằng con trai bé bỏng của tôi đẹp lắm phải không ông?

Nàng vừa cầm tay con để lên miệng, rồi đưa về phía tôi những ngón tay xinh xắn hồng tươi vừa nói:

- Bé của mẹ, hôn ông đi nào. Ông tốt lắm, ông không muốn trẻ con phải rét. Hãy thơm ông một cái nào.

Và ghì chặt chú nhóc trong tay, nàng chạy thoát nhanh qua tôi như con mèo cái và đi sâu vào một hành lang mà

theo mùi vị thì thông tới nhà bếp.

Tôi về nhà.

- Chị Thérèse, người mẹ trẻ tôi gặp trên cầu thang đầu để trần với một thằng bé xinh đẹp kia là ai vậy?

Và chị Thérèse trả lời đó là chị Coccoz.

Tôi nhìn lên trần nhà như để tìm một chút ánh sáng.

Chị Thérèse nhắc tôi nhớ lại anh chàng bán hàng rong bé nhỏ năm ngoái đã đưa sách lịch đến cho tôi khi vợ anh ở cũ.

- Thế còn anh Coccoz? – Tôi hỏi.

Tôi được trả lời là tôi sẽ không bao giờ gặp lại anh ấy nữa. Anh chàng nhỏ bé tội nghiệp đã qua đời không lâu sau khi chị Coccoz sinh để mẹ tròn con vuông mà tôi và rất nhiều người khác không biết. Tôi được biết quả phụ đã khuây khỏa, tôi cũng như nàng.

- Nhưng chị Thérèse này – tôi hỏi – chị Coccoz không thiếu thốn gì trong tầng thượng của chị ấy chứ?

- Thưa ông, nếu ông quan tâm đến người đàn bà này thì ông sẽ dễ bị lừa quá. – Chị quản gia trả lời. – Mái tầng thượng đã được sửa chữa lại và người ta không cho chị ấy thuê nữa. Nhưng chị cứ ở lì đó, mặc dù viên quản

lý, người gác công, và nhân viên phục vụ không muốn. Tôi tin rằng chị đã bỏ bùa mê tất cả bọn họ. Thưa ông, chị sẽ ra khỏi tầng thượng khi nào chị thích, nhưng chị sẽ đi ra bằng xe ngựa bốn bánh. Tôi đoán chắc với ông như vậy.

Chị Thérèse suy nghĩ một lúc rồi đọc câu châm ngôn này:

- “Một gương mặt xinh đẹp là một tai họa trời giáng”.

Dù biết rằng chẳng nghi ngờ gì, chị Thérèse vốn xấu xí và không có mọi vui thú từ thời son trẻ, tôi lắc đầu và nói với chị một cách hiềm độc đáng ghét:

- Ồ, chị Thérèse, tôi được biết chị cũng có một thời có bộ mặt xinh đẹp. Không nên thử thách người nào trên đời, dù là bậc thánh nhân nhất.

Chị Thérèse nhìn xuống đáp:

- Không được người ta coi là xinh đẹp, tôi không bực mình, và nếu muốn, tôi sẽ hành động như người khác.

- Vậy thì ai dám nghi ngờ điều đó. Nhưng hãy đi lấy gậy và mũ cho tôi. Để giải trí, tôi sẽ đi đọc vài trang của Moréri – Nếu tôi tin vào tài đánh hơi cáo già của tôi, thì chúng ta sẽ ăn trưa một con gà mái tơ vỗ béo thơm ngon. Chị ơi, chị lo cho món gia cầm giá trị này và đối xử rộng

lượng với đồng loại để họ rộng lượng với chúng ta, với chị và ông chủ già nua của chị.

Nói xong như vậy, tôi chăm chú theo dõi những chi phái rườm rà của một phổ hệ hoàng tộc.

Ngày 7 tháng 5 năm 1863

Tôi qua mùa đông theo sở thích của những nhà hiền triết ở *một xó xinh với cuốn sách nhỏ*, và đây những cánh chim én trên bến Malaquais tìm thấy tôi khi chúng trở về cũng gần như khi chúng rời bỏ tôi. Ai sống lâu thì ít thay đổi và hầu như chỉ sử dụng đời mình vào những chủ đề cũ.

Nhưng hôm nay, hơn bao giờ hết, tôi cảm thấy thấm thía một ít về nỗi buồn mơ hồ này do cuộc đời gây ra. Cái vốn hiểu biết của tôi được tích lũy (tôi không dám thú nhận điều này với chính tôi) bị rối tung từ thời điểm đặc biệt khi tôi phát hiện sự tồn tại bản thảo của Jean Toutmouillé.

Thật lạ, vì một vài tờ giấy súc cũ kỹ mà tôi không ngủ được, nhưng sự thực là như vậy. Người nghèo không tham vọng là có món tài sản vĩ đại nhất, hẳn tự kiềm chế được mình, còn người giàu mà thêm muốn thì chỉ là một tên nô lệ khốn khổ. Tôi là tên nô lệ đó. Những thú vui thanh đạm nhất, cái thú chuyện trò với một người có trí

tuệ ưu việt và ôn hòa, cái thú được ăn tối với một anh bạn thân không làm tôi quên được tập bản thảo mà tôi không có, khi vui cũng như buồn, tôi đều nhớ nó.

Tôi nhớ lại những ước ao thuở bé. Ngày nay tôi mới hiểu những sự thèm muốn thở hoa niên là ghê gớm biết bao nhiêu.

Tôi thấy lại một cách chính xác lạ lùng con búp bê trưng bày trong một cửa hàng tồi tàn phố Seine. Tôi không hiểu làm sao mà tôi lại thích con búp bê này. Thuở ấy tôi rất tự hào là một chàng trai; tôi khinh thường những thiếu nữ nhỏ bé và tôi nóng lòng chờ đợi cái dịp (than ôi! dịp ấy đã đến) râu nhọn mọc tua tủa trên cằm. Tôi chơi trò đóng vai người lính, để nuôi con ngựa gỗ, tôi đã phá hoại cây cối mà người mẹ tội nghiệp của tôi trông gần cửa sổ. Tôi cho đó là những trò chơi hùng dũng! Ấy thế mà tôi lại thèm một con búp bê. Những kẻ rất khỏe cũng có nhược điểm này. Ít ra thì con búp bê tôi thích cũng đẹp đấy chứ? Không. Tôi còn gặp nó. Nó có một vết đỏ son ở mỗi bên má, hai cánh tay mềm mại và ngắn, hai bàn tay dễ sợ bằng gỗ, và cặp chân dài xoạc ra. Váy hoa của nó dính vào thắt lưng bằng hai cây kim găm. Tôi còn thấy hai đầu đen của hai cây kim găm. Đây là một con búp bê thô kệch có vẻ dân ngoại ô. Tôi nhớ rõ rằng dù còn hoàn toàn là một thằng nhóc, chưa dùng nhiều quần cụt, tôi cảm thấy theo cách của tôi, nhưng rất nhanh chóng rằng con búp bê này không duyên dáng,

không đoan trang; rằng cô nàng thô lỗ hung tợn. Nhưng mặc dù vậy tôi vẫn yêu nàng, vì thế mà tôi yêu nàng. Tôi chỉ yêu nàng. Tôi thích nàng. Đám lính tráng và bọn đánh trống của tôi đối với tôi không ra gì nữa. Tôi không cho ngựa gỗ ăn cành vòi voi và cành huyền sâm. Con búp bê này là tất cả đối với tôi. Tôi nghĩ ra những mưu mẹo thô lỗ để buộc chị đầy tớ Virginie đi với tôi đến trước cửa hàng bé nhỏ phố Seine. Tôi áp sát mũi vào tủ kính và người ở gái phải lấy tay kéo tôi ra. “Cậu Sylvestre, muộn rồi, mẹ sẽ mắng cậu đấy”. Cậu Sylvestre lúc ấy rất coi thường những người rầy la và những trận đòn. Nhưng người ở gái nhắc bồng cậu lên như một cái lông, thế là cậu Sylvestre chịu thua sức mạnh. Từ đó, với tuổi tác, cu cậu đâm ra hư hỏng không biết sợ, không sợ gì hết.

Tôi khổ sở. Một sự xấu hổ nông nổi nhưng không thể cưỡng lại, ngăn cản tôi thú thật với mẹ, đối tượng yêu thương của tôi. Từ đó tôi rất đau khổ. Trong mấy ngày cô nàng búp bê luôn luôn hiện ra trong trí tôi, nhảy múa trước mắt tôi, chăm chăm nhìn tôi, dang hai tay ra, để lại trong trí tưởng tượng của tôi một thứ lối sống khiến cô nàng đối với tôi bí hiểm và dễ sợ nhưng lại thân thiết và đáng ao ước hơn nữa.

Cuối cùng, một ngày nọ, ngày tôi không bao giờ quên, người hầu gái dắt tôi tới nhà bác tôi là đại tá Victor, bác mời tôi đến ăn trưa. Tôi rất khâm phục bác đại tá, vì bác

đã bắn viên đạn Pháp cuối cùng ở trận Waterloo hơn là vì tự tay bác soạn món bánh mì xát tỏi, đặt vào món rau diếp xoắn sống trên bàn ăn của mẹ tôi. Tôi thấy chuyện đó đẹp đẽ quá. Bác Victor cũng khiến tôi quý mến biết bao với những áo giáp có nẹp và nhất là bằng cách nào đó làm cho cả nhà rối rít khi bác vào. Mãi tới ngày nay, tôi không biết sợ gì nhiều nhưng tôi khẳng định rằng không biết bác xử trí thế nào mà trong một cuộc hội nghị vài chục người, người ta chỉ thấy và nghe bác mà thôi. Người cha tuyệt vời của tôi, theo ý tôi, không chia sẻ sự khâm phục của tôi đối với bác Victor, với tàu thuốc lá của mình, bác quấy rầy cha tôi, buộc tội cha tôi thiếu nghị lực. Mẹ tôi vừa giữ sự độ lượng của cô em, vừa thỉnh thoảng khuyên bác bớt vuốt ve những bình rượu trắng. Nhưng tôi không tham gia vào những chuyện chán ghét đó cùng những lời chê trách đó và bác Victor truyền cho tôi lòng nhiệt thành trong sáng nhất. Vậy nên với một niềm kiêu hãnh, tôi bước vào căn nhà bé nhỏ của bác ở phố Guénégaud. Tất cả thức ăn trưa gồm thịt lợn ướp và kẹo mút đã đặt trên chiếc bàn một chân nơi góc bếp.

Bác đại tá tặng cho tôi bánh ngọt và rượu vang nguyên chất. Bác nói với tôi bao nhiêu chuyện bất công mà bác là nạn nhân. Nhất là bác than phiền những người Bourbons, bác không chú ý cho tôi biết những người Bourbons là ai, nên tôi không hiểu vì sao bọn Bourbons là những tên buôn ngựa ở Waterloo. Bác chỉ ngừng nói

đề rót rượu cho hai bác cháu, thêm vào bác buộc tội nhiều thằng oắt con mà đã lên mặt, là đồ tòi, đồ vô dụng mà tôi chẳng biết gì cả và cũng hết sức ghét. Lúc ăn tráng miệng, tôi tưởng chừng nghe ai nói với bác đại tá rằng cha tôi là người bị thiên hạ xỏ mũi, nhưng tôi không chắc chắn lắm là mình đã hiểu. Tôi nghe ù tai và cái bàn một chân dường như đang nhảy múa. Bác tôi mặc áo rơ-danh-gốt có nẹp, đội mũ loe chỏm và chúng tôi xuống đường phố mà tôi thấy có vẻ thay đổi khác thường. Đường như lâu lắm tôi chưa đến đây. Tuy nhiên khi chúng tôi ở trên đường phố Seine tôi bỗng nghĩ tới con búp bê của tôi và thấy hứng khởi lạ. Đầu óc tôi bị kích động. Tôi quyết định thử thực hiện một hành động đột ngột liều lĩnh phi thường. Chúng tôi đã qua trước cửa hàng; con búp bê vẫn ở sau mặt kính, má đỏ, váy hoa và hai chân to lớn.

- Bác ơi – tôi gọi lớn – bác có muốn mua cho cháu con búp bê này không? và tôi chờ đợi.

- Mẹ kiếp! Mua búp bê cho một trang nam nhi! – Bác tôi kêu lên như sấm vang. – Vậy là cháu muốn làm ô danh cháu sao? Và con đàn bà lẳng lơ kia còn làm cho cháu thêm muốn à. Này anh chàng ngây ngô, bác khen cháu đấy. Nếu cháu không bỏ những sở thích đó và nếu ở tuổi hai mươi cháu chọn những con búp bê của cháu như hồi lên mười, cháu sẽ ít vui thú trong đời. Bác báo trước cho cháu điều đó, bạn bè cháu sẽ bảo cháu là thằng

khờ có tiếng. Hãy đòi hỏi ở bác một thanh kiếm, một khẩu súng. Chàng trai của ta ạ, bác sẽ mua cho cháu các thứ đó với đồng ê quy trắng cuối cùng từ số tiền trợ cấp hưu trí của bác. Nhưng mua cho cháu một con búp bê, chết chửa, để cho bác hết sức xấu hổ hay sao? Không đòi nào! Nếu bác thấy cháu chơi với một con bé lẳng lơ ăn mặc như con này, thì thưa ông con trai của cô em tôi ơi, tôi sẽ không thừa nhận ông là cháu của tôi nữa.

Nghe thế, tôi đau lòng đến nỗi niềm tự hào, một niềm tự hào quý quái ngăn chặn tôi khóc một mình.

Bác tôi, bỗng bình tĩnh, trở lại suy nghĩ về những người họ Bourbons nhưng tôi vẫn còn chịu cơn phẫn nộ của bác, tôi cảm thấy một sự xấu hổ khó tả. Tôi nhanh chóng quyết định. Tôi tự hứa không được ô danh của mình, tôi kiên quyết mãi mãi từ bỏ con búp bê má hồng. Ngày hôm ấy tôi mới biết mùi vị dịu ngọt khắc khổ của sự hy sinh.

Bác đại tá, nếu quả sinh thời, bác nguyên rủa như một kẻ nghịch đạo, bác tức giận như một người gác cổng, và uống rượu như một người thổi kèn, tuy vậy bác vẫn được tiếng thơm, không những chỉ vì bác là một người dũng cảm, mà còn là vì bác đã phát hiện cho thằng cháu còn mặc quần ngắn của bác, ý thức về chủ nghĩa anh hùng. Bác Victor của cháu ơi! Tính kiêu hãnh và thói lười biếng đã làm cho bác gần như không ai chịu nổi,

nhưng một trái tim vĩ đại đã đập dưới những nếp áo rơ-đanh-gốt của bác. Cháu nhờ bác có đeo một hoa đóa hoa hồng ở lỗ khuy áo mà bác rất vui lòng chìa ra cho các cô bán hàng, đóa hoa nơi trái tim vĩ đại cởi mở, rung cánh trước gió, là tượng trưng của thời thanh xuân vinh quang của bác. Bác không xem khinh rượu, cũng không xem khinh thuốc lá, nhưng bác xem khinh cuộc sống. Bác đại tá oi, thiên hạ không thể học được ở bác về lương tri cũng như về sự khó tính, nhưng bác đã cho cháu, ở cái tuổi phải được người ở gái hỉ mũi cho, một bài học về danh dự và sự hy sinh mà cháu không bao giờ quên.

Bác yên nghỉ từ lâu trong nghĩa trang Montparnasse, dưới một tấm đá lát xoàng xĩnh mang văn bia sau đây:

Ở đây yên nghỉ

Aristide Victor Maident

Đại tá lục quân

Người được thưởng Bắc đẩu bội tinh hạng năm

Nhưng bác đại tá oi, đó không phải là câu khắc trên bia mộ bác dành cho năm xương tàn của bác đã từng lăn lộn trên chiến trường và trong những chôn ăn chơi. Người ta tìm thấy trong giấy tờ của bác, văn bia cay đắng và đáng tự hào này, mặc dù lời trời trắng của bác, người ta không dám ghi trên bia mộ:

Ở đây yên nghỉ

Một kẻ cướp vùng Loire

- Chị Thérèse ngày mai chúng ta sẽ đem một vòng hoa cúc trường sinh đặt trên mộ tên kẻ cướp vùng Loire^[1].

Nhưng chị Thérèse không có đây. Và tại sao chị sẽ đứng gần tôi trên bồn tròn ngã tư đại lộ Deschamps Elysées? Ở đây tại đầu đại lộ, cổng Khải Hoàn mang dưới các vòm tên tuổi các chiến hữu của bác Victor, mở cánh cửa không lồ lên trời. Dưới mặt trời xuân, cây cối trên đại lộ phô những lá non còn nhọt nhạt yếu chịu rét. Bên cạnh tôi, những chiếc xe ngựa mui gập chạy về phía rừng Boulogne. Tôi tiếp tục đi dạo trên con đường trần tục này và vô tình dừng lại trước một cửa hàng ngoài trời bán bánh có gia vị và những lọ nước cam thảo nút lại với một quả chanh. Một thằng bé khốn khổ quần áo rách rưới để lộ lớp da nứt nẻ, mở to hai mắt trước những cửa ngon ngọt xa hoa không phải dành cho nó. Nó tỏ vẻ thèm muốn một cách ngây thơ sỗ sàng. Cặp mắt tròn và chăm chú của nó lặng ngắm lão bán bánh gia vị có thân hình cao lớn. Đó là một ông tướng, hơi giống bác Victor. Tôi túm lấy lão, trả tiền cho lão và dẫn lão tới thằng bé tội nghiệp không dám chạm tay vào lão, bởi vì do một kinh nghiệm sớm phát triển, nó không tin vào hạnh

phúc. Nó nhìn tôi với dáng vẻ những con chó to lớn như muốn nói lên rằng: “Ông thật tàn ác khi chế nhạo tôi”.

- Nay, thằng nhóc ngốc nghếch – tôi bảo nó với giọng bình thường – hãy cầm lấy, cầm lấy mà ăn, bởi vì vào cái tuổi này, tao cũng chẳng sung sướng gì hơn, mày có thể thỏa mãn những ham thích của mày mà không bị ô danh. Và bác, bác Victor, ông tướng bán bánh gia vị này đã gọi cháu nhớ lại gương mặt hùng dũng của bác, hồi vong linh vinh quang của bác, hãy đến giúp cháu quên đi con búp bê khác của cháu. Chúng cháu mãi mãi là trẻ con, chúng cháu không ngừng cố đuổi theo những đồ chơi mới lạ.

Cùng ngày

Tôi nghĩ kỳ lạ nhất là gia đình Coccoz lại có quan hệ với nhà học giả Toutmouillé.

- Chị Thérèse – tôi vừa nói vừa buông mình xuống ghế bành – chị cho tôi biết có phải là thằng nhóc Coccoz khỏe mạnh, đã mọc răng sữa phải không? Và chị hãy cho tôi đôi giày vải!

- Thưa ông, nó đã mọc răng từ lâu – chị Thérèse đáp – nhưng tôi chưa thấy răng nó. Vào một ngày đầu xuân đẹp trời, người mẹ đã cùng thằng bé biến mất, bỏ lại đồ đạc và quần áo. Người ta tìm thấy ở tầng thượng, ba

mười tám lọ sáp xức tóc rỗng không. Điều này quá sức tưởng tượng, nhưng dù sao vào giờ phút này ông vẫn nghĩ rằng chị không ở trong một tu viện nào của nữ tu sĩ. Người cháu gái của bà gác cổng nói đã gặp chị ấy đi xe ngựa mui gặp trên các đại lộ – Tôi đã nói rõ với ông rằng chị ấy sẽ hư hỏng mà.

- Chị Thérèse – tôi đáp – người thiếu phụ ấy không trở nên xấu cũng không trở nên tốt. Hãy đợi chị ta kết thúc cuộc đời mới nên phán xét. Và hãy coi chừng nói năng quá nhiều ở nhà bà gác cổng. Chị Coccoz mà tôi đã gặp một lần ở cầu thang có vẻ rất quý con. Ta phải coi trọng tình thương đó của chị ấy.

- Thừa ông, về điều đó, thằng bé không thiếu gì hết. Người ta sẽ không tìm ra đâu được trong cả phường này một kẻ nào được nhồi nhét thức ăn tốt hơn, được chải chuốt tốt hơn, được nuông chiều tốt hơn như nó. Trong tất cả những ngày do Chúa tạo ra, mẹ nó đeo dải yếm trắng cho nó và hát từ sáng tới tối các bài ca khiến thằng bé cười vui.

- Chị Thérèse này, một nhà thơ viết: “Trẻ em không được mẹ mỉm cười với mình thì không xứng đáng với cái bàn của các thần, cũng không xứng đáng với cái giường của các nữ thần”.

Ngày 8 tháng 7 năm 1863

Được biết người ta từ chối lát đá bàn thờ Đức Mẹ trong nhà thờ Saint-Germain-des-Prés, tôi đến giáo đường, hy vọng tìm ra một vài câu khắc mà những người thợ còn để trống.

Tôi không làm – kiến trúc sư chỉ cho tôi một hòn đá ông đặt vào tường làm nền. Tôi quỳ xuống để đọc câu khắc trên tấm đá này và trong bóng tối của hậu cung cổ kính, tôi khe khẽ đọc những dòng chữ sau đây nó làm cho tim tôi rung động.

“Ở đây yên nghỉ Jean Toutmouillé, tu sĩ nhà thờ này đã nhờ lấy bạc tra vào cầm thánh Vincent, thánh Amant và chân các thánh hài, là người sinh thời luôn luôn trung thực và dũng cảm. Xin hãy cầu nguyện cho linh hồn ông”.

Tôi lấy khăn tay lau nhẹ lớp bụi đã làm bẩn phiến đá lát kỷ niệm người quá cố. Tôi muốn hôn phiến đá.

- Chính ông ta, chính là Jean Toutmouillé – Tôi kêu lên và từ trên vòm cao, cái tên này như bị tan vỡ vang dội trở lại xuống đầu tôi.

Gương mặt nghiêm trang lạnh lẽ của người trông coi nhà thờ đang tiến về phía tôi làm cho tôi hổ thẹn về lòng nhiệt thành của mình, và tôi chạy trốn qua hai binh khí

bắt chéo chữ thập vào ngực tôi, giữa hai kẻ sùng đạo đôi địch.

Thế nhưng đúng là ông Jean Toutmouillé của tôi. Không nghi ngờ gì nữa; người dịch “Tập truyện thánh kỳ diệu”, người sáng tạo ra cuộc đời của thánh Germain, Vincent, Ferréol và Droctovée, như tôi nghĩ, là một tu sĩ tốt, sùng đạo và hào phóng biết bao nhiêu! Nhưng phải chăng có thể không bao giờ tôi biết được tác phẩm của ông hay là sự phát triển mới mẻ này chỉ làm tăng thêm những nỗi luyến tiếc của tôi.

Ngày 20 tháng 8 năm 1869

- Ta, kẻ làm vừa lòng một vài người, kẻ thử thách mọi người, là niềm vui của người tốt, là nỗi khiếp sợ cho người ác, ta, kẻ làm nên và phá bỏ sai lầm, ta nhận trách nhiệm dang đôi cánh ra. Đừng xem ta như một tội phạm, nếu ta bay nhanh lướt qua trên những năm tháng.

Ai nói như thế? Đó là một ông già mà tôi biết rõ, đó là vị Thần Thời gian.

Shakespeare, sau khi viết xong hồi thứ ba “*Chuyện mùa đông*” thì dừng lại cho cô bé Perdita có thì giờ trưởng thành về khôn ngoan và sắc đẹp và khi ông mở lại sân khấu, ông gọi lại nghệ thuật cổ Portefaux để giải

thích cho khán giả những ngày dài dằng dặc đè nặng trên đầu anh chàng ghen tuông Leontes.

Như Shakespeare trong hài kịch của ông, tôi để trong nhật ký này một khoảng cách dài trong quên lãng và theo gương nhà thơ, tôi nhớ đến Thần Thời gian để giải thích sự bỏ sót sáu năm. Quả nhiên đã sáu năm nay, tôi không viết một dòng nào trong cuốn vở này, và than ôi! Khi cầm bút trở lại, tôi không phải diễn tả một nàng Perdita lớn lên, duyên dáng. Thời hoa niên và sắc đẹp là những bạn gái trung thành của thi nhân. Những bóng ma kiêu diễm này hầu như không đến thăm chúng tôi, khoảng thời gian một mùa. Chúng tôi không biết định hình họ, mà vong linh nàng Perdita nào đó dám đi qua đầu óc tôi, nàng sẽ giận dữ kinh khủng về hàng đồng giấy tờ khô đét. Sung sướng thay các thi nhân! Tóc bạc của họ không làm cho những hình bóng phảng phất của Hélène, những Francesca, những Juliette, những Julie và những Dorothee hoảng sợ! Và chỉ một cái mũi của Sylvestre Bonnard sẽ tâu tán tất cả đám đông phụ nữ đa tình.

Như người khác, tôi cũng cảm cái đẹp; thế nhưng tôi nghiệm thấy vẻ duyên dáng huyền bí mà tạo hóa khó hiểu đã gieo rắc trên những hình thể có linh hồn; một mẫu đất sét sống đem lại cho tôi sự rung động tạo thành những người yêu và những nhà thơ. Nhưng tôi không biết yêu cũng không biết hát. Trong tâm hồn tôi chất đầy

một mớ lộn xộn những văn bản cũ và những công thức cũ, tôi nhận ra trên tầng thượng một gương mặt sáng sủa với đôi mắt màu hoa cà nhạt như một tiểu họa... Đây anh bạn Bonnard của tôi, anh là một kẻ điên rồ già nua. Hãy đọc bản danh mục kia do người bán sách ở Florence gửi cho anh sáng hôm nay. Đó là danh mục những bản thảo và y hứa sẽ liệt kê cho anh một số tài liệu đáng chú ý được những kẻ hiếu kỳ ở Ý và ở Sicile bảo quản. Đó là điều hợp với anh và anh trúng tủ rồi đây!

Tôi đọc, tôi kêu lên một tiếng. Con Hamilcar với tuổi tác nhiệm phải tính trịnh trọng khiến tôi rụt rè e sợ, nhìn tôi có vẻ trách móc và hỏi tôi có phải sự nghỉ ngơi là của thế giới này, mà nó không thể hưởng được bên cạnh tôi già nua như nó.

Trong niềm vui do sự phát hiện của tôi, tôi cần một kẻ tâm tình, và tôi nói chuyện với con Hamilcar lặng lẽ này, tỏ ra là một kẻ sung sướng tràn trề.

- Không, Hamilcar, không, sự nghỉ ngơi không phải của thế giới này và sự yên tĩnh mà mày khao khát xung khắc với công việc của cuộc đời. Và ai bảo mày rằng chúng ta già? Hay nghe điều ta đọc trong danh mục này và sau đó hãy nói lên có phải đã đến lúc nghỉ ngơi chưa.

Tập truyện thánh kỳ diệu của Jacques de Voragine, bản dịch tiếng Pháp thế kỷ 14 do tu sĩ Jean Toutmouillé.

“Bản thảo tuyệt vời được tô điểm bằng hai bức tiểu họa chế tác phi thường được bảo quản hoàn hảo, một bức thể hiện lễ *Thánh mẫu hiến đường*, còn bức kia thể hiện *lễ đăng quang của Prosepine*”.

“Theo sau tập *Truyện thánh kỳ diệu* người ta tìm thấy truyện thánh Ferreol, Ferrution, Germain và Droctovée, 28 trang, và đám tang lạ thường của ngài Saint Germain d’Auxerre 12 trang.”

“Tập bản thảo quý giá này thuộc bộ sưu tập của ngài Thomas Raleigh hiện được cất giữ trong tủ nhiều ngăn của ông Michel Angelo Polizzi ở thành phố Girgenti”.

Hamilcar, mày hiệu chữ, Tập bản thảo của Jean Toutmouillé đang ở đảo Sicile, tại nhà Michel-Angelo-Polizzi. Có thể con người này yêu thích các nhà bác học. Ta sẽ viết cho ông ấy.

Điều này tôi làm ngay. Trong thư, tôi yêu cầu ngài Polizzi chuyển giao cho tôi bản thảo của tu sĩ Toutmouillé và nói với ông rằng tôi dám nghĩ mình xứng đáng được một ân huệ như thế với bất kỳ danh nghĩa gì. Đồng thời tôi đề ông sử dụng một số nguyên văn chưa xuất bản, không phải là không lý thú, tôi có trong tay. Tôi yêu cầu ông giúp tôi trả lời ngay và dưới chữ ký của tôi, tôi ghi tất cả mọi danh hiệu danh dự của mình.

- Ông ơi, ông ơi! Ông chạy đi đâu thế? – Chị Thérèse bước xuống cầu thang đuổi theo tôi bốn bậc một lúc, tay cầm cái mũ của tôi, lo sợ kêu lên.

- Tôi đi bỏ một cái thư ở bưu điện.

- Trời ơi! Đâu được chuồn đi mà đầu trần như thằng điên như thế.

- Tôi điên. Nhưng ai không điên?

- Ông ơi, còn găng tay, còn ô của ông nữa!

Tôi đã ở chân cầu thang mà còn nghe tiếng chị kêu ca than vãn.

Ngày 10 tháng 10 năm 1869

Tôi sốt ruột không chịu được, chờ thư trả lời của ông Michel Angelo Polizzi. Tôi đứng ngồi không yên, đi lại bồn chồn, tôi giở sách ra rồi gấp lại, âm ỉ. Một hôm tôi lấy khuỷu tay lật nhào một tập của Moréti. Con Hamilcar đang liếm lông bỗng dừng lại, gác chân lên tai, nhìn tôi với con mắt giận dữ. Phải chăng có lẽ nó nghĩ tới cảnh náo động này xảy ra dưới mái nhà tôi? Chúng ta đã chẳng thỏa thuận ngầm sống một cuộc thanh bình đó sao? Tôi đã hủy bỏ điều ước này.

- Nay người bạn tội nghiệp của ta – tôi trả lời nó – Ta đang bị một đục vọng dữ dội giày vò, dẫn dắt. Đục vọng là kẻ thù của nghỉ ngơi. Ta thừa nhận điều này, nhưng không có nó thì trên đời này, không còn công nghiệp, không có nghệ thuật. Mọi người sẽ ngủ trần truồng trên đồng phân bón ruộng, và Hamilcar, mày sẽ không được ngủ suốt ngày trên gối lụa trong thư viện này.

Tôi không trình bày sâu hơn cho Hamilcar, học thuyết về đục vọng, vì chị quản gia đem đến cho tôi một phong thư. Phong thư dán tem từ thành phố Naples, thư viết:

Ngài tôn kính.

Quả là tôi có bản thảo vô song “Tập truyện thánh kỳ diệu”. Nó không thoát khỏi sự chú ý tinh tường của ngài. Những lý do chủ yếu không thể cãi, không cưỡng nổi ngăn cản tôi từ bỏ nó dù chỉ trong một ngày, một phút. Nhưng sẽ là một niềm vui, một vinh dự cho tôi được chuyển giao nó cho ngài tại căn nhà tầm thường của tôi ở Girgenti mà sự có mặt của ngài sẽ tô điểm và làm cho rạng rỡ, thưa ngài viện sĩ, trong khi nóng lòng chờ đợi ngài đến, cho phép tôi được kính cẩn chào ngài.

Michel Angelo Polizzi

Nhà buôn rượu vang và nhà khảo cổ học ở Girgenti (Sicile).

Vậy thì, tôi sẽ đi Sicile.

“Arethusa, hãy cho tôi được hoàn thành sự nghiệp cuối cùng này”.

Ngày 25 tháng 10 năm 1869

Tôi đã quyết định và mọi sự thu xếp đã xong, tôi chỉ còn báo cho chị quản gia. Thú thật rằng tôi do dự lâu mới báo cho chị sự ra đi của tôi. Tôi sợ chị can ngăn chế nhạo, quở trách, khóc lóc. “Đó là một chị phục vụ trung hậu”, tôi tự nhủ, chị gắn bó với tôi, chị sẽ giữ tôi lại và chỉ có Chúa mới hiểu rằng khi chị đã muốn gì thì lời nói, cử chỉ và tiếng kêu la ít có tác dụng can ngăn được chị. Trong trường hợp này, chị sẽ cầu cứu với bà gác cổng, với anh thợ săn nhà, với bà trái đẽm, với bảy cậu con trai của bác bán rau quả, họ sẽ quỳ xuống vòng tròn dưới chân tôi để mà khóc lóc và trở nên bất nhã đến nỗi tôi phải chịu thua để họ đừng quấy rầy nữa.

Những hình ảnh khủng khiếp, những giấc mộng bệnh hoạn mà mỗi e ngại tập hợp lại trong trí tưởng tượng của tôi là như vậy đó. Phải, sự e ngại, sự e ngại dồi dào như một nhà thơ đã nói, để ra những quái vật này trong đầu óc tôi. Bởi vì, tôi thú nhận điều đó trong những trang riêng tư này; tôi sợ chị quản gia. Tôi hiểu rằng chị biết tôi yếu đuối, và điều đó tức bỏ mọi can đảm của tôi,

trong các cuộc đấu tranh thường xuyên đó, tôi luôn luôn chịu thua.

Nhưng dù sao, cũng phải báo cáo chị Thérèse biết chuyến đi của tôi. Chị ôm củi đến thư viện để châm chút lửa, “một ngọn lửa thôi”, chị bảo. Vì các buổi sáng đều hơi lạnh. Tôi liếc mắt quan sát chị trong khi chị ngồi xồm dưới tấm che lò sưởi. Lúc bấy giờ, tôi không rõ sự can đảm của tôi từ đâu tới, nhưng tôi không do dự. Tôi đứng dậy đi dọc ngang trong phòng:

- À này – tôi lên tiếng nhẹ nhàng, với điệu bộ bạo dạn ở những kẻ nhất gan. – À này, chị Thérèse, tôi đi Sicile đây.

Nói xong, tôi chờ đợi, rất lo lắng. Chị Thérèse không đáp lại. Đầu chị và cái mũ trùm đầu to rộng của chị giấu kín trong lò sưởi, tôi nhận thấy ở người chị không thể hiện một chút xúc cảm nào. Chị ấn thanh củi nhỏ dưới mấy khúc gỗ, thế thôi.

Sau cùng, tôi nhìn lại gương mặt chị, gương mặt thản nhiên, thản nhiên đến nỗi làm cho tôi tức giận.

Chị phục vụ già này thật là không tâm lý. Tôi nghĩ bụng, chị để tôi ra đi mà không nói một lời “chao ôi”. Vậy, phải chăng chị cho là ông chủ già nua của chị vắng nhà không lâu mấy.

- Thưa ông, ông cứ đi – cuối cùng chị nói – nhưng xin ông trở về lúc sáu giờ. Hôm nay chúng ta có một món ăn nóng không chờ được.

Naples, ngày 10 tháng 11 năm 1869

“Với ba xu mà ăn uống và rửa mặt”

- Này anh bạn, tôi hiểu, với ba xu, tôi có thể ăn, uống và rửa mặt tấp tểnh, với một lát dưa hấu bày trên chiếc bàn con. Nhưng những thành kiến phương Tây không cho phép tôi thưởng thức khá thật thà sự khoái trá mộc mạc này. Đêm ở Santa Lucia sáng sủa và ồn ào làm sao! Quả cây xếp cao thành đống như núi trong các cửa hàng được các đèn lồng nhiều màu chiếu sáng. Trên các lò đốt lửa lộng gió, nước sôi trong vạc và món cá rán xèo xèo trong chảo. Mùi cá rán, mùi thịt nóng sốt kích thích khứu giác làm cho tôi hắt hơi. Trong hoàn cảnh này, tôi nhận thấy chiếc khăn tay của tôi đã rời khỏi túi áo rơ-đanh-gốt. Tôi bị đám đông vui vẻ nhất, ba hoa nhất, lạnh lợi nhất, khôn khéo nhất có thể hình dung được, xô đẩy, nhấc bổng lên và xoay tròn bốn phía, và đây đúng là một chị bạn trẻ đứng sau tôi ba bước, trong lúc tôi chiêm ngưỡng mái tóc đen tuyệt vời của chị, thì bằng một cái hích vai mềm dẻo và có hiệu quả, không làm thiệt hại gì đến tôi, ném tôi vào vòng tay một gã ăn mì ống vừa mỉm cười, vừa tiếp đón tôi.

Tôi đang ở thành phố cảng Naples. Làm thế nào mà tôi đến đó với một ít hành lý, còn lại, chẳng ra hình thù gì, bị cắt xén mà tôi không thể giải thích được với lý do chính tôi cũng chẳng hiểu ra làm sao. Tôi đi đây, đi đó trong tâm trạng hốt hoảng liên miên và tôi tin chắc rằng, chốc nữa, ở nơi đô thị sáng sủa này tôi sẽ có bộ mặt con cú dưới ánh nắng mặt trời. Đêm nay càng tệ hơn! Muốn quan sát phong tục của nhân dân, tôi đến đường Strada di Porto và bây giờ tôi đang ở đây. Xung quanh tôi những nhóm người ồn ào chen chúc trước các cửa hàng thực phẩm và tôi phát phơ như một vật trôi giạt theo chiều sóng bập bênh khi chìm xuống vẫn còn lướt nhẹ lên. Bởi vì trong cái lạnh lợi của dân thành phố Naples này tôi không biết có cái gì đó hiền lành và lừa dối. Tôi không bị xô đẩy, được nghe lời ngon ngọt, tôi nghĩ rằng cứ ra sức đu đưa tôi bên này bên kia những người ấy sẽ làm tôi phải đứng mà ngủ. Khi giẫm lên những tấm đá lát dung nham của con đường, tôi khâm phục phu khuân vác kia, những dân chài kia đi lại trò chuyện, ca hát, hút thuốc, múa may, cãi nhau rồi lại ôm hôn nhau một cách nhanh chóng lạ lùng. Cùng một lúc, họ sống với tất cả các giác quan, và không biết mình khôn ngoan, họ cân nhắc những điều mong ước với cuộc đời ngắn ngủi. Tôi đến gần một quán rượu rất đông khách và tôi đọc trên cửa, bài thơ tứ tuyệt sau đây bằng thổ ngữ thành phố Naples.

Hỡi các bạn, chúng ta hãy ăn uống vui mừng.

Hễ đèn còn dầu thấp sáng

Nào ai biết ở thế giới bên kia ta còn gặp nhau chăng?

Nào ai biết ở thế giới bên kia có một tửu quán?

Horace cũng có những lời khuyên tương tự cho các bạn ông. Anh bạn Postumus, anh đã tiếp nhận những lời khuyên ấy, nàng Leuconoé, người đàn bà nổi loạn xinh đẹp muốn biết bí mật của tương lai, đã nghe những lời khuyên ấy. Thời tương lai đó bây giờ thành ra quá khứ và chúng ta nhận biết điều đó. Thực tế các người rất sai lầm khi băn khoăn về chuyện nhỏ nhặt như vậy, và bạn các người tỏ ra biết điều khi khuyên các người hãy khôn ngoan và kiểm tra món rượu vang Hy Lạp của các người. *Mặt mày hấn bự rượu*. Chính vì vậy, một quả đất đẹp đẽ và một bầu trời sáng báo hiệu những khoái trá êm đềm. Nhưng có những tâm hồn day dứt vì một chuyện bất bình cao thượng, đó là những kẻ cao thượng nhất. Leuconoé, nàng ở trong số đó; và đến tuổi về chiều của đời tôi, tại một thành phố nơi đã từng rực sáng sắc đẹp của nàng tôi kính chào cái hình bóng sâu muộn của nàng. Những tâm hồn như nàng trong các nước theo đạo Cơ đốc là những tâm hồn các nữ thánh và những phép lạ của họ chứa đầy tập *Truyện thánh kỳ diệu*. Ông bạn Horace của các người đã để lại một hậu duệ ít hào hiệp hơn và tôi thấy một số cháu trai của ông với tư cách là

chủ quán rượu hiện nay, rót rượu vang vào chén tách dưới tấm biển hàng khoái lạc chủ nghĩa của anh ta.

Thế nhưng cuộc sống nhận rằng anh bạn Flaccus có lý và triết lý của anh ấy là duy nhất thích ứng với chiều hướng của sự việc. Bạn hãy nhìn anh chàng tựa vào tấm lưới sắt phủ đầy cành nho này đang vừa ăn một cục nước đá vừa nhìn các vì sao. Hẳn sẽ không cúi xuống nhặt tập bản thảo cũ kỹ kia, dù trải qua bao nhiêu khó nhọc, tôi mới kiếm được. Và thực tế con người sinh ra là để ăn nước đá hơn để tra cứu những văn bản cổ.

Tôi tiếp tục đi lang thang quanh đám nghiện rượu và ca sĩ. Có những cặp tình nhân vừa ôm eo nhau vừa cắn những quả táo to. Đúng là con người vốn xấu xa, bởi vì mọi vui sướng xa lạ này làm cho tôi buồn phiền sâu sắc. Đám đông này phô trương một sở thích quá hồn nhiên của cuộc đời khiến cho kẻ cạo giấy già nua biết điều liêm sỉ như tôi lấy làm hoảng sợ. Rồi tôi thất vọng khi không hiểu nổi những lời nói vang lên trong không khí. Đó là điều thách thức nhục nhã đối với một nhà ngữ văn học. Tôi hết sức cáu kỉnh khi nghe đằng sau một vài lời làm cho tôi vênh tai lên:

- Anh Dimitri, ông già này chắc là người Pháp, cái vẻ lúng túng của ông cụ làm cho em mỉm lòng. Anh muốn nói chuyện với cụ không, anh Dimitri, anh không thấy cụ có cái lưng tròn thanh nhã đó sao?

Câu nói bằng tiếng Pháp, giọng đàn bà.

Trước hết tôi hơi khó chịu nghe họ bảo tôi là ông già. Ở tuổi sáu mươi hai mà đã là một ông già rồi sao? Hôm nọ trên cầu Nghệ thuật anh bạn đồng sự Perrot d'Avrignac của tôi đã khen tôi còn trẻ trung mà, hẳn là anh am hiểu về tuổi tác hơn con chim chiến chiến non nói như hát sau lưng tôi kia, nhưng con chim chiến chiến thì hát vào ban đêm. Nàng bảo lưng tôi tròn. Ái chà! Tôi hơi nghi ngờ điều này; tôi không tin chút nào hết, trừ lúc đó là ý kiến của một con chim mái. Tôi không quay đầu lại xem ai đã lên tiếng, nhưng tôi chắc đó là một thiếu phụ xinh đẹp. Vì sao?

Bởi vì tiếng nói của những người đàn bà đang độ xinh đẹp hoặc đã có một thời xinh đẹp, đang hay đã được ưa thích, có thể đơn thuần có cách chuyển giọng phong phú thuận lời và tiếng nói trong như bạc này còn là một tiếng cười. Từ mồm một người đàn bà xấu xí biết đâu chẳng sẽ tuôn ra một lời ngọt ngào hơn, du dương hơn nhưng chắc không hoạt bát, không ríu rít lú lo như vậy.

Những ý nghĩ đó hình thành trong trí tôi không đầy một giây và ngay lúc ấy, để lánh xa hai kẻ lạ, tôi lao vào đám đông nhất của nhân dân thành phố Naples và đi vào một phố nhỏ quanh co chỉ được một ngọn đèn soi sáng trước hốc tường thờ tượng Thánh Mẫu. Lúc ấy, thông

thả suy nghĩ hơn, tôi nhận ra thiếu phụ xinh đẹp kia (chắc chắn là nàng xinh đẹp) đã bày tỏ với tôi một ý nghĩ nhân hậu đáng cho tôi biết ơn.

- Anh Dimitri, ông già này chắc là người Pháp, cái vẻ lúng túng của ông cụ làm cho em mỉm lòng. Anh muốn nói chuyện với cụ không, anh Dimitri, anh không thấy cụ có cái lưng tròn thanh nhã đó sao?

Nghe những lời ân cần ấy, tôi không phải chạy trốn đột ngột. Tốt hơn hết là lịch sự bắt chuyện với thiếu phụ có tiếng nói trong sáng, tôi quyết định nghiêng mình nói với nàng:

- Thưa bà, mặc dù bà không muốn, tôi đã nghe điều gì bà vừa phát biểu. Bà muốn giúp đỡ một người già tội nghiệp. Thưa bà, việc đó đã xong: chỉ cái âm thanh tiếng Pháp đã làm tôi vui thích và tôi xin cảm ơn bà.

Chắc tôi phải bày tỏ với nàng những lời như thế hoặc tương tự. Tất nhiên nàng là người Pháp. Tiếng nói của phụ nữ Pháp êm ái nhất thế giới. Như chúng ta, người ngoại quốc cũng cảm thấy sự duyên dáng lôi cuốn của nó. Philippe de Bergame đã nói năm 1843 về Jeanne la Pucelle: “Ngôn ngữ của phu nhân dịu dàng như ngôn ngữ đàn bà xứ sở của phu nhân”. Thiếu phụ đang nói chuyện với người bạn tên là Dimitri. Có thể ông này là người Nga. Đó là những kẻ giàu có đang lê nổi u sầu đi

khắp nơi. Phải thương xót họ: của cải vây quanh lấy họ mà không thấm thấu vào họ; họ đáng thương, nội tâm cùng quẫn. Sự khốn khổ của người giàu thật thâm trầm.

Sau những suy nghĩ như vậy, tôi đã vào trong một ngõ hẻm hay nói theo ngôn ngữ dân Naples, trong một lối tắt dưới bao nhiêu vòm cầu và ban công nhô ra, đến nỗi không một ánh sáng mặt trời nào chiếu xuống. Tôi bị lạc, và buộc phải đi tìm đường cả đêm theo bất cứ dấu vết nào. Còn hỏi đường thì phải gặp cho được một mặt người và tôi không mong thấy được một ai. Trong cơn thất vọng tôi đi liêu vào một đường phố, một đường phố hay đúng hơn một nơi vắng vẻ nguy hiểm kinh khủng. Ở đây hoàn toàn có không khí ấy. Đó là một nơi như vậy, bởi vì mới bước vào mấy phút, tôi bỗng thấy hai gã đàn ông chơi dao – Họ công kích nhau bằng lời hơn là bằng dao và qua những câu chửi rủa, tôi hiểu ra họ là hai gã si tình. Tôi thận trọng đi vào một con hẻm gần đây, còn những người tử tế nọ tiếp tục công việc của họ, không chút bận khoăn tới tôi. Tôi đi chậm không chủ đích một lúc và chán nản ngồi xuống một chiếc ghế đá, tôi mới trách mình qua bao nhiêu chỗ ngoặt đã vội vàng xa lánh Dimitri và cô bạn gái có tiếng nói trong trẻo của anh.

- Chào ngài. Ngài từ San Carlo trở về? Ngài có nghe nữ danh ca không? Chỉ ở Naples, người ta mới hát như nàng.

Tôi ngẩng đầu lên, nhận ra ông chủ lữ điếm, thì ra tôi đang ngồi cạnh mặt trước khách sạn của tôi, dưới cửa sổ của chính phòng tôi.

Monte-Allegro ngày 30 tháng 11 năm 1869

Chúng ôi, những người dẫn đường và tôi, và những con la cái của họ, nghỉ trên đường Sciacca di Girgenti, trong một quán trọ làng Monte Allego nghèo nàn, ở đây dân chúng suy yếu lập cập dưới ánh mặt trời. Những còn có những người Hy Lạp. Họ vui vẻ chịu đựng được tất cả. Một vài người trong bọn họ ở gần quán trọ còn tỏ ra tò mò, tươi vui. Nếu tôi biết kể cho họ nghe một câu chuyện hoang đường, điều đó có thể khiến họ quên những tai họa của cuộc đời. Họ có vẻ thông minh, còn phụ nữ, dù bị rám nắng và héo hon thì mặc áo choàng đen dài vẫn duyên dáng.

Tôi thấy trước mặt, những phé tích hao mòn vì gió biển, ngay tới cỏ cũng không mọc lên được ở đây. Cái buồn ảm đạm nơi hoang vắng ngự trên mảnh đất khô cằn này mà lòng đất nứt nẻ hầu như không nuôi nổi một vài cây trinh nữ trĩu lá, mấy cây xương rồng và cọ lùn. Cách tôi vài chục bước dọc theo khe nước, những hạt sạn trắng ra như một vệt dài những hài cốt – Người dẫn đường cho tôi biết đó nguyên là một con suối.

Tôi ở Sicile từ mười lăm ngày nay. Đi vào vịnh Catalfano khô cằn, hùng vĩ và hõm sâu xuống dọc theo vùng thâm cung vàng, đầy rẫy những cây sim, cây cam, tôi cảm thấy kinh ngạc đến nỗi phải quyết định đi thăm hòn đảo với những dãy đồi. Là khách du lịch già đời bạc tóc ở phương Tây tàn bạo, tôi dám mạo hiểm trên mảnh đất cổ xưa này. Tôi thu xếp với người hướng dẫn đi từ Palerne đến Trapani, từ Trapani đến Sélinonte, từ Sélinonte đến Girgenti, nơi tôi phải tìm ra tập bản thảo của Jean Toutmouillé. Những cái đẹp đã trông thấy, còn in trong trí óc tôi, đến nỗi tôi xem việc mô tả chúng kỹ càng như một việc làm vất vả vô ích. Vì sao lại gom góp những điều ghi chép để làm hỏng chuyến đi? Những người yêu tha thiết không viết về hạnh phúc của mình.

Tất cả cho nỗi sâu muộn của hiện tại, cho chất thơ của quá khứ, tâm hồn được trang bị những hình ảnh đẹp, đôi mắt đầy những đường nét hài hòa, trong sạch. Ở quán trọ làng Monte Allegro, tôi thưởng thức giọt rượu vang nồng đậm và thấy một thiếu phụ yêu kiều đội mũ rơm, mặc áo dài bằng lụa bước vào phòng, mái tóc sẫm, mắt đen long lanh. Theo dáng đi của nàng, tôi nhận ngay ra nàng là phụ nữ thành phố Paris. Nàng ngồi xuống. Chủ quán đặt cạnh nàng một cốc nước mát với một bó hoa hồng. Tôi đứng lên ngay khi nàng đến, kín đáo dịch ra khỏi bàn một ít, và giả vờ chiêm ngưỡng những trang thánh thành kính treo trên tường. Lúc ấy tôi nhận thấy rất rõ nàng nhìn tôi từ sau lưng và bằng một cử động

nhỏ, tỏ ý ngạc nhiên. Tôi lại gần cửa sổ nhìn mấy cỗ xe tời tàn có quét sơn, đi qua trên con đường đá hai bên trồng cây xương rồng và gai lười long.

Trong khi nàng uống nước đá, tôi nhìn trời. Ở Sicile dùng nước mát và hít thở không khí ban ngày là một cách thưởng thức khoái trá không thể tả. Tôi thì thấm trong bụng câu thơ của thi sĩ thành Athen:

“Ôi! Ánh sáng thần thánh, con mắt của ngày vàng”.

Nhưng người đàn bà Pháp tò mò đặc biệt quan sát tôi, và mặc dù tôi không dám mạnh dạn nhìn nàng tôi vẫn cảm thấy nàng dán mắt vào tôi – Hình như tôi có năng khiếu đoán ra những cái nhìn vào mình mà không cần bắt gặp ánh mắt họ. Nhiều người cũng tin mình có khả năng huyền bí đó; nhưng thực ra chẳng có gì huyền bí cả, khi ấy ta được một dấu hiệu nào đó báo trước nhưng rất thoáng qua đến nỗi ta không kịp phát hiện ra nó. Tôi không thể không thấy cặp mắt xinh đẹp của thiếu phụ phản chiếu trong kính cửa sổ.

Khi tôi quay lại nhìn nàng thì bốn mắt chúng tôi gặp nhau.

Một con gà mái đen kiểem ăn trong căn phòng quét chưa sạch.

- Con mẹ phù thủy, mà muốn ăn bánh à. Thiếu phụ nói và vớt những mẩu vụn còn lại trên bàn xuống cho nó.

Tôi nhận ra ngay tiếng nói đã nghe được trong đêm tối ở Santa Lucia.

- Xin lỗi bà – tôi nói ngay – dù chưa quen biết bà, tôi phải làm tròn một nhiệm vụ là cảm ơn về sự ân cần của bà đối với người đồng hương già nua lang thang trong đêm khuya trên đường phố Naples.

- Thưa ông, ông nhận ra tôi, tôi cũng nhận ra ông. Nàng đáp.

- Nhờ cái lưng tôi, thưa bà?

- A ha, ông đã nghe khi tôi nói với chồng tôi rằng ông có cái lưng đẹp. Điều đó không thể làm phật ý ông. Nhưng tôi rất tiếc nếu đã làm ông tức giận.

- Thưa bà, trái lại, bà đã làm tôi vui thích. Lời nhận xét của bà ít nhất về nguyên tắc xem như đúng và sâu sắc. Bản sắc con người không chỉ thể hiện trên nét mặt. Có những bàn tay biểu hiện kẻ tài hoa, có những bàn tay biểu hiện kẻ nghèo sức tưởng tượng. Có những đầu gối biểu hiện kẻ ích kỷ, những đôi vai biểu hiện kẻ ngạo nghễ và những cái lưng đáng chú ý.

- Đúng thế! – Nàng đáp. – Nhưng tôi cũng nhận biết ông qua gương mặt. Chúng ta đã gặp nhau trước kia ở Ý hoặc nơi nào khác, tôi không nhớ nữa. Ông hoàng và tôi, chúng tôi đi du lịch nhiều.

- Thưa bà, tôi không bao giờ tin rằng có diễm phúc được gặp bà – tôi đáp. – Tôi là một kẻ cô đơn già nua. Cả đời tôi chăm chú vào sách vở, ít đi đâu. Bà đã thấy tôi, vì thế mà tôi lúng túng khiến bà đem lòng thương hại. Tôi tiếc đã sống một cuộc đời xa lánh mọi người, ru rú ở nhà – Dĩ nhiên người ta có học được đôi điều qua sách vở, nhưng người ta càng học tập được nhiều hơn khi đi đây đi đó.

- Ông là dân Paris?

- Thưa bà, vâng. Từ bốn mươi năm nay, tôi vẫn ở căn nhà ấy, ít đi ra ngoài. Đúng là nhà này ở trên bờ sông Seine, trong vùng nổi tiếng đẹp nhất thế giới. Từ cửa sổ, tôi nhìn thấy cung điện Tuileries, nhà bảo tàng Louvre, cây cầu Pont Neuf, những tháp nhà thờ Đức bà, những tháp con của Pháp đình và mũi tên nhà thờ Sainte Chapelte – Tất cả những phiến đá đó biết nói: Chúng kể cho tôi lịch sử kỳ diệu của người Pháp.

Nghe đến đây, thiếu phụ có vẻ kinh ngạc thán phục.

- Căn hộ ông ở trên bến cảng à? Nàng hỏi ngay.

- Trên bến cảng Malaquais – tôi đáp – Ở gác ba nhà người bán tranh ảnh. Tôi tên là Sylvestre Bonnard. Tên tôi ít ai biết, nhưng đó là tên một hội viên Học viện nước Pháp và đối với tôi, thế cũng đủ cho các bạn tôi không quên nó.

Nàng nhìn tôi, một cách ngạc nhiên khác thường. Và cái nhìn ấy lộ ra niềm hứng thú, nỗi u buồn và cả sự mỉa lòng. Còn tôi không thể hiểu một câu chuyện giản đơn như vậy có thể đem lại cho người thiếu phụ không quen biết này, những cảm xúc khác nhau mãnh liệt đến thế.

Tôi chờ nàng giải thích sự ngạc nhiên của mình, nhưng một người to lớn, im lặng, hiền lành và buồn bã bước vào phòng.

- Đây là chồng tôi, hoàng thân Trépof – Nàng giới thiệu với tôi và chỉ tôi với chồng: – Đây là ông Sylvestre Bonnard, hội viên Học viện nước Pháp.

Hoàng thân nhún vai chào. Ông có hai vai cao, rộng và ủ rũ.

- Này cô em yêu quý – ông nói – anh lấy làm tiếc đã gián đoạn câu chuyện giữa em và ông Sylvestre Bonnard. Nhưng xe đã đóng la vào rồi, và chúng ta phải đến Mello trước khi trời tối.

Nàng đứng dậy, cầm mấy bông hoa hồng của chủ quán biếu nàng và rời nhà trọ. Tôi đi theo nàng, còn hoàng thân thì trông nom việc đóng la vào xe và thử độ bền chắc của các đai da và dây curoa.

Đứng dưới giàn nho, nàng mỉm cười nói với tôi:

- Chúng tôi đi Mello, đó là một làng ghê gớm, cách Girgenti sáu dặm, ông không bao giờ đoán ra vì sao chúng tôi đến đó. Ông đừng đi thử. Chúng tôi đi tìm một hộp diêm. Dimitri sưu tập những hộp diêm. Anh ấy đã thử tiến hành tất cả các sưu tập, những vòng cổ chó, những cúc quân phục, những tem bưu điện. Nhưng chỉ có hộp diêm là anh thích thú hơn cả, những hộp bằng các-tông với những bản in li tô màu. Chúng tôi đã tập hợp được năm nghìn hai trăm mười bốn kiểu khác nhau. Có kiểu chúng tôi phải khó nhọc kinh khủng mới tìm ra. Như vậy, chúng tôi được biết ở Naples người ta làm những hộp có hình Mazzini và Garibaldi^[2] đã bị cảnh sát tịch thu và bắt giam người chế tạo. Cố tìm tòi, hỏi han, chúng tôi tìm ra một trong những hộp đó tại nhà một người dân quê bán cho chúng tôi giá một trăm lia rồi lại đi tố giác chúng tôi với cảnh sát. Họ khám xét hành lý chúng tôi. Không tìm ra cái hộp đó họ cướp đi những nữ trang của tôi. Lúc ấy, tôi mới biết thích bộ sưu tập này. Hè đến, chúng tôi sẽ đi Thụy Điển để bổ sung cho đủ các loại của chúng tôi.

Tôi cảm thấy (tôi phải nói ra điều này chẳng?) một sự thương hại đáng yêu nào đó đối với những người thích sưu tập kiên trì này. Dĩ nhiên tôi thích ông bà Trépop thu thập ở Sicile những tượng đá hoa cổ đại, những lọ được quét sơn hoặc những đồng tiền cổ. Tôi mong muốn họ bán khoản lo lắng với những phế tích ở Agrigente và những truyền thuyết nên thơ của thành cổ l'Eryx. Như thế là họ lại tạo ra một bộ sưu tập, họ cùng hội với nhau và tôi có thể chế nhạo mà không tự chế giễu chính mình một chút chẳng?

- Bây giờ thì ông biết tại sao chúng tôi đi du lịch đến xứ sở kinh khủng kia không? – Nàng nói tiếp.

Lần này thì tôi hết thiện cảm và có phần phẫn nộ.

- Thưa bà, đó không phải là xứ sở kinh khủng – tôi đáp – đó là một xứ vinh quang. Cái đẹp là một vật vĩ đại và uy nghi đến nỗi bao nhiêu thế kỷ hành động tàn bạo không thể xóa bỏ đến mức không còn là những di tích đáng sùng bái nữa. Về uy nghiêm của thần Ceres cổ đại còn trùm lên những đồi núi khô cằn kia và nữ thần nghệ thuật Hi Lạp, bằng những giọng nói tuyệt trần của mình đã làm vang lên hình bóng nguồn nước Arethuse và ngọn núi Menale, còn đang hát bên tai tôi trên cánh rừng trơ trụi và trên dòng suối đã khô cạn. Phải, thưa bà, đến ngày tận thế, khi quả địa cầu không người ở như mặt trăng ngày nay, xoay cái xác chết tái xanh của nó trong

không gian, mặt đất còn những phé tích ở Sélinonte, sẽ giữ lại, trong cái chết vĩnh hằng, những dấu hiệu của cái đẹp, lúc ấy, ít ra là lúc ấy, sẽ không có cái mồm khinh bạc nữa để xúc phạm những cảnh hùng tráng u tịch của nó.

Nói tới đây, tôi cảm thấy đại đột. “Bonnard – tôi tự bảo – một người già như mày, cả đời chúi mũi vào sách vở, không biết nói chuyện với đàn bà”. May thay Trépof phu nhân không hiểu gì hơn lời nói của tôi cho đó là tiếng Hi Lạp.

Phu nhân dịu dàng bảo tôi:

- Dimitri buồn chán và tôi cũng vậy. Chúng tôi mua được nhiều hộp diêm, nhưng rồi cũng đâm chán chúng. Ngày xưa tôi có những nỗi buồn, nhưng tôi không buồn; những nỗi buồn, đó là một cách tiêu khiển cao thượng.

Động lòng vì sự khốn cùng về tinh thần của người đẹp, tôi nói:

- Thừa phu nhân, tôi ái ngại cho phu nhân không có con. Nếu phu nhân có được một cháu, thì mục đích cuộc đời phu nhân sẽ xuất hiện, và tư tưởng của phu nhân cũng đồng thời sẽ nghiêm trang hơn, an ủi hơn.

- Tôi có một cháu trai – nàng đáp – cháu đã lớn, cháu Georges, đó là một trang nam nhi; cháu tám tuổi. Tôi

yêu quý cháu nhiều như khi cháu còn rất bé, nhưng bây giờ sự việc không phải như thế nữa.

Phu nhân đưa cho tôi một bông hoa hồng trong bó hoa của mình, mỉm cười và nói với tôi khi bước lên xe:

- Thưa ông Bonnard, ông không thể hiểu niềm vui của tôi khi được gặp ông. Tôi nhất định sẽ tìm gặp lại ông tại Girgenti.

Girgenti, cùng ngày

Tôi cố gắng thu xếp ngồi trong chiếc lettica, một loại xe không có bánh, hay như người ta có thể gọi, một thứ kiểu song loan, một chiếc ghế có hai con lừa cái kéo, một con đằng trước, một con đằng sau. Sử dụng xe này là xưa rồi. Thỉnh thoảng tôi bắt gặp hình ảnh các thứ kiểu này trong các bản thảo thế kỷ 14. lúc ấy, tôi đâu biết rằng một ngày nào đó, một cái kiểu song loan hoàn toàn giống như thế lại chở tôi từ Monte Allergo đến Girgenti. Đúng là chẳng thể biết trước được điều gì.

Trong ba giờ, hai con lừa cái làm vang lên những chiếc lục lạc và đập móng xuống đất bị nung khô. Trong khi quanh tôi, giữa hai hàng rào trầm hương, chậm rãi trải ra những hình dáng cằn cỗi của trạng thái tự nhiên như ở châu Phi, thì tôi nghĩ tới tập bản thảo của tu sĩ Jean Toutmouillé, mà tôi khao khát ước ao một cách

chân thành khiến cho chính tôi cũng lấy làm cảm động. Và trong niềm khao khát chân thành ấy tôi phát hiện bao nhiêu điều ngây thơ trẻ con cảm động.

Về tôi, mùi hoa hồng càng ngào ngạt làm tôi nhớ tới Trépof phu nhân. Sao hôm bắt đầu lóng lánh trên bầu trời. Tôi suy nghĩ. Trépof là một giai nhân rất giản dị, hết sức gần gũi thiên nhiên. Nàng có những tư tưởng của một phụ nữ được nuông chiều. Tôi không phát hiện ở nàng một chút khát khao hiểu biết thanh cao nào đã lay động những tâm hồn có suy nghĩ. Thế nhưng phu nhân đã diễn đạt theo cách của mình, một tư tưởng sâu sắc: “Người ta không buồn bực, khi gặp phải những điều phiền lụy”. Vậy thì phu nhân biết rằng trên đời này, nỗi lo âu và sự đau khổ là những trò giải trí hiệu quả nhất của chúng ta. Những sự thật vĩ đại không bao giờ được phát hiện mà không trải qua lao động và vất vả. Do đâu mà bà hoàng Trépof có được tư tưởng đó?

Girgenti, ngày 1 tháng 12 năm 1869

Sáng hôm sau, tôi thức dậy, tại khách sạn Gellias ở Girgenti.

Gellias ngày xưa là một công dân giàu có của thành phố cổ Agrigente. Ông nổi tiếng về lòng hào hiệp cũng như về tính xa hoa, ông đã trang bị cho thành phố một số khách sạn sang trọng không lấy tiền. Gellias đã từ trần từ

mười ba thế kỷ, và ngày nay không còn lòng hiếu khách miễn phí của các dân tộc văn minh. Nhưng tên tuổi của Gellias trở thành tên một khách sạn. Và tại đây, do mệt mỏi quá tôi ngủ được trọn đêm.

Thành phố Girgenti hiện đại xây dựng trên vệ thành phố Agrigente cổ đại, những căn nhà chật hẹp, chen chúc, còn ngôi nhà thờ lớn Tây Ban Nha màu sẫm thì sừng sững vươn cao. Từ các cửa sổ, tôi nhìn ra biển, ở lưng chừng dốc, một dãy trắng đến đài nửa phần đồ nát. Chỉ những phế tích này ít nhiều còn tươi tắn. Tất cả mọi thứ còn lại đều khô cằn. Nước và sự sống đã ruồng bỏ thành phố Agrigente. Nước, vị nữ thần Nestis tuyệt diệu của Empédocle cần thiết cho sinh vật đến nỗi xa sông xa suối thì không gì sống nổi. Nhưng hải cảng Girgenti, cách thành phố ba ki-lô-mét, lại tạo ra một khu thương nghiệp to lớn. Ấy vậy mà trong thành phố buồn tẻ này, trên núi đá dốc đứng này, đang tồn tại tập bản thảo của tu sĩ Jean Toutmouillé ư? Tôi tự nhủ, nhờ người chỉ nhà ông Michel Angelo Polizzi rồi đi đến đó.

Tôi bắt gặp ông Polizzi ăn mặc màu vàng từ đầu đến chân, đang rán xúc xích trong chảo. Thấy tôi, ông buông cán chảo, đưa hai tay lên không và phần khởi kêu lên. Đó là một người nhỏ con, mặt đầy mụn, mũi khum, cằm nhô ra, cặp mắt tròn, tất cả biểu một gương mặt đặc biệt lạnh lợi.

Ông gọi tôi là ngài, ông nói ông sẽ đánh dấu ngày này bằng một viên kim cương trắng và mời tôi ngồi xuống. Căn phòng chúng tôi đang ngồi vừa là nhà bếp, vừa là phòng khách, buồng ngủ, xưởng vẽ và là kho thực phẩm. Ở đây có bếp lò, một cái giường, vài vẽ, một giá vẽ và những chai lọ ớt đỏ. Tôi đưa mắt nhìn lên những bức tranh treo khắp các bức tường.

- Văn học nghệ thuật! Văn học nghệ thuật! – Ông Polizzi một lần nữa vừa kêu kên, vừa đưa tay lên trời – Văn học nghệ thuật! Phẩm cách ghê chưa! Nguồn an ủi ghê chưa! Thưa ngài, tôi là họa sĩ.

Lúc ấy, ông chỉ cho tôi một vị thánh Francois chưa vẽ xong nhưng có thể cứ giữ nguyên như thế, mà không hại gì đến nghệ thuật và việc thờ cúng. Tiếp đó, ông cho tôi xem một số tranh cổ kiểu đẹp nhất, nhưng tôi có cảm tưởng là chúng được phục chế một cách không thận trọng.

- Tôi phục hồi những bức tranh cổ – ông nói – Ô! Những bậc thầy ngày xưa! Tâm hồn ghê thật! Thiên tài ghê thật!

- Ông đồng thời là họa sĩ, là nhà khảo cổ học và là nhà buôn rượu vang. Thực không? – Tôi hỏi.

- Để phục vụ ngài – ông đáp – lúc này, tôi có thứ rượu Zucco mà mỗi giọt là một giọt lỏng lánh hương nồng.

Tôi muốn ngài thưởng thức món này.

- Tôi thích rượu vang Sicile – tôi đáp – nhưng không phải vì những bình rượu mà tôi đến thăm ông, ông Polizzi ạ.

- Vậy vì những bức tranh. Ngài định mua. Tôi vui mừng vô hạn được tiếp những người ham thích tranh. Tôi sẽ mời ngài xem kiệt tác của Monrealese. Vâng, thưa ngài, kiệt tác của ông ấy. Bức tranh *Sự tôn thờ các cha*. Đó là bảo vật của trường phái Sicile.

- Tôi sẽ vui lòng xem tác phẩm này, nhưng trước hết ta hãy nói về lý do đưa tôi đến đây.

Đôi mắt nhanh nhẹn của ông nhìn tôi sững sờ chăm chú, và tôi không phải không kinh hoàng dữ dội nhận thấy ông cũng chẳng nghi ngờ mục đích cuộc thăm viếng của tôi.

Rất bối rối, trán lạnh toát mồ hôi, tôi ấp a ấp úng một câu đại khái như sau:

- Tôi cố ý từ Paris đến trao đổi về bản thảo *Tập truyện thánh kỳ diệu* mà ông đã cho tôi biết là ông đang giữ.

Nghe tới đó, ông đưa hai tay lên, mồm há to, mắt mở tròn xoe, cử chỉ hết sức sôi nổi hoạt bát.

- Ô! Bản thảo *Tập truyện thánh kỳ diệu!* Một báu vật thừa ngài, một viên ngọc, một viên kim cương! Hai tiểu phẩm hoàn hảo đến nỗi khiến ta thoáng thấy chốn thiên đường. Êm ái biết mấy! Những tràng hoa màu sắc tươi vui kia trông dịu ngọt quá chừng! Julio Clovio cũng không hơn được.

- Xin ông cho tôi xem tập truyện – Tôi nói, không che giấu được lo lắng và hy vọng của mình.

- Đưa cho ngài xem! – Polizzi kêu lên – Thừa ngài, sao có thể được? Tôi không còn tập truyện đó, không còn nữa!

Lúc ấy ông ta dường như muốn dứt tóc. Nếu tôi không can ngăn, có thể ông sẽ dứt trọc đầu. Nhưng rồi ông ta dừng lại trước khi làm điều đó.

- Thế nào – Tôi tức giận hỏi – Tại sao? Ông bảo tôi từ Paris đến Girgenti để trao cho tôi tập bản thảo, và khi tôi đến thì ông lại bảo bản thảo ấy không còn nữa. Thật xấu xa ông ạ. Tôi dành để cho mọi người trung thực đánh giá hạnh kiểm của ông thôi.

Ai thấy tôi lúc ấy cũng phải nghĩ rằng tôi đúng là con cừu phát khùng.

- Thật xấu hổ! Thật xấu hổ! – Tôi vừa nhắc lại vừa duỗi hai tay run rẩy.

Michel Angelo Polizzi ngã người xuống ghế tựa trong tư thế vai một nhân vật nam chính hấp hối. Tôi thấy y khóc, hai mắt sưng vù, còn tóc lúc đầu bóng nhoáng thì nay rối tung rủ xuống trán.

- Tôi là người cha, thưa ngài, tôi là người cha! – Y chắp hai tay lại, kêu lên.

Y vừa thôn thức vừa nói tiếp:

- Thằng con trai Rafaello của tôi, của người vợ tội nghiệp của tôi, mà cái chết từ mười lăm năm nay làm tôi đau xót. Cháu Rafaello, thưa ngài, cháu muốn làm nghề ở Paris, đã thuê một cửa hiệu phố Laffitte để bán đồ hiếm lạ. Tôi đã cho cháu tất cả những gì quý giá của tôi, những đồ sành Ý đẹp nhất của tôi, những đồ sành Urbino đẹp nhất của tôi, những bức tranh bạc thầy của tôi, những bức tranh ghê thật, thưa ngài! Chúng còn làm cho tôi choáng người khi tưởng thấy lại chúng trong trí, tất cả đều có chữ ký. Cuối cùng tôi lại cho cháu bản thảo *Tập truyện thánh kỳ diệu*. Tôi đã cho cháu thịt và máu của tôi. Một đứa con trai độc nhất! Đứa con trai của người vợ tội nghiệp của tôi, đã theo Chúa và tuân thủ giáo lý của Người.

- Thế là, trong khi vì tin ông, tôi đã đi tới nơi tận cùng đảo Sicile để tìm tập bản thảo của tu sĩ Jean

Toutmouillé, thì nó đã được trưng bày trong tủ kính ở phố Laffitte cách nhà tôi một nghìn năm trăm mét.

- Thưa ngài, tập bản thảo đã ở đó, đây là sự thật hoàn toàn, theo tôi nghĩ nó vẫn còn đó – Ông Polizzi bỗng bình tĩnh lại trả lời tôi.

Ông biểu ngay cho tôi tấm bản đồ trên chiếc bàn con và nói:

- Đây là địa chỉ con trai tôi. Đề nghị ngài cho các bạn ngài được biết, xin ngài làm ơn giúp tôi. Cháu có đầy đủ một bộ tác phẩm nghệ thuật, toàn bộ hàng hóa, mỹ nghệ phẩm cổ đại nào là đồ sành, đồ sứ, vải vóc, tranh ảnh, xin lấy danh dự mà thề với ngài. Mời ngài đến xem, cháu sẽ đưa cho ngài bản thảo *Tập truyện thánh kỳ diệu*. Hai tiểu phẩm tươi mát lạ thường.

Tôi uể oải cầm bản đồ y đưa cho.

Người này lạm dụng sở thích của tôi bằng cách bảo tôi lại một lần nữa tung ra tên tuổi của Rafaello Polizzi trong các giới thượng lưu.

Tôi đã để tay lên nút cửa thì ông bạn đảo Sicile của tôi cầm lấy tay tôi, có vẻ hứng thú.

- A! Thưa ngài, thành phố chúng tôi đáng tự hào bao nhiêu! Nó đã sản sinh ra Empédocle^[3]. Empédocle!

Một con người vĩ đại biết mấy, một công dân vĩ đại biết mấy! Một nhà tư tưởng táo bạo biết mấy! Trên bến cảng dưới kia, có tượng đài Empédocle, mỗi khi đi ngang qua tôi đều bỏ mũ xuống. Khi Rafaello, con trai tôi, đi mở hiệu buôn đồ cổ trên đường Laffitte ở Paris, tôi dẫn cháu đến bến cảng thành phố chúng tôi, và chính dưới chân tượng đài Empédocle, tôi đã ân cần chúc phúc cho cháu và nói: “Con hãy nhớ tới Empédocle”. A! Ngài là một Empédocle mới mà ngày nay Tổ quốc khốn khổ của chúng tôi cần đến – Thưa ngài, ngài có muốn tôi đưa ngài đến tới tượng đài ông ta không? Tôi sẽ hướng dẫn ngài tham quan các phế tích. Tôi sẽ chỉ cho ngài đến Casto và Pollux, đền Jupiter Olympien, đền Junon Luciniennce, giếng cổ, ngôi mộ Theron và kim môn. Những người hướng dẫn du khách đều là bọn dốt nát. Tôi là một hướng dẫn viên giỏi, nếu ngài muốn, chúng ta lục soát và sẽ phát hiện những vật quý giá. Tôi am hiểu và có khiếu lục soát. Tôi đã phát hiện ở những nơi khai quật, những kiệt tác mà những nhà bác học không tìm thấy gì hết.

Tôi đã đi khỏi. Nhưng ông ta chạy theo, chặn tôi lại ở chân cầu thang và nói nhỏ vào tai:

- Thưa ngài, xin hãy nghe đây: Tôi sẽ đưa ngài đi dạo phố, để ngài xem phụ nữ Girgenti, phụ nữ đảo Sicile, vẻ đẹp cổ sơ. Và tôi sẽ chỉ ngài xem những phụ nữ nông thôn nhỏ bé Italia. Ngài bằng lòng chứ?

- Trời tru đất diệt ông! Tôi phẫn nộ kêu lên.

Lúc ấy tôi chạy vụt ra đường, bỏ lại ông đang dang hai cánh tay ra.

Khi đã đi khuất, tôi quy xuống một hòn đá, hai tay ôm đầu suy nghĩ.

- Phải chăng, tôi đến Sicile để mà am hiểu những chuyện mua bán như thế?

Chắc gã Polizzi này và con trai hắn là một phường đều giả. Nhưng cha con hắn ngầm trù liệu gì đây? Tôi không thể làm sáng tỏ được. Trong khi chờ đợi, có chăng là tôi bị khá sỉ nhục và buồn phiền.

Một bước đi nhẹ nhàng với tiếng vải sột soạt khiến tôi ngẩng đầu lên và bỗng thấy bà hoàng Trépof đi về phía tôi. Bà giữ tôi lại trên ghế, cầm tay tôi và dịu dàng nói:

- Tôi đi tìm ông, ông Sylvestre Bonnard ạ! Được gặp ông đối với tôi là một niềm vui lớn. Tôi muốn để lại cho ông một kỷ niệm êm đềm về cuộc gặp gỡ của chúng ta. Tôi thực sự muốn như vậy.

Trong khi nàng nói, tôi tưởng thấy dưới chiếc khăn trùm của nàng một giọt lệ và một nụ cười.

Đến lượt ông hoàng bước lại, hình dáng to lớn của ông che lấp chúng tôi.

- Anh Dimitri, hãy đưa cho ông Bonnard món hiện vật quý giá anh đã thu thập được.

Lúc ấy, con người khổng lồ dễ bảo chìa ra cho tôi một hộp diêm, một chiếc hộp xấu xí bìa các tông được trang trí bằng một cái đầu xanh đỏ có ghi là đầu Empédocle.

- Thưa bà, tôi hiểu, tôi hiểu. Nhưng gã Polizzi đáng ghét mà tôi khuyên bà đừng đưa ông Trépof đến, đã làm tôi rối lên suốt đời với Empédocle và chân dung này không phải là thứ làm tôi thích thú hơn nhà triết học thời trước này.

- Xấu, nhưng hiếm có. Không thể tìm đâu ra được những chiếc hộp này. Phải mua tại chỗ. Bảy giờ sáng Dimitri đã có mặt tại xưởng. Ông thấy rằng chúng tôi không mất thời gian.

- Thưa bà, hẳn tôi rất hiểu điều đó. – Tôi chưa cay đáp – Nhưng tôi đã mất thì giờ đi xa mà không gặp được cái gì mình đang tìm kiếm.

Nàng tỏ ra lưu ý đến sự thất vọng của tôi.

- Ông buồn phiền chăng? – Nàng sốt sắng hỏi – Tôi có thể giúp ông điều gì không? Thưa ông, ông không

muốn kể lễ nổi lo lắng của ông cho tôi nghe sao?

Tôi bèn thuật lại. Câu chuyện dài dòng nhưng làm cho nàng cảm động, vì tiếp theo đó, nàng đặt ra nhiều câu hỏi tỉ mỉ biểu lộ bao nhiêu sự quan tâm. Nàng muốn biết tên chính xác tập bản thảo, khổ sách, dáng vẻ, niên đại của nó, nàng hỏi địa chỉ của ông Raffaello Polizzi.

Tôi cung cấp địa chỉ cho nàng như lão Michel Angelo Polizzi đã căn dặn tôi.

Thỉnh thoảng không ngừng được, tôi lại bắt đầu phàn nàn và nguyên rủa. Lần này phu nhân Trépof mới bật cười.

- Vì sao bà cười? – Tôi hỏi.

- Bởi vì tôi là người đàn bà độc ác. – Nàng đáp.

Và nàng đi về, bỏ tôi lại một mình sững sờ trên hòn đá.

Paris ngày 8 tháng 12 năm 1869

Những hành lý còn đầy ắp của tôi chồng chất trong phòng ăn. Tôi ngồi trước chiếc bàn bày la liệt đồ ăn ngon miệng của nước Pháp dành cho những kẻ sành ăn. Tôi dùng patê vùng Chartes là món duy nhất làm cho người ta yêu mến quê hương. Chị Thérèse đứng trước

tôi, hai tay chấp lại trên tấm tạp dề trắng, nhìn tôi lo lắng và thương hại, với lòng nhân hậu. Con Hamilcar cọ xát vào chân tôi, há hốc mồm vui vẻ.

Tôi bỗng nhớ đến câu thơ của một thi sĩ ngày xưa.

“Hạnh phúc thay kẻ nào đã làm một cuộc lữ hành tốt đẹp như Ulysse”^[4].

A – tôi nghĩ bụng – Ta đã dạo chơi vô ích, trở về hai bàn tay không, nhưng ta đã thực hiện một chuyến du lịch tốt đẹp như Ulysse.

Và sau khi uống ngụm cà phê cuối cùng, tôi hỏi chị Thérèse cây can và cái mũ khiến chị đưa tôi một cách ngờ vực. Chị rất sợ một chuyến đi khác. Để chị yên tâm tôi bảo chị chuẩn bị bữa cơm tôi vào lúc sáu giờ.

Đối với tôi, lang thang ngơ ngác giữa các phố phường Paris, trên tất cả những con đường, tất cả những khối đá mà tôi thành tâm yêu quý, đã là một thú vui rõ rệt rồi. Nhưng với mục đích đã có, tôi đi thẳng tới phố Laffite và trông thấy ngay cửa hàng của Raffaello Polizzi, với vô số tranh cổ mặc dù mang chữ ký của nhiều tên tuổi nổi tiếng khác nhau, vẫn biểu hiện một thứ không khí gia đình tình nghĩa anh em cảm động của các thiên tài, ví dầu cửa hàng không phô bày hơn những mưu mẹo về họa pháp của ông Polizza cha. Mới giàu lên nhờ những

kiệt tác đáng ngờ này, cửa hàng trông vui mắt, với những vật lạ ít ỏi, hiếm có, dao găm, bình cổ cao, cốc có nắp, đồ gốm, vật chạm hình trái trám bằng đồng và đĩa Tây Ban Nha – Ả Rập óng ánh kim loại.

Được đặt trên chiếc ghế bành kiểu Bồ Đào Nha, bằng da có vẽ quốc huy, một bản *Thời gian* của Simon Vostre, mở ra với tờ sách mang hình thuật chiêm tinh, và một ông lão Vitruve bày ra trên tủ chè những tranh khắc bậc thầy về những cột tượng đàn ông và đàn bà. Sự lộn xộn bên ngoài này che dấu cách bố trí khéo léo, sự lệch lạc ngẫu nhiên này. Theo đó, những đồ vật sắp đặt trình bày thuận lợi nhất đã làm tăng thêm sự ngờ vực của tôi, một sự ngờ vực mà chỉ riêng cái tên Polizzi gợi ra cho tôi, đã có thể tăng lên vô hạn độ.

Anh chàng Raffaello ở đây xem như linh hồn duy nhất của tất cả mọi hình dạng tạp nham lộn xộn, đối với tôi, có vẻ là con người trẻ tuổi điềm tĩnh, một thứ người Anh. Anh không tỏ ra bất cứ mức độ nào, khả năng siêu việt của cha anh trong nghệ thuật làm điệu bộ và trong lời văn cầu kỳ hoa mỹ.

Tôi cho anh biết lý do tôi đến đây. Anh mở tủ lấy ra một tập bản thảo đặt lên bàn cho tôi có thể xem xét thông thả.

Cả đời tôi chưa bao giờ xúc động như vậy, trừ mấy tháng thời thanh xuân mà kỷ niệm tồn tại tươi mát trong tâm hồn tôi như ngày đầu tiên cho đến chết dù phải sống tới một trăm tuổi.

Đây đúng là tập bản thảo mà người cán bộ thư viện của ngài Thomas Raleigh đã mô tả: đúng là tập bản thảo của tu sĩ Jean Toutmouillé mà tôi thấy tận mắt, sờ tận tay. Tác phẩm của Voragine ở đây rõ ràng bị rút ngắn, nhưng điều đó không quan trọng mấy đối với tôi. Những chú thích vô giá của tu sĩ nhà thờ Saint-Germain-des-Prés đều có trong tác phẩm. Đó là vấn đề quan trọng. Tôi muốn đọc truyện thánh Droctovée, nhưng không được; tôi đọc một mạch tất cả những dòng chữ, lúc ấy đầu óc tôi ồn ào như cối xay nước ban đêm ở vùng quê. Tuy vậy, tôi nhận thấy tập bản thảo trình bày những văn tự xác thực không thể chối cãi. Hai hình vẽ *Lễ Thánh mẫu hiển đường* và *Lễ đăng quang của Prosepine*, thiếu tề nhị, màu sắc sặc sỡ. Bị hư hỏng nặng năm 1824, như danh mục của ngài Thomas đã chứng minh, các bức tranh từ đó lại trở nên tươi tắn mới mẻ. Điều kỳ lạ này khiến tôi ít ngạc nhiên. Nhưng hai tiểu phẩm lại quan trọng với tôi nhiều. Những truyện thánh và bài thơ của Jean Toutmouillé đó là báu vật. Tất cả cái gì trông thấy là tôi chăm chú đến ngay.

Tôi giả vờ dừng dừng hỏi anh Raffaello giá cả tập bản thảo, và trong khi chờ trả lời thậm mong giá bán không

quá số tiền để dành của tôi đã giảm nhiều trong một chuyến du lịch tốn kém. Polizzi cho biết anh không thể tùy ý sử dụng tập bản thảo vì nó không còn là của anh ta. Và phải để bán đấu giá tại sở Phát mại với những tập bản thảo khác và một số sách in cổ.

Tôi bị một vô đau. Tôi cố bình tĩnh lại và trả lời đại khái thế này:

- Thưa ông, ông làm tôi ngạc nhiên. Tôi vừa gặp cụ thân sinh ông ở Girgenti, cụ khẳng định với tôi rằng ông là chủ sở hữu tập bản thảo này. Ông không nên làm cho tôi nghi ngờ lời nói của ông cụ.

- Quả thật trước đây, tôi là chủ sở hữu tập bản thảo, nhưng bây giờ thì không phải thế – Raffaello trả lời tôi hết sức đơn giản – Tôi đã bán tập bản thảo quý giá này cho một người cảm tôi nêu tên, vì những lý do không được tiết lộ, người ấy phải bán bộ sưu tập của họ. Tôi vinh dự được khách hàng tin cậy, ủy thác lập danh mục, quản lý việc bán sẽ tiến hành vào ngày 24 tháng chạp sắp tới. Nếu ông vui lòng cho biết địa chỉ của ông, tôi sẽ hân hạnh gửi ông bản danh mục đang in và ông sẽ tìm thấy trong đó *Tập truyện thánh kỳ diệu* ghi số 42.

Tôi đưa địa chỉ của mình và ra về.

Thái độ nghiêm trang tề chỉnh của người con trai làm tôi bực mình như nghệ thuật làm điệu bộ trâng tráo của

cha hẳn. Trong thâm tâm, tôi ghét những mưu mẹo của bọn con phe hèn hạ này. Theo tôi, rõ ràng hai tên đều giả kia thông đồng với nhau và chúng nghĩ ra chuyện bán đấu giá được bọn cò mời giúp sức, đẩy giá tập bản thảo tôi ao ước lên vô tội vạ mà không thể bị chê trách. Tôi đã ở trong tay bọn chúng. Những dự vọng, cả những dự vọng trong trắng nhất cũng có cái xấu bắt ta phải phụ thuộc người khác. Nghĩ vậy, tôi thấy khó chịu, nhưng vẫn khao khát tác phẩm của tu sĩ Toutmouillé. Trong khi trầm ngâm như thế, định qua đường thì tôi phải đứng lại nhường cho một chiếc xe đi ngược chiều và tôi bỗng nhận ra Trépof phu nhân sau tấm cửa kính. Gã đánh xe mặc áo da lông thú như một nhà quý tộc thúc hai con ngựa đen chạy nhanh. Phu nhân không thấy tôi.

- Mong phu nhân gặp được vật đang tìm hay đúng hơn là vật gì vừa ý – tôi tự nhủ. – Đó là ước nguyện của tôi đáp lại nụ cười ác độc của phu nhân trước sự thất vọng của tôi ở Girgenti. Phu nhân có tâm hồn một con chim sơn tước.

Lúc ấy, tôi buồn rầu đi tới những cây cầu.

Luôn luôn vô tình, không vội vàng, không chậm chạp, tạo hóa dẫn tôi tới ngày 24 tháng chạp. Tôi đến khách sạn Bullion, đi vào phòng số 4, ngay chân bàn giấy chỗ ngồi của gã bán đấu giá Boulouze và viên giám định

Polizzi. Căn phòng dần dần đông đủ những gương mặt quen thuộc. Tôi siết tay mấy người bán sách già ở bên cạnh. Tôi thận trọng, một sự thận trọng có lợi lớn cho những ai hay tin người nhất khiến tôi không nói lý do sự có mặt khác thường của tôi tại đây. Ngược lại tôi hỏi các ông này về số lãi họ nhận được với việc bán hàng của Polizzi, lúc ấy tôi hài lòng nghe họ nói đến mọi thứ món hàng của tôi.

Gian phòng dần dần chật ních những người có liên quan và những kẻ tò mò. Sau nửa giờ đến chập, người bán đấu giá cầm búa ngà, viên thư ký phụ trách các bản thống kê, viên giám định với danh mục và gã rao hàng trang bị một bát gỗ gắn vào cây sào, trịnh trọng một cách trưởng giả, đi vào vị trí trên bục. Những người phụ việc trong phòng xếp hàng ở chân bàn giấy.

Viên chức giúp việc tuyên bố cuộc bán đấu giá bắt đầu, căn phòng trở nên im lặng. Trước hết, người ta bán với giá trung bình một loạt khá vô vị kinh cầu nguyện chọn lọc bằng những tiểu phẩm. Không cần phải nói, những tiểu phẩm này hoàn toàn mới toanh.

Việc bán đấu giá thấp khuyến khích bọn mua đồ cũ nhỏ trà trộn vào chúng tôi và trở nên suông sã. Đến lượt những người bán xanh cháo, trong khi chờ mở các cửa phòng bên cạnh thì những lời vui đùa của xứ Auvergne lán át tiếng người rao hàng.

Một cuốn được diễn tuyệt đẹp về chiến tranh của người Do Thái kêu gọi sự chú ý. Nó được giành giật lâu. Năm nghìn quan, năm nghìn, người rao hàng thông báo giữa đám bán xanh cháo im lặng sững sờ. Bảy hay tám cuốn thánh ca bị hạ giá. Một mụ bán đồ cũ to béo tóc dài thấy cuốn sách khổ lớn, giá quá rẻ, chịu bỏ thầu tới ba chục quan.

Cuối cùng viên giám định Polizzi đặt trên hai con số 42: *Tập truyện thánh kỳ diệu*, bản thảo tiếng Pháp, chưa xuất bản, hai tiểu phẩm tuyệt đẹp; giá buôn ba nghìn quan.

- Ba nghìn! Ba nghìn! Người rao hàng gào lên.

- Ba nghìn! – Nhân viên bán đấu giá nhắc lại cụt ngắn.

Tôi nghe ù tai, chợt thấy qua làn khói, rất nhiều gương mặt nghiêm nghị quay hết về phía tập bản thảo do một nhân viên phục vụ giở ra đưa qua đưa lại trong phòng.

- Ba nghìn năm chục – Tôi trả giá.

Tôi lo sợ tiếng nói của mình, và lấy làm ngượng thấy có gương mặt quay về phía mình.

- Ba nghìn năm chục, về bên phải! – Người ra hàng nâng giá đấu thầu của tôi.

- Ba nghìn một trăm! – Anh chàng Polizzi nói tiếp.

Bây giờ bắt đầu cuộc đọ sức dữ dội giữa viên giám định và tôi.

- Ba nghìn năm trăm.

- Sáu trăm – Bảy trăm.

- Bốn nghìn.

- Bốn nghìn năm trăm.

Rồi với một sự nhảy vọt kinh khủng, Polizzi bỗng nâng giá lên tới sáu nghìn.

Sáu nghìn quan, đó là tất cả số tiền tôi có quyền sử dụng. Đối với tôi là có thể được. Tôi liều thử xem.

- Sáu nghìn một trăm! Tôi kêu lên.

Than ôi! cả việc làm liều này cũng không đủ.

- Sáu nghìn năm trăm, Polizzi bình thản đáp lại.

Tôi cúi đầu, miệng há hốc không dám tỏ ý gì với người rao hét nhằm vào tôi:

- Sáu nghìn năm trăm, về tôi; không phải về ông bên phải, về tôi rồi! Chẳng nhầm lẫn! Sáu nghìn năm trăm!

- Rõ quá chưa! – Nhân viên bán đấu giá nhắc lại. – Sáu nghìn năm trăm. Dĩ nhiên là rõ lắm rồi. Giá cao nhất phải không? Không còn ai mua trên sáu nghìn năm trăm quan.

Một sự yên lặng trang trọng ngự trị căn phòng. Bỗng tôi thấy đầu óc nhưc nhối. Viên chức giúp việc cầm bút đập một tiếng gọn trên bục dứt khoát cho bán đấu giá số 42 cho Polizzi. Ngay lúc ấy, viên thư ký ghi một dòng trên giấy có dán tem, đăng ký sự kiện lớn này.

Tôi nghẹt thở, tôi cần không khí và nghỉ ngơi. Tuy nhiên tôi không rời chỗ. Dần dần tôi suy nghĩ lại. Niềm hy vọng rất dai dẳng. Tôi bỗng nảy ra hy vọng. Tôi cho rằng kẻ mới mua được *Tập truyện thánh kỳ diệu* có thể là một tay ham sách thông minh và hào phóng sẽ thông báo với tôi về tập bản thảo và cả đến cho phép tôi đăng tải những phần chủ yếu. Vì thế, khi cuộc bán đấu giá kết thúc, tôi lại gần viên giám định đang bước xuống bục.

- Thưa ông giám định – tôi nói – có phải ông mua con số 42 cho ông hay mua giúp cho ai?

- Mua giúp thôi. Tôi được lệnh không buông thả con số đó bất cứ giá nào.

- Ông có thể cho tôi biết tên người mua không?

- Tôi rất tiếc không thể làm vừa lòng ông. Điều đó hoàn toàn cấm kỵ đối với tôi.

Tôi thất vọng từ giã anh ta.

Ngày 30 tháng 12 năm 1869

- Chị Thérèse, trong mười lăm phút vừa qua, chị không nghe ai gõ cửa nhà ta sao?

Chị Thérèse không đáp. Chị đang nói chuyện phiếm trong nhà người gác cổng. Điều đó là cái chắc. Chị chúc mừng lễ Sinh nhật ông chủ già nua của chị như thế ư? Chị bỏ mặc tôi trong bữa ăn tối của Saint Sylvestre sao? Than ôi! Nếu hôm nay những lời chúc mừng triu mến đến với tôi, thì chúng sẽ tuôn ra từ dưới đất, vì tất cả cái gì yêu thương tôi từ lâu đã bị chôn vùi. Tôi không biết mấy điều gì tôi đã làm trên đời này. Người ta bấm chuông nữa. Tôi chậm rãi rời lò sưởi, khom lưng đi mở cửa. Tôi thấy gì ở đầu thang? Đây không phải là vở kịch “Tình yêu đắm lệt” và tôi chẳng phải là lão Anacréon, nhưng một chàng trai xinh đẹp khoảng tám chín tuổi, cậu bé chỉ một mình, cậu ngẩng đầu nhìn tôi, hai má ửng đỏ, mũi nhỏ phồng vẻ láu lỉnh, mũi có chùm lông, trên áo bờ lu có cổ xếp bông. Cậu bé xinh đẹp làm sao! Cậu ôm hai tay một gói to bằng người cậu và hỏi có phải tôi là

ông Sylvestre Bonnard không? Tôi đáp đúng thế, cậu liền giao cái gói cho tôi, nói là của mẹ, rồi vụt chạy xuống cầu thang.

Tôi bước xuống mấy bậc thang, nghiêng mình trên lan can nhìn thấy cái mũ bé nhỏ xoay tròn trong hình tròn ốc của cầu thang như chiếc lông trước gió. Chào chàng trai bé bỏng của tôi! Tôi muốn nói chuyện vui vẻ với cậu. Nhưng tôi sẽ hỏi gì đây? Mà hỏi trẻ con thì không tế nhị. Vả lại gói kia sẽ giúp tôi hiểu sự việc tốt hơn cậu bé sứ giả.

Đó là một gói rất to nhưng không nặng lắm. Tôi tháo bỏ những dải lụa và giấy bạc và thấy... cái gì?

Một khúc củi, một khúc củi lớn, một khúc củi thực sự cho lễ Noel, nhưng rất nhẹ tưởng như trống rỗng. Quả nhiên tôi phát hiện nó gồm hai mảnh ghép lại bằng những cái móc và mở ra với bản lề. Tôi xoay các móc. Thế là hoa tím tràn ngập quanh tôi, tung tóe trên bàn, trên đầu gối, trên thảm, len lỏi vào áo gi lê, vào hai tay áo. Cả người tôi thơm ngát mùi hoa.

- Chị Thérèse! Chị Thérèse! Mang lại đây những chậu nước đầy. Không biết từ xứ sở nào, từ bàn tay nào, những hoa tím này đến với chúng ta, nhưng chắc là từ một xứ sở ướp hương, từ một bàn tay duyên dáng. Hỡi chị quạ già, chị có nghe không?

Cả mặt bàn như đầy hoa tím tú ụ như một bụi cây ngào ngào. Lại còn vật gì nữa trong khúc củi, một cuốn sách, một tập bản thảo. Đó là... tôi không tin mà cũng không ngờ... Đó là *Tập truyện thánh kỳ diệu*, đó là tập bản thảo của tu sĩ Jean Toutmouillé. Đây là lễ *Thánh mẫu hiến đường*, và *sự bắt cóc Prosepine*. Đây là truyện thánh Droctovée. Tôi chiêm ngưỡng thánh tích ngào ngào mùi hoa tím này. Tôi giở những tờ có hoa nhạt lẩn vào và tôi thấy một tấm danh thiếp mang tên: Bà hoàng Trépof, đặt ngay vào mục truyện nữ thánh Cécile.

Bà hoàng Trépof! Bà đã lần lượt cười khóc hết sức duyên dáng dưới bầu trời Agrigente xinh đẹp, bà, người mà một ông lão râu rĩ tưởng là một con bé điên khùng, thì hôm nay tôi tin chắc đó là niềm đam mê đẹp đẽ hiếm có của bà, và con người hiền từ mà bà đã làm cho vui mừng khôn xiết, sẽ đến hôn tay bà, hoàn trả lại bà tập bản thảo quý giá này mà khoa học và người ấy sẽ nhờ bà mới có được một tài liệu xuất bản chính xác và lộng lẫy.

Lúc ấy chị Thérèse đi vào phòng tôi, hớt hơ hớt hải:

- Ông ạ, ông thử đoán xem tôi vừa trông thấy ai phút chốc trong cỗ xe có vẽ gia huy đỗ trước cửa nhà?

- Tất nhiên đó là Trépof phu nhân.

- Tôi không biết Trépof phu nhân. Người đàn bà tôi vừa trông thấy ăn mặc như một công tước phu nhân

cùng đi với một cậu bé quần áo có mọi đường may thêu ren. Và đó là bà Coccoz hèn mọn ngày trước mà ông đã gửi cho một khúc củi, khi bã ở cũ, cách đây đã tám năm. Tôi nhận ra đúng là bà ấy.

- Chị bảo đó là bà Coccoz, vợ góa anh chàng bán sách lịch à? – Tôi mau miệng hỏi.

- Thưa ông, chính là bà ấy. Khi cậu bé ra khỏi nhà này thì cửa xe mở cho cậu bước lên. Bà ta không thay đổi mấy. Tại sao những phụ nữ kia sống lâu? Họ chẳng có gì phải tư lự. Bà Coccoz chỉ hơi béo hơn trước. Một người đàn bà ngày xưa được thu nhận do lòng từ thiện, nay tới phô trương lụa là châu báu trong một cỗ xe có gia hiệu, há chẳng phải là điều hổ thẹn.

- Chị Thérèse! – Tôi kinh hoàng kêu lên – Giá mà chị nói với tôi về bà này khác đi, rằng chúng ta rồi rít lên với lòng kính trọng sâu sắc đối với bà ấy. Thôi, chị hãy mang lại đây những chậu sứ vùng Sèvres để cắm các hoa tím này vào, những bông hoa đem lại cho nhà sách một sự duyên dáng mà nó không bao giờ có được.

Trong khi chị Thérèse vừa thở dài vừa đi tìm chậu sứ, tôi ngắm những bông hoa tím tản mát xinh đẹp đang tỏa ra quanh tôi một mùi hương như của một tâm hồn kiêu diễm và tôi tự hỏi vì sao tôi không nhận ra bà Coccoz với tư cách là bà hoàng Trépof. Đối với tôi đó cũng là

một hình ảnh người góa phụ trẻ tuổi đã đưa cho tôi nhìn đứa con trai bé bỏng trần truồng của nàng trên cầu thang. Tôi đâu có lý do để buộc tội mình đã đi qua sát cạnh một con người xinh đẹp duyên dáng mà không hề hay biết.

“Bonnard – tôi tự nhủ – mà biết đọc nổi những văn bản cổ, nhưng mà không biết đọc cuốn sách cuộc đời. Người con gái hèn mọn lơ đễnh kia, nay là Trépop phu nhân mà ngày xưa mà chỉ coi như một linh hồn chim chóc, người con gái ấy, để đền ơn, đã hao tốn bao nhiêu nhiệt tình và tâm trí mà chẳng bao giờ mà bỏ ra để giúp ai. Nàng đã trả ơn cho mà về khúc gỗ lẽ giải cũ một cách tuyệt vời... Chị Thérèse ơi, trước chị là con ác là, nay chị trở thành một con rùa – Chị hãy đem nước tưới cho những hoa tím kia của thành Parme”.

Phần hai

TIÊU THƯ JEANNE ALEXANDRE

I

Lusance, ngày 8 tháng 8 năm 1874

Khi tôi bước xuống ga xếp Melun thì màn đêm đã bao phủ vùng quê yên tĩnh. Cả ngày bị nắng mặt trời nung nấu, thứ nắng làm chảy mỡ như thợ gặt thung lũng Vire thường nói, mặt đất xông lên một mùi nóng bức nặng nề. Là là mặt đất, cỏ thơm nồng nặc lê thê một vệt dài. Tôi giữ bụi của toa xe, và thở phào nhẹ nhàng khoan khoái. Tôi xách túi du lịch đu đưa trong tay, nó không nặng bao nhiêu mặc dù được chị quản gia nhét đầy quần áo, và đồ dùng vệ sinh lật vạt, sạch sẽ lịch sự, cầu kỳ như một cậu học trò vung vẩy chiếc cặp chứa đầy sách vở lòng, đi ra khỏi lớp.

Lạy trời phù hộ cho tôi được còn là một cậu bé học sinh dốt nát của nhà trường. Sáu mươi năm trước, bây giờ người mẹ hiền từ đã qua đời của tôi, tự tay chuẩn bị bánh mì phết mứt nho, đặt vào giỏ, đeo quai vào tay rồi dẫn tôi đến nhà ký túc do ông Douloir quản lý, giữa sân và vườn, trong góc một lối qua phố cụt rất quen thuộc đối với các chú chim sẻ. Ông Douloir to bụng vui vẻ duyên

dáng hồn nhiên mỉm cười với chúng tôi, vuốt má tôi, có lẽ để tỏ ra âu yếm hơn với tôi. Nhưng khi mẹ tôi đã đi qua sân, giữa bầy chim sẻ bay lên trước mặt, thì ông Douloir không cười nữa, không tỏ ra dịu dàng chút nào nữa với tôi, mà trái lại có vẻ như xem tôi là một sinh vật nhỏ bé hết sức khó chịu rầy rà. Từ đó tôi nhận ra rằng ông bắt tất cả bọn học trò phải gánh chịu những tâm địa như vậy của ông. Với vóc người vạm vỡ thô kệch, ông nện chúng tôi những cú thước kẻ một cách nhanh nhẹn bất ngờ. Nhưng mỗi khi nói chuyện với các bà mẹ, trước mặt chúng tôi, thì ông âu yếm dịu dàng như buổi đầu, lúc ấy, ông vừa triu mến nhìn chúng tôi vừa ca ngợi những năng khiếu tốt lành của chúng tôi. Đó là một thời rất tươi đẹp của tôi cùng với những bạn bè thơ ấu sớm chiều cười khóc hả hê như tôi trên ghế nhà trường ông Douloir.

Sau hơn nửa thế kỷ, những kỷ niệm kia lại hiện ra tươi rói, và chói lọi trong tâm trí tôi, dưới bầu trời sao không thay đổi từ đây mà ánh sáng thanh bình bất di bất dịch sẽ chứng kiến không nhầm lẫn, bao nhiêu học sinh khác như tôi ngày trước, trở thành những nhà bác học hay chảy nước mũi và bạc tóc như tôi hôm nay.

Hỡi các vì sao, đã tỏa sáng, nhẹ nhàng hay nặng nề trên đầu tất cả tổ tiên đã bị quên lãng của ta, chính nhờ ánh sáng các người mà ta cảm thấy một sự thương tiếc đau đớn thức dậy trong lòng. Ta mong có một hậu thế sẽ

còn nhìn thấy các người khi ta không còn nhìn thấy các người nữa. Hỡi Clémentine có cặp má hết sức thom mát dưới chiếc mũ màu hồng! Ta sẽ là cha, là ông nếu nàng ưng thuận. Nhưng bỗng nàng lấy Achille Allier, một nông dân giàu có, chút ít quý phái vùng Niverne, bởi vì cụ thân sinh bình dân của gã, sở hữu những tài sản quốc gia, đã tậu được sở lưu trữ pháp điển cùng với lầu đài và đất đai các lãnh chúa. Từ ngày nàng lấy chồng, ta không gặp lại nàng, và ta hình dung cuộc đời nàng trôi đi êm đẹp, âm thầm trong trang viên thôn dã. Một ngày nọ, ta tình cờ được một người bạn nàng cho biết nàng đã vĩnh biệt cảnh đời kia, để lại một mụn con gái giống nàng. Hai mươi năm trước, tin này đã rung chuyển lòng ta, khiến ta lặng người. Tình cảm tràn ngập lòng ta không phải là nỗi đau buốt mà là nỗi buồn sâu sắc, lặng lẽ của một tâm hồn ngoan ngoãn đối với những bài học vĩ đại của tạo hóa. Ta hiểu rằng người mà ta yêu thương chỉ là một hình bóng, nhưng kỷ niệm về nàng mãi mãi là niềm mê say của đời ta. Tư dung đáng yêu của nàng đã qua. Cái đẹp thanh xuân kia tất nhiên đã bị tước bỏ. Thế mà, Clémentine, ta vẫn gặp nàng luôn với mái tóc xuân vàng hoe và chiếc mũ màu hồng.

Đêm đẹp làm sao! Trong ưu tư mơ mộng thanh cao, đêm ngự trị trên con người và muôn thú đã được giải phóng khỏi mọi câu thúc hàng ngày, và tôi nghiệm thấy thế lực diệu hiền của nó, dù rằng, do thói quen của lứa tuổi trên sáu mươi, tôi không còn cảm thấy sự vật chỉ

bằng những dấu hiệu tiêu biểu. Đối với tôi, trong thế gian, chỉ có những từ, chính vì tôi là nhà văn ngữ học; mỗi người theo cách riêng của mình, tạo ra giấc mơ cho đời mình. Tôi thực hiện giấc mơ này trong thư viện của tôi, và đến lúc phải từ giã cõi trần, cầu Chúa vui lòng đón con trên cầu thang của con, trước những chiếc bàn nhỏ chất đầy sách vở.

- A! Đúng là ông ấy! Chào ông Sylvestre Bonnard. Ông đi đâu lang thang lê gót chân phóng túng lòng sục khắp đồng quê, trong khi tôi chờ ông trước nhà ga với cỗ xe độc mã? Khi xuống tàu, ông đã không trông thấy tôi, thế là tôi phải trở về Lusance tay không – Ông hãy đưa túi xách cho tôi và lên xe cạnh tôi, ông biết không, từ đây đến tòa lâu đài đúng bảy ki-lô-mét.

Ai từ trên cao xe độc mã gào lên với tôi như thế? Đó là Paul de Gabry, cháu trai và là người thừa kế ông Honoré de Gabry, công khanh nước Pháp năm 1842, vừa qua đời ở Monaco. Đúng là tôi đến nhà Paul de Gabry với chiếc vali do chị quản gia khóa lại. Con người rất tốt bụng này và hai anh rể vừa được thừa kế tài sản của ông bác xuất thân từ một gia đình luật sư rất xa xưa, tại lâu đài Lusance, ông này có một tủ sách dồi dào nhiều bản thảo, trong đó một số có từ thế kỷ thứ mười ba – Chính là để kiểm kê và lập danh mục những bản thảo đó nên tôi đến Lusance, theo yêu cầu của Paul de Gabry mà cụ thân sinh là một người phong nhã đặc biệt ham mê sách

và sinh thời đã có những mối quan hệ hết sức lịch sự với tôi – Thực ra thì anh con trai chẳng thừa hưởng chí hướng thanh cao của cha. Paul lao vào chuyện thể thao, rất thông thạo về ngựa và chó, và tôi tin rằng trong tất cả các môn thích hợp cho việc thỏa mãn hay nhằm đánh lừa óc tò mò vô tận của con người, thì môn ngựa đua và cưỡi chó là những môn anh am hiểu đầy đủ nhất.

Tôi không thể nói là mình ngạc nhiên khi gặp anh, nhưng thú thật là tôi đang mải suy tư miên man, nên quên khuấy lâu đài Lusance và các ông chủ, đến nỗi anh chàng quý phái nhà quê ở đầu đường trước mắt phải thét vào tai tôi như một tiếng ồn khác thường.

Tôi có lý lẽ để lo ngại rằng, gương mặt ngơ ngẩn thế nào đó của mình đã để lộ sự đãng trí khiếm nhã thường được che giấu trong nhiều cuộc giao tiếp xã hội. Chủ nhà thực thà và giản dị khiến tôi yêu mến.

- Tôi không bằng lòng chút nào tước vị cũ của bác – anh ta bảo tôi – nhưng bác sẽ phải nói chuyện với ai ở nhà chúng tôi. Không kể cha xứ làm sách, và ông thầy thuốc rất dễ thương, dù là con người tự do, bác sẽ gặp một người chống đối. Đó là nhà tôi. Cô ta không phải là một nữ bác học, nhưng tôi tin rằng không có điều gì cô không biết. Và lại, may quá, tôi tính giữ bác lại khá lâu cho bác gặp tiểu thư Jeanne có những ngón tay thuật sĩ và một tâm hồn thiên thần.

- Cô gái có năng khiếu mỹ mĩ đến thế là người của gia đình ta? – Tôi hỏi.

- Không, – Paul đáp, mắt nhìn vào tai con ngựa đang nện vó xuống mặt đường đầy ánh trăng xanh – đây là một cô bạn trẻ của nhà tôi. Cô ấy mồ côi cha lẫn mẹ. Cha cô ấy đã làm cho chúng tôi mạo hiểm chạy theo một vụ làm ăn lớn và chúng tôi đã phải một phen sợ hãi ghê gớm với ông ấy.

Rồi anh lắc đầu nói qua chuyện khác, anh cho tôi biết tình trạng công viên và lâu đài bị bỏ hoang hoàn toàn từ ba mươi hai năm nay.

Tôi được biết ông bác Honoré de Gabry của anh, lúc sinh thời là người trông coi khu săn bắn, rất xấu với những người săn bắn trái phép trong vùng, thường bắn họ như bắn thỏ. Một nông dân trong bọn họ bị lãnh chúa bắn viên chì vào ngay giữa mặt. Nhằm trả thù, một tối nọ, gã nấp rình sau rặng cây trên đường dạo chơi và gã đã bắn trệch ông ta một tí, chỉ đốt cháy dải tai.

- Bác tôi – Paul nói thêm – cố phát hiện phát đạn từ đâu tới, nhưng không thấy gì hết và bình thản trở về lâu đài. Ngay hôm sau, bác gọi viên quản lý đến, ra lệnh rào lâu đài, công viên, không cho ai vào, và dứt khoát cấm sờ mó vào vật gì, cấm giữ gìn, tu sửa cái gì trên đất của bác trong phạm vi các bức tường cho đến khi bác về.

Bác lâu bầu lúng búng thêm trong miệng rằng bác sẽ trở về vào dịp lễ phục sinh hoặc lễ Chúa Ba Ngôi. Lễ Chúa Ba Ngôi đã qua mà không thấy bác quay lại. Bác đã từ trần ở Monaco năm vừa qua, và chúng tôi, anh rể tôi và tôi là những người đầu tiên vào lâu đài bỏ hoang từ ba mươi hai năm nay. Chúng tôi thấy một cây dẻ giữa phòng khách. Còn muốn thăm công viên thì phải có các lối vào.

Anh bạn tôi bỗng nín lặng và người ta chỉ còn nghe tiếng ngựa đi nước kiệu đều đều giữa âm thanh xạc xào của côn trùng trong cỏ. Những bó lúa mì dựng thẳng trên các cánh đồng hai bên đường, dưới ánh trăng mờ, trông như những người đàn bà to lớn mặc đồ trắng quỳ xuống, lúc ấy tôi say đắm những trò trẻ con tuyệt vời trong đêm tối đầy quyến rũ. Sau khi vượt qua bóng tối dày đặc của lối đi, chúng tôi rẽ ngoặt góc vuông cho xe chạy trên một đại lộ thuộc lãnh địa, và tòa lâu đài xuất hiện ở cuối đường như một khối đen ngòm với những tháp lâu canh của nó. Chúng tôi lần theo con đường đắp cao không vào sân chính, vắt qua rãnh nước chảy, thay cho cầu rút bị phá hủy từ lâu. Tôi nghĩ việc mất chiếc cầu rút là điều nhục nhã đầu tiên của tòa lâu đài hiếu chiến này, trước khi nó biến thành quang cảnh thanh bình để đón tiếp tôi. Các vì sao được phản chiếu rõ ràng huyền ảo trong dòng nước sẫm đen. Với tư cách chủ nhà lịch sự, Paul dẫn tôi tới phòng dành cho tôi ở tầng dưới nóc nhà, cuối một

hành lang dài, rồi xin lỗi không giới thiệu ngay tôi với vợ vì đã quá khuya và chúc tôi ngủ ngon.

Phòng tôi ở mang dáng vẻ duyên dáng của thế kỷ 18, quét vôi trắng, tường phủ vải Cro-ton in hoa. Lò sưởi còn đầy tro nóng hổi, chứng tỏ người nhà đã cố gắng làm tan khí ẩm thấp. Trên mặt lò sưởi, đặt tượng nửa người của hoàng hậu Marie Antoinette bằng sứ không men. Tôi vội vàng treo cao chiếc đồng hồ quả quýt của tôi lên hai cái móc đồng trên khung trắng của mặt kính sẫm loang lổ, mà ngày xưa các bà dùng treo túi xách; bởi vì trái với châm ngôn của bọn khoái lạc chủ nghĩa, tôi cho rằng con người chỉ làm chủ thời gian khi chia nó ra thành giờ, thành phút, thành giây, nghĩa là thành những khoảng cách cân đối với đời người ngắn ngủi bởi vì thời gian chính là cuộc đời. Lúc ấy, tôi nghĩ rằng cuộc đời hình như chỉ ngắn ngủi đối với chúng ta là do chúng ta đại dốt sử dụng nó ít ỏi vào những kỳ vọng điên rồ. Như ông già trong chuyện ngụ ngôn, tất cả chúng ta phải thêm cánh vào nhà mình. Trước khi chết, tôi muốn hoàn thành lịch sử của trường tu viện nhà thờ Saint-Germain-des-Prés – Thời gian Chúa ban phát cho mỗi người chúng ta như một hàng dẹt quý giá, chúng ta phải ra sức tô vẽ thêm. Tôi đã thuê ren khố vải của tôi bằng mọi thứ tranh ảnh minh họa ngữ văn học. Cứ thế mà tư tưởng tôi tiến triển, ý niệm về thời gian đưa tôi trở về quá khứ và lần thứ hai trong một vòng quanh mặt đồng hồ, vừa thất khẩn quàng cổ lên đầu, tôi vừa nghĩ tới nàng, tới

Clémentine, cầu phúc cho nàng ở hậu thế, trước khi tắt
nên đi ngủ theo tiếng kêu của ếch nhái.

Lusance ngày 9 tháng 8

Trong bữa ăn sáng, tôi có nhiều dịp đánh giá cao câu chuyện của chị De Gabry cho biết tòa lâu đài có nhiều ma quỷ lui tới và đặc biệt là “Bà có ba nếp nhăn trên lưng” sinh thời là một thợ chuyên đi đầu độc và từ nay là linh hồn chịu hình phạt. Tôi không thể nói chị biết đưa vào câu chuyện cũ thời còn bú sữa này bao nhiêu trí tuệ và sinh khí. Chúng tôi dùng cà phê trên sân thượng có lan can vây quanh, một dây thừng xuyên to khỏe đã làm nứt lỗ chỗ tay vịn bằng đá, những lan can này bị kẹt giữa những mắt thứ cây leo quấn quýt trong tư thế điên loạn của những phụ nữ xứ Tét-xa-li ngày xưa, trong tay nắm ky mã cương đoạt.

Tòa lâu đài hình cỗ xe bốn bánh, bên sườn mỗi góc có tháp con, do tu sửa liên tiếp, đã mất hết mọi đặc tính. Đó là một ngôi nhà xây rộng rãi có giá trị, không có gì hơn nữa. Tôi hình như không cảm thấy những thiệt hại đáng kể trong cảnh hoang phế ba mươi hai năm. Nhưng khi được chị De Gabry hướng dẫn, tôi vào phòng khách lớn ở tầng dưới, mới thấy những sàn nhà khum lên, những chân cột thối mục, những gỗ lát tường nứt nẻ, những bức tranh trên lò sưởi rơi thõng xuống khỏi khung ba phần tư, nước sơn đã chuyển thành màu đen. Một cây dẻ lớn

lên ở đó, đã nâng gổ ván sàn lên và xoay về phía cửa sổ không có kính, những chùm lá rộng lớn của nó lòa xòa.

Tôi lo lắng nhìn cảnh tượng này khi nghĩ đến tủ sách phong phú của ông Honoré de Gabry, đặt trong gian phòng bên cạnh, phải chịu đựng quá lâu như thế đối với những ảnh hưởng độc hại. Tuy nhiên, khi ngắm cây dẻ non trong phòng khách, tôi không thể không khâm phục sức sống mạnh mẽ tuyệt vời của vạn vật và sức lực không cưỡng được đã thúc đẩy mọi mầm mống phát triển. Trái lại, tôi buồn phiền nghĩ tới cố gắng của những nhà bác học chúng ta, nhằm giữ gìn và bảo quản những vật chất, là một cố gắng nhọc nhằn và vô ích – Tất cả cái gì đã chết là thức ăn cần thiết cho những sinh vật mới – Người Ả Rập xây dựng cho mình một túp lều bằng đá cẩm thạch của những đền đài ở Palmyre, có triết lý sống hơn tất cả những kẻ bảo quản các viên bảo tàng ở Luân Đôn, Paris và Munich.

Lusance ngày 11 tháng 8

Ồn trời ban phúc! Tủ sách ở hướng đông nên không gặp phải những thiệt hại không đền bù lại được. Ngoài dãy nặng những bộ *Tập quán cũ*, khổ đôi bị chuột sóc đục khoét từ bên này sang bên kia, các cuốn sách đều còn nguyên vẹn trong tủ có chấn song. Tôi dành cả ngày sắp xếp lại các bản thảo. Mặt trời chiếu sáng qua các cửa

sổ cao không rèm che. Trong lúc đang đọc sách báo một cách thú vị, tôi nghe tiếng rì rầm nặng nề chậm chạp va vào kính, nghe gỗ lát tường gầy rảnh rấc những bầy ruồi say ánh sáng và hơi nóng, quay cánh vù vù vòng tròn trên đầu. Đến ba giờ, tiếng vo vo của chúng phải khiến tôi ngẩng lên từ trên một tài liệu hết sức quý giá đối với lịch sử xứ Melun ở thế kỷ 13 và tôi bắt đầu nhìn kỹ sự vận động cùng một trung tâm điểm của những con vật nhỏ kia hay là “những con vật bé bỏng” của La Fontaine. Tôi nhận thấy cái nóng tác động đến đôi cánh một con ruồi khác hẳn đối với đầu óc một người lưu trữ chữ cổ, bởi vì tôi cảm thấy một sự suy nghĩ rất khó khăn và một sự đờ đẫn khá thú vị mà chỉ có nỗ lực phi thường mới thoát khỏi. Đang giữa bao nhiêu công việc thì bất thành linh chuông báo ăn tối, tôi phải vội vàng rửa ráy để có mặt chỉnh tề trước chị De Gabry.

Bữa ăn phong phú nên kéo dài. Tài nếm rượu của tôi có lẽ không xoàng lắm. Nhận thấy tôi là người trí thức, chủ nhân khá quý mến tôi, mới mở một chai Château-Margaux để chào mừng. Tôi kính trọng uống rượu vang của dòng họ lớn và đức độ thanh cao này mà mùi hương và vị nồng không thể chê vào đâu được. Hơi nóng lan tỏa trong tĩnh mạch làm cho tôi sôi nổi hăng máu thanh niên. Ngồi cạnh chị De Gabry trên sân thượng, cảnh hoàng hôn phủ một màu huyền bí lên những thân hình phóng đại của cây cối, tôi bỗng nảy ra ý muốn tỏ bày với chị chủ nhà tài trí những cảm nghĩ của mình một cách

sắc sảo dồi dào ý tứ hoàn toàn đáng chú ý ở một người đàn ông thiếu mọi sức tưởng tượng như tôi. Không cần dựa vào bài vở cũ nào, tôi tự phát miêu tả cho chị cái buồn êm dịu của trời chiều tối, cái đẹp của mảnh đất quê hương này đã nuôi dưỡng chúng ta, không chỉ bằng bánh mì và rượu vang mà còn bằng tư tưởng, tình cảm và tín ngưỡng, và sẽ đón nhận tất cả chúng ta trong lòng mẹ như đàn con trẻ thơ chán ngấy một ngày dài.

- Thừa ông – người đàn bà đáng mến nói – ông thấy những cổ tháp này, những cây cối này, bầu trời này; như những nhân vật trong truyện và trong dân ca, dĩ nhiên đều từ đó mà ra – Kia con đường mòn có chú bé Chaperon mặc áo đỏ đi qua để vào hái quả phỉ trong rừng – Trên bầu trời luôn luôn một nửa u ám, thay đổi thất thường này, xe cộ các nàng tiên dọc ngang qua lại và ngọn tháp phía Bắc ngày xưa có thể đã che giấu dưới mái nhọn của mình, bà già xe sợi có con suốt đâm vào tay, người đẹp ngủ trong rừng.

Tôi còn mơ nghĩ về những lời duyên dáng đó thì, qua làn khói thuốc xì gà thứ nặng, anh Paul kể lại cho tôi vụ thừa kiện gì đó về đường ống nước ở công xã mà tôi không hiểu. Khí lạnh trời đêm khiến chị De Gabry rung mình dưới khăn choàng vai, nên chị từ biệt chúng tôi để trở về phòng mình. Lúc ấy, đáng lẽ tôi cũng trở về phòng tôi, nhưng tôi quyết định quay lại thư viện, tiếp tục nghiên cứu bản thảo. Mặc dù Paul không chịu, muốn tôi

đi ngủ, tôi vẫn đi vào nơi mà tôi sẽ gọi theo ngôn ngữ cũ là “thư quán” và tôi bắt đầu công việc dưới ánh đèn.

Đọc hết mười lăm trang hẳn là do dân cạo giấy dốt nát và đãng trí viết, vì tôi hơi mệt mới hiểu được ý nghĩa, tôi thọc tay vào túi áo lễ để hờ, lấy hộp đựng thuốc hít, những động tác tự nhiên đến thế và gần như do quán tính, lần này cũng làm cho tôi phải cố sức, phải mệt mỗi một chút; tuy nhiên tôi mở ngay hộp thuốc, vốc một ít bột thơm làm rơi vãi dọc theo yếm áo sơ mi, dưới cái mũi bị thất vọng của tôi.

Tôi chắc mũi tôi biểu lộ sự chán nản, nó rất nhạy cảm, đã nhiều lần phát hiện những ý nghĩ sâu kín nhất của tôi, đặc biệt tại thư viện công cộng quận Coutances, tôi phát hiện ngang nhiên trước mặt bạn đồng sự Brioux của tôi, tập pháp điển về tài sản đất đai của tu viện Notre-Dame-des-Angens.

Làm sao mà tôi không vui! Dưới cặp kính, hai mắt tôi nhỏ và mờ không để lộ điều đó. Nhưng chỉ nhìn cái mũi đít nòi của tôi phồng lên vui mừng tự hào, Brioux mới đoán ra tôi đã khám phá điều gì. Hẳn để ý cuốn sách tôi cầm, đánh dấu nơi tôi để, khi tôi đi khỏi, rồi sau đó đến chiếm lấy, lén lút chép lại và vội vàng xuất bản để chơi tôi một vố. Tưởng là đánh lừa tôi, nhưng chính hẳn tự lừa mình. Sách hẳn xuất bản đầy lỗi, lúc ấy tôi thỏa thích nêu ra một số lầm lẫn lớn. Để trở lại tình trạng trước đây

của mình, tôi ngờ rằng trạng thái ngủ gà trĩ độn đờ nặng lên tâm trí. Dưới mắt tôi, một cuốn pháp điển có thể được mọi người đánh giá cao lợi ích, dù tôi ngờ rằng trong đó có ghi chú năm 1212, một nhà thổ đã bán cho linh mục Jehan d'Estourville. Nhưng đầu lúc ấy, tôi cảm thấy tất cả tầm quan trọng của sự việc, tôi không cho rằng một tài liệu như thế đòi hỏi phải được cấp thiết chú ý. Dù làm gì, hai mắt tôi vẫn ngoảnh về phía bàn không trưng bày một vật nào quan trọng về mặt bác học. Ở đây, chỉ có một tập sách khá to tiếng Đức đóng bằng da lợn nai, với những đỉnh đồng ở mặt bìa, và những đường gân dày đặc trên gáy. Đó là một bản đẹp trong bộ sưu tập chỉ có giá trị về mặt tranh khắc gỗ trang trí cho bộ sưu tập mà ai cũng biết với cái tên *Sử biên niên thành phố Nuremberg*.

Tập sách đặt trên mép giữa của nó, các mặt bìa đều hơi hé mở.

Tôi không thể nói, tôi đã vô cớ chăm chú nhìn trong bao lâu bộ sách khổ giấy xếp đôi cũ kỹ này, khi bị thu hút vào một cảnh tượng khác thường, đến nỗi một người không có đầu óc tưởng tượng như tôi, cũng phải lấy làm kinh ngạc sâu sắc.

Bỗng nhiên tôi trông thấy mà không kịp nhận ra; một người nhỏ bé đến lúc nào, ngồi trên gáy cuốn sách, một đầu gối gập lại, một chân thòng xuống, gần như tư thế

những người đàn bà cười ngạ trong công viên Hyde Park hay công viên Bois de Boulogne. Nàng nhỏ bé đến nỗi chân đu đưa vẫn không chạm tới bàn trên đó trải ra và uốn khúc tà áo dài của nàng. Nhưng gương mặt và hình dáng lại là của người đàn bà lớn tuổi, với bộ ngực nở nang, thân thể tròn trịa, không còn nghi ngờ gì nữa, cả đối với một nhà bác học già như tôi. Tôi sẽ nói thêm không sợ nhầm lẫn là nàng rất đẹp với khuôn mặt tự hào; quá trình nghiên cứu tranh ảnh của tôi, từ lâu, khiến tôi có thói quen nhận biết sự trong trắng của một loại hình mẫu và tính cách của một diện mạo. Gương mặt người đàn bà này, bất ngờ ngồi trên gáy cuốn biên niên sử thành phố Nuremberg như thế, biểu lộ sự thanh cao pha lẫn vẻ lạnh lợi hoạt bát. Nàng có dáng một bà hoàng tính khí thất thường, và chỉ qua cách nhìn của nàng, tôi đoán rằng nàng đã sử dụng đâu đây một quyền lực với nhiều sở thích riêng. Cái miệng của nàng kiêu ngạo và mỉa mai, và dưới cặp lông mày hình cung rất trong sáng, đôi mắt nàng tươi cười một cách đáng lo ngại. Tôi thường nghe nói lông mày đen rất hợp với người tóc hoe và người đàn bà này là một phụ nữ tóc hoe. Tóm lại, nàng gây ấn tượng về sự quyền quý.

Một người cao bằng cái chai có thể biến mất trong túi áo lễ của tôi, nếu không vô phép đặt hẳn vào, đã gây ra ý niệm về sự quyền quý thì cũng hơi lạ. Nhưng những nét cân đối ở người đàn bà ngồi trên cuốn biên niên sử thành phố Nuremberg, hàm chứa một dáng mảnh khảnh kiêu

căng đến thế, một sự hài hòa đến thế, thái độ nàng vừa bình dị vừa thanh cao đến thế, đến nỗi đối với tôi nàng có vẻ phi thường. Dù nàng trân trân nhìn lọ mực ngụ ý chế giễu như có thể đọc được tất cả mọi từ thoát ra ở đầu ngọn bút của tôi, dù nàng có xem nó như một cái chậu sâu dùng để nhuộm đen đến cả nịt bút tất lụa có kẽ mép vàng của nàng, thì tôi vẫn dám bảo bạn rằng nàng vẫn là phi thường và oai vệ với tính vui vẻ hồn nhiên của mình.

Hợp với dung mạo, quần áo nàng cực kỳ lộng lẫy gồm một áo gấm dài có hình vẽ thêu với chỉ vàng, chỉ bạc và một áo khoác nhung đỏ nhạt óng ánh như xà cừ, có lót da lông sóc xám mịn. Nàng đội thứ mũ chóp nón hai mũi nam hạt trai lóng lánh đẹp đẽ trong trẻo sáng sủa như vành trăng lưỡi liềm. Tôi để ý chiếc đĩa trong tay nhỏ bé của nàng càng hơn những việc nghiên cứu khảo cổ chuẩn bị cho tôi nhận ra những dấu hiệu khá chắc chắn nhằm phân biệt những nhân vật trữ danh trong truyền thuyết và lịch sử. Trong dịp này, nhận thức đó có ích cho tôi. Tôi quan sát thấy chiếc đĩa được cắt gọt từ một nhánh cây phi. Tôi tự nhủ đó là chiếc đĩa tiên, cho nên người đàn bà cầm nó là một nàng tiên. Tôi thầm cảm ơn người đàn bà này đã hiện ra với một nhà bác học già, trái với tục lệ không thay đổi của những đồng loại của họ vốn chỉ ra mắt với bọn trẻ ngây thơ và đám nông dân vô học.

“Để thành tiên, người ta phải là đàn bà đã”. Tôi tự nhủ. Và chính vì bà Recamier như tôi đã nghe nói thế với ông J. J. Ampère, bà coi ấn tượng về sắc đẹp của mình đối với đám thợ cạo ống khói hèn mọn, là ít nhiều có giá trị thì người đàn bà siêu việt ngồi trên cuốn biên niên sử thành phố Nuremberg hẳn sẽ cảm động được nghe một nhà bác học đối xử với mình uyên bác như đối với một ảnh tượng, một dấu ấn, một cái ghim cài áo hay một đồng tiền. Nhưng tôi nhút nhát không thể trù tính nói năng như vậy, khi bỗng thấy người đàn bà ngồi trên cuốn sử biên niên, bốc ra khỏi hầu bao bên hông, những quả phỉ bé chưa từng thấy, rồi cắn và vứt vỏ vào mũi tôi, còn hạt nhân thì ăn ngon lành nghiêm trang như một thằng bé đang bú.

Trước tình huống đó, tôi lặng yên với lòng tự tôn của người trí thức. Nhưng vỏ phỉ gây cho tôi cảm giác buồn buồn khó chịu. Tôi đưa tay lên mũi, và tôi rất ngạc nhiên thấy mình vẫn đeo kính, nhưng tôi trông thấy người đàn bà ở trên kính chứ không phải qua kính, thật khó hiểu, chính vì mắt tôi đã yếu do đọc nhiều văn bản cổ, nếu không kính thì không phân biệt nổi quả dưa tây với chiếc lọ bình cùng đặt trước đầu mũi.

Cái mũi này do khối lượng, hình dáng và màu sắc của nó đã thu hút chính đáng sự chú ý của nàng tiên, vì nàng cầm ngòi bút lông ngỗng của tôi nổi lên như chùm lông trên lọ mực, và đưa qua đưa lại những sợi lông tơ trên

mũi tôi. Đôi khi tôi được các cô gái trẻ lôi kéo vào những trò chơi tinh nghịch ngay thơ này, như đưa má cho tôi hôn qua lưng ghế tựa hoặc các cô đứng xa đột ngột giơ ngón nền lên bảo tôi thổi tắt. Cho đến nay, phụ nữ không ai bắt tôi phải chịu những ý thích bất thường suồng sã lấy lông tơ của chính ngòi bút tôi ngoáy vào lỗ mũi như thế. May sao, tôi nhớ đến một câu châm ngôn của ông nội tôi đã quá cố thường bảo, đối với phái yếu, mọi việc đều được phép, rằng mọi hành động của họ là đặc ân, là sủng ái – Vậy thì những vô phi, những lông tơ của ngòi bút kia là đặc ân, là sủng ái đối với tôi, lúc ấy tôi cố mỉm cười. Hơn nữa, tôi bắt đầu lễ phép trang nghiêm nói:

- Thưa bà! Cuộc thăm viếng của bà đem lại vinh dự không phải cho một thằng oắt con, cũng không phải cho một gã cục cằn mà đúng là cho một cán bộ thư viện lấy làm sung sướng được làm quen với bà, được biết bà xưa kia đã làm rồi tung bồm ngựa trong máng ăn, uống sữa trong những bát đầy bọt, giúi hạt vào lưng, buộc các cụ bà phải ngựa gãi, đã làm củi trong lò sưởi nổ lét đét vào mũi những người hiền lành, nói tóm lại bà nghịch ngợm cho vui cửa vui nhà. Hơn nữa, bà có thể khoe khoang đã chơi những vô hú vĩa nhớ đời đối với những cặp tình nhân sa đà mê mải trong rừng khuya. Nhưng tôi tin rằng bà đã biến mất vĩnh viễn ít nhất từ ba thế kỷ rồi. Thưa bà, có thể nào trong thời đường sắt và máy điện báo này, người ta còn gặp bà? Chị gác cổng của tôi, thời còn làm

vú nuôi, không biết lịch sử của bà và cậu bé láng giềng của tôi mà chị vú em còn hỉ mũi cho, khẳng định rằng bà không còn sống mà.

- Ông nghĩ thế nào? – bà ta kêu lên sang sảng, vừa đứng sỗ sàng ngạo nghễ trong thân hình bé nhỏ huy hoàng như một con quái vật đầu chim mình người, vừa quất vào gáy cuốn biên niên sử thành phố Nuremberg.

- Tôi không biết – tôi vừa đáp vừa dụi mắt.

Câu trả lời in dấu một sự hoài nghi sâu sắc này tác động thảm hại nhất tới người đối thoại của tôi.

- Thừa ông Sylvestre Bonnard – bà nói – ông chỉ là một nhà thông thái rơm. Tôi luôn luôn nghi ngờ như vậy. Đứa nhỏ nhất trong các cậu bé qua đường với vạt áo sơ mi che quần đùi xẻ cũng biết tôi hơn tất cả những vị đeo kính của các học viện, hàn lâm viện của ông. Có trí thức chẳng là gì hết, tưởng tượng sáng tạo mới quan trọng. Chỉ cái gì người ta suy nghĩ sáng tạo ra mới tồn tại. Tôi được người ta nghĩ ra. Tôi nghĩ cái đó là tồn tại. Người ta ước mơ thế là tôi xuất hiện. Tất cả chỉ là ước mơ và do chẳng ai ước mơ ông, thừa ông Sylvestre Bonnard, nên chính là ông không tồn tại. Tôi làm vui thiên hạ, khắp nơi đều có mặt tôi, trên ánh trăng, trong tiếng róc rách của mạch suối ngầm, trong tán lá cây vi vu rung động, trong hơi nước trắng xóa bốc lên ban mai từ chỗ

trũng các cánh đồng cỏ, giữa đám hồng thạch thảo, khắp nơi... Người ta gặp tôi, yêu tôi. Người ta thở dài, người ta run rẩy đối với dấu chân nhẹ nhàng của tôi làm cho lá khô héo cũng phải cất tiếng ca hát. Tôi khiến các em nhỏ mỉm cười, tôi đem lại trí tuệ cho các chị vú em trì độn nhất. Cúi xuống vành nôi, tôi trêu chọc, tôi dỗ dành, tôi ru ngủ, thế mà ông lại nghi ngờ sự tồn tại của tôi! Nay ông Sylvestre Bonnard, cái áo choàng ấm áp của ông chỉ che đậy lớp da một con lừa mà thôi.

Bỗng nàng im lặng, cái mũi thanh tú của hàng phòng lên phần nộ, và đang khi tôi chiêm ngưỡng, mặc dù bực mình, cơn giận dữ ghê gớm của con người bé nhỏ này, nàng đưa đi đưa lại ngòi bút của tôi trong lọ mực như mái chèo trong một hồ nước, rồi bất thành linh vút đầu ngòi bút về đằng trước vào mũi tôi.

Tôi chùi mặt, thấy ướt đầy mực. Nàng đã biến mất. Đèn tắt, một tia ánh trắng xuyên qua cửa kính chiếu xuống cuốn biên niên sử của thành phố Nuremberg. Một làn gió mát nổi lên lúc nào không biết, lật tung bay bút, giấy và lọ hồ dán. Mặt bàn lốm đốm đầy vết mực. Trong cơn giông tôi đã để cửa sổ hé mở. Thật quá khinh suất.

Lusance, ngày 12 tháng 8

Như đã hứa, tôi viết cho chị quản gia rằng tôi bình yên vô sự. Nhưng tôi hết sức tránh cho chị biết tôi bị sỗ mũi vì đã để mở cửa sổ, ngủ trong thư viện, là vì người đàn bà rất tốt bụng này không bao giờ quở trách tôi hơn các nghị viện với vua chúa. Chị từng bảo tôi: “Thưa ông, ở lứa tuổi ông mà ít khôn ngoan đến thế sao!”. Chị khá thực thà để tin rằng lý trí tăng theo năm tháng. Về mặt đó, đối với chị, tôi như là một ngoại lệ.

Bằng những lý do khác, tôi im câu chuyện mạo hiểm kia với chị De Gabry, tôi chỉ kể đầy đủ giấc mơ theo như nhật ký này và như trong giấc mơ. Tôi không biết nghệ thuật hư cấu. Tuy vậy khi thuật lại và viết lại câu chuyện, có thể đây đó, một số trường hợp và lời nói lúc đầu không có, hẳn là không nhằm nói sai sự thật mà do lòng thàm muốn làm sáng tỏ và kết thúc điều gì còn khó hiểu, tối nghĩa và có lẽ còn do không cưỡng được sự ham thích văn phúng dụ mà thuở bé tôi đã tiếp thụ được của những người Hy Lạp.

Chị De Gabry chú ý nghe tôi.

- Áo mộng của ông thật là thú vị. Phải tài trí lắm mới có được những giấc mơ như vậy. – Chị nói.

- Vậy là khi tôi ngủ tôi mới có tài trí. – Tôi đáp.

- Chỉ lúc nào ông mơ mộng. Và ông bao giờ cũng mơ mộng mà!

Tôi rất hiểu rằng khi nói thế, chị De Gabry không có ý nghĩ nào khác là làm cho tôi vui thích. Chỉ một ý nghĩ đó cũng đáng cho tôi biết ơn và với lòng biết ơn, tôi ghi lại nó trong cuốn vở này mà tôi sẽ đọc lại cho đến khi chết và ngoài tôi ra, không ai được đọc.

Những ngày tiếp theo tôi hoàn thành bản kiểm kê các bản thảo của thư viện Lusance. Một vài lời kín đáo anh Paul de Gabry buột miệng nói ra, làm cho tôi ngạc nhiên khó chịu, và khiến tôi quyết định điều hành công việc khác hơn lúc bắt đầu. Do anh, tôi được biết gia tài của ông Honoré de Gabry từ lâu bị quản lý tồi, bị mất mát phần lớn vì sự phá sản của một ngân hàng mà anh giấu tên. Gia tài này chỉ được chuyển cho những người thừa kế vị công khanh thời trước của nước Pháp dưới hình thức bất động sản cầm cố và giấy nợ không thể truy hoàn.

Paul thỏa thuận với các đồng thừa kế, đã quyết định bán tủ sách và tôi phải truy tìm những cách thực hiện việc buôn bán hết sức có lợi này. Vốn xa lạ với mọi việc giao dịch thương mại nên tôi phải hỏi ý kiến một người bạn bán sách. Tôi viết cho anh đến tìm tôi tại Lusance,

và trong khi chờ đợi, tôi cầm can và mũ đi tham quan các nhà thờ còn giữ kín những câu khắc về tang lễ chưa được chép đúng ngữ pháp.

Tôi từ biệt chủ nhà và lên đường hành hương. Cả ngày khảo sát tỉ mỉ các nhà thờ, các nghĩa trang, thăm các cha xứ, các viên lục sự trong làng, ăn tối ở quán với những kẻ bán rong, những lái buôn gia súc, ngủ trong những chiếc khăn trải giường tẩm nước hoa oải hương, tôi thường thức một tuần trọn vẹn thú vui êm đềm sâu sắc để gặp những người sống hoàn thành công việc hàng ngày vừa toàn tâm toàn ý nghĩ tới người đã khuất. Về mục đích sưu tầm của tôi, tôi chỉ có những phát hiện trung bình đem lại cho tôi một niềm vui vừa phải, chính vì thế mà lành mạnh và không chán chút nào. Tôi ghi lại một số văn bia lý thú và thêm vào kho tàng nhỏ bé này, nhiều cách pha chế thức ăn lối nông thôn của nhà bếp mà một cha xứ tốt bụng vui lòng thông báo cho tôi.

Được hiểu biết nhiều như thế, tôi trở lại Lusance, tôi đi qua sân giữa với tâm trạng thỏa mãn thầm kín của kẻ phạm tục trở về nhà – Đây là kết quả sự tốt bụng của các vị chủ nhà, và lúc ấy, trên ngưỡng cửa, tôi mới cảm thấy lòng hiếu khách tuyệt vời của họ được chứng minh hơn tất cả mọi sự suy luận.

Tôi vào đến phòng khách, không gặp ai, cây dẻ non ở đó tỏa ra những lá to lớn gây cho tôi ấn tượng đây là một

người bạn. Nhưng vật gì tôi thấy tiếp trên chân quỳ lan can, khiến tôi kinh ngạc đến nỗi phải lấy tay chỉnh lại mục kính trên mũi và tôi lưỡng lự, để khôi phục lại cho mình một khái niệm ít ra cũng hơi hợt về sự tồn tại của chính mình. Trong giây phút, trong trí tôi bỗng nảy ra chừng vài chục ý nghĩ mà ý nghĩ vững chắc hơn cả là tôi đã điên. Tôi nghĩ rằng vật tôi đã thấy, không thể tồn tại, nhưng tôi cũng không thể xem vật đó như một cái gì tồn tại. Như tôi đã nói, vật gì khiến tôi ngạc nhiên, đặt trên chân quỳ lan can bị át hẳn bởi một tấm kính xám xịt, lốm đốm mốc.

Tôi nhận ra mình trong tấm kính này và có thể nói rằng một lần trong đời, tôi thấy trọn vẹn hình ảnh của sự sống sờ. Tự nhận mình có lý, tôi phải chịu là mình đã sống ra trước một vật làm cho người ta kinh ngạc.

Tôi ngây người khảo sát đôi tượng, trong tư thế bất động hoàn toàn, đôi tượng được phản chiếu vẫn nguyên xi trong tấm kính. Sự dai dẳng, tính cố định của hiện tượng đã loại trừ mọi ý niệm về ảo giác. Tôi hoàn toàn không bị rối loạn thị giác do các chứng bệnh thần kinh. Thường thì nguyên nhân của bệnh này do những rối loạn thuộc dạ dày, may thay dạ dày tôi lại rất tốt. Và lại những ảo ảnh của thị giác đều kèm theo những tình tiết đặc biệt, khác thường tác động vào chính người bị ảo giác và gọi cho họ một thứ kinh hãi. Thế mà tôi không hề cảm thấy như vậy và đôi tượng tôi trông thấy, dù tự

nó không thể có, lại xuất hiện trước tôi trong tất cả những điều kiện thực tại bình thường. Tôi để ý thấy nó có ba chiều, có màu sắc, có hình bóng – A! Nếu tôi kiểm tra nó thì sao! Nước mắt tôi giàn giụa, tôi phải lau kính đeo.

Cuối cùng tôi phải chịu là đúng và nhận thấy trước mặt là nàng tiên, nàng tiên tôi đã mơ thấy trong thư viện đêm nọ. Đó là nàng, chính là nàng. Nàng còn có vẻ một bà hoàng trẻ con, tư thế uyển chuyển và tự hào, tay cầm chiếc đĩa bằng cây phi, đầu đội mũ chóp nón có hai mũi, đuôi áo gấm uốn khúc quanh đôi chân nhỏ bé. Cũng gương mặt đó, thân hình đó. Đúng chính là nàng, và để cho người ta khỏi nhầm, nàng ngồi trên gáy một cuốn sách cũ to tương giống hệt cuốn biên niên sử thành phố Nuremberg. Sự bất động của nàng làm cho tôi yên tâm một nửa và thực ra tôi sợ nàng còn lấy những quả phi trong hầu bao cắn vứt vỏ vào mặt tôi.

Tôi đứng đấy, hai tay ve vẩy, miệng há hốc thì chị De Gabry lên tiếng vang vào tai tôi:

- Ông Bonnard, ông đang quan sát nàng tiên của ông, thế nào! Ông thấy nàng giống không?

Câu hỏi nhanh, nhưng khi nghe tôi đủ thì giờ để nhận ra nàng tiên của tôi là một chiếc tượng con nặn bằng sáp màu rất phong nhã và gợi cảm, do một bàn tay còn chưa

có kinh nghiệm. Hiện tượng này đem lại một sự giải thích hợp lý, không để tôi sững sốt nữa. Làm thế nào và do ai mà người đàn bà trên cuốn biên niên sử đạt tới một cuộc sống thực tế – Đó là điều tôi nóng lòng muốn biết.

Quay sang chị De Gabry, tôi thấy không chỉ một mình chị. Một thiếu nữ mặc đồ đen đứng cạnh chị – Nàng có đôi mắt xám dịu như bầu trời vùng Ile de France, có vẻ vừa thông minh vừa ngây thơ. Đôi bàn tay thanh nhã mà đỏ, hợp với tay con gái, lúc lắc ở đầu hai cánh tay mảnh khảnh. Trong chiếc áo len dài, toàn thân nàng như một cây non. Miệng rộng chứng tỏ tính thực thà. Trước hết tôi không thể nói cô bé này được tôi yêu mến biết bao nhiêu. Nàng không đẹp, nhưng ba cái núm đồng tiền tươi vui trên má, trên cằm và cả con người nàng lóng lánh công vụng về một cách thơ ngây biểu lộ cái gì đó trung hậu, tốt bụng mà tôi chưa biết.

Tôi nhìn từ chiếc tượng con đến cô gái nhỏ, lúc ấy tôi thấy mặt cô đỏ bừng lên nhưng thực thà và độ lượng.

Quen với sự đấng trí của tôi, chị chủ nhà hai lần vui vẻ hỏi:

- Này, có đúng là người đàn bà đã trèo qua cửa sổ để mở vào ông không? Nàng quá trơ tráo nhưng ông cũng quá khinh suất. Ông nhận ra nàng chưa?

- Chính là nàng – tôi đáp. Và tôi đã gặp lại nàng trên chân quỳ lan can như tôi đã thấy nàng trên bàn thư viện.

- Như vậy về sự giống nhau đó, trước hết ông hãy buộc tội ông đã, là người biết mô tả những giấc mơ của mình với những màu sắc rực rỡ, đối với một kẻ không có đầu óc tưởng tượng như ông nói, rồi đến buộc tội tôi là người nhớ và thuật lại trung thành giấc mơ của ông và cuối cùng nhất là buộc tội tiểu thư Jean đã theo sự hướng dẫn chính xác của tôi nặn tạc khối sáp mà ông thấy đấy.

Vừa nói, chị De Gabry vừa cầm tay thiếu nữ, nhưng nàng đã thoát ra và chạy vào công viên.

Chị De Gabry gọi nàng lại.

- Jean ! Sao lại có thể thô lỗ như thế? Dù có bị la mắng cũng cứ lại đây!

Nhưng không có tiếng đáp lại, và cô bé hoảng sợ biến mất trong lá cây; chị De Gabry ngồi trong chiếc ghế bành duy nhất còn lại trong phòng khách đồ nát.

- Tôi sẽ hết sức ngạc nhiên – chị nói – nếu chồng tôi không nói về Jean với ông. Chúng tôi yêu quý cháu lắm, đó là một bé gái tuyệt vời. Xin ông nói thật, ông thấy chiếc tượng con của cháu nặn thế nào?

Tôi trả lời đó là một công trình đầy trí tuệ và thẩm mỹ, nhưng tác giả thiếu nghiên cứu và thực hành, vả lại, tôi hết sức cảm động về những ngón tay non trẻ đã tô vẽ thêm như thế trên phác thảo một hình người nặn sơ sài và để biểu thị hết sức xuất sắc những điều mơ mộng của một ông già lắm cảm.

- Tôi hỏi ý kiến ông như vậy, chẳng qua vì Jean là một bé gái mồ côi tội nghiệp – Ông có tin rằng cháu có thể kiếm được ít tiền để làm những tượng con như thế này không? – Chị De Gabry nói tiếp.

- Về chuyện đó, không! – Tôi đáp – Không phải quá luyến tiếc việc ấy. Tiểu thư dịu dàng, đáng mến, tôi tin chị, tôi tin vào diện mạo cháu. Cuộc đời nghệ sĩ có những cuộc luyện tập làm nảy sinh từ quy tắc và biện pháp, những con người cao thượng. Con người non trẻ này được nhào nặn từ đất sét có tình thương. Hãy gắng chông cho cháu.

- Nhưng cháu không có cửa hội môn – Chị De Gabry đáp.

Rồi hạ thấp giọng một chút:

- Ông Bonnard, tôi có thể nói tất cả với ông. Thân phụ cháu gái này là một nhà tài chính nổi tiếng. Ông ta tổ chức nhiều hãng kinh doanh lớn. Ông ta có tính phiêu lưu và làm người ta xiêu lòng. Đó không phải là con

người bất lương: ông ta tự dối mình trước khi lừa dối người khác. Và có lẽ đó còn là tài năng lớn nhất. Chúng tôi thường quan hệ với ông ta. Ông ta quyến rũ tất cả chúng tôi, chồng tôi, bác tôi, các anh em họ tôi. Sự sụp đổ của ông ta đột ngột. Anh Paul đã nói với ông ấy rằng trong tai họa này, cơ nghiệp của bác tôi tiêu tan hết ba phần tư. Chúng tôi ít bị hơn nhiều, và chính vì chúng tôi không có con. Sau khi sạt nghiệp ít lâu, ông ta qua đời, hoàn toàn không để lại tí gì đó là điều khiến tôi nói là ông ta trung thực. Chắc ông biết tên ông ta qua báo chí: Noel Alexandre. Bà vợ ông ta rất nhã nhặn, tôi tin rằng ngày xưa bà xinh đẹp. Bà ít thích xuất đầu lộ diện nhiều. Nhưng bà tỏ ra can đảm và có phẩm cách trong lúc chồng bị sạt nghiệp. Bà chết sau ông ấy một năm, để lại Jean côی cút trên đời. Bà không thể bảo toàn được gì cơ nghiệp khá to lớn của riêng mình. Bà Noel Alexandre ngày trước là cô Allier, con gái của Achille Allier vùng Nevers.

- Con gái của Clémentine! – Tôi kêu lên – Clémentine chết và con gái nàng cũng chết! Nhân loại hầu như toàn là người chết. So với số người đã chết thì người còn sống chẳng là bao nhiêu. Cuộc thì này là gì, ngắn ngủi hơn trí nhớ, ngắn ngủi hơn con người.

Lúc ấy tôi nhắm đọc lời cầu nguyện này:

“Hồi Clémentine, ngày nay nàng ở từ nơi đâu, hãy nhìn trái tim này bây giờ giá lạnh vì tuổi tác, nhưng xưa kia dòng máu nó sôi sục vì nàng và nếu nó không còn rạo rục yêu thương cái gì còn lại của nàng trên trần gian này thì nàng nghĩ sao. Tất cả đều trôi qua, chính vì nàng và con gái nàng đã ra đi. Nhưng cuộc đời là vĩnh hằng, ta phải yêu quý nó trong những hình thái không ngừng đổi mới.”

“Tôi với sách vở như trẻ con ham chơi trò chuyện nhau những đốt xương ngón chân cừu. Trong những ngày tàn, đời tôi có một ý nghĩa, một niềm hứng thú, một lý do tồn tại. Tôi là ông. Cháu gái của Clémentine đáng thương. Tôi không muốn một kẻ nào khác ngoài tôi xây dựng gia đình cho cháu của hồi môn”.

Thấy tôi khóc, chị De Gabry chậm rãi lánh xa tôi.

Paris ngày 16 tháng 4

Thánh Droctovée và những thầy tu đầu tiên của nhà thờ Jean Toutmouillé giao việc cho tôi từ bốn mươi năm nay, nhưng tôi không biết nếu tôi viết lịch sử của họ trước khi gặp lại họ thì sao. Tôi già nua đã lâu rồi. Năm vừa qua, một hôm trên cầu Nghệ thuật, một bạn đồng nghiệp trong Học viện của tôi than thở buồn phiền trước mặt tôi, về nỗi sống lâu. “Đó còn là cách duy nhất để nhận thấy sống lâu” – Saint Beuve trả lời anh ta – Tôi đã dùng cách này và tôi hiểu nó có giá trị tới mức nào. Sự thiệt hại không phải là sống lâu quá, mà kỳ thực là xem mọi sự diễn ra quanh mình. Mẹ, vợ, bạn bè, con cái, tạo hóa sinh ra và gạt bỏ những người yêu quý tuyệt diệu này một cách vô tình thảm đạm và cuối cùng thì ra chúng ta chỉ yêu, chỉ ôm hôn những cái bóng mà thôi. Nhưng có những cái bóng dịu dàng biết bao! Nếu lúc nào, có người lướt qua như cái bóng trong cuộc đời một con người, thì đúng đó là người thiếu nữ mà tôi đã yêu (việc không thể tin được là vào lúc này) khi tôi còn là một thanh niên trai trẻ. Ấy thế mà việc hồi tưởng lại cái bóng này hôm nay vẫn là một trong những hiện thực đẹp nhất của đời tôi.

Một áo quan của giáo đồ Cơ đốc trong các hầm mộ ở La Mã có ghi một lời nguyện rửa mà với thời gian tôi mới tập hiểu được ý nghĩa ghê gớm: “Nếu kẻ nghịch đạo nào xâm phạm mộ phần này thì người cuối cùng của bà con hẳn phải chết”. Với tư cách là nhà khảo cổ, tôi đã khai quật những nấm mộ, đào bới những di hài để thu thập những mẫu vải, những đồ trang sức bằng kim loại, những đá quý chôn theo các di hài. Tôi làm việc này với khát vọng của nhà bác học, với lòng tôn kính và thương xót không thiếu một chút nào. Mong sao lời nguyện rửa do một trong số đệ tử đầu tiên của các tông đồ khắc trên mộ kẻ tử vì đạo không bao giờ tác hại đến tôi. Nhưng nó có thể trừng phạt tôi như thế nào? Hề còn người trên quả đất thì tôi không phải sợ là kẻ sống sót sau khi bà con tôi chết, bởi vì luôn luôn con người có thể yêu thương.

Than ôi! Tình yêu thương kém đi và tan biến theo tuổi tác, như tất cả nghị lực khác của con người. Tấm gương đó chứng minh điều này và đó là điều khiến tôi sợ hãi. Có chắc rằng tôi đã không gặp phải sự tổn thất lớn lao đó chẳng? Chắc chắn tôi sẽ phải chịu sự tổn thất đó mà không có cuộc hội ngộ may mắn làm cho tôi trở lại. Các thi nhân nói về mạch nước Jouvence: nó tồn tại, nó phun ra dưới lòng đất theo mỗi bước đi của ta. Và ta đi qua mà không uống được.

Từ khi tìm thấy đứa cháu gái của Clémentine, đời tôi đã không còn hữu ích thì nay trở lại có ý nghĩa và lý do

tồn tại.

Hôm nay tôi tắm nắng, như ở Provence người ta khuyen bảo, trên bồn đất công viên Luxembourg, dưới chân tượng đài Marguerite de Navarre. Nắng xuân kích thích như một thứ rượu ngon. Tôi ngồi xuống suy tư. Tôi cảm thấy vui vui với bao nhiêu ý nghĩ nhẹ nhàng hơn hờ thoát ra khỏi đầu óc như bọt một chai bia. Tôi mơ mơ màng màng. Tôi nghĩ rằng một anh chàng đã xuất bản ba chục tập văn bản cổ và cộng tác trong hai mươi sáu năm ở *Tòa báo của các nhà bác học* thì tha hồ mà suy nghĩ vẩn vơ. Tôi lấy làm thỏa mãn đã hoàn thành được nhiệm vụ và đã sử dụng trọn vẹn những năng lực tầm thường mà tạo hóa phú cho – Mọi cố gắng của tôi không phải hoàn toàn vô ích, tôi đã góp phần khiêm tốn của mình vào sự phục hưng những công trình lịch sử sẽ làm rạng danh thế kỷ bất ổn này. Chắc tôi sẽ được tính đến trong số mười hay số mười hai nhà bác học đã phát hiện cho nước Pháp những cổ vật văn học. Việc tôi xuất bản những thi phẩm của Gauthier de Coincy mở đầu một phương pháp đúng đắn đáng ghi nhớ. Trong trạng thái yên tĩnh nghiêm trọng của tuổi già, tôi tự trao cho mình phần thưởng xứng đáng này, và Thượng đế quan tâm đến tình cảm của tôi, Người vốn biết rằng tôi công bằng với mình, không để cho lòng tự hào hoặc tính kiêu căng chi phối.

Nhưng tôi mệt mỏi, hai mắt tôi mở, tay tôi run và tôi thấy hình ảnh mình trong những ông già yếu đuối của Homère bị loại khỏi cuộc chiến, ngồi trên bờ thành, cất cao tiếng hát như đàn ve trong cây lá.

Cứ thế tôi suy nghĩ thì bỗng ba thanh niên đến ngồi huyên náo gần tôi. Tôi không biết có phải mỗi người trong bọn đến bằng ba chiếc tàu, như con khỉ của La Fontaine nhưng chắc chắn họ ngồi trên mười hai chếc ghế. Tôi thú vị quan sát họ không phải họ có gì quá khác thường, nhưng vì thấy họ có vẻ bạo dạn và vui tươi là bản tính của tuổi trẻ. Họ đang đi học. Tôi tin chắc điều này do diện mạo đặc sắc của họ hơn là do sách vở họ cầm trong tay. Bởi vì tất cả những ai bận rộn với công việc trí óc có thể thấy rõ từ đầu do một điều gì khó tả thường thấy ở họ. Tôi rất thích thanh niên, và họ cũng làm vui lòng tôi, mặc dù một số phong cách khiêu khích và dữ tợn khiến tôi hay nhớ lại một thời cắp sách tới trường. Tuy nhiên họ không mang như chúng ta bộ tóc dài trên áo chèn nhưng, họ không đi dạo như chúng ta với cái đầu người chết, họ không kêu lên như chúng ta: “Địa ngục và sự trừng phạt của Chúa”. Họ ăn mặc chỉnh tề, quần áo và ngôn ngữ của họ không theo thời trung cổ chút nào. Tôi phải nói thêm rằng họ chú tâm đến những người đàn bà đi qua trên bờn đất và đánh giá một số trong đám phụ nữ này bằng những lời lẽ khá sắc sảo. Nhưng những suy nghĩ của họ về vấn đề này không đến

mức buộc tôi phải bỏ đi. Nói tóm lại, khi đám thanh niên chăm lo học tập thì tôi cho phép được vui đùa.

Một người trong bọn họ buông lời giễu cợt tình tứ gì đó tôi không hiểu.

- Thế nghĩa là sao? – Cậu nhỏ nhất, tóc nâu nhất trong bộ ba kêu lên với giọng nhẹ nhàng vùng Gascogne – Những nhà sinh lý học chúng tôi phải chú tâm đến chất sống. Còn anh, Gélis, như tất cả bạn đồng nghiệp lưu trữ chữ cổ của anh, anh chỉ sống với quá khứ, anh hãy quan tâm đến những phụ nữ bằng đá kia là những người cùng thời của anh.

Lúc ấy, cậu lấy tay chỉ cho anh chàng kia những pho tượng đàn bà trắng toát của nước Pháp xưa, dựng lên theo hình bán nguyệt dưới các gốc cây to trên bồn đất. Câu đùa này tự nó là vô nghĩa, ít ra cũng cho tôi biết có tên Gélis là học sinh trường pháp điển. Câu chuyện tiếp tục cho tôi biết người bên cạnh tóc hoe, nước da tái xanh đến mức không nhận ra được, im lặng, chằm chọc là Boulmier, bạn cùng trường của anh chàng Gélis và ông bác sĩ tương lai (tôi hy vọng một ngày kia chàng trở thành bác sĩ) cùng nhau hăng say nói dông dài và rất ngô ng.

Sau khi đạt tới những lập luận trừu tượng cao nhất họ chơi chữ và nói những điều bậy bạ kỳ cục đối với trí

thức, tôi muốn nói đó là những điều bậy bạ quá đáng. Tôi không cần thêm rằng họ chỉ đồng ý bảo vệ những ý kiến ngược đời quái gở nhất. Hay quá! Tôi không thích những thanh niên quá biết điều.

Chàng sinh viên ngành y nhìn thấy tên cuốn sách Boulmier cầm trên tay.

- Này, mày đọc Michelet hả?

- Ừ – Boulmier nghiêm trang đáp – Tao thích tiểu thuyết.

Gélis, trội hơn hẳn hai chàng kia, với thân hình đẹp dong dỏng cao, điệu bộ hống hách, nói năng mẫn tiệp, cầm cuốn sách lật qua các trang và nói:

- Đây là phong cách tốt bậc Michelet, Michelet tuyệt vời. Thôi đừng truyện ngắn nữa! Những cơn giận dữ, những trận ngất xỉu, một cơn động kinh về những sự kiện ông ta không thêm trình bày. Những tiếng kêu của trẻ con, những chứng ăn dờ của đàn bà có thai! Những tiếng thở dài mà chẳng một câu cho ra hồn! Lạ thật!

Và anh trả cuốn sách cho bạn. Lời nói đại này cho vui thôi, và không đến nỗi vô nghĩa như người ta tưởng – Tôi tự nhủ – Bởi vì trong những tác phẩm cuối cùng của nhà văn vĩ đại Michelet của chúng ta quả là ít thể hiện sự nhộn nhịp và có thể nói là sự sôi động.

Nhưng chàng sinh viên xứ Provence khẳng định lịch sử là một bài tập tu từ học không đáng kể. Theo chàng, lịch sử duy nhất và đích thực là lịch sử tự nhiên của loài người. Michelet đang trên đường thì gặp chứng rò của Louis XIV, nhưng ngay lập tức, ông lại rơi vào con đường mòn cũ kỹ.

Nói xong ý nghĩ chí lý đó, chàng thanh niên sinh lý học đi đuổi theo một toán bạn bè đang đi qua. Hai người lưu trữ ít có quan hệ bà con trong khu vườn ở quá xa đường phố Paradis-au-Marais, ngồi đối mặt nhau, bắt đầu chuyện trò về việc học tập của họ. Gélis học xong năm thứ ba, chuẩn bị một luận cương mà anh trình bày một phần đáng kể của luận cương. Đó là tập *Morasticon Gallicanum* (Tu viện Pháp). Nhà bác học trẻ (tôi tặng chàng danh hiệu này như một dự báo) muốn giải thích tất cả những trang khắc năm 1690 cho tác phẩm mà Dom Germain đã đem in gặp phải rắc rối ít dự kiến tới và không bao giờ tránh được. Ít nhất khi qua đời, Dom Germain đã để lại tập bản thảo hoàn chỉnh và được sắp xếp rất có thứ tự. Tôi có thể làm được một bản như thế không? Nhưng đó không phải là vấn đề. Theo chỗ hiểu biết của tôi, Gélis dự định dành một bản chỉ dẫn khảo cổ học cho mỗi tu viện do các thợ khắc tầm thường của Dom Germain miêu tả bằng hình.

Bạn chàng hỏi có phải chàng biết tất cả những tài liệu viết tay và in liên quan tới đề tài của mình không? Lúc ấy tôi vênh tai lên. Trước hết họ nói về những tài liệu gốc và tôi phải thừa nhận rằng họ làm việc này với một phương pháp đầy đủ, mặc dù gặp vô số trò chơi chữ quái gở. Rồi họ đề cập đến những công việc phê bình hiện đại.

- Cậu đã đọc tiểu dẫn của Courajod chưa? – Boulmier hỏi.

“Được!” tôi tự nhủ.

- Có – Gélis đáp – Đó là một việc làm cẩn thận.

- Cậu đã đọc bài báo của Tamisey de Larroque trong *Tạp chí các vấn đề lịch sử* chưa? – Boulmier hỏi.

“Được!” lần thứ hai, tôi tự nhủ.

- Có, – Gélis đáp – và tớ đã tìm thấy trong đó những chỉ dẫn có ích.

- Cậu đã đọc *Danh sách các tu viện dòng thánh Bona năm 1600* của Sylvestre Bonnard chưa?

“Được!” lần thứ ba, tôi tự nhủ.

- Trời ơi! Chưa – Gélis đáp – và tớ không biết nếu tớ đọc thì sao. Sylvestre Bonnard là một kẻ ngu xuẩn.

Quay đầu lại, tôi thấy mặt trời đã đứng bóng. Không khí mát lạnh. Tôi đại gì mà ngồi liều nghe những lời hỗn xược của hai gã tự phụ trẻ người non dạ cho bệnh thấp khớp hành hạ.

“Ái chà! Tôi đứng dậy, tự nhủ. Mong sao con chim con hay nói nhiều này làm và bảo vệ được bản luận cương của mình. Hẳn sẽ tìm anh bạn đồng nghiệp Quicherat của tôi hoặc một vị giáo sư nào khác ở trường để phô bày sự khờ dại của hấn. Khi nghĩ như thế vào giờ phút này tôi gọi đúng hấn là đứa trẻ ranh mãnh, thực ra điều hấn nói về Michelet là không thể tha thứ và đi quá giới hạn. Đối với người lão luyện bậc thầy đầy tài năng mà ăn nói như vậy ư! Thật ghê tởm!”.

Ngày 17 tháng 4

Chị Thérèse, cho tôi cái mũ mới, cái áo rơ-đanh-gốt tốt nhất và cây gậy có đầu quả táo bạc.

Nhưng do tuổi tác, chị Thérèse điếc như bao than, chậm chạp như tổ chức tư pháp. Tệ nhất là chị tưởng tai còn tinh tường, chân tay còn mạnh khỏe; tự hào với sáu mươi năm thân phận tôi đòi trung trực của chị, chị phục vụ ông chủ già của mình với quyền chuyên chế chu đáo nhất.

Tôi đã nói gì với chị?... Thế là chị không muốn đưa chiếc gậy đầu có quả táo bằng bạc, sợ tôi đánh mất. Sự thật là tôi thường bỏ quên ô và nạng trong xe khách và cửa hàng sách. Nhưng tôi có lý do đúng đắn để hôm nay cầm cây gậy song mây cũ kỹ có quả táo chạm bạc thể hiện Don Quichotte đang cho người phi nước đại, chĩa ngọn giáo vào những cối xay gió trong lúc đó Sancho Panca đưa hai tay lên trời van xin ông dừng lại mà không được. Cây gậy này là tất cả cái gì tôi thừa hưởng từ gia sản của bác tôi, đại tá Victor, lúc sinh thời giống Don Quichotte hơn Sancho Panca và thích đánh nhau cũng tự nhiên như người ta thường sợ chuyện đó.

Từ ba mươi năm nay, tôi cầm cây gậy này trong mỗi cuộc thi chạy đáng ghi nhớ hay long trọng của tôi, và hai tượng con – lãnh chúa và người kỵ sĩ theo hầu – khiến tôi thích thú, và như khuyên nhủ tôi, tôi tưởng chừng như đang nghe lời họ. Don Quichotte bảo tôi: “Hãy trù liệu nhiều cho những việc lớn, nên biết rằng ý định là thực tế duy nhất trên đời. Hãy nâng cao bản tính theo tầm vóc của mày, mong rằng toàn thể vũ trụ đối với mày chỉ là ảnh phản chiếu tâm hồn anh hùng của mày. Chiến đấu cho danh dự, chỉ điều đó mới xứng đáng với một trang nam nhi, và nếu mày bị thương thì hãy xem máu đổ như một giọt sương nghĩa hiệp và mỉm cười”.

Và đến lượt Sancho Panca bảo tôi:

“Này anh bạn, trời sinh ra anh thế nào thì cứ như thế. Hãy coi trọng vỏ bánh mì khô trong chiếc dĩa hai túi của anh hơn những chim sẻ vườn được quay trong bếp của lãnh chúa. Hãy vâng lời thầy dù khôn ngoan hay điên dại, đừng làm tắc nghẽn đầu óc bằng những việc vô ích. Hãy sợ chuyện đánh nhau: Tìm vào nơi hiểm nguy là một việc làm nguy hiểm”.

Nhưng nếu đấng hiệp sĩ không ai sánh kịp và chàng kỵ sĩ theo hầu vô song có hình ở đầu cây gậy này thì thực ra họ ở trong đáy lòng tôi. Tất cả chúng ta đều có trong người một Don Quichotte và một Sancho mà chúng ta nghe theo, và cả đang khi Sancho thuyết phục chúng ta thì chính là Don Quichotte mà chúng ta phải khâm phục... Nhưng thôi, đừng chuyện lắm cẩm nữa. Ta hãy đến chị De Gabry vì một việc vượt quá tốc độ bình thường của cuộc sống.

Cùng ngày ấy

Tôi gặp chị De Gabry mặc đồ đen và đeo găng tay.

- Tôi đã sẵn sàng – Chị bảo tôi.

Sẵn sàng, trong mọi trường hợp hành động đứng đắn, tôi nhận thấy chị đều như thế.

Chúng tôi xuống cầu thang và lên xe.

Tôi không dám phá vỡ sự yên lặng, sợ làm tiêu tan một uy lực tiềm ẩn nào tôi chưa biết, chúng tôi đi theo những đại lộ rộng lớn hoang vắng, âm thầm nhìn những thánh giá, những bia mộ, và những vòng hoa đang đợi khách hàng có tang, tại nhà buôn.

Cỗ xe ngựa dừng lại cuối mảnh đất của những người sống, trước tấm cửa trên có khắc những lời kỳ vọng.

Chúng tôi đi dọc theo một hành lang có trồng trúc bá rồi đến một con đường hẹp giữa các ngôi mộ.

- Đây – Chị bảo tôi.

Trên trụ ngạch trang trí bằng những cuộn dây lật ngược là câu khắc: *Các dòng họ Allier và Alexandre*.

Một chân song ngăn lối vào công trình kỷ niệm. Bàn thờ đặt trên chỗ trong cùng, phủ đầy hoa hồng, một tấm đá cẩm thạch ghi các tên họ, trong đó có tên họ Clémentine và con gái nàng.

Điều tôi cảm thấy lúc bấy giờ là cái gì đó sâu xa, mơ hồ chỉ có thể diễn đạt bằng âm thanh của một bản nhạc êm đềm. Tôi nghe tiếng nhạc khí ca hát âu yếm dịu dàng tuyệt vời trong tâm hồn già nua của tôi. Những nốt nhạc không rõ của khúc hát tình yêu lẫn vào những hòa âm

chậm rãi của bài ca tang lễ, bởi vì tâm hồn tôi pha trộn trong cùng một cảm giác, tính nghiêm trang của hiện tại và kính tạ ơn quen thuộc của quá khứ.

Rời ngôi mộ này mà chị De Gabry đã xông hương bằng những hoa hồng, chúng tôi đi qua nghĩa trang không nói với nhau một lời. Khi chúng tôi đã trở lại giữa những người sống, tôi mới lên tiếng với chị De Gabry:

- Khi đi theo chị trong những hành lang vắng lặng, tôi nghĩ tới những thiên thần trong các truyền thuyết ta gặp ở ranh giới huyền bí của cái sống và cái chết. Năm mớ mà chị đưa tôi tới, mà tôi không biết cũng như hầu hết những gì liên quan đến người đàn bà dưới mộ cùng thân thuộc, làm tôi nhớ lại những cảm xúc duy nhất trong đời tôi, và trong cảnh đời tẻ nhạt đến thế này, như ánh sáng trên con đường tăm tối. Con đường càng kéo dài thì ánh sáng càng lùi xa, tôi gần như ở cuối đường dốc tột cùng, thế nhưng tôi vẫn thấy ánh sáng mờ mờ cũng chói lọi mỗi lúc tôi quay lại nhìn. Bao nhiêu kỷ niệm chen chúc trong lòng. Tôi như cây sồi già nhiều mắt đầy râu, rung rinh cành lá để thức tỉnh những tổ chim mới nở biết hót. Chẳng may mà tiếng hót của bầy chim tôi cổ lỗ lắm rồi chỉ làm vui một mình tôi mà thôi.

- Tôi say mê tiếng hót kia – chị nói – xin kể cho tôi được nghe những kỷ niệm của ông và xin nói chuyện với

tôi như với một bà lão. Sáng hôm nay, tôi đã phát hiện ba sợi bạc trong mái tóc tôi.

- Thưa chị, hãy trông chúng mọc ra mà không luyến tiếc. Thời gian chỉ êm dịu đối với những ai khoan thai thận trọng đón nhận nó. Theo chiều dài của năm tháng, khi một lớp bột nhẹ trắng bạc tô vẽ thêm mái tóc đen vẫn quanh trán, chị sẽ có một sắc đẹp mới lạ, kém rực rỡ hơn, nhưng làm cho người ta cảm động hơn sắc đẹp buổi đầu, lúc ấy chị sẽ thấy chồng tán thưởng mái tóc bạc ấy ngang với món tóc xoăn đen chị tặng anh khi cưới, mà anh đặt trong đồ trang sức như một vật thiêng liêng. Những đại lộ này rộng rãi, ít người qua lại, chúng ta có thể vừa đi vừa chuyện trò thoải mái. Trước hết, tôi sẽ trình bày vì sao tôi quen biết thân phụ Clementine. Nhưng đừng chờ đợi điều gì lạ thường, điều gì đáng chú ý, vì chị sẽ thất vọng lớn.

“Ông de Lessay ở đại lộ l’Obseratorie, trên tầng hai một ngôi nhà cũ, mặt trước bằng thạch cao được trang trí những tượng cổ nửa người, và khu vườn rộng hoang dã là những hình ảnh đầu tiên và dĩ nhiên đến một ngày nào đó không tránh được là những hình ảnh cuối cùng lặn sâu vào cặp mắt trẻ thơ của tôi – Bởi vì tôi sinh ra chính trong tòa nhà này, tôi vừa chơi, vừa tập cảm nhận một số phận nhỏ của vũ trụ cũ kỹ này. Khi mà tâm hồn hoàn toàn thom mát phát hiện thế giới khoác cho nó vẻ rạng rỡ dịu dàng và duyên dáng huyền bí, thì đó là những giờ

phút thú vị, những giờ phút thiêng liêng. Thừa chị, thực tế vũ trụ là phản ảnh của tâm hồn chúng ta.

“Mẹ tôi là người rất may mắn có năng khiếu – Thức dậy cùng mặt trời như chim chóc, bà giống chúng do công việc nội trợ, do bản năng làm mẹ, do nhu cầu ca hát liên miên và do một thứ phong cách hoạt bát mà tôi cảm thấy rất rõ tuy tôi còn rất nhỏ bé. Mẹ là linh hồn của gia đình, mẹ sắp đặt nhà cửa ngăn nắp, vui vẻ. Cha tôi chậm chạp còn mẹ thì nhanh nhẹn. Tôi nhớ gương mặt bình thản của cha đôi lúc thoáng một nụ cười mỉm mỉa mai. Cha mệt mỏi nhưng lại thích như thế. Ngồi bên cửa sổ, trong chiếc ghế bành to, cha đọc cả ngày và nhờ cha mà tôi hết sức yêu thích sách vở. Tôi có trong tủ sách, trước tác của Mably và Ranauld do cha tự tay ghi chú từ đầu tới cuối. Cha không cần phải hy vọng tham gia công việc gì trên đời. Khi mẹ tôi, bằng những mưu mẹo ân cần cố kéo cha ra khỏi sự nghỉ ngơi, cha lắc đầu với một sự thoải mái không lay chuyển được ấy làm thành sức mạnh cho những tính cách yếu đuối của cha. Cha làm thất vọng người vợ tội nghiệp không dính dáng gì đến thái độ thận trọng trầm tư này và chỉ hiểu cuộc đời qua bao nỗi lo lắng hàng ngày và niềm vui lao động mỗi lúc. Mẹ tưởng cha ốm đau và lo sợ, cha càng ngày càng ốm nặng hơn. Nhưng sự lãnh đạm của cha có một lý do khác.

“Năm 1801, cha tôi vào làm ở văn phòng bộ hải quân dưới quyền ông Decrès, cha tỏ ra là một tài năng quản lý thực sự. Hoạt động trong bộ hải quân lúc ấy rất nhộn nhịp và năm 1805, cha tôi trở thành chỉ huy sư đoàn hành chính thứ hai. Năm đó, được bộ trưởng báo với hoàng đế và theo lệnh của hoàng đế, cha tôi phải làm báo cáo về tổ chức của hải quân Anh. Công việc này mang dấu ấn một đầu óc tự do và triết học sâu sắc mà người biên tập không biết, đến năm 1807 mới hoàn thành, khoảng mười tám tháng sau cuộc bại trận của đô đốc Villeneuve ở Trafalga. Từ cái ngày tai hại đó, Napoléon không muốn nghe nói tới một con tàu nào nữa, ngài liếc qua bản báo cáo khoa học, tức giận vứt nó vào lửa, và kêu lên: “Toàn là hàng loạt những lời huênh hoang”. Người ta báo cáo với cha tôi rằng hoàng đế tức giận đến nỗi còn lấy gót giày ông giẫm lên tập bản thảo trong lò sưởi. Kể ra thì hoàng đế có thói quen, khi giận dữ, lấy chân cời lửa cho tới khi gót giày bị cháy sém.

“Bị thất sủng từ đó, cha tôi không bao giờ ngóc đầu lên nổi và tất cả mọi cố gắng vô ích của cha để hành động đúng chắc chắn là nguyên nhân của sự lãnh đạm sau này. Nhưng từ đảo Elbe trở về, Napoléon cho gọi và ủy thác cha tôi soạn thảo các bản tuyên ngôn và kỷ yếu cho hải quân, theo tinh thần yêu nước và tự do. Sau trận Waterloo, buồn phiền hơn là ngạc nhiên, cha tôi sống xa lánh và không bị quấy rầy. Chỉ có điều là người ta nhất trí với nhau rằng đó là một người phái Gia-cô-banh, một

tên uông máu, một trong những người thiên hạ không ai hiểu được. Anh cả của mẹ tôi, Victor Maldent, đại tá lục quân, năm 1814 được vào ngạch sĩ quan hưởng nửa lương, bị sa thải năm 1815, vì thái độ xấu của mình, đã làm trầm trọng thêm những khó khăn do sự sụp đổ của đế chế gây ra cho cha tôi. Đại tá Victor đã hét lên trong các quán cà phê và những buổi vũ hội công cộng rằng những người Buốc-bông đã bán nước Pháp cho bọn Cosaques. Với bất cứ ai, bác cũng đề lộ phù hiệu tam tài giấu trong vải lót mũ của bác, nhằm phô trương, bác cầm cây gậy đầu hình quả táo, trau chuốt bằng máy tiện có khắc hình hoàng đế.

“Thưa chị, nếu chị chưa xem một số thạch bản của Charlet, thì chị không thể hình dung diện mạo bác Victor, khi bác dạo chơi trong vườn cung điện Des Tuileries, trong chiếc áo rơ-đanh-gốt, có nhiều nếp ngang, bó chặt thắt lưng, ngực đeo huân chương danh dự, cài hoa tím, với vẻ thanh nhã của một kẻ yếm thế.

Sự nhàn rỗi và ăn chơi vô độ khiến người ta có ác cảm đối với những dự vọng chính trị của bác. Bác lãng nhục những ai đọc báo La Quotidienne hay Le Drapeau Blanc, buộc họ đánh nhau với bác. Vì thế mà bác đau khổ và hổ thẹn đã gây thương tích cho một thằng bé mười sáu tuổi trong cuộc đấu tay đôi. Tóm lại bác Victor hoàn toàn là kẻ đối lập với người thận trọng, và vì ngày nào do Chúa tạo ra, bác cũng đến ăn trưa, ăn tối tại nhà

chúng tôi, nên tiếng xấu của bác gắn liền với gia đình chúng tôi. Người cha tội nghiệp của tôi đau khổ dữ dội về những lời lăng nhục của ông khách, nhưng cha tôi tốt bụng vẫn không nói gì, cứ để ngỏ cửa cho vị đại tá rất mực khinh thị mình như vậy.

“Thưa chị, điều đó kể với chị, đôi với tôi trở nên sáng tỏ từ đây. Nhưng bác đại tá lúc ấy, truyền cho tôi niềm phấn khởi trong trắng nhất và tôi quyết tâm một ngày kia theo gương bác càng nhiều càng tốt. Một sớm mai nọ, bắt đầu bắt chước bác, nắm tay đặt trên hông, tôi nguyện rửa như một kẻ ngoại đạo. Bà mẹ tuyệt vời của tôi tát một cái hết sức nhẹ vào má tôi, đến nỗi tôi sững sờ một lúc rồi bật khóc. Ngày hôm ấy đằng sau cái ghế bành cũ kỹ bọc nhung vàng xứ Utrecht, tôi đã đổ bao nhiêu nước mắt.

“Lúc ấy tôi là một kẻ rất hèn. Một buổi sáng, theo thói quen, cha ôm tôi vào lòng, mỉm cười với vẻ chế giễu làm cho sự âu yếm dịu dàng muôn thuở của ông có cái gì chua chát. Ngồi trên đầu gối cha, tôi ve vẩy mái tóc dài hoa râm của cha, ông kể cho tôi những việc tôi không hiểu lắm, nhưng rất lấy làm thích thú chính vì chúng bí hiểm làm sao. Tôi tin không chắc lắm rằng sáng hôm ấy, cha kể lịch sử tiểu vương Yvetot theo bài ca. Bỗng chúng tôi nghe một tiếng ồn lớn, cửa kính kêu vang. Cha tôi để tôi tụt xuống chân ông, hai cánh tay cha dang ra run rẩy đập vào không khí, mặt mày hoàn toàn

trắng bệch sững sờ, hai mắt tròn xoe. Cha cố thốt lên, nhưng hai hàm răng đánh càm cạp. Cuối cùng cha thì thào: “Chúng nó đã xử bắn ông ấy”. Tôi không hiểu cha muốn nói gì, tôi lơ mờ cảm thấy khiếp sợ. Từ đấy, tôi hiểu rằng cha nói về thống chế Ney^[5], ngã xuống ngày 7 tháng chạp năm 1815 dưới chân tường ngăn cách một mảnh đất rộng sát nhà tôi.

“Vào thời gian này, tôi thường gặp trong cầu thang một ông già (có thể không phải hoàn toàn là một ông già) có cặp mắt đen lóng lánh linh lợi khác thường trên khuôn mặt ngăm ngăm đen và trầm tính. Ông không có vẻ nhanh nhẹn hoặc ít ra ông không có vẻ sống như những người khác. Tôi đã thấy tại nhà ông Denon, nơi cha tôi dẫn đến, một xác ướp đem về từ Ai Cập; lúc ấy tôi thực bụng nghĩ rằng xác ướp của ông Denon, khi một mình tỉnh lại, đã bước ra khỏi cái tử mạ vàng, mặc áo xám hung và mang tóc giả rắc phấn, và rằng đó là ông De Lessay. Và thừa chị thân mến, cả đến hôm nay, tôi vừa gạt bỏ ý này xem như không có cơ sở, tôi vừa phải thú nhận rằng ông De Lessay rất giống cái xác ướp của ông Denon. Thế cũng đủ để giải thích rằng nhân vật này đã làm cho tôi khiếp sợ lạ thường.

“Thực ra, ông De Lessay là một nhà quý tộc hàn vi và là một nhà triết học vĩ đại. Là đồ đệ của Mably và Rousseau, ông ta tự phụ là không có định kiến, và sự tự

phụ này bản thân nó là một định kiến to lớn. Thưa chị, tôi nói với chị về một người cùng thời của một thời cổ đại đã biến mất. Tôi sợ không làm cho mình hiểu được và chắc không gây hứng thú cho chị. Con người ấy ở xa chúng ta quá! Nhưng tôi cố gắng tóm tắt câu chuyện, và lại tôi không hứa với chị điều gì lý thú và chị không thể trông chờ những biến cố lớn trong cuộc đời của Sylvestre Bonnard”.

Chị De Gabry động viên tôi kể tiếp.

“Ông De Lessay thô bạo với đàn ông và lịch sự với đàn bà. Ông hôn tay mẹ tôi, thái độ phong nhã này với phụ nữ xa lạ, với tập quán của nền cộng hòa và thời đế chế. Do ông mà tôi dính dáng đến thời kỳ Louis 16. Ông De Lessay là nhà địa lý học, và theo chỗ tôi nghĩ, không ai tỏ ra tự hào như ông bận tâm đến bộ mặt quả đất này. Trong chế độ cũ, ông làm nông nghiệp với tư cách nhà triết học và như vậy đã vung phí ruộng đồng tới mẫu cuối cùng. Không còn một cục đất, ông bèn chiếm cả quả địa cầu và lập bản đồ với một số lượng phi thường theo lời kể của du khách. Trước kia được học tập phần cốt lõi của bách khoa toàn thư, ông không bằng lòng ngăn chia loài người ở bấy nhiêu phút, bấy nhiêu giây của vĩ độ, kinh độ nào đó – Than ôi! Ông chăm lo hạnh phúc của họ. Thưa chị, đáng chú ý là những ai bận tâm đến hạnh phúc các dân tộc thì lại làm cho thân thuộc họ rất khổ sở. Ông De Lessay bảo hoàng theo chủ nghĩa

Voltaire, loại người khá thường thấy lúc bấy giờ trong đám quý tộc mất quyền. Ông giỏi hình học hơn Alembert, giỏi triết học hơn Jeanjacques và bảo hoàng hơn Louis XVIII. Nhưng lòng yêu mến của ông với nhà vua không là gì so với sự căm thù của ông với hoàng đế. Ông đồng mưu với Georges chống lại tổng tài thứ nhất; cơ quan thẩm cứu không biết hoặc coi khinh ông, nên ông không có tên trong danh sách bị cáo, lúc nào ông cũng lảng nhục Bonaparte mà ông gọi là con quỷ ăn thịt người đảo Corse và theo lời ông thì không đời nào ông phó thác cho y một trung đoàn, chính vì ông coi y là một quân nhân tồi.

“Ông De Lessay góa vợ từ lâu, năm 1813 vào khoảng tuổi năm mươi lăm, mới cưới một cô vợ rất trẻ nhằm giúp ông vẽ những bản đồ địa lý, cô vợ này sinh được một gái và chết lúc ở cữ. Mẹ tôi săn sóc cô trong cơn bệnh nặng ngủi, chăm lo cho đứa bé không thiếu thứ gì. Cháu bé này tên là Clémentine.

“Gia đình tôi và ông De Lessay bắt đầu quan hệ với nhau từ đó. Lúc ấy tôi đã qua tuổi ấu thơ, còn tôi tắm ngu muội tôi đã bỏ lỡ thiên tư đẹp để biết nhìn và cảm nhận, và các sự việc không còn đem lại cho tôi những bất ngờ thú vị tạo thành điều say đắm của tuổi non dại. Vì vậy tôi không còn một kỷ niệm nào về những thời gian tiếp theo sự ra đời của Clémentine, tôi chỉ biết rằng sau mấy tháng, tôi gặp phải một tai họa, mỗi khi nghĩ tới

còn làm cho tim tôi se lại. Mẹ tôi qua đời. Căn nhà bỗng chốc trở nên vô cùng vắng lặng, lạnh lùng và tăm tối.

“Tôi như rơi vào tình trạng đờ đẫn. Cha tôi đưa tôi đến trường trung học, và tôi phải vất vả mới hoàn hồn.

“Nhưng tôi hoàn toàn không phải là một thằng ngu độn, thầy dạy tôi học gần hết vốn của họ, nghĩa là một ít tiếng Hy Lạp và La tinh. Tôi chỉ giao thiệp với những người xưa. Tôi tập quý mến Miltiade, khâm phục Thémistocle, Quintus Fabius trở nên quen thuộc với tôi, ít ra, sự quen thuộc đó chừng nào hay chừng ấy cho tôi đối với một ông quan đại thần chấp chính như thế. Tự hào với những chỗ quen biết cao siêu như vậy, tôi không đoái hoài đến bé Clémentine và cha già của em, và lại một ngày nọ, họ đi Normandie, mà tôi không thèm lo lắng đến ngày về của họ.

“Thưa chị, tuy vậy, họ lại trở về, họ trở về thật. Uy thế của trời, sức mạnh của tình máu mủ, thế lực huyền bí đã phú cho con người tư chất yêu thương, chị biết nếu tôi gặp lại Clémentine thì thế nào. Họ vào nơi ở buồn tẻ của tôi. Ông De Lessay không mang tóc giả nữa. Đầu hói, với mớ tóc hoa râm hai bên thái dương hồng hào, ông tỏ ra là một người già tráng kiện. Nhưng con người tuyệt trần lộng lẫy dưới cánh tay quàng của ông, soi sáng căn phòng cũ kỹ hoang tàn, không phải là ma hiện hình, đó là Clémentine. Tôi nói thực: đôi mắt nàng xanh, đôi mắt

màu hoa cà nhạt, đôi với tôi có vẻ là một điều phi thường và mãi tới hôm nay, tôi không thể tin rằng hai thứ châu báu có sinh khí đó đã hứng chịu bao nỗi khó nhọc của sự sống và sự thối rữa của cái chết.

“Nàng bối rối một chút lúc chào cha tôi mà nàng chưa quen biết. Da mặt phơn phớt hồng và cái miệng hé mỉm cười khiến người ta tưởng đến cái vô tận, có thể cái cười này không biểu lộ một ý nghĩ rõ ràng nào mà nó chỉ diễn đạt niềm vui được sống và niềm hạnh phúc được xinh đẹp. Gương mặt nàng sáng rực dưới cái mũ màu hồng như vật trang sức trong hộp tư trang để mở; nàng khoác khăn quàng ca-sơ-mia trên chiếc áo dài mu-xơ-lin trắng khâu nhú ngang thắt lưng, để lộ mũi giày cao cổ màu nâu vàng óng. Thưa chị thân mến! Xin đừng chế nhạo, ấy là một lúc đó, còn bây giờ thì thời trang mới mẻ, giản đơn, duyên dáng đoan trang hơn nhiều thế nào thì tôi không rõ.

“Ông De Lessay cho chúng tôi biết rằng xuất bản xong một tám bản đồ lịch sử thì ông trở lại Paris, vui sống trong căn hộ cũ nếu chưa ai đến ở. Cha tôi hỏi tiểu thư De Lessay có thích đến thủ đô không. Nàng mỉm cười, tỏ ra lầy lăm sung sướng. Nàng thích các cửa sổ mở trông ra khu vườn xanh tươi, sáng sủa, thích bức tượng đồng tướng Marius ngồi trong phế tích Carthage trên mặt đồng hồ treo, thích những ghé bành cũ kỹ bọc nhung vàng, thích chàng sinh viên tội nghiệp không dám

ngước nhìn nàng. Từ ngày ấy, tôi yêu nàng biết bao nhiêu”.

- Nhưng chúng ta đã đến phố Sèvres và chốc nữa chúng ta sẽ trông thấy các cửa sổ nhà chị. Tôi là một kẻ kể chuyện rất tồi, và nếu dạn nhất tôi dám sáng tác một cuốn tiểu thuyết thì tôi sẽ ít thành công. Tôi chuẩn bị thuật lại một câu chuyện dài dòng mà chỉ nói có mấy lời, bởi vì khi phát triển thỏa mãn những tình cảm yêu đương dù là trong sáng nhất, một ông già sẽ làm tổn thương sự tế nhị và sự duyên dáng nhất định của tâm hồn. Ta đi ít bước trên đại lộ này giữa hai bên tu viện và câu chuyện của tôi sẽ dễ dàng đứng vững trong khoảng không phân cách chúng ta với các gác chuông bé nhỏ đằng kia.

“Ông De Lessay biết tôi xuất thân từ trường pháp điển, xứng đáng cộng tác với ông vào tập bản đồ lịch sử. Vấn đề là xác định trên một loạt bản đồ điều mà ông già hiền triết này gọi là những thịnh suy của các đế chế từ Nôe đến Charlemagne. Ông De Lessay đã chắt chừa trong đầu tất cả những sai lầm của thế kỷ 18 về mặt những đồ cổ. Về lịch sử, tôi thuộc trường phái canh tân và ở trong thời đại người ta ít biết bịa đặt. Cái cách ông già hiểu hay đúng hơn là không hiểu những thời đại dã man, sự khăng khăng chú ý ở thời thượng cổ những ông hoàng có nhiều tham vọng, những giáo sĩ tối cao đạo đức giả và tham lam, những công dân có đức hạnh,

những thi nhân hiền triết và nhiều nhân vật khác, không hề có trong các tiểu thuyết của Marmontel, khiến tôi quá khốn khổ và trước hết gọi cho tôi đủ thứ ý kiến phản đối, tất nhiên là căn cứ nhiều vào lý trí, nhưng hoàn toàn vô ích và đôi khi nguy hiểm. Ông De Lessay rất hay câu giận, còn Clémentine thì hết sức xinh đẹp. Giữa nàng và ông, tôi đã trải qua những giờ phút tra khảo và vui thú. Tôi đã yêu, tôi đã hèn nhát và nhanh chóng đồng ý với tất cả những đòi hỏi của ông đối với diện mạo lịch sử và chính trị mà quả đất dành cho các thời đại của Abraham, của Ménès và của Deucalion và sau này hẳn phải sản sinh ra Clémentine.

“Chúng tôi lập bản đồ đến đâu thì tiểu thư De Lessay tô màu đến đó. Cúi xuống bàn, hai ngón tay nàng cầm bút vẽ, từ mí mắt một hình bóng sa xuống má và cặp mắt lim dim tràn ngập một vẻ buồn yêu kiều. Thỉnh thoảng nàng ngẩng đầu lên, miệng hé mở. Vẻ đẹp của nàng chứa đựng bao nhiêu sắc thái đến nỗi lúc nào nàng đều như có vẻ thờ dài. Lúc ấy, những tư thế bình thường nhất của nàng cũng đưa tôi vào cõi mộng thâm trầm. Chiêm ngưỡng nàng, tôi đồng ý với ông De Lessay rằng thần Jupiter ngự trị chuyên chế trên các vùng đồi núi Thessalie và nhà thơ Orphée khinh xuất giao phó cho giới tăng lữ dạy triết học. Ngày nay tôi vẫn còn chưa biết mình là một tên hèn nhát hay một trang anh hùng khi thừa nhận điều đó với ông già bướng bỉnh.

“Tiểu thư De Lessay không chú ý nhiều tới tôi. Sự vô tình này đối với tôi hình như rất chính đáng và rất tự nhiên đến nỗi tôi không dám phàn nàn, tôi đau khổ nhưng không biết. Tuy vậy tôi hy vọng: chúng tôi chỉ còn ràng buộc bởi đế chế thứ nhất của Assyrie.

“Ông De Lessay chiều nào cũng đến uống cà phê với cha tôi. Tôi không hiểu các cụ kết giao với nhau thế nào, bởi vì hiếm khi gặp phải hai bản chất hoàn toàn khác nhau như vậy. Cha tôi cảm phục thì ít mà tha thứ thì nhiều. Với tuổi tác, ông căm ghét mọi sự phóng đại. Ông phủ hàng nghìn sắc thái tinh vi lên ý nghĩ của mình và bao giờ cũng chỉ theo một ý kiến với tất cả mọi thứ dè dặt. Những thói quen này của một đầu óc tế nhị làm giãy nảy nhà quý phái già nua khô khan và đanh thép mà sự ôn hòa của địch thủ không bao giờ tước bỏ được, hoàn toàn trái lại. Tôi đoán thấy một hiểm họa. Mỗi hiểm họa này là Buonaparte – Cha tôi không thích tí nào, nhưng đã làm việc dưới quyền y, cha không thích nghe y chửi rủa, nhất là vì lợi ích của những người Bourbons mà cha phàn nàn cay đắng. Ông De Lessay theo chủ nghĩa Voltaire và phái chính thống hơn bao giờ hết, truy nguồn gốc mọi tai họa chính trị xã hội và tôn giáo là do Buonaparte. Trong sự tình đó, đại tá Victor làm cho tôi lo lắng trước hết. Ông bác gai ngành này trở nên hoàn toàn khó chịu từ lúc cô em không còn đẩy nữa để làm cho bác bình tĩnh. Cây đàn hạc của David bị vỡ gãy và Saiil phó mặc cho những cơn thịnh nộ. Sự sụp đổ của

Charles X gia tăng sự táo tợn của ông già phái Napoléon dám nghĩ tới mọi hành động yêng hùng. Bác không siêng đến căn nhà của chúng tôi vì nó quá yên lặng đối với bác. Nhưng thỉnh thoảng, vào giờ ăn tối, chúng tôi thấy bác xuất hiện, người phủ đầy hoa như một lăng mộ.

“Bác thường vừa ngồi vào bàn ăn vừa nghiền rửa trong họng, và giữa hai miếng ăn, bác ca ngợi những vận may của mình, của một người già dũng cảm. Rồi, bữa tối xong, bác xếp khăn ăn thành miếng phao câu, nốc nửa chai rượu trắng, rồi vội vàng đi ra như có ý sợ bỏ qua một lúc nào đó không đối ẩm với một nhà triết lý già và một nhà bác học trẻ. Tôi cảm thấy đúng rằng một ngày nào đó, nếu bác gặp ông De Lessay thì mọi việc sẽ hỏng. Thừa chị ngày ấy đã đến.

“Lần này, bác đại tá xuất hiện trên người toàn hoa là hoa, rất giống đài kỷ niệm vĩ nhân của đế chế, đến nỗi người ta có ý khoác lên mỗi cánh tay bác một vòng hoa bất tử. Bác thỏa mãn lạ thường và người đầu tiên được hưởng tâm trạng sung sướng này là chị nấu ăn được bác ôm ngang lưng khi chị đặt món thịt quay lên bàn.

“Sau bữa ăn tối, bác gạt cái lọ người ta đưa cho, nói rằng chốc nữa bác sẽ nốc rượu trắng trong quán rượu. Tôi vừa run vừa hỏi có phải bác không muốn gì hơn là được phục vụ cà phê ngay. Bác Victor rất ngờ vực và

không ngu ngốc. Sự hấp tấp của tôi đối với bác tỏ ra không phải lúc, bác nhìn tôi với một vẻ nào đó rồi nói:

- “Gắng chút nữa, cháu ạ. Quái nhỉ! Đâu phải là báo hiệu rút lui cho thiếu sinh quân. Nay ngài thông thái rởm, vậy ngài rất muốn xem tôi có định thúc ngựa ở giày ống không chứ gì?”

“Rõ ràng bác đại tá đoán được ý tôi muốn bác ra về nhanh. Biết vậy, tôi chắc bác sẽ ở lại. Bác đã ở lại thật. Những tình tiết nhỏ nhất của buổi tối hôm đó in sâu trong ký ức tôi. Bác hoàn toàn hân hoan. Bác lấy làm vui với ý nghĩ duy nhất là quấy rầy người khác. Quả vậy, bằng một thể văn tuyệt vời của trại lính, bác kể chuyện một nữ tu sĩ, một anh thổi kèn tờ-rông-pét và năm chai rượu vang săng-bec-tanh, chuyện này chắc được quân đội đồn trú ưa thích, mà tôi không kể lại cho chị, dù tôi còn nhớ – Khi chúng tôi đi qua phòng khách, bác báo cho biết tình trạng tồi tệ các giá gác củi trong lò và dạy chúng tôi một cách thông thạo, việc dùng đá nhám đánh bóng đồ đồng – Còn về chính trị thì không một lời. Bác không muốn phí sức. Chuông điểm tám tiếng trong phé tích Carthage. Đó là giờ của ông De Lessay. Một phút sau, ông vào phòng khách với con gái. Sinh hoạt bình thường các buổi tối bắt đầu. Clémentine thêu thùa bên ngọn đèn có chao tỏa bóng tối nhẹ nhàng lên đầu xinh đẹp của nàng, và quy tụ ánh sáng vào trên các ngón tay nàng làm cho chúng gần như chói lọi. Ông De Lessay

nói về một sao chổi do các nhà thiên văn thông báo, và nhân dịp này, phát triển những lý thuyết dù phiêu lưu đến thế nào, cũng chứng tỏ một sự trau dồi trí tuệ. Cha tôi có kiến thức thiên văn học, trình bày những ý nghĩ đúng đắn và kết thúc bằng một câu muôn thủa: “Tóm lại, tôi biết được cái gì?”. Đến lượt tôi, tôi giới thiệu quan điểm của ông láng giềng giám đốc đài thiên văn là ông Arago vĩ đại. Bác Victor khẳng định rằng sao chổi ảnh hưởng đến chất lượng rượu vang và để chứng minh, kể ra một chuyện vui ở quán rượu – Tôi rất thỏa lòng cuộc đàm thoại này đến nỗi nhờ những buổi thảo luận mới nhất của tôi, tôi ra sức giữ nguyên nó bằng một bản thuyết trình về cấu tạo hóa học của các thiên thể nhẹ kia, rải tung ra, trong những không gian vũ trụ vào khoảng hàng tỷ dặm, có thể chứa đựng trong một cái chai. Cha tôi hơi ngạc nhiên về tài hùng biện của tôi, nhìn tôi với thái độ mỉa mai bình thản của ông. Nhưng người ta không thể ở mãi trên trời. Vừa nhìn Clémentine, tôi vừa nói về một ngôi sao chổi bằng kim cương ở chiếc đồng hồ quả quýt của một người bán kim hoàn mà tôi lấy làm lạ hôm trước. Tôi đại quá.

- “Này cháu – đại tá Victor kêu lên – ngôi sao chổi của cháu không giá trị bằng ngôi sao chổi lóng lánh trong mái tóc của hoàng hậu Joséphine^[6] khi bà đến Strasbourg gắn huân chương cho quân đội.

- “Con mẹ Joséphine hèn mọn này thích trang sức lắm. – Ông De Lessay nói tiếp giữa hai ngụm cà phê. – Tôi không chê trách mẹ về việc đó, mẹ có cái tốt, tuy hơi nhẹ dạ. Đó là một mẹ Tascher và mẹ làm vẻ vang cho Buonaparte khi lấy ông ta. Một mẹ Tascher, chẳng phải nói nhiều, nhưng một Buonaparte thì không phải là không nói hết.

- “Thưa ngài hầu tước – ông De Lessay trả lời cụt ngắn – tôi hiểu hẳn là Buonaparte rất đẹp đôi khi cười một trong những mẹ đàn bà ăn thịt người, trần truồng, xăm mình, một cái vòng trong lỗ mũi và vui thú nhai nghiền máu chân tay người đã thối rửa, mà đại tá Cook mô tả trong những chuyến đi của ông ấy.

Tôi đã dự kiến việc này – tôi nghĩ – và trong nỗi kinh hoàng của tôi (ôi, tấm lòng tội nghiệp của con người), ý nghĩ đầu tiên của tôi là nhận thấy những dự kiến của mình là đúng. Tôi phải nói câu trả lời của đại tá thuộc loại tuyệt vời. Bác chống nạnh, khinh bỉ nhìn kỹ ông De Lessay rồi nói:

- “Thưa ngài đại diện tòa giám mục, Napoléon có một bà vợ khác, không phải là Joséphine và Marie Louis^[7]. Người bạn gái này, ngài không biết, còn tôi, tôi đã nhìn gần bà ta, bà mặc áo khoác màu xanh da trời lốm đốm sao, mang vòng nguyệt quế, ngực lấp lánh huân chương danh dự, bà tên là Vinh Quang.

“Ông De Lessay đặt chén tách trên lò sưởi, bình thản nói:

- “Buonaparte của ông là một dâm đấng.

“Cha tôi uể oải đứng dậy, chậm rãi dang cánh tay, và bằng một giọng rất đỗi dịu dàng, nói với ông De Lessay:

- “Dù người chết ở Saint Hélène trước đây là ai, nhưng tôi đã làm việc mười năm trong chính phủ ông ấy, anh vợ tôi ba lần bị thương dưới cờ ông ấy. Tôi van ngài, với tư cách là bạn, từ nay về sau, không được quên lãng ông ấy.

“Điều mà hồn láo tuyệt vời và hài hước quá lộ của bác đại tá không tạo ra được, thì lời khiển trách nhã nhặn của cha tôi lại đặt ông De Lessay vào tình trạng tức giận điên người.

- “Tôi đã quên hẳn – ông tái mặt kêu lên, hàm răng khít chặt sùi bọt mép – tôi sai. Thùng mắ thì hôi mùi mắ và khi người ta đã phục vụ bọn vô lại...

“Nghe tới đó, bác đại tá nhảy vào nắm họng ông ta. Tôi tưởng bác sẽ bóp cổ ông ta nếu không có tôi và con gái ông ta.

“Cha tôi khoanh tay, nước da hơi hơi tái hơn theo thường lệ, nhìn cảnh tượng này có vẻ thương hại một cách khó tả. Điều gì tiếp theo còn thảm hại hơn nữa, những nhún mạnh hành động điên rồ của hai ông già để làm gì? Cuối cùng tôi cũng can được hai cụ. Ông De Lessay ra hiệu cho con gái và đi ra. Khi nàng bước theo cha, tôi chạy theo nàng trong cầu thang.

- “Thưa tiểu thư – tôi cuống cuống nói với nàng vừa siết chặt tay nàng – Tôi yêu tiểu thư! Tôi yêu tiểu thư!

“Nàng cầm giữ tay tôi trong giây lát, miệng hé mở. Nàng sẽ nói gì? Nhưng bỗng ngược nhìn cha leo lên gác, nàng rút tay lại và tỏ ý tạm biệt.

“Từ đó tôi không gặp lại nàng. Cha nàng đến ở phía điện Panthéron trong một căn hộ thuê với tiền bán tập bản đồ lịch sử. Một tháng sau, ông chết ở đây do chứng ngạt máu cấp phát. Con gái ông lại trở về Nevers sống với gia đình bên ngoại và lấy Achille Allier, con trai một nông dân giàu có ở đây”.

- Còn tôi, thưa chị, tôi sống một mình yên phận, đời tôi khá hạnh phúc, không gặp tai họa lớn, cũng không gặp niềm vui lớn. Nhưng trong những đêm đông, tôi không thể nhìn lâu chiếc ghế bành trống không bên cạnh mà lòng không đau xót. Clémentine qua đời đã lâu. Con gái cô ấy cũng theo mẹ về nơi yên nghỉ vĩnh hằng. Tôi

được gặp tại nhà chị đưa cháu gái của nàng. Tôi sẽ chưa nói như ông già trong kinh thánh: “Và bây giờ, xin Chúa triệu hồi kẻ phụng sự Chúa trở về với Người”. Nếu một người như tôi có thể hữu ích cho ai, thì chính là tôi muốn dành cho cô gái mồ côi này, những sức lực cuối cùng của tôi, với sự giúp đỡ của chị.

Tôi nói những lời sau cùng này trong phòng ngoài căn hộ của chị De Gabry, và tôi định chia tay với người đàn bà dẫn đường tử tế này, thì chị bảo tôi:

- Thưa ngài thân mến, về việc ấy tôi không thể giúp ông được. Jeanne mồ côi và chưa thành niên. Ông không thể làm gì cho cháu nếu không được phép của người giám hộ cháu.

- Chao ôi! Tôi kêu lên – Tôi không nghĩ tí nào rằng cháu Jeanne có một người giám hộ.

Chị De Gabry nhìn tôi có phần ngạc nhiên. Chị không ngờ một ông già lại giản đơn như vậy.

Chị nói tiếp:

- Giám hộ của Jeanne Alexandre là luật sư Mouche, công chứng viên ở Levallois Perret. Tôi ngại ông không hòa hợp tốt với ông ta, vì đó là một người nghiêm nghị.

- Này, trời ơi! – Tôi kêu lên – Vậy thì chị muốn rằng ở vào tuổi tôi, tôi nên hòa hợp với ai, nếu chẳng phải là những người nghiêm nghị?

Chị mỉm cười dịu dàng ranh mãnh như cha tôi và nói:

- Với những ai giống ông. Đúng là luật sư Mouche không thuộc những người như thế, ông ta không gọi cho tôi một sự tin cậy nào. Ông sẽ phải xin phép ông ta đến thăm Jeanne mà ông ta gửi vào một ký túc xá ở Des Ternes, nơi đây cháu không được sung sướng.

Tôi hôn tay chị De Gabry và chúng tôi chia tay.

Từ ngày 2 đến ngày 5 tháng năm

Tôi gặp luật sư Mouche, giám hộ của Jeanne trong văn phòng ông. Người nhỏ, gầy, khô khan, nước da trong như bụi giấy lộn. Đó là một động vật đeo kính vì không thể hình dung ông ta nếu không đeo kính. Luật sư nói giọng the thé, lời lẽ chọn lọc, nhưng tôi lại thích giá mà ông đừng lựa chọn lời lẽ gì hết. Tôi quan sát luật sư vẻ trịnh trọng của luật sư và dưới cặp kính, đôi mắt ông luôn dò xét người làm của mình.

Luật sư cho tôi biết ông sống hạnh phúc. Ông rất mừng về sự quan tâm của tôi đối với cháu gái mồ côi do ông giám hộ. Nhưng ông không tin rằng người ta sống

trên quả đất để nhón như mắt thì giờ – Không, ông không tin như vậy. Công bằng mà nói, tôi sẽ bảo là người ta đồng ý với ông một khi ở gần ông, chính vì ông ít giải trí – Ông sợ người ta làm cho đứa trẻ mồ côi thân yêu được ông giám hộ, có ý nghĩ lệch lạc và độc hại về cuộc đời khi cho trẻ vui chơi quá nhiều. Cho nên, ông đã năn nỉ chị De Gabry chỉ đón thiếu nữ về nhà rất ít thôi.

Tôi già từ người công chứng viên cũ kỹ lỗi thời và văn phòng bụi bặm của ông với giấy phép đúng luật lệ (tất cả cái gì của luật sư Mouche đều đúng luật lệ) mỗi tháng vào ngày thứ năm thứ nhất đến thăm tiểu thư Jeanne Alexandre tại nhà cô giáo tiểu học Préfère, phó Demours ở Ternes.

Ngày thứ năm thứ nhất tháng năm, tôi đến nhà cô Préfère từ khá xa, tôi đã trông thấy có ngôi nhà do tấm biển hiệu bằng chữ xanh. Màu xanh này với tôi là dấu hiệu đầu tiên về tính tình cô Virginie Préfère mà từ đó tôi mới có dịp nghiên cứu đầy đủ.

Một chị đầy tứ hốt hoảng cầm tấm danh thiếp của tôi, rồi bỏ mặc tôi không một lời đảm bảo, trong phòng khách lạnh lẽo có mùi nhạt nhẽo riêng biệt ở nhà ăn của các nhà giáo dưỡng. Sàn phòng khách này được đánh xi quá công phu đến nỗi tôi thấy mình lạc lõng lúng túng trên ngưỡng cửa. Nhưng vừa sung sướng nhận thấy những mẫu len vuông nhỏ vung vãi trên sàn ván trước,

các ghế tựa độn lông, vừa tiếp tục đặt chân lên mỗi đồng thảm thêu, tôi tiến tới góc lò sưởi và ngồi xuống đó, mệt nhoài.

Trong một bộ khung mạ vàng trên lò sưởi này, là một tấm biển nhan đề bằng chữ gô-tic sáng chói: Bảng danh dự. Trên tấm biển có ghi rất nhiều tên nhưng không thấy tên của Jeanne Alexandre, khiến tôi không vui. Sau khi đọc đi đọc lại danh sách các học sinh trong bảng danh dự theo ý kiến của cô Préfère, tôi lo không nghe thấy gì xảy ra. Cô Préfère dựa vào thế lực sư phạm của mình chắc sẽ thiết lập thành công những khoảng trời yên lặng tuyệt đối, nếu lũ chim sẻ không chọn sân trường của cô để bay đến từng đàn kêu riu rít; biết làm thế nào. Nghe chúng kêu thật vui tai. Nhưng có cách nào nhìn được chúng qua những cửa kính đã mờ. Tôi đành phải bằng lòng với cảnh trí từ trên xuống dưới của phòng khách, trên bốn bức tường với những hình vẽ của học sinh nội trú, hình những nữ tu sĩ, những hoa lá, những cúp nhà tranh, những lều, những vật hình cuộn và cái đầu lớn của Tatius, vua của những người Sabius, ký tên Estelle Mouton.

Tôi cảm phục khá lâu sức mạnh diễn đạt của cô Mouton làm nổi bật hàng lông mày rậm rỏi bù và cặp mắt giận dữ của người quân nhân thời cổ đại, thì một tiếng nhẹ hơn tiếng lá rụng theo chiều gió, khiến tôi ngoảnh đầu lại. Quả nhiên, không phải chiếc lá rụng mà

là cô Préfère. Cô chấp hai tay, tiến bước trên mặt sàn bóng lộn như những nữ thánh trong *Tập truyện thánh kỳ diệu* trên mặt nước trong như pha lê.

Nhưng trong bất cứ trường hợp nào khác, tôi tin rằng cô Préfère không làm tôi nghĩ tới những cô gái đồng trinh quý giá theo tư duy thần bí. Chỉ trông diện mạo cô thôi, cô đã làm tôi nhớ tới ngay mặt con nhái bẹn của bà nội trợ khôn ngoan bảo quản trong vựa thóc về mùa đông. Chiếc áo choàng có viền trên vai tựa nó chẳng đem lại điều gì đáng kính, nhưng cô mặc nó xem như là áo giới tăng lữ hoặc biểu hiện của chức quan tòa cao cấp.

Tôi trình bày mục đích cuộc viếng thăm và đưa cho cô thư giới thiệu.

- Ông đã gặp luật sư Mouche – cô nói – sức khỏe ông ấy tốt lắm chứ? Đó là một người rất đứng đắn, đến nỗi...

Cô chưa hết lời và bỗng nhìn lên trần nhà. Tôi cũng đưa mắt theo và bắt gặp một cuộn nhỏ đăng ten xoắn bằng giấy treo nơi đèn chùm, tôi đoán là nhằm để kéo bày ruồi bay khỏi các khung mạ vàng, các tấm kính và các bảng danh dự:

- Tôi đã gặp tiểu thư Alexandre ở nhà bà Gabry, – tôi nói. – Tôi có thể nhận thấy tính nét tuyệt vời và trí thông minh sắc sảo của tiểu thư – Ngày xưa tôi quen biết cha

mẹ cháu nên tôi muốn chăm sóc cháu theo ý nguyện của họ.

Thay cho mọi câu trả lời, cô Prèfère kính cẩn thở dài, ép sát chiếc áo choàng huyền diệu vào lòng rồi lại ngắm cuộn giấy xoắn nhỏ.

Cuối cùng cô bảo:

- Thừa ông, bởi vì ông quen biết ông bà Noel Alexandre, tôi muốn tin rằng ông cũng như luật sư Mouche và tôi, lấy làm tiếc nhưng chuyện đầu cơ điên rồ đã làm cho họ sạt nghiệp và buộc con gái họ phải chịu cảnh khốn cùng.

Nghe thế, tôi nghĩ rằng bất hạnh là một lầm lỗi lớn, và đôi với những kẻ sa đà với dục vọng thì lầm lỗi này là không thể tha thứ. Sự thất bại của họ trả thù cho chúng ta, khiến chúng ta thích thú và không thương xót.

Sau khi hết sức thật thà trình bày rằng tôi hoàn toàn xa lạ với công việc tài chính, tôi hỏi bà chủ nhà ký túc có bằng lòng tiểu thư Alexandre không.

- Con bé này khó dạy – Cô Prèfère kêu lên.

Lúc ấy, cô lấy dáng điệu của trường cao cấp để diễn đạt một cách tượng trưng hoàn cảnh của mình do người

học trò gái khó bảo gây nên. Rồi trở lại với những tình cảm bình tĩnh hơn:

- Thiếu nữ này không phải là không thông minh, nhưng chung quy cháu không thể học tập các việc bằng nguyên tắc.

Cô Préfère thật kỳ lạ! Cô đi thì không đưa chân lên, nói năng thì không động đậy làn môi. Không dừng lại quá nhiều ở những đặc điểm này, tôi trả lời cô rằng dĩ nhiên nguyên tắc là cái gì ưu tú và về điểm này tôi trông cậy vào trí thức của cô, nhưng cuối cùng là khi người ta hiểu biết một việc nào đó là người ta học nó bằng cách này hay cách khác, điều đó không quan trọng.

Cô Préfère chậm rãi tỏ ý phủ nhận. Rồi cô thở dài:

- À, thưa ông, những người xa lạ với nền giáo dục, quen suy nghĩ rất sai trái. Tôi chắc họ nói năng theo ý muốn hay nhất của thiên hạ, nhưng tốt hơn, tốt hơn nhiều là họ để tùy những người có thẩm quyền định đoạt.

Tôi không cố tranh luận và yêu cầu cô cho được thăm ngay tiểu thư Alexandre.

Cô lặng ngấm chiếc áo khoác như để tìm ở những tua viền rối tung cũng như trong cuốn sách phù thủy, câu trả lời của mình. Cuối cùng cô lên tiếng.

- Tiểu thư Alexandre đang phụ trách một buổi ôn tập, ở đây các nữ sinh lớn phải dạy cho các em gái nhỏ. Người ta gọi đó là sự dạy dỗ lẫn nhau. Nhưng tôi sẽ rất tiếc khi thấy ông phải tốn công vô ích. Tôi sẽ cho gọi tiểu thư. Thưa ông, để hợp thức hơn, xin ông cho phép ghi tên ông vào sổ những khách đến thăm.

Cô ngồi trước bàn, mở cuốn vở lớn, và lấy ra lá thư của luật sư Mouche nhét dưới áo choàng.

- Bonnard có một chữ d phải không? – Cô vừa viết vừa hỏi. Xin lỗi ông tôi phải nhấn mạnh chi tiết này. Mà theo tôi, những danh từ riêng đều có một chính tả những danh từ riêng, dĩ nhiên là những danh từ lịch sử.

Vừa ghi tên tôi bằng bàn tay khéo léo, cô vừa hỏi có thể không ghi tiếp theo một tư cách nào đó như là cựu thương gia, viên chức, người thực lợi, hoặc gì gì khác. Trong cuốn sổ của cô, có một cột dành ghi các tư cách.

- Trời ơi, thưa bà, nếu nhất định phải điền vào cột đó, thì xin để là ủy viên Học viện.

Đứng trước mắt tôi là chiếc áo choàng của cô Préfère, nhưng không phải cô Préfère mặc áo đó nữa mà là một người đàn bà mới lạ duyên dáng, niềm nở, dịu dàng đơn trón, sung sướng, hớn hờ. Đôi mắt cô tươi sáng, những vết nhăn nhỏ trên mặt (rất nhiều) có vẻ tươi vui, miệng

cô cũng mỉm cười, nhưng chỉ một mép thôi. Giọng nói của cô hợp với dáng người, một thứ giọng ngọt xót.

- Thưa ông, vậy ông cho rằng tiểu thư Jeanne thân mến này rất thông minh. Về phía tôi, tôi cũng nhận xét như vậy, và tôi rất tự hào được gặp ông. Hẳn là thiếu nữ này gọi cho tôi nhiều lý thú. Dù hơi nóng tính, cháu có cái mà tôi gọi là tính cách vui vẻ. Nhưng xin ông tha lỗi, tôi đã lạm dụng thời giờ quý báu của ông.

Cô gọi chị đây tớ, chị tỏ ra vồn vã, hốt hoảng hơn trước và biến mất theo lệnh đi báo cho tiểu thư Alexandre rằng ông Sylvestre Bonnard, ủy viên Học viện đang đợi cháu ở phòng khách.

Cô Préfère chỉ còn thời giờ thổ lộ với tôi rằng cô kính trọng sâu sắc những quyết định của Học viện, bất cứ quyết định gì, lúc ấy Jeanne xuất hiện, thờ hớn hển mặt đỏ như gấc, hai mắt mở to, hai cánh tay đung đưa, xinh đẹp trong sự vụng về thơ ngây của mình.

- Con yêu quý của mẹ, con đã đến thì. – Cô Préfère thì thăm với sự dịu dàng của người mẹ, vừa sửa lại cổ áo cho cháu.

Quả là Jeanne đã lớn lên rất lạ thường, mái tóc hất ra phía sau, bỏ trong túi lưới, từng mớ sổ ra ngoài, hai cánh tay gầy trong hai ống tay áo vải láng ngắn đến khuỷu tay đỏ do cước làm cho cháu có vẻ rất lúng túng, áo dài cháu

quá ngắn để lộ đôi bít tất quá rộng và đôi giày có cổ đã vệt gót, một dây để nhảy, vắn quanh thắt lưng như dây nịt, tất cả những thứ đó làm cho Jeanne thành một cô gái ít coi được.

- Con bé kì cục! – Cô Prèfère thở dài lần này ra vẻ không phải là một người mẹ mà là một bà chị cả.

Rồi cô chuồn ra ngoài, lướt trên sàn nhà sáng loáng như một cái bóng.

Tôi bảo Jeanne:

- Jeanne, cháu ngồi xuống và nói chuyện với bác như một người bạn. Cháu không thích ở đây sao?

Cháu lưỡng lự rồi trả lời với nụ cười nhẵn nhụi:

- Không nhiều.

Hai tay cháu cầm hai đầu dây và im lặng.

Tôi hỏi cháu đã lớn thế này mà còn nhảy dây?

- Ô, không thưa ông – cháu hăng hái đáp – khi chị giúp việc bảo cháu có một ông đợi ở phòng khách thì cháu đang tập các em nhảy dây. Lúc ấy cháu thắt dây quanh mình cho khỏi mất. Thế là không đứng đắn, cháu xin lỗi ông. Nhưng mà cháu rất ít quen tiếp khách.

- Trời ơi, tại sao bác lại bị xúc phạm vì cái dây của cháu? Các nữ tu sĩ dòng thánh Cle-ơ cũng mang dây ở thắt lưng và đó là những cô gái chân chính

- Thưa ông, ông đến thăm và nói chuyện với cháu như vừa rồi thật tốt quá. Cháu không nghĩ tới chuyện cảm ơn ông khi bước vào, vì cháu rất đỗi ngạc nhiên. Ông có gặp bà De Gabry không? Xin ông vui lòng nói chuyện với cháu về bà ấy.

- Bà De Gabry khỏe mạnh. Bà đang ở trong vùng đất Lusance xinh đẹp. Khi có người lo lắng cho bà thì bác làm vườn già của bà chủ lâu đài cho biết bà đang ung dung tiến bước trên con đường rất chi là thuận lợi này. Ngày nọ, trước khi bà đi Lusance, bác đã cùng đến một vùng xa, lúc ấy hai người đã nói chuyện về con. Con ơi, bác và bà đã nói chuyện về con trên nấm mồ của mẹ con.

- Cháu hạnh phúc quá – Jeanne nói và bắt đầu khóc. Tôi trân trọng để thiếu nữ tuôn trào dòng lệ. Rồi trong lúc cô gái lau nước mắt, tôi yêu cầu cháu cho biết sống trong nhà này thế nào.

Cháu cho biết cháu vừa là học sinh vừa là cô giáo.

- Người ta sai bảo cháu và cháu lại sai bảo người khác, sự tình này thường gặp trong đời. Hãy chịu đựng việc đó, con ạ.

Nhưng cháu làm cho tôi hiểu rằng cháu không được học tập mà cũng chẳng giảng dạy. Cháu phải lo mặc quần áo cho các em lớp mẫu giáo, tắm rửa các em, dạy các em phép lịch sự, bảng chữ cái, cách dùng kim may, hướng dẫn các em vui chơi, và cho các em đi ngủ sau khi đọc kinh cầu nguyện.

- A! – Tôi kêu lên – Thế mà cô Préfère bảo đó là sự dạy bảo lẫn nhau. Không giấu gì cháu, bác không thích cô Préfère lắm và bác tin rằng cô ấy cũng không tốt.

- Ô! – Jeanne đáp – Cũng như phần đông mọi người, cô ấy tốt với những ai cô thích và không tốt với những ai cô không ưa. Đây! Cháu tin rằng cô không yêu mến cháu lắm.

- Còn ông Mouche. Phải nghĩ thế nào về ông ấy?

Tiểu thư hăng hái trả lời:

- Thưa ông, cháu xin ông đừng nói với cháu về ông Mouche. Cháu xin ông.

Tôi thuận theo lời yêu cầu nóng vội và gằn như rứt rề này và chuyển hướng câu chuyện.

- Ở đây Jeanne có nặn đắp những hình sáp phải không? Bác không quên nàng tiên đã làm cho bác sững

sốt dữ dội ở Lusance.

- Cháu không có sáp. Tiểu thư vừa đáp vừa buông xuôi hai tay.

- Trong một xã hội loài ong mà không có sáp sao? Bác sẽ đem cho cháu nhiều sáp có màu sắc và trong suốt như châu báu.

- Xin cảm ơn ông, nhưng ông đừng làm thế. Ở đây cháu không có thì giờ để làm ra những con búp bê bằng sáp. Tuy vậy cháu đã bắt đầu đắp cho bà De Gabry một tượng thánh nhỏ hết sức bé, tượng thánh Georges trong bộ áo giáp vàng rực. Nhưng các em gái hiểu rằng đó là con búp bê, và các em đem chơi làm vỡ ra từng mảnh.

Cháu lấy ra khỏi túi tạp dề một bức tượng nhỏ, chân tay bị tháo rời chỉ còn dính lại chút ít bằng một lõi dây thép. Nhìn tượng, cháu vừa buồn, vừa vui nhưng niềm vui thắng thế, lúc ấy, cháu mỉm cười, nhưng bỗng nhiên ngừng lại.

Cô Préfère đã đứng, hiền lành trước cửa phòng khách.

- Con bé thân yêu này – bà chủ ký túc xá than thở, giọng dịu dàng nhất – tôi sợ cháu làm mệt ông, lãng phí thì giờ quý báu của ông.

Tôi yêu cầu cô đừng nghĩ nhầm như thế, và vừa đứng dậy cáo lui vừa rút ra khỏi túi áo mấy thanh sô-cô-la và kẹo bánh mang theo.

- Chao ôi! Thưa ông – Jeanne kêu lên – cả ký túc xá cũng có các thứ ấy.

Người đàn bà mặc áo choàng can thiệp:

- Tiểu thư Alexandre, hãy cảm ơn ông về lòng hào hiệp của ông.

Jeanne nhìn bà với vẻ khá rụt rè và quay sang tôi.

- Thưa ông cháu xin cảm ơn ông đã cho kẹo bánh và nhất là cảm ơn ông có lòng tốt đến thăm cháu.

- Jeanne hãy ngoan ngoãn và can đảm như trước – Tôi vừa nói vừa siết chặt tay cháu – Bác tạm biệt cháu.

Khi rút lui với mấy gói sô-cô-la và bánh kẹo, Jeanne để đầu dây tập đập đôm đốp vào lưng ghế tựa. Cô Préfere tức giận hai tay ép ngực dưới áo khoác, lúc ấy tôi chờ đợi chứng kiến sự tan biến tâm hồn nhà giáo của cô. Khi còn hai chúng tôi, cô bình tâm trở lại và tôi không vui phải nói rằng cô đã cười gằn với tôi. Tuy vậy tôi cũng tranh thủ tâm trạng đó của cô:

- Thưa cô, tôi để ý thấy Jeanne Alexandre hơi xanh xao. Cô biết hơn tôi, ở lứa tuổi trẻ người non dạ, cháu mong muốn được đối xử ngọt ngào, và được chăm sóc nhiều. Tôi mạo muội khẩn khoản gửi gắm cháu cho cô theo dõi dạy bảo.

Những lời này hình như làm cho cô vui lòng. Cô ngắm cuộn xoắn nhỏ trên trần nhà, vẻ trầm tư mê ly, cô chấp tay kêu lên:

- Những con người lỗi lạc này biết đi vào những chi tiết nhỏ nhất.

Tôi lưu ý cô sức khỏe một thiếu nữ không phải là một chi tiết nhỏ và tôi vinh dự chào cô. Nhưng cô ngăn lại ở ngưỡng cửa và tâm sự:

- Thưa ông, xin ông thứ lỗi cho sự kém cỏi của tôi. Tôi là phụ nữ, tôi ưa tiếng tăm. Tôi không thể giấu ông rằng tôi lấy làm vinh hạnh về sự có mặt của một ủy viên Học viện trong nhà trường nhỏ mọn của tôi.

Tôi tha thứ sự kém cỏi của cô và nghĩ đến Jeanne với tính ích kỷ mù quáng, dọc đường tôi tự nhủ:

Chúng ta sẽ giáo dục con bé này thành người thế nào đây.

Ngày 2 tháng 6

Ngày hôm đó, tôi đưa một đồng nghiệp già lớn tuổi đến nghĩa trang Marnes, ông ấy chịu chết, theo cách nghĩ của Goethe. Goethe vĩ đại có sức sống lạ thường, thực sự tin rằng người ta chỉ chết khi người ta muốn, nghĩa là khi tất cả sức mạnh chống lại sự phân hủy cuối cùng, khi toàn bộ khí lực làm nên sự sống bị hủy diệt đến tận cùng. Nói cách khác, ông nghĩ rằng người ta chỉ chết khi không muốn sống nữa. Vào lúc thích hợp vậy! Vấn đề chỉ là đồng tình với nhau và tư tưởng tuyệt vời của Goethe rút lại là tiếng hát của La Palice, khi người ta biết sử dụng nó.

Vậy nên ông bạn đồng nghiệp ưu tú của tôi chịu chết do hai ba cơn ngạt máu cấp phát nặng nhất, và đến con cuối cùng thì không còn cứu vãn gì nữa.

Sinh thời, tôi ít giao du với ông, nhưng dường như tôi trở thành bạn ông từ khi ông không còn nữa, bởi vì các bạn đồng nghiệp của tôi với nét mặt đầy tự tin nghiêm trang bảo tôi phải cần một trong cái dây quàng khăn phủ quan tài và phát biểu ý kiến trên mộ.

Sau khi đọc quá tôi một bài diễn văn ngắn do tôi cố gắng viết, chẳng phải nói ngoa, tôi đi dạo trong khu rừng Ville d'Avray, và không cần chống mạnh lắm cây gậy của đại tá, tôi theo một lối mòn cây cối rậm rạp được

ánh nắng chiếu xuống hình thành những đĩa vàng. Chưa bao giờ mùi cỏ lá ẩm ướt, chưa bao giờ cái đẹp của bầu trời và sự yên tĩnh tuyệt đối của cây cối thấm sâu vào giác quan và cả người tôi như thế, và trong cái yên lặng thoáng qua một tiếng chuông không dứt, tôi cảm thấy một sức ép vừa phàm tục vừa trang nghiêm đè nặng tâm hồn.

Tôi ngồi dưới bóng một cây sồi bên đường. Ở đây tôi quyết không chết hay ít nhất không chịu chết, trước khi ngồi lại dưới một cây sồi, ở đây, trong cảnh yên tĩnh của đồng quê mênh mông, tôi nghĩ đến bản chất của tâm hồn, và cứu cánh của loài người. Một con ong, thân màu nâu lóng lánh dưới ánh mặt trời như áo giáp bằng vàng xưa, đến đậu trên hoa cẩm quỳ rườm rà âm u, và nở đúng trên thân cây rậm rạp. Chắc không phải lần đầu tôi trông thấy một cảnh tượng thông thường đến thế, nhưng đây là lần đầu tôi nhìn cảnh tượng này với sự tò mò triu mến và thông minh đến thế. Tôi nhận thấy tất cả mọi thứ giao cảm và trăm nghìn mối quan hệ tài tình không ngờ giữa sâu bọ và loài hoa.

Con ong no nê mật, mạnh dạn vùng bay lên. Tôi cố sức đứng dậy, ngay ngắn trên hai chân.

- Chào tạm biệt – tôi nói với hoa và ong – Chào tạm biệt. Có thể ta chẳng còn thời gian thể nghiệm để khám phá sự hòa hợp bí mật của các người. Ta mệt lắm rồi.

Nhưng con người sinh ra không phải là để từ bỏ công việc này vì một công việc khác. Chính hoa lá và sâu bọ sẽ làm cho ta thư thái khỏi bận rộn với ngôn ngữ văn học và công thư văn học, nếu Chúa muốn như vậy. Câu chuyện thần thoại ngày xưa về Antée chứa đựng bao nhiêu là ý nghĩa! Chân ta đã chạm đất và ta là một người khác hẳn, và đến tuổi sáu mươi tám, những điều lạ lùng mới lạ nảy sinh trong tâm hồn ta như ai cũng thấy những chồi vươn lên từ thân rỗng của một cây liễu già.

Ngày 4 tháng 6

Vào những buổi mai xám nhạt đem lại cho cảnh vật sự êm dịu vô hạn, tôi thích nhìn, từ cửa sổ, con sông Seine và các kè của nó. Tôi ngắm bầu trời xanh quang tạnh trên vịnh Naples. Nhưng bầu trời Paris của chúng ta náo nhiệt hơn, khoan dung hơn, và huyền bí hơn. Nó mỉm cười, đe dọa, mơn trớn, buồn vui như sắc mặt con người. Lúc ấy nó chiếu ánh sáng yếu ớt xuống người và súc vật trong thành phố đang làm nhiệm vụ hàng ngày. Trên bờ sông đằng kia, những phu khuân vác nặng cảng Saint Nicolas dỡ hàng sừng bò, còn một số khác ngồi trên cầu tàu di động nhanh nhẹn vút qua tay nhau những mẩu bánh ngọt xuống tận hầm tàu. Trên kè sông phía bắc, ngựa để cho thuê đứng thẳng hàng dưới bóng cây tiêu huyền, đầu trong túi dết, im lặng nhai yền mạch, con

các bác đánh xe đỏ mặt vừa cạn chén trước quầy hàng rượu, vừa liếc mắt theo dõi ông chủ dậy sớm.

Dân bán sách cũ đặt các hộp lên lan can. Những nhà buôn tinh thần trung hậu này luôn luôn sống ngoài trời, áo bờ lu trước gió, tuyết giá, sương mù, nắng mưa to hành hạ họ, khiến họ giống những pho tượng cổ trong nhà thờ lớn. Bọn họ là bạn của tôi. Ít khi đi qua trước quầy sách họ mà tôi không lấy vài cuốn sách cũ nào đó chắc tôi còn thiếu.

Về đến nhà, thì nghe chị quản gia kêu toáng lên là tôi đã làm bực hết các túi áo, vứt bỏ đầy nhà bao nhiêu giấy má nên kéo lũ chuột tới. Chị Thérèse đứng đắn trong việc này, bởi chị đứng đắn nên tôi không nghe lời chị, mặc dù lặng im, tôi vẫn thích sự ham mê điên rồ hơn sự đứng đắn dửng dưng. Những đam mê của tôi không phải là những đục vụng bùng nổ, tàn phá, làm hại sức khỏe mà người thường không để ý. Nhưng chúng giày vò tôi và hơn một lần, tôi mất ngủ vì mấy trang viết của một tu sĩ đã bị lãng quên, hoặc do một người học viện tầm thường của Pierre Schoeffler in ra. Và nếu những khát vọng đẹp đẽ đó tắt ngấm trong tôi khi tôi cũng chết dần chết mòn. Những đục vụng của chúng ta. Những sách cũ của tôi, đó chính là tôi. Tôi già và khô đét như chúng.

Một làn gió nhẹ với mặt đường cuốn đi hạt có cánh của những cây tiêu huyền và những cọng cỏ khô tuột

khởi mồm mấy con ngựa. Đám bụi bặm này chẳng là gì, nhưng khi nó bay lên, tôi lại nhớ thời thơ ấu, tôi đã nhìn thấy một đám bụi như thế quay cuồng, và lòng người dân già thành Paris của tôi lấy làm cảm động. Qua cửa sổ, tất cả những gì tôi nhìn thấy, từ chân trời chạy dài bên trái tôi cho đến núi đồi Chaillot, nào là khái hoàn môn như con súc sắc bằng đá, nào là sông Seine, con sông vinh quang với các cây cầu của nó, nào là những cây đoạn trên thêm cung điện Des Tuileries, nào là cung điện Le Louvre thời Phục hưng được chạm trổ như đồ châu báu; ở bên phải, về phía cầu Mới, *pons Lutetiac Novus dictus*, như người ta đọc trên các bức tranh in tay thời xưa, là thành Paris cổ kính với những tháp và chóp tháp, tất cả cái đó là đời tôi, là chính tôi và tôi sẽ chẳng là cái gì nếu không có những cảnh vật đó được phản chiếu trong tâm hồn tôi, với muôn nghìn sắc thái tư tưởng của tôi, gọi cho tôi thích thú và khích lệ tôi. Vì thế, tôi yêu Paris vô hạn.

Ấy thế mà tôi chán ngấy, tôi cảm thấy người ta không thể nghỉ ngơi giữa chốn đô thành đang nghĩ ngợi nhiều này, đã từng dạy tôi suy nghĩ và đang thôi thúc tôi không ngừng suy nghĩ. Làm sao mà không bị khuấy động giữa đồng sách vở kia luôn luôn kêu gọi sự tò mò của tôi, làm cho nó mệt mỏi mà vẫn không thỏa mãn được nó. Khi thì một ngày tháng nào đó phải tìm, khi thì một địa phương nào đó cần xác định, hoặc một từ ngữ cổ nào đó mà hiểu ra ý nghĩa đích thực của nó thì thật lý thú. Còn

những từ? – A – vâng, những từ. Là nhà ngữ văn học, tôi là chúa tể của chúng, chúng là thần dân của tôi, và với tư cách là đáng minh quân, tôi ban cho chúng tất cả cuộc đời tôi. Tôi sẽ không thoái vị một ngày nào đó chẳng? Trong khi chờ đợi một sự yên tĩnh phi thường nhất, bất di bất dịch, hoàn toàn bao bọc lấy tôi, tôi đoán rằng đâu đây cách xa nơi này, bên rìa một khu rừng, có một căn nhà nhỏ, nơi đây tôi có thể tìm thấy sự yên tĩnh cần thiết cho mình. Tôi mơ ước một chiếc ghế dài trên ngưỡng cửa, và những cánh đồng xa tít mù khơi. Nhưng phải có một gương mặt trẻ trung tươi sáng ở gần tôi để phản ánh và tập trung tất cả vẻ mát mẻ này; tôi sẽ tự cho mình là ông, lúc ấy mọi trống rỗng của đời tôi sẽ được san lấp.

Tôi không phải là kẻ hung bạo, ấy thế mà tôi nổi giận dễ dàng và mọi trước tác của tôi đem lại cho tôi bao nhiêu buồn thì cũng với bấy nhiêu vui. Tôi không hiểu tại sao lúc bấy giờ, tôi nghĩ tới sự xác láo rất vô ích và rất không đáng kể của anh bạn trẻ ở công viên Luxembourg đối với tôi xảy ra đã ba tháng rồi. Tôi không muốn mĩa mai khi gọi anh là bạn, bởi vì tôi quý thanh niên chăm học với những tính táo bạo những lầm lạc trong đầu óc họ. Tuy nhiên anh bạn trẻ của tôi đã đi qua giới hạn. Giáo sư Ambroise Paré người đầu tiên cho tiến hành thắt động mạch và là người đã nhận thấy ngành phẫu thuật của đám thợ cạo dựa vào kinh nghiệm thực hành, đã nâng cao nó lên trình độ hiện nay, thì khi về già, bị tất cả những người học nghề mổ xẻ công kích.

Bị thóa mạ bởi một thanh niên đại dốt có thể là chàng trai tốt nhất trên đời, nhưng không có ý thức về lòng kính trọng, vị giáo sư già đã đáp lại anh ta trong chuyên luận của ông về *bột xác ướp*, về *kỳ lân*, về *nọc độc* và về *bệnh dịch hạch*. “Tôi yêu cầu hẳn – bậc vĩ nhân bảo – tôi yêu cầu nếu hẳn có ý dùng một vài sự phản bác để đối đáp với tôi thì hãy từ bỏ những ác ý và đối xử dịu dàng hơn với ông già tốt bụng”. Câu trả lời này là tuyệt diệu dưới ngòi bút của Ambroise Paré; nhưng nếu là của bác nắn xương nhà quê bậc tóc với công việc và bị một chàng trai chế giễu thì câu trả lời này còn đáng khen thêm.

Biết đâu chẳng có người tin rằng kỷ niệm này chỉ là biểu hiện mối thù oán thấp hèn. Tôi cũng tin như vậy và tôi có lỗi đã dính dáng một cách thảm hại vào những lời gièm pha của thằng trẻ con không biết mình nói gì. May sao, những suy nghĩ của tôi về vấn đề này là một bài giảng hay nhất, vì thế tôi chép vào vở. Tôi nhớ lại một ngày nào đó, năm tôi hai mươi tuổi (đến nay đã gần nửa thế kỷ) tôi đi dạo trong khu vườn Luxembourg với mấy người bạn. Chúng tôi nói về các thầy cũ, và một trong chúng tôi đi tới chỗ gọi tên ông Petit Radel, nhà bác học đáng quý, người đầu tiên phát ra một vài ánh sáng về nguồn gốc xứ Etoruri, nhưng không may đã dựng lên bảng niên đại những người tình của Hélène. Bảng này làm chúng tôi phì cười và tôi kêu lên: “Petit Radel là

một thẳng ngu, không phải bằng ba chữ mà đúng là bằng mười hai tập”.

Lời nói quá bộp chộp này của thiếu niên không đè nặng lên lương tâm một ông già. Có thể nào trong cuộc đấu tranh trong cuộc sống, tôi chỉ bắn những phát tên vô hại như thế! Nhưng tôi tự hỏi ngày nay, nếu trong đời tôi, tôi không phải làm một cái gì đó cũng ló lảng như bảng niên đại những người tình của Hélène thì sao. Sự tiến bộ của khoa học làm cho những công trình đã giúp nhiều nhất cho sự phát triển này, trở nên vô ích. Bởi vì những công trình này không còn có ích bao nhiêu nữa thì đám thanh niên thực tâm tin rằng những công trình đó không bao giờ có ích gì hết, họ coi thường chúng và hơi tìm thấy một vài ý niệm lỗi thời trong đó là họ đã chế giễu ngay. Đấy ở tuổi hai mươi, tôi đã chế giễu ông Petit Radel và cái bảng niên đại tình tứ của ông như thế nào; đấy, vì sao hôm qua ở công viên Luxembourg, anh bạn trẻ vô lễ của tôi...

Octave, hãy suy nghĩ về bản thân mình và đừng phàn nàn nữa.

Sao, mà muốn người ta rộng lượng với mày, còn mày thì không rộng lượng gì hết.

Ngày 6 tháng 6

Đó là ngày thứ năm thứ nhất của tháng sáu. Tôi gấp sách lại, chào từ biệt vị trưởng tu viện chí tôn Droctovée, người hưởng thụ niềm cực lạc tuyệt vời, không quá vội vàng xem thanh danh và những công trình được ca tụng của mình trên trần gian này, trong một sự tập tâm thường của tôi. Tôi sẽ ghi lại chuyện này chăng? Gốc cây cẩm quỳ kia tôi trông thấy tuần nọ được một con ong đến thăm, làm cho tôi chú ý nhiều hơn những vị trưởng tu viện già tối cao có quyền cầm pháp trượng và đội mũ lễ. Lại còn chốc nữa, chị quản gia chộp được tôi ở cửa sổ nhà bếp đang khảo sát bằng kính lúp những đóa hoa quế trúc. Trong một cuốn sách của Sprengel tôi đã đọc hết thuở hoa niên, có một số ý kiến về lòng yêu hoa, mà nay, sau nửa thế kỷ lãng quên, trở lại trong tâm trí tôi, gây hứng thú cho tôi đến mức tôi lấy làm tiếc đã không dành những khả năng tâm thường của mình để nghiên cứu sâu bọ và cây cối. Tôi suy nghĩ như vậy trong khi lục tìm chiếc cà vạt. Nhưng sự cố vô ích, rất nhiều ngăn kéo, tôi phải nhờ đến chị quản gia. Chị Thérèse đi tới bước thấp bước cao: “Thưa ông, ông phải bảo là đi chơi thì tôi mới đưa cà vạt cho ông”.

- Nhưng này chị Thérèse, để nó vào một chỗ nhất định, tôi có thể tìm thấy, khỏi nhờ chị có phải hơn không.

Chị Thérèse không thềm trả lời.

Chị không cho tôi quyền sử dụng cái gì hết. Cần một cái khăn tay cũng phải hỏi chị, bởi vì chị điếc, bị suy nhược, hơn nữa chị hoàn toàn mất trí nhớ, còn tôi thì ốm mòn trong cảnh nghèo khổ suốt đời. Nhưng chị có quyền lực trong nhà với một niềm kiêu hãnh âm thầm đến nỗi tôi không có can đảm thử làm một cuộc đảo chính chống lại sự quản lý của chị đối với những tủ của tôi.

- Chiếc cà vạt của tôi, chị Thérèse! Chị có nghe không? Chiếc cà vạt của tôi ấy mà! Hay là nếu chị làm tôi thất vọng bằng những chuyện chậm chạp mới, thì không phải là chiếc cà vạt tôi cần mà là dây treo cổ.

- Thưa ông, vậy thì ông vội lắm. Cà vạt của ông không mất. Ở đây không mất cái gì cả vì tôi chăm lo tất cả. Nhưng ít ra ông cũng để tôi có thì giờ tìm cho được chiếc cà vạt.

“Đây – tôi nghĩ bụng – đó là kết quả của nửa thế kỷ tận tụy. A! Nếu may mà chị Thérèse khắc nghiệt này có một lần, chỉ một lần duy nhất trong đời, chị không làm tròn nhiệm vụ đầy tớ gái, nếu chị đã mắc một chút lỗi lầm, không áp đặt cái quyền lực không gì lay chuyển được này với tôi ít nhất tôi sẽ dám chống lại chị thì sao. Nhưng ai mà đi chống lại người đàn bà đức hạnh? Những kẻ không có nhược điểm thì thật ghê gớm; không ai tác động đến họ được. Thử xem xét chị Thérèse: Không một tật xấu nào chi phối nổi chị. Chị không nghi

ngờ mình, không nghi ngờ Thượng Đế, cũng không nghi ngờ thiên hạ. Đó là người đàn bà đầy nghị lực, đó là người đàn bà khôn ngoan trong trắng trong Kinh Thánh và nếu những người đàn ông không biết chị thì tôi biết chị. Chị xuất hiện trong tâm linh tôi, tay cầm đèn, một cây đèn xoàng dùng trong gia đình sáng rực dưới rầm nhà nơi thôn dã và không bao giờ tắt ở đầu cánh tay gầy, khoèo và khỏe như một cành nho bánh tẻ”.

- Chị Thérèse! Chiếc cà vạt của tôi đâu? Khổ quá chị không nhớ hôm nay là ngày thứ năm thứ nhất của tháng sáu và tiểu thư Jeanne đang đợi tôi hay sao? Bà chủ ký túc xá đã phải cho đánh xi sà-nhà phòng khách đúng lúc, tôi chắc hiện nay người ta đang soi mình ở đây và đối với tôi sẽ là một cách tiêu khiển được thấy dưới sà-nhà như nhìn trong gương, khuôn mặt buồn thiu của tôi khi bị ngã gãy xương ngay tại đó.

Lúc ấy, bắt chước người anh hùng kính yêu có hình chạm trên cây gậy của bác Victor, tôi cố gắng tỏ ra tươi vui và kiên nhẫn... Chị hãy nhìn mặt trời xinh đẹp kia. Các kè sông đều một màu vàng ánh và con sông Seine tươi sáng với muôn ngàn gợn sóng nhấp nhô chói lọi. Thành phố bằng vàng, một lớp bụi vàng hoe phấp phới trên các vùng chung quanh xinh đẹp như một mái tóc... Chị Thérèse, lấy cà vạt cho tôi!... A, hôm nay tôi hiểu lão Chrysale siết chặt cổ áo lớn bẻ ra ngoài của lão theo cách thức của một Plutarque to bự. Noi gương lão, từ

nay tôi sẽ để tất cả cà vạt của tôi giữa các tờ sách *Tập truyện các thánh*”.

Chị Thérèse để mặc tôi nói và im lặng tìm kiếm. Bỗng tôi nghe có người bấm chuông nhẹ ngoài cửa.

- Chị Thérèse, có người bấm chuông. Đưa cà vạt cho tôi và đi mở cửa hay là chị đi mở cửa và nhờ trời giúp, chị đưa cà vạt cho tôi sau. Nhưng nếu tôi được phép nói thì yêu cầu chị đừng đứng như thế giữa tủ có ngăn kéo của tôi và cửa ra vào như một con ngựa cho phụ nữ cưỡi giữa hai yên.

Chị đi ra cửa như đi đến kẻ thù. Chị quản gia rất tốt của tôi trở nên chẳng niềm nở chút nào. Chị khả nghi ông khách lạ. Theo lời chị, tâm trạng này do kinh nghiệm lâu dài của con người. Tôi không có thì giờ để cân nhắc xem một kinh nghiệm như thế do một người thí nghiệm khác tạo nên có đem lại kết quả như thế không. Luật sư Mouche đợi tôi trong phòng.

Ông còn vàng hơn tôi tưởng – ông đeo kính xanh, hai mắt nhìn xuống như bầy chuột sau bình phong.

Luật sư xin lỗi đã đến quấy rầy tôi một lúc – Ông không nói rõ một lúc đó là gì, nhưng tôi nghĩ ông muốn nói một lúc đó là lúc tôi chưa đeo cà vạt. Như các bạn biết, không phải lỗi của tôi. Luật sư Mouche không biết chuyện này, vả lại ông không tỏ ra chút nào rằng mình bị

xúc phạm. Ông chỉ ngại mình là kẻ quấy rầy. Tôi làm ông yên tâm mới một nửa. Ông cho biết với tư cách là người giám hộ của tiểu thư Alexandre, ông đến nói chuyện với tôi. Trước hết, ông khuyên tôi đừng để ý những hạn chế phải viện ra đầu tiên cho việc cấp phép thăm tiểu thư Jeanne trong ký túc xá. Từ nay trường của cô Prèfère ngày nào cũng mở cửa cho tôi từ trưa tới bốn giờ chiều. Hiểu được sự quan tâm của tôi đối với thiếu nữ, ông cho biết về con người mà ông đã phó thác cô gái mồ côi được ông giám hộ. Ông quen biết từ lâu và rất tín nhiệm cô Prèfère. Cô là con người sáng suốt, khôn ngoan sành sỏi và phẩm hạnh tốt.

- Cô Prèfère – ông nói – có những nguyên tắc đạo đức; thưa ông, trong hoàn cảnh hiện nay đó là điều hiếm thấy. Bây giờ tất cả đều thay đổi, thời đại này không giá trị bằng các thời đại trước.

- Thưa ông – tôi đáp – bằng chứng là cái cầu thang của tôi, đã hai lăm năm người ta lên xuống thoải mái nhất đời, nay thì nó làm cho tôi đứt hơi, mới bước lên đã muốn gãy chân. Nó đã hỏng. Cũng có những báo chí, sách vở ngày xưa tôi đọc ngẫu nhiên không một mồi dưới trăng, mà nay vào lúc nắng đẹp tôi thấy chán ngán và tôi chỉ thấy màu trắng và màu đen khi không đeo kính. Bệnh thống phong lại hành hạ tứ chi. Đây còn là một trong những nỗi trở trêu của thời đại.

- Thưa ông không phải chỉ có thế – luật sư Mouche trịnh trọng đáp lời – những điều gì thực sự xấu xa trong thời đại chúng ta là không ai bằng lòng địa vị của mình. Trong xã hội trong mọi tầng lớp, từ trên xuống dưới, bao trùm sự túng thiếu, nỗi khoắc khoải lo âu, sự khát khao hạnh phúc.

- Trời ơi! Thưa ông, ông có tin rằng sự khát khao hạnh phúc này là dấu hiệu của thời đại không? Không có thời đại nào, con người lại thêm muốn sự túng thiếu – Họ luôn luôn tìm cách cải thiện địa vị xã hội của mình. Sự cố gắng kiên trì này đã sản sinh ra những cuộc cách mạng trường kỳ. Nó tiếp tục, thế thôi!

- Chao ôi! Thưa ông – luật sư Mouche đáp – người ta thấy đúng là ông sống trong sách vở, xa công việc làm ăn. Ông không như tôi chứng kiến những xung đột quyền lợi, những cuộc đánh vật tiền bạc. Từ người lớn đến trẻ con cùng một thứ sôi sục. Người ta tiến hành một sự đầu cơ vô độ – Điều tôi trông thấy làm cho tôi ghê sợ.

Tôi tự hỏi có phải luật sư Mouche đến tôi chỉ để tỏ bày thái độ yếm thế đơan chính của ông không, mà tôi nghe toàn những lời an ủi từ miệng ông. Luật sư giới thiệu với tôi Virginie Préfère như một con người đáng kính, đáng quý mến, đáng được cảm tình, tiết hạnh hoàn toàn trong trắng, tận tụy kín đáo, có học thức, đọc to và biết đặt thuốc làm rộp da. Lúc ấy, tôi hiểu rằng ông vẽ ra

cho tôi một bức tranh xã hội đen tối hư hỏng phổ biến đến thế cốt làm nổi bật hơn bằng sự tương phản, những đức hạnh của cô giáo tiểu học. Tôi được biết trường học phố Demours rất đắt khách, nhiều lợi lộc, được công chúng hoan nghênh. Để khẳng định những lời tuyên bố của mình, luật sư duỗi bàn tay mang găng len đen và nói thêm:

- Do nghề nghiệp, tôi có khả năng hiểu đời. Một công chứng viên là một linh mục nghe xưng tội chút ít. Với bốn phạm, tôi tin là đã đem lại cho ông những điều chỉ dẫn đúng đắn đó, vào lúc tình cờ may mắn ông tiếp xúc cô Préfère. Tôi chỉ thêm một lời: Cô này hoàn toàn không biết câu chuyện giữa tôi và ông ngày nọ, cô nói với tôi về ông bằng những lời lẽ thiện cảm sâu sắc mà khi nhắc lại tôi đã giảm bớt, vả lại, có thể gọi là tôi không thể nào thuật lại mà không phụ lòng tin của cô Préfère.

- Thưa ông xin đừng phụ lòng tin của cô ấy – tôi đáp – xin đừng phụ lòng tin của cô ấy. Nói thực với ông tôi không hay là cô Préfère có biết tôi ít nhiều. Tuy vậy, với quan hệ giao hảo cũ giữa ông và cô ấy, nhờ thiện ý của ông đối với tôi, tôi yêu cầu ông dùng uy tín của mình đối với cô bạn ông, vì tiểu thư Jeanne Alexandre. Cháu bé này bị buộc phải làm việc quá sức. Vừa là học sinh vừa là cô giáo, cháu mệt nhoài. Hơn nữa, tôi ngại người ta làm cho cháu cảm thấy quá đối sự nghèo khổ của mình,

đó là một bản chất cao thượng nếu bị làm nhục nhiều sẽ đi tới chỗ nổi loạn.

- Chao ôi! – Luật sư Mouche đáp – Phải chuẩn bị cho cháu vào đời. Người ta không phải sống trên trái đất để vui chơi, và để muốn làm gì thì làm.

- Người ta sống trên đời để yêu nhau trong cái mỹ, cái thiện và muốn làm gì cũng được khi đó là những việc thanh cao, tài trí và hào hiệp. – Tôi đáp lại gay gắt – Một nền giáo dục rèn luyện không ý chí là một nền giáo dục làm đời trụy tâm hồn. Thầy giáo phải dạy người ta có ý chí.

Tôi nghĩ luật sư cho tôi là một kẻ kém cỏi nên ông nói tiếp, rất bình tĩnh và tự tin:

- Thưa ông, xin ông hiểu rằng giáo dục những kẻ kém cỏi, phải hết sức thận trọng, phải thấy tình trạng phụ thuộc của họ trong xã hội. Có lẽ ông không biết rằng Noel Alexandre chết đi không trả nổi nợ và con gái ông ấy được nuôi dưỡng hầu như nhờ vào lòng từ thiện.

- Ô! Thưa ông – tôi kêu lên – chúng ta đừng đả động đến chuyện đó. Nói chuyện đó thì phải trả giá và không còn thích hợp.

- Tài sản nợ trong di sản vượt quá tài sản có – ông công chứng viên tiếp tục – nhưng tôi đã dàn xếp với các

chủ nợ, vì lợi ích của người con gái vị thành niên.

Ông ngỡ ý cung cấp cho tôi những giải thích chi tiết, tôi từ chối vì không có khả năng hiểu những vụ kiện của luật sư Mouche nói riêng. Ông công chứng viên còn cố biện bạch cách giáo dục của cô Préfère và nói thay lời kết luận:

“Khi chơi đùa thì không học tập được”.

- Người ta chỉ vừa học vừa chơi – tôi đáp – nghệ thuật giảng dạy chỉ là nghệ thuật kích thích tính tò mò ham biết của những tâm hồn non trẻ, tiếp đó là thỏa mãn tính tò mò ham biết đó, và tính tò mò ham biết chỉ mãnh liệt và lành mạnh trong những đầu óc sung sướng. Dùng quyền lực nhồi nhét kiến thức vào những đầu óc thông minh là bít chúng lại, bóp nghẹt chúng. Trí thức phải được nuốt vào một cách ngon lành thì mới tiêu hóa được. Tôi hiểu Jeanne. Nếu đem gửi cháu cho tôi, tôi sẽ làm cho cháu trở thành không phải một nữ bác học mà là một em gái thông minh xuất chúng, có cuộc sống huy hoàng, cháu sẽ tiếp thu tất cả những gì tốt đẹp của tạo hóa và của nghệ thuật một cách rạng rỡ dịu dàng, tôi muốn điều tốt lành cho cháu. Tôi sẽ làm cho cháu sống hòa hợp cảm thông với những cảnh đẹp, với những cảnh trí lý tưởng của thơ ca, của lịch sử, với nền âm nhạc xúc động thanh cao. Mọi cái gì tôi muốn ưa thích đều đáng yêu đối với cháu. Cho đến cả chuyện kim chỉ vá may tôi

cũng đề cao với cháu cách chọn vải, sự ham thích thú thừa và kiêu các đấng ten. Tôi sẽ tặng cháu một con chó xinh xắn và một con ngựa tơ để dạy cháu điều khiển súc vật; tôi sẽ tặng cháu chim chóc để nuôi, nhằm dạy bảo cháu biết quý giá trị một giọt nước và một mẩu bánh mì. Để tạo cho cháu một niềm hoan hỉ hơn nữa, tôi mong muốn cháu vui vẻ tham gia công việc từ thiện. Bởi vì sự đau khổ là không thể tránh, bởi vì cuộc đời đầy rẫy những khốn cùng, nên tôi sẽ dạy cháu đạo lý Cơ đốc nhằm nâng cao phẩm giá chúng ta lên trên mọi bất hạnh và đem lại cái đẹp cho cả sự thống khổ. Đây, tôi hiểu thế nào là giáo dục một thiếu nữ.

- Tôi chịu thua – luật sư Mouche vừa đáp vừa chấp hai tay đeo găng len đen.

Lúc ấy ông đứng lên.

- Ông hiểu rõ rằng – tôi vừa nói vừa tiễn ông đi ra – tôi không có ý định áp đặt cho cô Préfère phương thức giáo dục hoàn toàn không hợp với tổ chức của những ký túc xá được xem là tốt hơn. Tôi chỉ xin ông thuyết phục cô ấy bố trí việc ít hơn và dành nhiều thời gian nghỉ ngơi cho Jeanne, đừng sỉ nhục cháu và cho cháu được hưởng bao nhiêu tự do về tinh thần và thể chất theo quy chế của nhà trường.

Với nụ cười nhạt và bí hiểm, luật sư cam đoan sẽ coi trọng và hết sức chú ý những nhận xét của tôi.

Thế rồi, ông chào qua tôi và ra về, để mặc tôi trong trạng thái lúng túng và khó chịu. Trong đời tôi, tôi giao du với đủ hạng người nhưng không ai giống vị công chứng viên này và cô giáo nọ.

Ngày 6 tháng 7

Ngày hôm ấy, luật sư Mouche đến nhà tôi nên tôi phải hoãn lại việc đi thăm Jeanne. Những ngày còn lại trong tuần lại do bao nhiêu công chuyện nghề nghiệp choán hết. Mặc dù đã trong lứa tuổi muốn xa lánh thế tục, tôi vẫn tha thiết, bởi muôn nghìn mối ràng buộc với cái thế giới tôi đã sống. Tôi chủ tọa các viện hàn lâm, các cuộc họp, các hội. Nhiều chức trách danh dự đè nặng trên vai; tính ra tôi đã giữ đúng tới bảy chức vụ chỉ trong một bộ. Các cơ quan rất muốn tống khứ tôi và tôi cũng rất muốn tống khứ họ. Nhưng thói quen mạnh hơn họ và tôi, lúc ấy tôi cứ bước thấp bước cao leo lên các cầu thang của nhà nước. Sau lưng tôi, bọn tiếp tên già đời chỉ trở cho nhau cái bóng tôi lang thang trong các hành lang. Khi người ta già quá thì hết sức khó chết. Tuy vậy đã đến đúng lúc tôi về hưu, và nghĩ tới việc chuẩn bị từ giã cõi đời, như một bài hát đã nói.

Tôi đã gặp tại nhà thân phụ tôi ngày xưa, một bà hầu tước tuổi cao có triết lý sống, bạn của Helvétius thời thanh xuân, bà già lắm, bị bệnh nặng, lúc lâm chung, tiếp cha xú đến ngỏ ý chuẩn bị tinh thần cho bà sang thế giới bên kia. Bà trả lời ông ta:

“Việc đó cần thiết đến thế ư? Tôi thấy mọi người hoàn toàn đạt được mục đích này ngay từ đầu mà”.

Sau đó ít lâu cha tôi đến thăm bà, bệnh tình bà lúc ấy đã nguy kịch. Bà vừa nói vừa siết chặt tay cha tôi.

“Chào anh bạn, tôi sắp sửa chứng kiến có phải Thượng Đế được biết đến, là có lợi cho Người chăng”.

Đây, những người bạn gái cao thượng của các triết gia chết như thế nào. Chắc chắn cách chết như vậy không phải là hành động ngu muội, những thằng ngốc làm gì có được đầu óc khinh bạc như thế. Nhưng thái độ khinh bạc ấy làm tôi khó chịu – Không phải những điều lo sợ của tôi, cũng không phải những hy vọng của tôi thích nghi với sự ra đi như vậy – Tôi muốn nếu phải ra đi thì tĩnh tâm một chút, và từ đây cho tới mấy năm nữa, tôi sẽ phải nghĩ đến chuyện thuận nghe theo ý của chính mình, nếu không tôi sẽ có nhiều nguy cơ bị... Nhưng hãy im lặng! Mong rằng thần chết đi qua không quay nhìn lại khi nghe gọi tên mình. Không có thần, tôi vẫn còn có thể thừa sức nhắc bó củi lên.

Tôi thấy Jeanne rất sung sướng. Cháu kể cho tôi, ngày thứ năm vừa qua, sau chuyến đến thăm của viên giám hộ, cô Prèfère đã giải phóng cháu khỏi điều lệ nhà trường, giảm nhẹ cho cháu nhiều việc. Từ cái ngày thứ năm may mắn đó, cháu đi chơi tự do trong vườn chỉ thiếu hoa lá; cháu có cả điều kiện dễ dàng để ra sức nặn chiếc tượng con khốn khổ tội nghiệp của thánh Georges.

Cháu cười bảo tôi:

- Cháu hiểu rõ là nhờ bác cháu mới có tất cả những thứ đó.

Tôi nói chuyện khác với cháu, nhưng thấy cháu không nghe, mặc dù cháu muốn.

- Bác cảm thấy cháu đang suy nghĩ gì, hãy cho bác biết – tôi nói – hoặc là chúng ta không có gì đáng nói cả, đối với bác cũng như với cháu.

Cháu trả lời:

- Ô! Thưa bác, cháu nghe bác nhiều, nhưng quả thực đang nghĩ tới một điều gì đó. Bác tha lỗi cho cháu chứ? Cháu nghĩ rằng cô Prèfère mến bác lắm, mới dùng một cái trở nên tốt bụng với cháu đến thế”.

- Điều đó làm cho cháu ngạc nhiên?

- Rất ngạc nhiên

- Vì sao?

- Bởi vì cháu không thấy lý do nào mà bác được lòng cô Préfère.

- Vậy cháu nghĩ rằng bác khó chịu đáng ghét lắm sao.

- Ô! Không, nhưng thực cháu không thấy một lý do nào để bác được cô Préfère ưa thích. Thế mà bác được cô ấy yêu mến nhiều, rất nhiều. Cô đã cho gọi cháu và hỏi cháu nhiều về bác.

- Thật à?

- Vâng, cô muốn biết nhà riêng của bác, cô ấy hỏi cháu cả đến tuổi tác của bà quản gia của bác.

- Này, cháu nghĩ thế nào về việc ấy?

Cháu cúi nhìn lâu, chăm chăm vào miếng da đã sờn mòn của đôi giày cao cổ như chìm đắm trong suy nghĩ sâu kín. Cuối cùng cháu ngẩng đầu lên:

- Cháu đang ngờ vực. Khi người ta chưa hiểu được điều gì thì người ta áy náy, đó là lẽ rất tự nhiên, phải không bác. Cháu biết cháu là đứa con gái đại dột, nhưng cháu mong bác đừng giận cháu.

- Không, bác không giận cháu.

Thú thật là sự ngạc nhiên của cháu chinh phục tôi, và lúc ấy tôi lật đi lật lại trong đầu óc già nua của mình, ý nghĩ kia của thiếu nữ; khi có điều gì chưa hiểu được thì người ta ấy náy không yên.

Nhưng Jeanne vừa cười vừa tiếp tục:

- Cô ấy hỏi cháu... bác thử đoán xem nào!... Cô ấy hỏi cháu bác có thích ăn ngon không.

- Thế cháu đã tiếp nhận một lô câu hỏi như thế, thế nào?

- Cháu đáp: Thừa cô cháu không biết”, thế là cô bảo cháu “Em là con bé ngu ngốc. Phải chú ý những chi tiết nhỏ nhất về cuộc sống của một người cao siêu. Em phải biết rằng ông Sylvestre Bonnard là một vĩ nhân của nước Pháp”.

- Ghê thật! – Tôi kêu lên. – Thế cháu nghĩ gì về điều ấy.

- Cháu nghĩ rằng cô Prèfère có lý. Nhưng cháu không quan tâm... (điều cháu sắp thừa với bác là sai) cho dù cô Prèfère có lý đối với bất cứ việc gì, cháu cũng chẳng thiết tha đến.

- Này Jeanne, cháu phải hài lòng. Cô Prèfère không có lý.

- Có! Có! Cô ấy rất có lý. Nhưng cháu muốn yêu mến tất cả những ai yêu mến bác, tất cả không trừ một ai, nhưng nay thì không được nữa, bởi vì cháu sẽ không bao giờ có thể yêu mến cô Prèfère.

- Jeanne hãy nghe bác – tôi nghiêm trang đáp. Cô Prèfère đã tốt bụng với cháu, thì cháu phải tốt với cô ấy.

Cháu trả lời cụt ngủn:

- Cô Prèfère rất dễ tốt với cháu, còn cháu thì rất khó mà tốt với cô ấy.

Tôi tiếp tục giọng nghiêm trang hơn:

- Uy quyền của thầy giáo là thiêng liêng con ạ. Cô giáo phụ trách ký túc xá của con bên cạnh con, đại diện cho người mẹ quá cố của con.

Vừa nói xong bậy bạ theo công thức đó, tôi thấy hồi vô cùng. Con bé tái mặt, tròn xoe hai mắt, kêu lên:

- Ô! Thưa bác, làm sao mà bác có thể nói ra một điều như thế.

Phải, vì sao tôi có thể nói ra điều đó?

Thiếu nữ nhắc lại:

“Mẹ ơi! Mẹ thân yêu của con! Mẹ tội nghiệp của con!

Tình thế ngẫu nhiên đó làm tôi ngượng nghịu đến vô cùng. Tôi không hiểu vì sao tôi gần như muốn khóc. Ở lứa tuổi tôi, không ai còn khóc nữa. Phải một cơn ho dữ dội mới khiến tôi khỏi rơi nước mắt. Thế là ai cũng lầm. Jeanne cũng lầm – Chao ôi! Nụ cười tinh khiết biết mấy, tươi vui biết mấy, lúc ấy, sáng rực dưới hai hàng mi xinh đẹp thắm ướn như ánh nắng trong cành cây sau trận mưa hè. Chúng tôi nắm tay nhau, im lặng hồi lâu sung sướng.

- Con ơi, cuối cùng tôi cất tiếng, bác đã già lắm, bao nhiêu chuyện sâu kín của đời bác, mà con sẽ phát hiện dần dần, đã lộ rõ với bác. Hãy tin bác: Tương lai được tạo thành từ quá khứ. Mọi việc con sẽ làm để sống thoải mái ở đây, không căm ghét, đừng đả đàng cay, sẽ giúp con sống một ngày kia hòa thuận và vui vẻ trong nhà. Hãy dịu dàng và phải biết đau khổ. Khi người ta đau khổ nhiều thì người ta ít đau khổ hơn. Nếu một ngày nào đó thực sự con có cơ để phàn nàn thì bác sẽ có mặt lúc ấy để nghe con. Nếu con bị xúc phạm thì bà De Gabry và bác sẽ cùng chia sẻ với con.

- Thưa ông thân mến, sức khỏe ông hoàn toàn tốt chứ?

Đó là cô Prèfère lén lút đến, hỏi tôi câu này kèm theo một nụ cười. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là tổng cổ cô đi, hai là nhận thấy cái miệng cô sinh ra để cười như cái xoong để chơi vĩ cầm, ba là đáp lễ và chúc cô sức khỏe.

Cô đưa thiếu nữ dạo chơi trong vườn, rồi một tay đặt trên áo khoác, tay kia đưa về phía bảng danh dự, chỉ cho tôi tên của Jeanne Alexandre viết theo kiểu chữ rộng ở đầu danh sách – Tôi nói với cô:

- Tôi lấy làm vui thích rõ rệt là cô vừa ý hạnh kiểm của cháu gái này, không có gì có thể làm đẹp lòng tôi hơn và tôi muốn quy cái kết quả mỹ mãn này vào sự chăm chú theo dõi triu mến của cô. Tôi xin tự tiện gửi đến cô một số sách có khả năng gây hứng thú cho các cháu gái và giáo dục các cháu; sau khi lựa chọn, cô sẽ xét có nên chuyển các sách đó cho tiểu thư Alexandre và các bạn cháu không.

Cô giáo ký túc xá tỏ ra hết sức biết ơn và cảm động bằng những lời lẽ dông dài. Để cắt đứt, tôi nói:

- Hôm nay trời đẹp quá.

- Vâng – cô đáp – nếu cứ tiếp tục như thế này, thì các cháu gái thân yêu đây sẽ được thời tiết tốt để nô đùa.

- Có thể cô muốn nói về các kỳ nghỉ. Nhưng tiểu thư Alexandre không còn cha mẹ, sẽ không đi khỏi nơi đây.

Trời ơi, cháu sẽ làm gì trong gian nhà rộng trống vắng này.

- Chúng tôi sẽ gắng hết sức tạo cho cháu tối đa nhiều cách giải trí. Tôi sẽ dẫn cháu vào các viện bảo tàng và...

Cô ngập ngừng rồi đỏ mặt:

- ... Và đến nhà ông, nếu ông cho phép.

- Tất nhiên! – Tôi kêu lên. – Đó là một ý kiến tuyệt vời. Chúng tôi từ biệt nhau rất đổi thân tình. Tôi yêu chuộng cô ta vì tôi đã đạt điều mong muốn còn cô yêu chuộng tôi không có lý do chính đáng đáng kể, điều mà theo Platon, đặt cô ta lên tột đỉnh của thứ bậc những tâm hồn.

Tuy nhiên, với linh cảm xấu, tôi dẫn người này về nhà. Lúc ấy tôi muốn rằng thà Jeanne sống với những kẻ khác hơn là với thân nhân của mình. Luật sư Mouche và cô Préfère là những đầu óc vượt quá đầu óc tôi. Tôi không bao giờ hiểu vì sao họ làm điều nọ; ở họ có những sự sâu kín bí hiểm làm cho tôi lo ngại. Bởi vì vừa rồi Jeanne đã nói với tôi: người ta không hiểu điều gì thì người ta áy náy bần khổ.

Than ôi! Ở lứa tuổi tôi, người ta hiểu quá rằng cuộc đời là không mấy hiền lành bao nhiêu; người ta hiểu quá

điều người ta mất đi để còn sống và người ta chỉ có tin vào tuổi thanh niên.

Ngày 16 tháng 8

Tôi đợi họ. Tôi sốt ruột thực sự chờ họ. Để khuyên bảo chị Thérèse tiếp đón họ tử tế, tôi đã dùng tất cả nghệ thuật nói xa nói gần và làm vui lòng chị, nhưng không được bao nhiêu. Bỗng họ đến. Quả là Jeanne hoàn toàn tươi tắn và duyên dáng. Chắc chắn đó không phải là mẹ cháu. Nhưng hôm nay, lần đầu, tôi nhận thấy cháu có gương mặt dễ thương rất cần thiết cho một người đàn bà trên đời này. Cháu mỉm cười, tô điểm cả khu nhà sách thêm vui mắt.

Tôi theo dõi chị Thérèse, tôi quan sát xem sự khắc nghiệt của chị quản gia già nua có dịu đi khi trông thấy thiếu nữ không. Chị nhìn đăm đăm Jeanne với cặp mắt lơ đãng, gương mặt chậm chạp, cái miệng sâu lõm, cái cằm nhọn của bà già lắm cảm khó chịu, có quyền thế. Thế thôi.

Cô Prèfère mặc đồ xanh, tới, lui, nhảy nhót, chạy lon ton, thở dài, nhìn xuống, nhìn lên, rồi rít chào hỏi, nào là không dám, dám, lại không dám, rồi lại dám, rồi kính chào, tóm lại, một thủ đoạn.

- Bao nhiêu là sách vở! – Cô kêu lên – Ông Bonnard, ông đọc hết cả rồi chứ?

- Chao ôi! Vâng – tôi đáp – chính vì thế mà tôi chẳng hiểu gì hết, bởi vì không có một cuốn sách nào lại không phủ định một cuốn sách khác, đến nỗi đọc hết chúng, người ta không biết suy nghĩ gì. Thưa cô, tôi mới đến mức đó thôi.

Ngay lúc ấy, cô gọi Jeanne để chia sẻ cảm tưởng của mình. Nhưng lúc đó Jeanne đang nhìn qua cửa sổ:

- Đẹp quá! Cháu thích nhìn dòng sông chảy. Nó làm cho người ta nghĩ tới bao nhiêu điều!

Cô Préfère bỏ mũ, đầu để trần với mái tóc xoắn hoe vàng, chị quản gia của tôi vừa giật mạnh chiếc mũ vừa kêu là chị bực mình với đồng quần áo cũ vung vãi trên bàn ghế. Rồi chị đến gần Jeanne, hỏi xin cháu quần áo cũ, gọi cháu là “tiểu thư thân yêu” của chị. Cô bé biểu chị áo choàng ngắn và mũ, để lộ một cái cổ yêu kiều, một thân hình tròn trịa với những đường viền nổi bật rõ ràng trong ánh sáng quang đấng nơi cửa sổ, lúc ấy, tôi mong mọi người khác ngắm nhìn cháu, chứ không phải là chị đầy tớ già, cô giáo ký túc xá tóc xoắn như con cừ non và gã lưu trữ chữ cổ.

- Cháu nhìn con sông Seine sáng chói dưới ánh mặt trời. – Tôi bảo cháu.

- Vâng – cháu đáp, khuỷu tay chống trên thanh gỗ tựa.
– Có thể nói là một ngọn lửa đang cháy. Nhưng bác trông đằng kia, con sông phản chiếu rặng liễu trên bờ, có vẻ tươi mát biết bao. Cái góc bé nhỏ kia còn làm cho cháu vui thích hơn tất cả cái gì còn lại.

- Này, con sông đang cám dỗ cháu. Cháu nghĩ sao nếu cô Préfère đồng ý, chúng ta cùng đến Saint Cloud bằng tàu thủy đang chờ khách ở phía dưới cầu Royal.

Jeanne rất bằng lòng ý kiến của tôi và cô Préfère quyết hy sinh tất cả. Nhưng chị quản gia không muốn chúng tôi như vậy. Chị dẫn tôi vào phòng ăn, tôi vừa theo chị vừa run.

- Thưa ông – chị nói – khi chúng ta một mình, ông không bao giờ nghĩ tới cái gì hết, chính tôi phải gánh vác mọi việc – May thay trí nhớ tôi tốt.

Tôi thấy không phải lúc làm lung lay ảo tưởng táo bạo này. Chị tiếp tục:

- Vậy các người đi khỏi mà không bảo tôi cái gì làm vui lòng tiểu thư thân yêu sao? Ông thì rất khó vừa lòng ông, nhưng ít nhất ông cũng biết cái gì tốt chứ? Chẳng phải như bọn thanh niên kia, không thông thạo chuyện bếp núc. Miếng ăn thật ngon thì họ chê là dở quá, còn miếng dở hình như là ngon với họ, do lòng hăng hái

chưa được bảo đảm chắc chắn đúng chỗ, đến nỗi người ta không biết làm gì với họ. Xin cho tôi biết có phải tiểu thư thân yêu thích món bò câu hầm với đậu xanh và bánh phồng có nhân không?

- Chị Thérèse tốt bụng – tôi đáp – cứ làm theo sở thích của chị, thế là tốt quá rồi. Máy người đàn bà kia sẽ bằng lòng với món ăn khiêm tốn hằng ngày của nhà ta.

Chị Thérèse xẵng giọng:

- Thưa ông, tôi nói với ông về tiểu thư thân yêu, không được để tiểu thư đi khỏi nhà mà không được chút gì. Còn mục già tóc xoăn, nếu bữa trưa của tôi không hợp với mục thì mục cứ việc ngồi không. Mặc kệ mục.

Tâm hồn thư thái, tôi quay lại nhà sách, nơi đây cô Préfere đang thêu móc, bình thản tự nhiên như ở nhà mình vậy. Cả tôi cũng suýt tin như thế. Cô ngồi sát gọn trong góc cửa sổ, cô chọn đúng ghế tựa và ghế kê chân xem như đồ đạc này đóng cho cô dùng.

Jeanne trái lại nhìn rất lâu sách vở và tranh, có vẻ quyền luyện phải tạm biệt.

- Này – tôi bảo cháu – cháu lật các tờ sách này mà giải trí, nó có thể làm cho cháu vui thích với nhiều tranh ảnh đẹp.

Và tôi mở trước mặt cháu, tập y phục của Vecellio, không phải là bản sao chép tầm thường nghèo nàn của các nghệ sĩ hiện đại đâu nhé, mà đúng là một bản tuyệt vời đáng kính trọng của lần xuất bản thứ nhất, quý giá ngang với các bà quý tộc, có mặt trên những tờ sách đã vàng ra và đẹp ra theo thời gian.

Vừa tò mò ngáy thơ lật các tranh ảnh, Jeanne vừa nói với tôi:

- Bác cháu ta nói chuyện đi dạo, nhưng thực tế bác cho cháu đi du lịch, một chuyến du lịch lớn.

- Này cháu phải thu xếp sao cho thuận tiện để đi đường. Còn cháu xem tập Vecellio đặt trên đầu gối, và ngồi trên mép ghế tựa chỉ đứng có một chân thế kia thì mới gối. Cháu hãy ngồi đằng hoàng ngay ngắn vững vàng trên ghế tựa, và đặt tập sách lên bàn.

- Thưa bác, bác nhìn bộ y phục đẹp đẽ này (đó là bộ y phục của một bà thống lĩnh cộng hoà). Cao quý quá, nó gọi lên bao nhiêu ý nghĩ tuyệt vời. Thế nhưng sự xa hoa cũng tao nhã.

- Tiểu thư không được nói năng như vậy. – Cô giáo ký túc xá vừa nói vừa nhếch cái mũi bé nhỏ có khuyết tật lên khỏi tầm tầm móc thêu.

- Thật quá ngây thơ – tôi đáp – có những con người xa xỉ có sở thích bẩm sinh về tính xa hoa.

Ngay lúc ấy, cái mũi bé nhỏ có khuyết tật sà xuống.

- Cô Préfère cũng thích xa hoa – Jeanne nói – cô cắt những màu lông đèn giấy – Đó là sự xa hoa tiết kiệm, nhưng cũng cứ là sự xa hoa.

Trở về Venise, chúng tôi làm quen một bà quý tộc, mặc áo lễ thêu, thì nghe chuông gọi. Tôi tưởng đó là thằng bé phụ việc nào ở xí nghiệp bánh ngọt với chiếc giỏ của nó, nhưng cửa nhà sách bỗng mở ra và... Lão Sylvestre Bonnard, vừa rồi mày mong những cặp mắt khác hơn là những cặp mắt đeo kính, khô khan, quan tâm đến người con gái được mày che chở trong vẻ kiêu diễm của nó; ước mong của mày được thỏa mãn bất ngờ nhất. Và một giọng nói cất lên với mày, như với chàng Thésée^[8] khinh xuất:

“Bẩm điện hạ, xin ngài hãy biết rằng Trời xanh nghiêm khắc khá ghét bỏ ngài nên không chấp thuận ước nguyện của ngài”.

Cửa nhà sách bỗng mở và một chàng trẻ tuổi đẹp trai hiện ra, theo sau Thérèse. Con người già nua đơn giản này chỉ biết mở hay đóng cửa cho mọi người; chị không nghe gì hết những điều tể nhị trong phòng đợi hay phòng

khách. Thói quen của chị là không báo tin cũng không báo chờ đợi. Chị vút bỏ người ta trên thềm nghỉ cầu thang hoặc chị hát hàm đẩy họ vào với anh. Đó là chàng thanh niên đẹp trai hoàn toàn được dẫn đến, và tôi thực không thể đem nhốt chàng trong phòng bên cạnh ngay lập tức như một con thú nguy hiểm. Tôi chờ chàng phát biểu ý kiến, chàng không lúng túng khi trình bày, nhưng tôi có cảm giác là chàng đang chú ý đến thiếu nữ đang cúi xuống bàn lật qua tập Vecellio. Tôi nhìn chàng, hoặc tôi hết sức nhầm lẫn, hoặc tôi đã gặp chàng đâu đây. Chàng tên là Gélis, một cái tên không biết tôi đã nghe ở đâu. Thực tế hình dáng Gélis rất chi là đẹp – Chàng cho tôi biết đang học năm thứ ba trường pháp điển và đang chuẩn bị từ mười lăm đến mười tám tháng luận án ra trường, với đề tài tình trạng các tu viện cấp cao thuộc dòng thánh Bơ-noa năm 1700. Chàng vừa đọc những công trình của tôi về *Tu viện* và chàng tin chắc rằng không thể kết thúc tốt đẹp luận án mà không có ý kiến của tôi và trước hết là nếu không có bản thảo nào đó của tôi mà chẳng phải cái gì khác là cuốn sổ những tài khoản của tu viện cấp cao Côteaux từ năm 1683 đến năm 1704.

Vừa làm cho tôi sáng tỏ những điểm đó, chàng vừa trao cho tôi một bức thư giới thiệu của một bạn đồng nghiệp nổi tiếng nhất của tôi ký tên. Hay quá, tôi hiểu ra. Gélis chính là chàng thanh niên năm ngoái dưới rặng dẻ, đã cho tôi là ngu xuẩn. Vừa mở phong thư giới thiệu, tôi vừa suy nghĩ:

“Ái chà! Đáng tiếc, mày còn rất lâu để ngờ rằng ta đã hiểu mày và rằng ta đang nhớ điều gì mày đang nghĩ về ta... hay ít nhất điều gì mày nghĩ tới ngày nọ, bởi vì những đầu óc non trẻ kia mới hời hợt đến thế! Chàng trai khinh suất! Ta đã chớp được mày. Thế là mày đã ở trong hang sư tử và nếu bỗng nhiên quả thực con sư tử già sừng sốt không biết làm gì con mồi thì sao. Nhưng mày, con sư tử già, há chẳng phải mày là thằng ngốc đó sao? Nếu bây giờ mày chẳng là thằng ngốc, thì trước đây mày đã là thằng ngốc rồi. Dưới chân tượng đài Marguerite de Navarre, mày lắng nghe Gélis thì mày đã là thằng ngốc rồi, mày lại thản nhiên tiếp tục nghe hắn, thế là hai lần ngốc và vẫn không quên điều không đáng nghe thế là ba lần ngốc”.

Vừa mắng con sư tử già như thế, tôi vừa khích lệ nó tỏ ra khoan hồng. Nó không nản nã mãi mới chịu mà nhanh chóng trở nên phóng túng đến mức phải tự kiềm chế để không phá lên gầm thét vui mừng.

Theo cách tôi đọc lá thư của bạn đồng sự, tôi có thể lướt qua không nhớ đến những thư từ của tôi. Đợi lâu, Gélis có thể chán nản, nhưng chàng nhìn Jeanne và chịu đựng không phàn nàn. Thỉnh thoảng Jeanne quay đầu khỏi phía chúng tôi. Người ta không thể ngồi yên phải không? Cô Préfère sửa lại món tóc xoắn, ngực cô phồng lên những hơi thở dài yếu ớt. Phải nói rằng chính tôi

cũng đã thường hay tự hào về những hơi thở dài yếu ớt như vậy.

- Này anh, tôi vừa nói vừa gấp bức thư lại, tôi lấy làm sung sướng có thể giúp ích anh. Anh chú tâm đến những công trình nghiên cứu đã từng gây hứng thú mạnh mẽ đối với tôi. Tôi đã làm theo khả năng. Tôi hiểu như anh và còn hơn anh nữa, bao nhiêu việc sẽ phải làm – Tùy anh sử dụng tập bản thảo của tôi, anh có thể mang đi nhưng nó không phải là tập ngắn nhất và tôi ngại...

- Ô! Thưa ông – Gélis nói – những cuốn sách to tướng không làm cho tôi sợ hãi.

Tôi yêu cầu anh chàng chờ tôi và tôi vào phòng bên lục tìm cuốn sổ, mới đầu chưa thấy và cũng không hy vọng tìm lại được, khi thấy một số dấu hiệu chứng tỏ chị quản gia đã sắp xếp lại trật tự trong phòng. Nhưng cuốn sổ to quá, lớn quá, chị Thérèse không thể đặt nó đâu tùy tiện. Tôi vát vả nhắc nó lên và mừng thấy nó nặng như mong muốn .

“Này, chàng thanh niên, đợi đã – tôi tự nhủ với một nụ cười đáng lẽ hết sức mỉa mai cay độc – hãy đợi đã – ta sẽ cười mỉa mai cay độc đôn dập với anh, nụ cười đó sẽ bẻ gãy tay anh, làm váng óc anh. Đó là sự trả thù đầu tiên của Sylvestre Bonnard. Rồi ta sẽ nghĩ tiếp”.

Trở lại nhà sách, tôi nghe Gélis nói với Jeanne:

- Phụ nữ thành Venise nhuộm tóc trong thuốc nhuộm hoe vàng. Họ có màu hoe của mật và màu hoe của vàng. Nhưng có những mái tóc màu sắc tự nhiên đẹp hơn rất nhiều so với màu sắc của mật và của vàng.

Thay cho câu trả lời, Jeanne im lặng suy tư và trầm mặc. Tôi đoán gã Vecellio nhãi ranh kia có tham gia sự việc và cả hai đang cúi xuống tập sách cùng nhau nhìn bà thống lĩnh cộng hòa và các bà quý tộc.

Tôi xuất hiện với cuốn sách kếp xù, nghĩ rằng Gélis sẽ nhăn mặt. Đây là chức trách của người môi giới buôn bán và hai tay tôi lấy đó làm đau đớn. Nhưng chàng thanh niên nhắc bổng nó lên như cái lông, và vừa mỉm cười vừa cặp sách vào tay. Đoạn anh chàng cảm ơn tôi một cách ngắn gọn được tôi ưa thích, anh nhắc lại sự cần thiết của ý kiến của tôi và sau khi thống nhất ngày giờ cho cuộc nói chuyện tiếp theo, anh chào tất cả chúng tôi một cách thoải mái nhất đời và đi ra.

Tôi nói: “Chàng trai này tử tế”.

Jeanne lật mấy tờ sách của Vecellio và không đáp.

Chúng tôi đi đến Saint Cloud.

Tháng chín – tháng chạp

Những cuộc thăm viếng con người hiền hậu kế tiếp nhau chính xác, tôi cảm ơn sâu sắc cô Préfère và cuối cùng một góc nhà sách trở thành quen thuộc với cô. Bây giờ cô nói: “ghế tựa của tôi”, “ghế đầu của tôi”, “tủ ngăn của tôi” – Cô đã tổng khứ những thi nhân vùng Champagne khỏi chiếc bàn con mà cô lấy làm tủ ngăn cho cô để túi đồ khâu. Cô rất nhã nhặn, và phải là con quỷ tôi mới không ưa thích cô. Tôi bằng lòng cô theo tính chính xác hoàn toàn của từ này. Nhưng đối với Jeanne người ta không bằng lòng gì sao? Cháu đem lại cho nhà sách vẻ duyên dáng mà cháu đi khỏi là tôi thiết tha tưởng nhớ. Cháu học thức ít, nhưng rất có năng khiếu, khi tôi muốn dạy cháu điều gì tốt đẹp, hóa ra tôi chưa bao giờ hiểu điều ấy thì cháu lại làm cho tôi sáng mắt ra – Nếu cho đến nay, tôi không thể khiến cháu nghe theo ý tôi, thì tôi lại thường thích theo dõi tính thất thường hóm hỉnh trong ý kiến cháu.

Một con người biết phải trái hơn tôi sẽ nghĩ tới việc đào tạo cháu thành người có ích. Nhưng phải chăng tử tế ở đời là vô ích? Không đẹp, nhưng cháu quyen rũ. Quyen rũ, điều đó có lẽ cũng có ích như vá bít tất. Và lại tôi không phải bắt tử và dĩ nhiên cháu sẽ chưa già lắm khi công chứng viên của tôi (không phải luật sư Mouche) sẽ đọc cho cháu giấy tờ nào đó tôi vừa ký.

Tôi không muốn người nào khác tôi, tác thành cho cháu của hội môn. Bản thân tôi không giàu lắm, tài sản

của thân sinh để lại không tăng lên trong tay tôi. Không ai gom góp những đồng écu bằng cách tra cứu văn bản cổ. Nhưng những cuốn sách của tôi, theo giá bán ngày nay, món thực phẩm cao quý đó cũng đem lại ít nhiều giá trị – Trên chiếc bàn con này có nhiều thi hào thế kỷ XVI mà các ông chủ ngân hàng tranh giành cho các ông hoàng. Tôi tin rằng tập “*Thời gian*” kia của Simon Vostre, tập “*Kinh cầu nguyện tuyển chọn*” cho nữ hoàng Claude không ai không thấy ở khách sạn Sylvestre. Tôi chăm chú tập hợp, bảo quản tất cả những bản hiếm có và lý thú ấy trong nhà sách, từ lâu tôi tin rằng chúng cần thiết cho đời tôi như không khí và ánh sáng. Tôi rất quý chúng, ngày nay tôi vẫn không thể không mỉm cười vuốt ve chúng. Những da dê thuộc kia trông vui mắt làm sao, những giấy trắng mịn kia sờ mới êm dịu làm sao! Không phải chỉ có một cuốn có giá trị đặc biệt nào đó đáng cho con người phong nhã mến chuộng. Kẻ chiếm hữu nào khác có thể đánh giá chúng đúng đắn không? Biết đâu rơi vào tay một chủ khác, chúng không bị bỏ mặc cho hư hỏng hoặc biến dạng do một ý thích nhất thường ngu dốt? Tập sách vô song về *Lịch sử tu viện Saint-Germain-des-Prés* do chính tác giả Dom Jacques Bouillard tự tay ghi những lời chú thích quan trọng bên lề sẽ rơi vào tay ai?... Luật sư Bonnard, mà là một thằng điên già. Chị quản gia của mà, con người tội nghiệp hôm nay nằm liệt giường vì bệnh thấp khớp khắc nghiệt. Jeanne phải đến với bà già đi kèm, đáng lẽ nghĩ tới chuyện tiếp đón

họ, mà lại nghĩ tới muôn nghìn việc làm đại dột. Sylvestre Bonnard, mà chẳng đi tới đâu, chính ta nói với mà điều đó.

Và từ cửa sổ, tôi thấy đúng họ xuống xe. Jeanne nhảy nhót như đứa trẻ nũng nịu, còn cô Préfère với vẻ duyên dáng trong trắng của một cô Virginie thoát khỏi vụ đắm tàu, lần này chịu cho người ta cứu sống, thì gửi mình vào cánh tay lực lưỡng của người lái xe. Jeanne ngẩng lên thấy tôi ra dấu hiệu âu yếm tin cậy khó nhận ra. Tôi thấy cháu xinh đẹp, tuy không xinh bằng mẹ. Nhưng vẻ duyên dáng của cháu đưa lại niềm vui và niềm an ủi cho tôi, lão già điên khùng. Còn về những người điên trẻ (hiện nay vẫn có) tôi không hiểu họ sẽ nghĩ gì về vẻ duyên dáng này, đó chẳng phải là việc của tôi... Nhưng anh bạn Bonnard của tôi ơi, có cần nhắc lại với mà rằng, chị quản gia đang trên giường và mà phải đi mở cửa không?

Ông lão Mùa Đông, hãy mở cửa... Chúa Xuân đang bấm chuông.

Quả nhiên chính là Jeanne, hoàn toàn hồng hào. Còn một tầng gác nữa mới với tới thêm nghĩ mà cô Préfère đã mệt đứt hơi và bực bội.

Tôi giải thích tình hình sức khỏe chị quản gia và đề nghị ăn trưa ở nhà hàng. Nhưng chị Thérèse tuy trên

giường bệnh vẫn có quyền lực vô hạn. Chị quyết định phải ăn trưa tại nhà, theo chị những người phong nhã không ăn uống ở nhà hàng. Và lại chị đã dự trữ tất cả, thức ăn trưa đã mua rồi, chị gác công sẽ nấu.

Jeanne táo bạo muốn đi xem có phải con bệnh già không cần gì hết không. Như người ta nghĩ đúng, cháu bị đuổi nhanh về phòng khách nhưng không phải là một cách quá thô bạo như tôi phải lo sợ.

- Nếu cần được giúp đỡ – điều tôi đâu có dám – tôi sẽ tìm người ít đáng yêu hơn cô. Tôi cần nghỉ ngơi. Đó là món hàng không buôn bán ở phiên chợ với bảng hiệu “*yên lặng – một ngón tay – trên miệng*”. Đi mà vui đùa, đừng ở đây, ở đây có hại, sẽ lây phải cảnh già yếu.

Jeanne thuật lại những lời đó với chúng tôi và nói thêm rằng cháu rất thích ngôn ngữ của chị Thérèse già. Dựa vào đó, cô Préfère mắng cháu có những sở thích không mấy lịch sự. Tôi cố biện giải cho cháu bằng gương bao nhiêu người xây dựng giỏi tiếng mẹ đẻ đã coi những phu khuân vác cỏ khô, những chị thợ giặt già nua như những bậc thầy về ngôn ngữ. Nhưng cô Préfère có những sở thích quá tao nhã nên cô không nghe những lý lẽ của tôi.

Còn Jeanne tỏ ý van nài yêu cầu tôi cho cháu mặc tạp dề, xuống bếp làm cơm.

- Jeanne – tôi đáp với vẻ nghiêm trang của thầy giáo – bác tin rằng nếu vấn đề làm đổ vỡ sứt mẻ bát đĩa, bóp méo xoong chảo, phá đáy thùng nước nóng, thì con người bản thủ mà chị Thérèse đặt vào nhà bếp, đáp ứng đủ công việc của chị, trong lúc này dường như bác nghe có tiếng ồn ào tai hại trong bếp. Tuy nhiên bác giao cháu phụ trách món tráng miệng. Hãy đi tìm một chiếc tạp dề trắng và bác sẽ tự tay quần vào cho cháu.

Quả thực tôi trang trọng buộc tạp dề vải vào thắt lưng cháu, thế là cháu xông vào nhà bếp sửa soạn những món ăn ngon như chúng ta biết sau này.

Tôi không phải tự khen về chuyện thu xếp nhỏ nhặt đó, vì cô Préfère ở lại một mình với tôi, có vẻ lo lắng. Cô nhìn tôi nồng cháy yêu thương, nước mắt đầm đìa và thốt ra những tiếng thở dài.

- Tôi ái ngại cho ông – cô nói – một người như ông, một con người ưu tú, sống cô độc với một con đòi thô bạo (chị ấy thô bạo là điều không thể chối cãi!). Cuộc đời sao mà khát khe đến thế! Ông cần được nghỉ ngơi, được đối xử khéo, được tôn kính, được chăm sóc đủ thứ, ông có thể ốm đau. Thế mà không có đàn bà được vinh dự mang tên ông. Không! Không có ai, tôi nói điều này xuất phát từ đáy lòng.

Lúc ấy hai tay cô ép nén quả tim luôn luôn sẵn sàng thoát khỏi lồng ngực

Tôi hoàn toàn thất vọng. Tôi cố vạch cho cô Préfère thấy tôi không đòi hỏi thay đổi gì trên con đường đời đã tàn tạ lắm của tôi, và tôi đã có bấy nhiêu hạnh phúc theo bản chất và số phận của tôi.

- Không! Ông không hạnh phúc! – Cô kêu lên – Phải có một người hiểu ông bên cạnh. Đừng uể oải nữa, hãy đưa mắt nhìn quanh. Ông có những quan hệ rộng rãi, những người quen biết tốt. Không thể là ủy viên của Học viện mà lại không giao tiếp với xã hội. Ông hãy xem xét, nhận định, so sánh. Một người đàn bà biết điều sẽ không từ chối lời cầu hôn của ông. Thưa ông, tôi là phụ nữ, bản năng của tôi không đánh lừa tôi, có cái gì đó cho tôi biết rằng ông sẽ có hạnh phúc trong hôn nhân. Những bà vợ đều bận tâm biết mấy, thương chồng biết mấy (dĩ nhiên không phải tất cả nhưng một vài người)! Và rồi họ nhảy cảm với vinh quang! Chị nấu ăn của ông không còn sức lực, chị điếc, yếu đuối, nếu ban đêm ông gặp chuyện không may! Này, chỉ nghĩ tới chuyện này là tôi đã run lên!

Lúc ấy cô run thật sự, cô nhắm mắt siết chặt nắm tay, giậm chân. Tôi mệt mỏi quá chừng. Nhưng cô cứ tiếp tục một cách hăng say kinh khủng:

- Sức khỏe của ông! Sức khỏe quý báu của ông! Tôi vui lòng hiến dâng tất cả máu của tôi để bảo toàn cuộc đời của một nhà bác học, một nhà văn học, một người tài năng, một ủy viên Học viện. Một người vợ mà không làm được bấy nhiêu thì tôi lấy làm khinh bỉ. Này, thưa ông, tôi quen vợ một nhà toán học vĩ đại, một người biến hết những quyền vớ của mình thành những phép tính xếp đầy tất cả các tủ trong nhà – ông ta bị bệnh tim và sa sút trông thấy. Lúc ấy tôi chứng kiến vợ ông ở đó, yên lặng bên cạnh ông. Tôi không thể cầm lòng nổi, một hôm bảo chị “Bà chị thân mến, chị không có quả tim, ở địa vị chị, tôi sẽ làm... Tôi không biết tôi sẽ làm gì!”.

Cô dừng lại một nhòai. Tình thế của tôi thật khó xử. Nói rõ với cô suy nghĩ của tôi đối với những lời khuyên của cô thì không nên. Bởi vì giận nhau với cô có nghĩa là bỏ mất Jeanne. Tôi đành đầu dụi, vả lại cô đang ở nhà tôi, lý do này giúp tôi giữ lịch sự.

- Thưa cô – tôi trả lời – tôi già lắm, tôi e rằng những lời khuyên của cô đến hơi chậm. Tuy nhiên, tôi sẽ suy nghĩ thêm. Trong khi chờ đợi, xin cô yên tâm. Mời cô uống một cốc nước đường cho tốt.

Tôi hết sức ngạc nhiên những lời nói đó bỗng chốc làm cho cô bình tĩnh, cô ngồi yên trong xó của mình, cạnh giá sách, trên ghế tựa, hai chân đặt trên ghế đẩu.

Bữa ăn tối hoàn toàn bị hỏng. Cô Préfère chìm đắm trong mơ, không quan tâm đến. Thường thường tôi rất nhạy cảm đối với những chuyện không may như vậy, nhưng chuyện này lại thành một niềm vui với Jeanne, đến nỗi cuối cùng tôi cũng vui lây. Ở tuổi tôi, tôi chưa hề biết một con gà tơ cháy một bên, sống một bên, là điều buồn cười, nhưng tiếng cười trong trẻo của Jeanne đã dạy tôi điều này. Con gà tơ này khiến chúng tôi nhớ tới vô vàn sự việc rất dí dỏm mà tôi đã quên và tôi rất vui mừng nhận thấy người ta từng quay nó non hay già lửa.

Bữa ăn tối kết thúc vui vẻ, khi thiếu nữ vận tạp dề trắng, dáng người mảnh khảnh, thẳng thắn đem món lòng trắng trứng do cháu chuẩn bị, đánh nổi như tuyết, sáng chói trong bộ đĩa màu vàng nhạt và tỏa mùi vani thơm ngon – Cháu đặt món ăn lên bàn với dáng nghiêm trang chất phác của bà nội trợ của Chardin.

Trong thâm tâm, tôi rất lo lắng. Hình như tôi không thể giữ gìn lâu lời lẽ tốt đẹp với cô Préfère về những điều quá khích về hôn nhân của cô. Thế là cô giáo đi ra, chào tạm biệt em nữ học sinh! Lợi dụng lúc con người tốt bụng này đi khoác áo choàng, tôi hỏi Jeanne chính xác bao nhiêu tuổi. Cháu mười tám tuổi một tháng. Tôi tính trên ngón tay, và thấy cháu chưa tới tuổi thành niên trước hai năm mười một tháng. Làm thế nào mà qua cho hết thời gian ấy?

Khi chào từ biệt, cô Préfère nhìn tôi với bao nhiêu ý tứ, khiến tay chân tôi run rẩy.

- Chào tạm biệt – tôi trịnh trọng nói với thiếu nữ – nhưng hãy nghe bác: người bạn của cháu già nua có thể mắc khuyết điểm với cháu. Cháu hãy hứa với bác là không bao giờ mắc khuyết điểm với chính mình và bác sẽ bình tâm. Chúc con mạnh khỏe con ạ!

Đóng cửa sau lưng cháu xong, tôi liền mở ngay cửa sổ nhìn cháu đi ra. Đêm tối mò, tôi chỉ thấy những cái bóng lơ mờ lướt trên kè sông đen. Thành phố vang lên tiếng rì rầm mênh mông và đục; lòng tôi se lại.

Ngày 15 tháng chạp

Vua xứ Thulé giữ một cái cốc bằng vàng do người tình để lại làm kỷ niệm. Khi lâm chung, cảm thấy mình đã dùng uống lần cuối cùng, nhà vua liền vứt cốc xuống biển. Tôi giữ cuốn vở kỷ niệm này như vị chúa già của biển cả mịt mù nọ giữ cái cốc chạm và cũng như nhà vua phá hỏng món quà tình yêu quý báu của mình, tôi sẽ đốt cuốn nhật ký này. Hẳn không phải do tính hà tiện kiêu kỳ và tự hào ích kỷ mà tôi phá hoại tác phẩm này của một đời tâm thường; nhưng tôi ngại những sự việc thân thiết, thiêng liêng đối với tôi ở đây, do khuyết điểm và nghệ thuật, trở thành dung tục, lố lằng.

Tôi không nói điều đó để thấy điều gì sẽ nói tiếp – Lố lãng, chắc chắn tôi sẽ như thế khi được mời đến ăn tối tại nhà cô Préfère. Tôi ngồi trong ghế bành thấp có nệm (đúng là ghế bành thấp có nệm) bên phải con người đáng lo ngại này. Bàn ăn đặt trong phòng khách nhỏ. Đồ sứt mẻ, cốc bể bộ, dao long cán, nĩa có răng vàng, nghĩa là không thiếu thứ gì làm cho khách phong nhã còn ngon miệng được.

Người ta thổ lộ với tôi rằng bữa ăn tối tổ chức riêng cho tôi, cho một mình tôi thôi, dù có luật sư Mouche tham dự. Phải là cô Préfère tưởng tượng rằng tôi thích loại bơ của người Sarmate dùng, vì thứ bơ cô dọn cho tôi hôi dầu quá. Nhưng có món thịt quay làm cho tôi hết bực bội. Tôi còn cái thú nghe luật sư Mouche và cô Préfère nói về đức độ. Tôi nói sự vui thú, đáng lẽ phải nói là sự hổ thẹn, vì họ diễn đạt ý kiến hết sức coi thường bản tính thô thiển của tôi.

Điều họ nói chứng tỏ rõ như ban ngày rằng, sự tận tâm là món ăn thường xuyên của họ và sự hy sinh cũng cần cho họ như không khí và nước. Thấy tôi không ăn, cô Préfère cố gắng khắc phục điều mà cô gọi khá đúng là sự kín đáo của tôi. Jeanne thì không vui vì theo người ta bảo tôi, sự có mặt của cháu trai với quy chế, đã xúc phạm sự bình đẳng cần phải giữ vững giữa bao nhiêu học sinh.

Người đầy tớ gái buồn thiu phục vụ món tráng miệng ít ỏi, rồi biến mất như một cái bóng.

Lúc bấy giờ, cô Préfère với những rung cảm cao thượng kể cho luật sư Mouche, tất cả những gì cô đã nói với tôi tại nhà sách, trong khi chị quản gia của tôi còn nằm trên giường. Sự cảm phục của cô đối với một ủy viên Học viện, những nỗi lo ngại của cô thấy tôi đau yếu và độc thân, sự tin chắc của cô rằng một người đàn bà thông minh sẽ hạnh phúc và tự hào được chia sẻ cuộc đời với tôi, cô không che giấu điều gì hết, trái lại, cô còn thêm thắt những lời nói vui nhộn, mới lạ. Luật sư Mouche vừa gật đầu tán thưởng vừa cắn những quả phỉ. Rồi, sau tất cả những câu chuyện dài dòng này, ông hỏi với nụ cười thích thú là tôi đã trả lời thế nào.

Cô Préfère một tay đặt trên ngực, tay kia chìa sang tôi, thốt lên:

- Ông ấy triu mến đến thế, cao thượng đến thế, tốt bụng đến thế, vĩ đại đến thế! Ông ấy trả lời... Nhưng tôi, một người đàn bà chất phác, tôi không thể nhắc lại những lời nói của một ủy viên Học viện, chỉ cần tôi tóm tắt lại: Ông ấy đã trả lời: “Vâng, tôi hiểu cô và tôi vui lòng chấp nhận”.

Vừa nói thế, cô vừa nắm tay tôi. Luật sư Mouche đứng lên hết sức cảm động, cầm lấy tay kia của tôi và

nói:

- Thưa ông, tôi xin chúc mừng ông.

Trong đời, đôi lúc tôi cũng sợ hãi nhưng tôi chưa bao giờ gặp phải một sự kinh hoàng ghê tởm như vậy.

Tôi rút hai tay lại, đứng dậy cho lời nói được hết sức nghiêm nghị:

- Thưa bà, tôi bị hiểu sai tại nhà tôi hay tôi đã hiểu sai bà ở đây. Trong cả hai trường hợp, một lời tuyên bố rõ ràng là cần thiết. Thưa bà, cho phép tôi được nói thẳng. Không, tôi không hiểu bà, không, tôi không vui lòng chấp nhận điều gì cả, tôi hoàn toàn không biết cái đám nào mà bà có trong tầm tay dành cho tôi, nếu có. Trong tất cả các trường hợp, tôi đều không thể lấy vợ. Ở tuổi tôi, chuyện đó sẽ là một sự điên rồ không thể tha thứ và lúc này tôi không thể hình dung một người biết phải trái như bà lại có thể khuyên tôi cưới vợ. Tôi có đủ cả lý do để tin rằng tôi lầm và tin rằng bà không nói gì tương tự như thế. Trong trường hợp này, xin bà tha lỗi cho một người già đã mất thói quen tiếp xúc với nhiều người, ít quen với ngôn ngữ của phụ nữ và rất lấy làm tiếc về sai lầm của mình.

Luật sư Mouch nhẹ nhàng ngồi xuống lại chỗ cũ và hạt phỉ đã hết, ông đành cắt gọt cái nút chai.

Cô Préfère nhìn kỹ tôi một lúc với cặp mắt tròn nhỏ, khô ráo mà tôi chưa hề biết, và cô trở lại dịu dàng, duyên dáng bình thường. Với giọng ngọt xớt cô kêu lên:

- Những nhà bác học này! Những chính khách này! Họ như trẻ con. Vâng, thưa ông Bonnard, ông đích thực là một đứa trẻ con.

Rồi quay sang viên công chứng đang đứng lặng, mũi cúi xuống cái nút chai, cô van xin:

- Ô! Đừng buộc tội ông ấy. Đừng nghĩ xấu về ông ấy nhé, đừng. Tôi có phải quỳ xuống mà van xin như vậy không?

Luật sư Mouche đang quan sát mọi mặt cái nút chai, không phát biểu gì khác.

Tôi tức giận, cảm thấy nóng đầu, hai má đỏ ửng. Tình huống này làm cho tôi hiểu những lời nói nghe được lúc ấy qua tiếng vù vù của thái dương:

- Ông bạn tội nghiệp của chúng ta, ông ấy làm cho tôi khiếp sợ. Này ông Mouche, xin ông vui lòng mở cửa sổ. Tôi nghĩ rằng một miếng gạt cùn thuốc kim sa có thể làm cho ông ấy khỏe ra.

Tôi vụt chạy trốn ra đường với một cảm giác kinh tởm, hãi hùng khó tả.

Ngày 20 tháng chạp

Đã tám ngày tôi không nghe nói đến trường của cô Prèfère. Không thể bật tin Jeanne lâu hơn nữa, vả lại tôi đặt ra nhiệm vụ cho mình là không được rút lui, tôi lên đường đi Ternes.

Đối với tôi, phòng khách dường như lạnh lẽo hơn, âm thấp hơn, không mến khách hơn, nham hiểm hơn, còn chĩa đầy tứ sợ hãi hơn, im lặng hơn bao giờ hết. Tôi hỏi Jeanne và sau một lúc lâu, cô Prèfère xuất hiện, nghiêm trang xanh xao, hai môi mỏng, cặp mắt dữ tợn.

- Thưa ông, tôi hết sức lấy làm tiếc – cô vừa nói vừa khoanh tay trong áo choàng – hôm nay không thể cho phép ông thăm tiểu thư Alexandre, điều đó rất khó cho tôi.

- Vì sao vậy?

- Thưa ông, lý do buộc tôi yêu cầu ông đến thăm đây ít thường xuyên hơn, có tính chất đặc biệt tế nhị, xin ông miễn cho tôi phải phiền lòng nói ra.

- Thưa bà, tôi được người giám hộ của Jeanne cho phép thăm hàng ngày đưa trẻ mồ côi, bà viện lý do nào để ngăn cản ý muốn của luật sư Mouche.

- Người giám hộ của tiểu thư Alexandre (lúc ấy cô nhấn mạnh tên vị giám hộ như đề trên một điềm tựa vững chắc) cũng như tôi rất mong ông kết thúc những chuyện xun xoe.

- Nếu như vậy, xin bà vui lòng cho biết lý do của ông ấy và của bà.

Cô ngắm cái cuốn nhỏ giấy xoắn và trả lời một cách bình thản nặng nề.

- Ông muốn thế sao? Dù cho sự giải thích như vậy khó chịu đối với một người đàn bà, tôi cũng chiều theo ý ông. Thưa ông, nhà này là một nhà danh giá. Tôi có trách nhiệm của tôi, tôi phải để mắt đến mỗi một nữ học sinh như một người mẹ. Những chuyện xun xoe của ông với tiểu thư Alexandre không thể kéo dài mà không tổn hại đến thiếu nữ. Bồn phận của tôi là phải chấm dứt chuyện này.

- Tôi không hiểu bà.

- Đúng đó là sự thật! – Cô tiếp tục chậm rãi nói – Những người đáng kính nhất và những người ít đa nghi nhất đã biết rõ những sự xun xoe của ông ở nhà này, do đó tôi phải vì quyền lợi của trường tôi, quyền lợi của tiểu thư Alexandre chấm dứt những chuyện đó một cách nhanh nhất.

- Thừa bà, trong đời tôi, tôi đã nghe nhiều chuyện đại dột, nhưng không có chuyện đại dột nào có thể so sánh với chuyện bà vừa nói.

Cô trả lời giản đơn:

- Những lời lăng nhục của ông không tác động gì đến tôi. Người ta rất đầy đủ nghị lực khi làm tròn một nghĩa vụ.

Và cô ép áo choàng vào lòng, lần này không phải để giữ mà dĩ nhiên để vuốt ve trái tim hào hiệp này.

- Thừa bà – tôi vừa nói vừa lấy tay chỉ vào bà – bà đã khơi dậy sự phẫn nộ của một ông già. Bà hãy làm thế nào cho già này quên hẳn bà và xin bà đừng thêm những cái mới vào những hành động xấu tôi đã phát hiện. Tôi báo cho bà biết tôi sẽ tiếp tục chăm sóc tiểu thư Alexandre. Nếu bà hành hạ cháu về bất cứ điều gì thì trời tru đất diệt bà.

Tôi càng sôi nổi thì cô càng yên lặng và cô bình tĩnh đáp lời:

- Thừa ông, tôi quá rõ tính chất sự quan tâm của ông đối với thiếu nữ để giúp em thoát khỏi sự trông nom mà ông dùng đe dọa tôi. Thấy sự thân mật rất đáng ngờ của ông với chị quản gia, tôi phải miễn sự tiếp xúc của ông với em bé gái thơ ngây. Sắp tới tôi sẽ làm việc đó.

Nếu cho đến nay tôi đã quá cả tin, thì không phải ông mà là tiểu thư Alexandre mới có thể chê trách tôi, nhưng tiểu thư quá ngây thơ, quá trong trắng, nhờ có tôi, mới không nghi ngờ tính chất của hiểm họa mà mình bị đe dọa, do ông mở ra. Tôi cho rằng ông sẽ không buộc tôi cho em biết chuyện này.

Này – tôi vừa nhún vai vừa tự nhủ – lão Bonnard tội nghiệp của tôi ơi, mong rằng lão sống cho tới ngày nay để biết chính xác thế nào là người đàn bà độc ác. Về mặt này, sự thông hiểu của lão bây giờ là đầy đủ.

Tôi không đáp lại, đi ra và lấy làm thú vị thấy mặt mày cô giáo ký túc xá bỗng đỏ bừng do sự im lặng hơn là những lời nói của tôi.

Giá như không thoáng thấy Jeanne thì thôi đã vừa đi qua sân vừa nhìn khắp nơi. Cháu đã rình để chặn đường và chạy để với tôi.

- Jeanne, nếu người ta động đến một sợi tóc của cháu thì viết thư cho bác – Chào tạm biệt.

- Không! Không tạm biệt!

- Không! Không! Không, tạm biệt – Hãy viết cho bác.

Tôi đi thẳng đến nhà bà De Gabry.

- Bà đang ở Rome với ông nhà. Vậy ông không biết sao?

- Có chứ – tôi đáp – bà có viết cho tôi biết việc đó.

Quả thật bà có viết cho tôi, nhưng vì cuống cuồng nên tôi quên phắt. Đó là ý kiến của tên gia nhân, bởi vì hắn nhìn tôi có vẻ muốn nói: “Ông Bonnard lắm cảm rồi”, và hắn cúi xuống lan can cầu thang xem có phải tôi đang miệt mài với việc gì đặc biệt chẳng. Tôi từ từ bước xuống cầu thang thất vọng ra về.

Vừa tới nhà, tôi được báo cho biết Gélis đang ở trong phòng khách. Chàng thanh niên này chuyên cần đến chỗ tôi. Anh không có năng lực phán đoán vững vàng, nhưng trí tuệ anh không phải tầm thường. Lần này anh đến không chỉ làm cho tôi lúng túng mà thôi. Tôi nghĩ bụng: “Chao ôi! Tôi sẽ nói với anh bạn trẻ vài việc đại dột và anh cũng sẽ nhận thấy rằng tôi sút đi. Nhưng tôi không thể giải thích với anh rằng tôi bị đi hỏi vợ và bị xem là người vô hạnh, rằng Thérèse bị ngờ vực và Jeanne vẫn trong quyền lực của người đàn bà gian ác nhất trần gian. Tôi thực sự chẳng sung sướng gì để nói và các tu viện dòng Xitô với một nhà bác học trẻ tuổi hung hăng. Thế mà, này, này!...”

Nhưng chị Thérèse chặn tôi lại:

- Thưa ông, mặt ông đỏ quá! – Chị nói giọng trách móc.

- Đang là mùa xuân mà – Tôi đáp.

Chị kêu lên:

- Đang là tháng chạp mà là mùa xuân à?

Thực tế là đang tháng chạp. A! Đầu óc tôi thế nào đây; tội nghiệp cho Jeanne có một nơi nương tựa tệ hại là tôi.

- Chị Thérèse, đem cây gậy của tôi để vào chỗ nào cho dễ tìm thấy. Chào anh, Gelis – Anh khỏe không?

Không ngày tháng

Hôm sau, ông lão muốn dậy mà không được. Bàn tay xù xì vô hình đặt lão nằm dài trên giường. Lão bị buộc phải nằm yên không được cựa quậy, nhưng bao nhiêu ý nghĩ luẩn quẩn trong đầu.

Lão phải một cơn sốt nặng, bởi vì cô Préfère, các thầy tu nhà thờ Saint-Germain-des-Prés và gã đầu bếp của bà De Gabry xuất hiện dưới mắt lão thành những hình thù quái dị, đặc biệt gã đầu bếp vừa nằm dài trên đầu vừa nhăn nhó như miệng ống máng nhà thờ. Tôi có

cảm tưởng nhiều người, quá nhiều người trong phòng tôi.

Đồ đạc trong phòng bày biện theo kiểu cổ. Chân dung cha tôi trong bộ quân phục oai vệ và chân dung mẹ tôi mặc chiếc áo dài ca-sơ-mia treo trên tường, trên tấm giấy phủ có in cảnh lá xanh tươi. Tôi nhận thức được hơn nữa, còn biết tất cả các thứ đó đã bạc màu lắm rồi. Nhưng căn phòng của một người già cần gì phải xinh xắn. Nó chỉ sạch sẽ là đủ và chị Thérèse đã giải quyết việc đó. Ngoài ra chị dùng lời nói khá bóng bẩy để làm vui đầu óc tôi còn hơi trẻ con và lông bông. Trên tường và đồ đạc có những vật thường trò chuyện với tôi, làm cho tôi vui. Nhưng hôm nay tất cả những vật ấy muốn gì? Chúng trớ trêu hay kêu ca, cầu nài, nhăn nhó và đe dọa. Chiếc tượng con kia nặn theo khuôn mẫu một trong số đôi thần tam đức của nhà thờ Đức Bà ở Brou, ngày thơ duyên đáng đến thế, trong trạng thái tự nhiên, thì giờ đây, uốn éo thè lưỡi trêu chọc tôi. Trong tiểu phẩm xinh đẹp này có hình một trong số đệ tử ôn hòa của Jehan Fouquet, lưng thắt dây tơ của các chàng trai của Saint Francois, quỳ xuống dâng cuốn sách của mình cho công tước Angoulême nhân hậu, vậy ai đã cắt bỏ tiểu phẩm ra khỏi khung để đặt thay vào một cái đầu to tướng của con mèo nhìn tôi với cặp mắt lân quang? Những cảnh lá giấy cũng trở thành những cái đầu, những cái đầu tái mét dị dạng – Không phải, hôm nay cũng như cách đây hai mươi năm, nói đúng, đó là những cái đầu với những con

mắt, một cái mũi, một cái miệng, những cái đầu!... Tôi hiểu đó vừa là những cái đầu, vừa là những hình lá. Tôi không dám nhìn chúng.

Kìa, ở bên phải tôi, bức tiểu họa xinh xắn của thầy tu dòng thánh Phơ-răng-xoa vẫn ở chỗ cũ, nhưng tôi có cảm tưởng là tôi đang cố gắng hết sức nặng nề để treo nó lại và nếu tôi bực bội thì cái đầu mèo xấu xí sẽ xuất hiện trở lại. Tôi không mê sảng: Tôi thấy có chị Thérèse đứng ở cuối giường; tôi nghe rõ chị đang nói chuyện với tôi, và nếu tôi không lo giữ nguyên hình thù tự nhiên những đồ vật quanh tôi thì tôi sẽ đáp lời chị một cách tỉnh táo hoàn toàn.

Thầy thuốc đến. Tôi không mời ông ta, nhưng cũng thích tiếp ông. Đó là ông láng giềng già tôi ít nhờ vả, nhưng tôi rất quý mến. Nếu tôi không nói bao nhiêu với ông, ít nhất tôi cũng còn đủ tri giác và cũng lắm mưu mẹo, bởi vì tôi dò xét cử chỉ của ông, cái nhìn của ông, những nếp nhăn nhỏ nhất trên mặt ông. Bác sĩ khôn khéo, tôi không biết đích xác ông nghĩ gì về tình trạng của tôi. Tôi nhớ lại một danh ngôn sâu xa của Goethe và nói:

- Thừa bác sĩ, người già đã đành chịu ốm đau, nhưng lần này thì sẽ không cho phép tạo hóa bắt họ phải ốm đau thêm nữa.

Cả bác sĩ và chị Thérèse đều không cười với câu đùa của tôi. Họ không cần phải hiểu.

Bác sĩ đi khỏi, màn đêm buông xuống, đủ thứ bóng tối hình thành rồi tan biến như những chòm mây trong nếp màn. Qua bóng tối lữ lượt đi ngang trước mắt, tôi nhìn thấy những gương mặt điềm tĩnh của chị đầy tớ trung thành. Bỗng một tiếng kêu trong mà cao, một tiếng kêu cô chiếc tuyệt vọng xé tai tôi. Có phải là cháu Jeanne gọi bác đó chăng?

Ngày đã hết, bóng tối ụp xuống đầu giường tôi suốt đêm dài.

Vào lúc bình minh, tôi cảm thấy yên tĩnh, một sự yên tĩnh bao la vây bọc hoàn toàn lấy tôi. Trời ơi, có phải Chúa mở ra cảnh thiên đường cho tôi chăng.

Tháng hai năm 1876

Bác sĩ rất vui. Hình như tôi đứng thẳng được là niềm vinh dự của ông. Cứ theo lời ông thì vô số bệnh tật đã cùng nhau giáng xuống tâm thân già của tôi.

Những bệnh tật kia là nổi hải hùng của loài người, thì tên tuổi của chúng lại là nổi lo sợ của nhà ngữ văn học. Đó là những tên lai tạp, nửa Hy Lạp, nửa La tinh

với những vĩ tô bằng ite để chỉ chứng viêm, bằng *algie* để diễn đạt sự đau đớn. Bác sĩ đọc cho tôi tên các loại bệnh với đủ số tính từ với tiếp vĩ ngữ là *ique* để nêu rõ đặc tính đáng ghét của chúng. Tóm lại là một cột dài trong *Từ điển y học*.

- Thừa bác sĩ, đồng ý thôi. Ông trả tôi lại cho đời, tôi công nhận, ông trả tôi lại cho các bạn tôi, tôi cảm ơn. Tôi khỏe mạnh. Tất nhiên mà tôi còn sống lâu. Tôi là đồ đạc cũ kỹ có thể so sánh với chiếc ghế bành của cha tôi. Đó là chiếc ghế được con người có đức hạnh này thừa kế và ngồi vào từ sáng tới tối. Mỗi ngày hai mươi lần, khi còn là thằng nhóc, tôi đứng trên tay vịn của cái ghế kiểu cổ này. Nó rất vững chắc, không phải coi chừng. Nhưng nó bắt đầu khập khiễng một chân và người ta bắt đầu nói rằng nó nguyên là một chiếc ghế bành tốt. Tiếp đó nó khập khiễng ba chân, chân thứ tư thì kêu cọt kẹt và hai tay vịn thì hầu như rụng. Bây giờ người ta kêu lên: “Cái ghế bành chắc quá!”. Người ta lấy làm lạ rằng không còn tay ghế vững chãi, không có một chân thẳng đứng, nó vẫn giữ dáng vẻ ghế bành, còn đứng khá vững và còn dùng được vào một vài việc. Nhưng rồi lông độn đã sổ ra khỏi thân, nó chết. Lúc ấy khi Cyprien gia nhân của chúng tôi đem cửa các chân ghế xếp vào đống củi thì tiếng kêu khâm phục gia tăng: “Chiếc ghế bành tuyệt vời, tốt phi thường! Pierre Sylvestre Bonnard buồn dạ, Epiménide Bonnard con trai ông ta, Jean Baptiste Bonnard chỉ huy sư đoàn hải quân thứ ba đã dùng nó. Chiếc ghế bành

đáng kính và khỏe biết mấy!”. Thực ra đó là chiếc ghế bành đã tiêu ma. Nay, thưa bác sĩ, tôi là chiếc ghế bành đó. Ông nhận xét tôi khỏe mạnh vì tôi đã chống lại những cuộc tấn công đã giết chết hoàn toàn vô số người và chỉ giết tôi mới được ba phần tư thôi. Xin cảm ơn nhiều. Thế mà tôi lại là cái gì đó hư hỏng hết phương cứu chữa.

Với những lời lẽ quan trọng bằng tiếng Hy Lạp và La tinh, bác sĩ muốn chứng minh tình trạng sức khỏe của tôi tốt. Tiếng Pháp thì quá sáng sủa để chứng minh kiểu này. Tuy nhiên tôi đồng ý chịu tin như vậy và tôi tiễn ông ra tận cửa.

- May quá! – Chị Thérèse bảo tôi – Đây, tại sao phải đuổi các ông thầy thuốc. Mới hơi một tí mà còn hành động theo cách đó, tốt hơn là lần sau đừng làm thế nữa nhé.

- Nay chị Thérèse, tôi đã khỏe lại, chị hãy đưa hết thư từ cho tôi. Dĩ nhiên là cả một bó to và sẽ là một tội ác nếu còn cấm tôi đọc chúng.

Sau một vài lời khách sáo, chị Thérèse đưa các lá thư cho tôi. Nhưng ích gì? Tôi nhìn tất cả phong bì. Nhưng không có chiếc nào do bàn tay xinh xắn kia viết mà tôi muốn gặp ở đây đang lật giờ tập Vecellio. Tôi vứt hết cả bó, chẳng thiết gì đến nữa.

Tháng tư – tháng sáu

Sự việc nóng hổi.

- Thưa ông, đợi tôi mặc quần áo sạch đã. – Chị Thérèse bảo tôi – Lần này tôi sẽ đi với ông, tôi sẽ đem theo cái ghế xếp của ông như những ngày qua và chúng ta sẽ đi tắm nắng.

Thực ra chị Thérèse tưởng tôi còn yếu. Tất nhiên tôi vừa ốm dậy, nhưng mọi việc đều phải kết thúc. “Bệnh hoạn phu nhân” đã ra đi, trời hôm nay đẹp, thế là đúng ba tháng, là “Thời kỳ dưỡng bệnh”, nữ tùy tùng mặt mày xanh xao duyên dáng của phu nhân đã tử tế từ biệt tôi. Nếu tôi là chị quản gia, tôi sẽ là ông Argant thực sự, tôi sẽ đợi cái mũ có băng quần trong những ngày còn lại... Không có chuyện đó! Tôi muốn đi chơi một mình. Chị Thérèse không nghe. Chị cầm ghế xếp và muốn theo tôi.

- Nay chị Thérèse, ngày mai chúng ta sẽ đứng thành rặng cây áp vào tường ở vùng Provence thân yêu, nó sẽ làm cho chị ưa thích biết bao nhiêu – Nhưng hôm nay tôi bận nhiều công việc gấp.

Lại những công việc! Chị tưởng đây là vấn đề tiền nong và giải thích cho tôi rằng chẳng có việc gì gấp.

“Càng hay, nhưng trên đời này có nhiều việc khác hơn những việc kia”.

Tôi năn nỉ, tôi làu bàu, cái kính rồi chuồn ra ngoài.

Thời tiết khá đẹp. Dàn xếp thuê một chiếc xe ngựa và nếu Chúa không ruồng bỏ tôi, tôi sẽ hoàn thành thắng lợi cuộc phiêu lưu.

Đây là bức tường mang dòng chữ xanh: Ký túc xá các tiểu thư do cô Virginie Préfère quản lý. Đây chắn song khi mở rộng thì thông thẳng sân chính – Ổ khóa gỉ và các lá tôn gắn vào các thanh sắt, bảo vệ giữ gìn những con người bé bỏng, phòng những con mắt tò mò, và được cô Préfère dạy dỗ không một chút nghi ngờ về đức tính khiêm tốn, thành thật, công bằng và vô tư.

Đây một cửa sổ có chắn song với những mặt kính bôi lem luốc để lộ nhà dưới, là con mắt lơ đờ duy nhất mở ra với thế giới bên ngoài.

Còn cái cửa nhỏ hỗn tạp tôi bước vào nhiều lần từ nay bị cấm chỉ với tôi, và lỗ nhìn mới được đặt lưới sắt. Bậc đá trước cửa đã mòn, và không cần có cặp mắt quá tốt dưới mục kính mới thấy trên phiến đá những đường tuyến nhỏ mà các nữ sinh mang giày đế sắt đi qua đã để lại. Vậy thì, đến lượt tôi, tôi có thể đi qua chằng? Tôi có cảm tưởng là Jeanne đang đau khổ trong căn nhà âm u này và cháu đang thầm gọi tôi. Tôi không thể tránh xa.

Tôi lo lắng, tôi gõ cửa. Chị đẩy tờ sợ hãi ra mở cửa, chị sợ hãi hơn bao giờ. Lệnh phạt giữ lại trường đã ban bố, tôi không thể thăm Jeanne. Nhưng ít ra tôi cũng phải hỏi tin tức cháu. Sau khi nhìn trước nhìn sau, chị đẩy tờ cho tôi biết rằng cháu khỏe mạnh, rồi ngang nhiên đóng cửa lại. Thế là tôi ở ngoài đường.

Và từ đó, tôi nhiều phen lang thang như vậy, dưới bức tường này, qua trước cổng nhỏ, hồ thẹn, thất vọng thấy chính mình nhu nhược hơn đứa trẻ chỉ còn tôi là nơi nương tựa trên đời.

Ngày 10 tháng sáu

Tôi vượt qua sự ghê sợ và đi gặp luật sư Mouche. Trước hết, tôi để ý thấy văn phòng luật sư bụi bặm và mốc meo hơn năm ngoái. Viên công chức xuất hiện, thái độ thân thiết, cặp mắt nhanh nhẹn dưới mực kính. Tôi phàn nàn với ông ta. Ông trả lời tôi... Mà cần gì xác định kỷ niệm về một tên đầu giả hèn hạ ngay trong một cuốn sổ phải đốt cháy? Ông cho cô Préfère có lý, một người từ lâu ông đánh giá cao tài trí và tính tình. Không muốn đi sâu vào cuộc tranh luận, ông phải nói rằng những hiện tượng bề ngoài là không lợi cho tôi. Điều đó ít liên quan tới tôi. Ông nói thêm (và điều này liên quan tới tôi) rằng số tiền ít ỏi ông có trong tay dành cho việc

giáo dục đưa con gái được giám hộ đã cạn kiệt và rằng trong hoàn cảnh này, ông hết sức cảm phục sự vô tư của cô Préfère đồng ý chăm sóc Jeanne ở bên mình.

Ánh sáng huy hoàng, ánh sáng một ngày đẹp rót hào quanh thanh khiết xuống chón bản thủ này và soi đường cho con người này. Bên ngoài thì nó tỏa sáng rực rỡ lên tất cả sự khôn cùng của một phường dân cư đông đúc.

Từ rất lâu mắt tôi tràn ngập thứ ánh sáng êm dịu bao nhiêu này, thế mà nay tôi sắp không còn hưởng thụ nó nữa. Tư lự, hai tay chấp sau lưng, tôi bỏ đi dọc theo các công sự và không biết thế nào mà tôi lại lạc vào những khu ngoại ô hẻo lánh gồm những mảnh vườn cằn cỗi. Trên bờ một con đường bụi bặm, tôi bắt gặp một cây có hoa vừa lộng lẫy vừa sẫm màu như để hòa hợp vào những đám tang cáo quý nhất và thanh bạch nhất. Đó là cây cỏ bồ câu. Tổ tiên chúng ta gọi là cái bao tay của Đức Bà. Một Đức Bà làm ra vẻ rất nhỏ bé để xuất hiện trước lũ trẻ, có thể một mình luồn những ngón tay xinh xắn vào những đài hoa chật hẹp này.

Đây một con ong gấu hung tợn chui vào đài hoa, miệng nó không với được tới mật và anh chàng tham ăn cố gắng vô ích. Cuối cùng nó phải thôi, bay ra, mình lem luốc phấn hoa. Nó lại nặng nề bay đi, nhưng hoa rất hiếm trong vùng ngoại ô bị bồ hóng các nhà máy làm ô

nhiệm. Nó trở lại cây cỏ bồ câu, lần này thì nó chọc thủng tràng hoa, nhờ đó nó hút được mật. Tôi không tin một con ong gấu lại thông minh đến thế. Điều đó thật tuyệt diệu, khi càng quan sát sâu bọ và hoa. Như anh chàng Rollin hiền hậu, tôi cũng mê hoa anh đào. Tôi muốn có một mảnh vườn xinh đẹp và sống ở rìa một khu rừng.

Tháng 8 - tháng 9

Một sáng chủ nhật tôi bỗng nảy ra ý định đến đó xem lúc học trò cô Prèfère xếp hàng đi lễ nhà thờ xứ. Các cháu sắp hàng hai, các em nhỏ đi đầu, vẻ mặt nghiêm nghị. Có ba cháu thấp tròn trĩnh trực ăn mặc như nhau ra vẻ ta đây, tôi nhận ra đó là các cô tiểu thư nhà Mouton. Cô chị cả là nghệ sĩ đã vẽ cái đầu dễ sợ của Tatius, vua của người Sabins. Cô trợ giáo tay cầm sách kinh, hồi hả cau mày đi bên cạnh các cháu. Các cháu trung bình rồi đến các cháu lớn, vừa đi vừa thì thầm. Nhưng tôi không thấy Jeanne.

Tôi hỏi bộ Giáo dục công cộng có phải trong nội dung cập hồ sơ không có nhận xét về nhà trường phố Demours sao. Tôi được trả lời là đã phái nhiều nữ thanh tra viên đến đó. Các vị này trở về với những nhận xét tốt nhất. Theo họ, ký túc xá Prèfère là ký túc xá kiểu mẫu.

Nếu tôi gây ra một cuộc điều tra thì chắc chắn cô Prèfère sẽ được thưởng huy chương giáo dục.

Ngày 3 tháng 10

Thứ năm này là ngày ra trường, tôi gặp ba tiểu thư nhà Mouton ở vùng phụ cận phố Demours. Sau khi chào bà mẹ, tôi hỏi cô chị cả chừng mười hai tuổi về bạn của cháu là tiểu thư Jeanne sức khỏe thế nào.

Tiểu thư Mouton trả lời một mạch:

- Jeanne Alexandre không phải là bạn cháu. Chị ấy ở ký túc xá là do lòng từ thiện, người ta bắt chị ấy quét dọn lớp học. Chính chị đã nói với cháu như thế.

Ba cô gái nhỏ lại tiếp bước, bà Mouton theo sau vừa đưa mắt ngờ vực quay lại nhìn tôi.

Chao ôi! Tôi buộc phải tiến hành những thủ đoạn ám muội. Sớm nhất cũng ba tháng nữa, bà De Gabry mới trở về Paris. Xa bà, tôi không còn khéo léo, cũng không còn tài trí, tôi chỉ là một cỗ máy nặng nề, bất tiện có hại.

Nhưng tôi không thể chịu đau khổ khi biết Jeanne là đầy tớ của ký túc xá, phải trải qua những hành động xúc phạm của luật sư Mouche.

Ngày 28 tháng chạp

Thời tiết u ám lạnh lẽo. Trời đã tối. Bình tĩnh không sợ gì hết, tôi gõ cửa. Ngay khi người tớ gái rụt rè vừa mở, tôi giúi vào tay chị một đồng vàng và hứa cho chị một đồng nữa nếu chị tìm cách cho tôi gặp tiểu thư Alexandre. Chị đáp:

- Một giờ nữa, ở nơi cửa sổ có chấn song sắt

Rồi chị thản nhiên đóng sầm cửa đến nỗi cái mũ trên đầu tôi rung rinh.

Tôi đợi một giờ lâu giữa những cuộn tuyết xoáy rồi lại gần cửa sổ. Không gì hết. Gió dữ dội, tuyết rơi dày. Những công nhân vai vác dụng cụ, đầu cúi dưới những cục tuyết đặc, đi qua gần và vào tôi. Không gì cả. Tôi ngại người ta để ý mình. Tôi biết thuê tiền chị đây tớ là sai, nhưng tôi không hối tiếc chút nào. Ai đó khi cần khi cần không biết thoát khỏi quy luật chung thì người đó đáng khinh bỉ. Mười lăm phút trôi qua. Không gì hết. Cuối cùng cửa sổ hé mở.

- Bác Bonnard đó phải không?

- Jeanne phải không. Cháu thế nào?

- Cháu khỏe, rất khỏe.

- Nhưng còn gì nữa?

- Người ta đưa cháu vào nhà bếp và cháu quét phòng.

- Cháu vào bếp, quét phòng à? Trời đất ơi!

- Vâng, vì người giám hộ cháu không trả tiền cơm tháng nữa.

- Người giám hộ cháu là một tên khốn nạn.

- Vậy là bác hiểu?...

- Cái gì?

- Ô! Bác đừng bắt cháu nói ra điều đó. Nhưng cháu thích thà chết còn hơn ở một mình với ông ấy.

- Thế tại sao cháu không viết cho bác?

- Cháu bị theo dõi.

Lúc ấy tôi quyết định và không gì có thể thay đổi ý kiến tôi. Tôi bỗng nghĩ ra mình không có quyền làm thế, nhưng tôi lại coi thường ý nghĩ này. Tôi quả quyết hành động thận trọng và hết sức bình tĩnh.

- Jeanne – tôi hỏi – căn phòng cháu đang ở có thông ra sân không?

- Có.

- Cháu có thể tự mình kéo dây kéo cửa được không?

- Được, nếu không có ai trong nhà người gác cổng.

- Thử đến xem và đừng để ai thấy cháu.

Tôi vừa đợi vừa giám sát cổng ra vào và cửa sổ. Chỉ trong giây lát Jeanne hiện ra sau các thanh sắt.

- Chị giúp việc đang ở trong nhà người gác cổng. – Cháu nói.

- Tốt, cháu có bút, mực đó không.

- Không.

- Một cây bút chì không?

- Có.

- Đưa đây cho bác.

Trong gió thổi có thể làm tắt đèn, tuyết rơi làm tôi lóa mắt, tôi rút ngay trong túi ra một tờ báo cũ ra sức bọc lại bằng một cái băng ghi địa chỉ cô Prèfère.

Vừa viết tôi vừa bảo Jeanne.

- Khi người phát thư đi qua, hấn bỏ thư từ, giấy má vào thùng rồi bấm chuông. Chị giúp việc sẽ ra mở thùng và đem ngay các thứ tìm thấy đó vào cho cô Prèfère. Có phải mọi việc diễn ra như thế, sau mỗi chuyến phát thư từ không?

Jeanne cho biết là cháu tin mọi việc diễn ra đúng như thế.

- Ta cứ thử xem, Jeanne, cháu tiếp tục quan sát và ngay khi chị giúp việc ra khỏi nhà người gác cổng, cháu kéo dây kéo cổng và đi ra ngoài.

Nói xong, tôi dúi tờ báo vào thùng thư, bấm mạnh chuông và chạy đến nắp trong khung cửa cổng bên cạnh.

Tôi đứng đấy mấy phút thì cửa nhỏ rung chuyển rồi hé mở, một cái đầu người non trẻ lộ ra. Tôi đón lấy và kéo nó về phía tôi.

- Jeanne, đến đây, đến đây.

Cháu lo lắng nhìn tôi. Chắc cháu sợ tôi điên chãng.

Trái lại tôi rất tỉnh táo.

- Đi, đi con ạ.

- Đi đâu?

- Đến nhà bà De Gabry.

Lúc ấy cháu cầm tay tôi. Chúng tôi chạy một lúc như những kẻ trộm. Với thể tạng tốt béo, tôi không quen chạy. Tôi dừng lại gần như nghẹt thở, tôi tựa vào một vật gì thì ra là lò sưởi của người bán hạt để đặt ở góc một quầy bán rượu lẻ cho những bác đánh xe ngựa – Một người trong bọn họ hỏi tôi có cần xe không. Hẳn là chúng tôi cần một chiếc. Người cầm roi, đặt cốc trên bàn bán hàng bằng thiếc, ngồi trên ghế và thúc ngựa đi tới. Chúng tôi được cứu thoát.

- May quá! – Tôi vừa thốt lên vừa lau mồ hôi trán, mặc dù trời lạnh tôi vẫn đổ mồ hôi hột.

Điều lạ lùng là Jeanne nhận thức hơn tôi hành động vừa rồi. Cháu rất nghiêm nghị và lo lắng ra mặt – Vào bếp nhé! – Tôi phần nộ thét lên.

Cháu lắc đầu như muốn nói: “Ở đây hay bất cứ đâu cháu có cần gì!” Lúc ấy nhờ ánh đèn, tôi đau đớn nhận thấy mặt mày cháu gầy và có những nét mệt nhọc. Tôi không còn thấy cháu nhanh nhẹn hăm hở đột nhiên, nói năng hoạt bát đã làm cho tôi vui bao nhiêu. Cái nhìn của cháu chậm chạp, cử chỉ không tự nhiên, thái độ buồn bã.

Tôi cầm tay cháu: Một bàn tay chai cứng, đau đớn, giá lạnh. Con bé tội nghiệp đã chịu nhiều thống khổ. Tôi hỏi, cháu bình thản kể cho nghe rằng một hôm cô Prèfère cho gọi cháu, mắng cháu là quái vật, là con nhỏ độc ác mà cháu không hiểu vì sao.

“Cô ấy còn thêm: “Em sẽ không gặp lại ông Bonnard nữa là người đã đưa ra những lời khuyên xấu xa với em và cư xử rất tồi đối với cô”. Cháu trả lời: “Thưa cô, em không bao giờ tin điều đó”. Cô bèn tát cháu và đuổi về phòng học. Cái tin cháu không còn gặp bác nữa với cháu như đêm tối ập xuống. Bác biết không, những buổi tối đó, khi màn đêm bao phủ thì buồn lắm bác ạ, bác có nghĩ là cái thời khắc đó kéo dài hàng tuần hàng tháng. Hôm nọ cháu được biết bác đang ở trong phòng khách với cô giáo, cháu đã kín đáo theo dõi bác, rồi bác cháu ta cùng chào tạm biệt. Cháu mới được an ủi một chút. Sau đó ít lâu, người giám hộ đến đón cháu vào một ngày thứ năm. Cháu từ chối đi chơi với ông ấy. Ông ấy trả lời rất đỗi dịu dàng rằng cháu là con bé đồng bóng và ông để mặc cháu. Nhưng hôm sau, cô Prèfère đến gặp cháu vẻ mặt dữ tợn dễ sợ. Tay cầm lá thư, cô bảo: “Này em, người giám hộ của em báo cho cô biết là ông đã tiêu xài hết tiền của em – đừng lo, cô không muốn ruồng bỏ em, nhưng rồi em phải làm ăn kiếm sống, là chuyện chính đáng”.

Thế là cô sử dụng cháu lau chùi nhà cửa và đôi lúc nhốt cháu trên gác thượng nhiều ngày. Đấy, thưa bác, vắng bác thì sự việc diễn ra như vậy. Nếu cháu có thể viết cho bác, cháu không hiểu rồi sẽ ra sao, vì cháu không tin rằng bác có thể đưa cháu ra khỏi ký túc xá và do người ta cũng không buộc cháu đi gặp ông Mouche, nên không gì phải vội vã. Cháu có thể cứ ở trên gác thượng và trong nhà bếp mà chờ đợi.

- Jeanne – tôi kêu lên – Phải chăng ta chạy trốn sang tận Châu Đại dương thì à Prèfère ghê tởm mới không còn chửi mắng cháu nữa. Bác dám thề mạnh dạn như vậy. Tại sao chúng ta không đến Châu Đại dương? Ở đây khí hậu lạnh. Và có cả pi-a-nô theo tin tức báo chí bác xem hôm nọ. Trong khi chờ đợi, ta đến nhà bà De Gabry, may mà bà đang ở Paris từ ba bốn ngày nay bởi vì chúng ta là hai kẻ vô tội và đang rất cần sự giúp đỡ.

Trong khi tôi nói, Jeanne tái mặt, mắt mờ đẫm lệ, một nếp nhăn đau khổ làm co lại đôi môi hé mở. Cháu ngả đầu vào vai tôi bất tỉnh nhân sự.

Tôi ôm cháu trong vòng tay và đem lên cầu thang nhà bà de Gabry như bế một thằng bé đang ngủ. Quá mệt mỏi và cảm động, tôi quy xuống với cháu trên chiếc ghế dài nơi thêm nghỉ. Ở đó một lát thì cháu tỉnh lại.

- Bác đây à! Cháu vừa nói vừa mở mắt ra. Cháu lấy làm sung sướng.

Đến đó thì chúng tôi gọi cửa nhà chị bạn.

Chuông đồng hồ điểm tám giờ. Chị De Gabry vui mừng tiếp ông già và đưa trẻ. Chắc chị ngạc nhiên nhưng không hỏi gì.

- Thưa chị – tôi nói – cả hai chúng tôi đến nhờ chị che chở, nhưng trước hết xin cho ăn tối đã. Ít nhất cho Jeanne, cháu mới bị ngất xỉu trên xe vì đói sức. Còn tôi vào lúc khuya khoắt này, tôi cũng ăn một miếng để chuẩn bị cho một đêm phiên muộn. Cầu mong anh De Gabry khỏe mạnh.

- Nhà tôi đang ở đây, chị nói.

Và chị báo ngay cho chồng biết sự có mặt của chúng tôi.

Tôi vui mừng thấy gương mặt De Gabry cởi mở và tôi siết chặt bàn tay vuông vức của anh. Cả bốn chúng tôi vào phòng ăn. Jeanne được phục vụ món thịt nguội nhưng cháu không đụng đến, trong lúc đó tôi kể lại sự việc. Paul De Gabry xin phép đốt dọc tẩu rồi yên lặng nghe. Khi tôi dứt lời, anh gãi chòm râu ngắn và rậm trên má và kêu lên:

- Khô thay! Thừa ông Bonnard, ông đang ở vào một tình thế khó khăn.

Rồi, để ý thấy Jeanne mở to mắt sợ hãi hết nhìn tôi lại nhìn sang ông, ông bảo tôi:

- Ta sang phòng bên.

Tôi theo anh vào phòng có ánh đèn soi sáng các khẩu các bin và dao sẵn treo trên trướng phủ tường màu sẫm. Anh vừa kéo tôi ngồi lên ghế trường kỷ bọc da vừa nói:

- Trời ơi! Ông đã làm gì? Đã làm gì? Quyển rũ trẻ vị thành niên, lừa phỉnh, bắt cóc. Ông gặp phải một chuyện tệ hại, có thể bị tù từ năm năm đến mười năm.

- Khô thay! – Tôi kêu lên – Mười năm tù do cứu vớt một em gái vô tội sao?

- Đó là luật pháp! – De Gabry đáp – Tôi hiểu khá rõ về luật, ông thấy không, ông Bonnard thân mến, không phải vì tôi đã học luật, nhưng vì khi làm đốc lý Lusance, chính tôi phải nắm tình hình để hướng dẫn những người dưới quyền. Mouche là tên đầu giả, ả Prèfère là con đàn bà trơ trẽn đáng khinh, còn ông, một... tôi chưa tìm ra từ nào thích đáng.

Mở tủ sách đựng các vòng cổ chó, roi ngựa, bàn đạp ở yên ngựa, đinh thúc ngựa, hộp xì gà và mấy cuốn sách thường dùng, anh ta lấy ra một bộ luật và bắt đầu lật qua các tờ sách.

- *Trọng tội và tội phạm... tạm giữ người, không phải trường hợp của ông... Bắt cóc trẻ vị thành niên, đây rồi điều 354. Người nào bằng man trá hay bằng cưỡng bức, bắt cóc hoặc sai khiến người khác bắt cóc trẻ vị thành niên, hoặc lôi kéo quyền rũ hay thuyên chuyển chúng khỏi những nơi chúng được người giám hộ ủy thác cho nhà cầm quyền hay cơ quan quản lý trông nom, thì phải chịu hình phạt cầm cố. Xem bộ luật hình sự 21 và 28... 21 – Thời hạn cầm cố ít nhất là năm năm... 28, hình phạt cầm cố bao hàm mất quyền công dân. Rõ lắm, phải không ông Bonnard?.*

- Hoàn toàn rõ.

- Ta tiếp tục. Điều 356 – *Nếu kẻ bắt cóc chưa đủ hai mươi một tuổi thì y chỉ sẽ bị phạt một...* điều này không liên quan tới ông – Điều 357 – *Trong trường hợp, kẻ bắt cóc lấy người con gái bị bắt cóc làm vợ thì y chỉ có thể bị truy tố do khiêu nại của những người có quyền yêu cầu vô hiệu cuộc hôn nhân theo luật dân sự và cũng chỉ bị xử phạt sau khi công bố tính vô hiệu cuộc hôn nhân.* Tôi không biết ông có dự định cưới tiểu thư Alexandre không. Tôi thấy luật này dễ dãi và mở đường

cho ông về hướng đó. Nhưng tôi đùa vô duyên bởi vì hoàn cảnh của ông đen đủi. Làm sao có thể hình dung được ở Paris thế kỷ 19, một người như ông có thể bắt cóc một thiếu nữ mà không bị trừng phạt. Chúng ta không còn ở thời đại trung cổ và chuyện bắt cóc bị cấm.

- Xin anh đừng tưởng luật cũ cho phép bắt cóc. Anh sẽ tìm thấy ở Baluze một sắc lệnh của vua. Chidebert công bố ở Cologne trong điều 543 hay 94 về vấn đề này. Và lại ai không biết đạo dụ Blois nổi tiếng tháng năm năm 1579 quy định dứt khoát rằng những ai cảm dỗ nam nữ vị thành niên hai mươi lăm tuổi viện có hôn nhân hay lý do nào khác, không có sự thỏa thuận, muốn hay đồng ý rõ ràng của cha mẹ và của những người giám hộ sẽ bị kết án tử hình sao? Đạo dụ còn thêm rằng *tất cả những ai tham gia vụ bắt cóc nói trên, khuyến dụ, cung cấp tiện nghi và giúp đỡ bất cứ bằng cách nào đều bị trừng phạt nặng như nhau*. Hầu như đó là những lời lẽ thích đáng của đạo dụ. Còn về điều này của luật Napoléon anh vừa cho biết, điều này không truy tố người bắt cóc thành hôn với người thiếu nữ bị bắt cóc, làm tôi nhớ lại theo tập quán của Bretagne, việc bắt cóc tiếp theo là hôn nhân, thì không bị trừng phạt. Những tục lệ này gây ra những lạm dụng, bị bãi bỏ năm 1720. Tôi đưa ra thời điểm này xem như chính xác trong khoảng mười năm lại đây. Trí nhớ tôi không còn tốt và vào lúc tôi không còn có thể đọc thuộc lòng một hơi một nghìn năm trăm câu thơ của Girart de Roussillon.

Đối với điều thuộc chiếu chỉ của Charlemagne, giải quyết sự bù trừ của việc bắt cóc, nếu tôi không nói với anh vì chắc anh còn nhớ. Vậy, anh De Gabry thân mến, anh nhận thấy rõ việc bắt cóc bị coi như một tội ác có thể bị trừng phạt dưới ba triều đại của nước Pháp cổ xưa. Người ta rất sai lầm nếu tưởng rằng thời đại trung cổ là thời đại hỗn mang. Trái lại xin anh tin chắc...

De Gabry ngắt lời tôi:

- Ông biết sắc lệnh của Blois, Baluz, Childebert và những chiếu chỉ mà vẫn chưa biết luật Napoléon.

Tôi trả lời quả là tôi chưa bao giờ đọc luật này, lúc ấy anh tỏ vẻ ngạc nhiên và nói tiếp:

- Bây giờ thì ông đã hiểu ra tính chất nghiêm trọng của hành vi vừa qua của ông chưa?

Thực tế thì tôi còn chưa hiểu. Nhưng dần dần, do những miêu tả rất hợp lý của Paul, tôi đi tới chỗ cảm thấy tôi sẽ bị xét xử, không phải vì những ý định vô hại của mình, mà vì hành động của tôi là đáng kết tội.

Lúc ấy tôi thất vọng và than vãn:

- Làm gì, làm gì bây giờ. Vậy phải chăng tôi tuyệt vọng không phương cứu chữa, phải chăng cùng với

mình, tôi đã làm hại con bé tội nghiệp mà tôi muốn cứu vớt?

De Gabry im lặng nhồi thuốc vào điếu và châm lửa rất chậm rãi đến nỗi khuôn mặt hiền lành to lớn của anh ửng đỏ trong mấy phút như mặt gã thợ rèn bên lò lửa. Rồi thì:

- Ông hỏi tôi nên làm gì, thưa ông Bonnard thân mến, đừng làm gì hết. Vì tình yêu Thượng Đế, vì quyền lợi của ông đừng làm gì hết. Sự việc của ông khá đen đui, ông đừng xen vào nữa, sợ lại bất lợi thêm. Nhưng xin ông cho phép tôi chịu trách nhiệm về mọi việc tôi sẽ làm. Ngay từ ngày mai, tôi sẽ đi gặp luật sư Mouche, và nếu ông ấy như chúng ta nghĩ, nghĩa là đồ tồi, thì tôi chắc sẽ có cách làm cho y vô hại khi y can thiệp vào sự việc. Bởi vì mọi việc tùy thuộc vào y. Bây giờ quá muộn để đưa tiểu thư trở lại ký túc xá, thì nhà tôi sẽ giữ tiểu thư lại đêm nay với bà ấy. Điều đó thực sự cấu thành tội tòng phạm, nhưng như thế chúng tôi tước bỏ được mọi tính chất đáng ngờ cho hoàn cảnh của thiếu nữ. Còn ông, ông bạn thân mến, ông hãy nhanh chóng trở lại kè sông Malaquais, nếu người ta đến đây tìm Jeanne thì ông sẽ dễ dàng chứng minh rằng thiếu nữ không ở nhà ông.

Trong khi chúng tôi nói chuyện như thế, chị De Gabry thu xếp cho thiếu nữ đi ngủ. Người hầu gái đi qua

hành lang mang đến khăn trải giường thơm ngát mùi oải hương.

- Đấy, một mùi vị dịu dàng thanh nhã – Tôi nói.

- Biết làm thế nào hơn? Chúng tôi là những kẻ quê mùa – Chị De Gabry đáp lời.

- A! Tôi có thể mong trở thành một người quê mùa như thế không? Mong sao một ngày kia, như anh chị ở Lusance, tôi có thể hít thở hương thơm đồng nội, dưới mái nhà lẩn khuất trong tán lá cây, và nếu điều ao ước này quá cầu kỳ đối với một ông già mà cuộc đời đang kết thúc, tôi khao khát ít ra vài liệm tôi cũng được như tấm ga trải giường này có tấm mùi oải hương ngào ngạt.

Chúng tôi thỏa thuận ngày mai tôi sẽ trở lại ăn sáng. Nhưng người ta dứt khoát cấm tôi có mặt trước mười hai giờ trưa. Jeanne vừa ôm hôn tôi vừa van xin đừng đưa cháu trở lại ký túc xá. Chúng tôi từ biệt nhau, cảm động và lo lắng.

Trên thềm nghỉ cầu thang, tôi gặp chị Thérèse đang lo lắng không yên, chị giận điên người, tuy chị không bảo rằng từ nay về sau chị sẽ nhốt tôi lại.

Tôi qua một đêm hãi hùng, không nhắm mắt được chút nào, khi thì như một chàng tinh nghịch, tôi chế giễu cuộc mạo hiểm thành công của mình, khi thì với nỗi lo

sợ không thể tả, tôi thấy bị truy tố trước tòa, trên ghế bị cáo chịu trách nhiệm về tội ác phạm phải dễ dàng như thế. Tôi lo sợ nhưng không hối tiếc. Ánh sáng vui mắt chiếu vào phòng, lướt nhẹ chân giường và tôi cầu nguyện:

“Lạy Chúa, Người đã tạo nên trời đất, sương gió như đã ghi trong truyền thuyết Tristan, xin Người phán xét con với lòng công minh của Người, không phải theo hành vi của con mà theo ý định của con, những ý định ngay thẳng trong sáng, và con sẽ tuyên bố: “Về vang thay Đức Chúa trên trời và bình an trên trần gian cho những người có thiện ý”. Con xin giao lại trong tay Người đứa bé gái con đã bắt cóc, xin Chúa hãy làm điều gì con chưa biết làm; xin Người bảo vệ thiếu nữ khỏi mọi kẻ thù và cầu mong tên tuổi Người được ca ngợi!”.

Ngày 29 tháng chạp

Khi vào nhà chị De Gabry, tôi thấy Jeanne đã thay hình đổi dạng.

Phải chăng, cũng như tôi, vào lúc ánh bình minh đầu tiên chiếu sáng, tiểu thư đã cầu khẩn Đấng sinh ra trời đất, sương sa? Tiểu thư mỉm cười trong không khí yên tĩnh dịu dàng.

Chị De Gabry gọi lại cháu lần nữa để hoàn thành kiểu tóc, vì bà chủ đáng yêu này muốn tự tay làm đầu cho đứa trẻ đã phó thác cho bà. Đến hơi sớm hơn thời gian đã thỏa thuận một chút, tôi đã làm gián đoạn việc trang điểm duyên dáng này. Để phạt tôi, người ta bắt tôi chờ một mình trong phòng khách, nhưng rồi anh De Gabry nhanh chóng trở lại đó với tôi. Rõ ràng anh vừa ở ngoài về, trên trán còn in dấu mũ đội. Anh tỏ ra vui tươi linh lợi. Tôi nghĩ không nên hỏi gì anh vội và chúng tôi cùng đi ăn sáng. Khi gia nhân đã chuẩn bị xong, Paul mới dành câu chuyện của mình cho lúc dùng cà phê, anh nói:

- Này, tôi đã đến Levallois.

- Anh đã gặp luật sư Mouche? – Chị De Gabry mau miệng hỏi chồng.

- Không! Anh vừa đáp, vừa quan sát thần sắc chúng tôi đang tỏ ra thất vọng.

Sau một phen vừa phải làm chúng tôi lo lắng, con người tuyệt vời này mới thêm:

- Luật sư Mouche không còn ở Levallois nữa. Luật sư đã rời nước Pháp. Đến ngày kia là đúng tám ngày ông ấy trốn đi, đem theo tiền bạc của khách hàng, một số tiền khá tròn. Tôi thấy văn phòng đóng cửa. Một chị láng giềng thuật lại câu chuyện với tôi với bao nhiêu lời

nguyên rửa, chửi bới. Viên công chứng không đi một mình trên chuyến tàu bảy giờ năm lăm phút, y còn bắt cóc con gái anh thợ cắt tóc ở Levallois, chuyện này được ông cảm xác nhận. Thực ra luật sư Mouche có thể đánh bài chuẩn đúng lúc hơn không? Nếu ông ta hành động chậm một tuần thì ông ta có thể sẽ thay mặt xã hội đưa ông ra tòa như một tội phạm, ông Bonnard ạ. Bây giờ chúng ta không còn sợ gì nữa. Thôi xin chúc sức khỏe luật sư Mouche! – Anh vừa kêu lên vừa rót rượu ác-ma-nhắc.

Tôi muốn sống lâu để nhớ mãi buổi sáng này. Chúng tôi bốn người tập họp trong phòng ăn lớn màu trắng quanh chiếc bàn gỗ sồi đánh si. Paul quá vui và cũng hơi thô lỗ, con người trung hậu này nốc rượu ác-ma-nhắc một hơi dài. Còn chị De Gabry và tiểu thư Alexandre mỉm cười với tôi, một nụ cười trả giá cho bao nỗi vất vả của tôi.

Trở về nhà, tôi bị chị Thérèse khiển trách chua chát hơn, chị không còn hiểu gì hết cách sống mới của tôi. Theo ý chị, thì ông chủ phải là kẻ đã mất trí.

- Đúng, chị Thérèse ạ, tôi là một lão điên, còn chị là một bà già điên. Chắc chắn như thế chị Thérèse ạ. Cầu Chúa ban phúc lành cho chúng ta, ban sức mạnh mời cho chúng ta, vì chúng ta có những bốn phận mới.

Nhưng để tôi ngã lưng trên ghế tràng kỷ đây đã, tôi không thể đứng vững được nữa.

Ngày 15 tháng giêng năm 1877

- Chào bác – Jeanne vừa chào vừa mở cửa nhà chúng tôi, lúc chị Thérèse bị cô bé vượt lên, cầu nhau trong bóng tối hành lang.

- Cháu, yêu cầu gọi bác long trọng bằng danh hiệu của bác là: Chào bác giám hộ của cháu.

- Nhất định rồi. Hạnh phúc quá! – Cô bé vỗ tay nói với tôi.

- Cháu ạ, việc đó đã bắt đầu trong phòng công cộng trước mặt quan tài phán trị an và ngay từ hôm nay cháu phải chịu quyền lực của bác. Cháu mồ côi, bị bác giám hộ chế giễu chảnh? Qua cách nhìn của cháu, bác đoán một vài ý nghĩ đang lướt qua đầu óc cháu. Lại tính khí bất thường rồi!

- Ô! Không, thưa bác... bác giám hộ của cháu. Cháu nhìn mái tóc bạc của bác cuộn mình trên vành mũ bác như cây kim ngân trên ban công. Mái tóc đẹp quá, cháu rất thích.

- Cháu ngồi xuống, nếu có thể, đừng nói những chuyện phi lý nữa; bác có những việc quan trọng phải nói với cháu. Hãy nghe bác, bác nghĩ rằng cháu nhất định không thiết tha trở lại trường cô Préfère phải không?... Không. Nếu bác giữ cháu lại đây để hoàn tất việc giáo dục cho đến lúc... tôi đang nói gì? Bao giờ cũng vẫn như người ta thường nói.

- Ô, thưa bác! – Cháu kêu lên đỏ bừng sung sướng.

Tôi tiếp tục:

- Ở đằng sau có một căn phòng nhỏ do chị quản gia của bác chuẩn bị theo ý cháu. Cháu hãy thay các sách cũ ở đó như ngày thay đêm. Hãy đi cùng với chị Thérèse xem căn phòng này ở được không. Đã thỏa thuận với chị De Gabry là tối nay, cháu sẽ ngủ tại đó.

Cháu đã chạy đến phòng rồi thì tôi gọi lại:

- Jeanne, nghe bác nói thêm: Dù sao cho đến nay, cháu tự rèn luyện được là nhờ chị quản lý của bác. Như mọi người già cả, tính khí chị ấy cũng khá gắt gỏng. Hãy đối xử khéo với chị. Chính bác, bác cũng có bốn phận phải đối xử khéo với chị và chịu đựng những cảm giác bực bội của chị. Phải kính trọng chị. Khi nói thế, bác không quên rằng chị là người đầy tớ gái của bác và của cháu. Chị sẽ không bao giờ quên điều đó. Cháu phải trọng thị tuổi tác và tấm lòng cao thượng của chị. Đó là

một con người khiêm nhường sống lâu dày dặn với điều thiện. Hãy chịu đựng với con người cứng nhắc thẳng thắn này. Phải biết sai bảo, chị sẽ biết vâng lời. Này, con gái của bác, hãy thu xếp căn phòng thế nào cho hợp nhất với công việc và sự nghỉ ngơi của con.

Sau khi thúc giục, động viên Jeanne như vậy, vào công việc của người nội trợ giỏi, tôi bắt đầu đọc một tạp chí xuất sắc do đám thanh niên phụ trách. Giọng văn thô lỗ nhưng ý tứ sốt sắng. Bài báo tôi đọc vượt qua mọi việc người ta làm trong thời trai trẻ của tôi về mặt chính xác và tính kiên nghị. Tác giả bài báo là ông Paul Meyer chỉ trích gay gắt mỗi một sai lầm.

Về phần chúng tôi, chúng tôi không có sự công bằng tàn nhẫn đó. Lòng khoan dung của chúng tôi rộng rãi. Nó đi tới chỗ ca ngợi lẫn lộn nhà bác học với kẻ dốt nát. Nhưng phải biết chê trách, đó là một nhiệm vụ khắc nghiệt. Tôi nhớ đến cậu bé Raymond (người ta gọi cậu như vậy). Cậu không biết gì hết, đầu óc thiên cận chật hẹp, nhưng cậu rất thương mẹ. Chúng tôi tránh không công bố sự dốt nát và ngốc nghếch của một con người chỉ hiểu đến thế, thế là cậu bé Raymond nhờ lượng bao dung của chúng tôi, được vào Học viện. Cậu không còn mẹ nhưng được rạng danh. Cậu có quyền vô hạn gây thiệt hại lớn cho đồng nghiệp và cho khoa học. Nhưng kìa, người bạn trẻ của tôi ở Luxembourg lại đến.

- Chào anh Gélis. Hôm nay trông anh có vẻ hoan hỉ. Anh gặp việc gì vậy, anh bạn trẻ của tôi?

Anh đã bảo vệ thich đáng luận án của mình và được thu nhận vào một cương vị tốt. Anh vừa thông báo cho tôi tin này vừa nói thêm rằng những công trình nghiên cứu của tôi cũng được bàn đến trong thời gian cuộc họp và được các giáo sư của nhà trường hết lời khen ngợi.

- Đây công việc tiến triển thuận lợi. – Tôi đáp – Anh Gélis, tôi rất lấy làm sung sướng thấy thanh danh cũ của tôi kết hợp với vinh quang mới của anh, nhưng bao nhiêu việc phải thu xếp trong nhà làm tôi quên rằng hôm nay anh bảo vệ luận án.

Vừa lúc tiêu thư Jeanne đến cho tôi biết tình hình sắp đặt những công việc kia. Người con gái lơ đãng bước vào như cơn gió thoảng trong nhà sách và kêu lên rằng căn phòng của cháu là một tiểu kỳ quan. Cháu đỏ mặt khi gặp Gélis. Nhưng không ai lẫn tránh được số mệnh.

Lần này tôi để ý thấy hai trẻ đều rụt rè, không nói chuyện gì với nhau.

Thong thả đã! Nay Sylvestre Bonnard, khi quan sát đưa trẻ mồ côi được mình trông nom, bảo vệ quyền lợi, ông quên rằng bắt đầu từ sáng nay, ông là người giám hộ rồi sao. Chúc vụ mới này đặt ra cho ông nhiều bồn phận

tế nhị. Ông phải khéo léo cách ly anh chàng trẻ tuổi này, ông phải... Này, tôi có biết phải làm gì không?...

Gélis trích những ghi chép trong tập sách duy nhất của tuổi “*Cây đỗ tùng của các phu nhân lòng danh*”. Tôi lấy hủ họa trên bàn gần nhất một cuốn sách, mở ra và kính cẩn tham dự vào giữa một tấn thảm kịch của Sophocle. Về già, tôi yêu thích hai thời đại xa xưa, và từ nay về sau, những thi nhân Hy Lạp và Ý đều xếp đặt vừa tầm tay, trong nhà sách của tôi. Tôi đọc bản hợp xướng êm ái, rõ ràng triển khai khúc ngâm tao nhã giữa một hành động dữ dội, bản hợp xướng của các ông lão thành Thèbes, “Eros, chiến sĩ vô địch... Thần ái tình vô địch, người ơi, người sà xuống những nhà giàu, người yên nghỉ trên má mảnh mai của thiếu nữ, người vượt trùng dương, viếng thăm những chuồng trâu bò, không có ai bắt tử cũng không có ai chết yếu, có thể lánh xa người, và ai chi phối được người thì cuồng nhiệt”. Và khi tôi đọc lại khúc hát tuyệt vời này, thì nhân vật Antigone^[9] xuất hiện trước mắt tôi, trong trắng, bất di bất dịch. Những hình ảnh ghê thật, các thần và nữ thần pháp phối trên bầu trời trong sáng nhất! Ông lão mù lòa, nhà vua ăn xin lang thang, lâu ngày nhờ Antigone dắt dẫn, bây giờ nhận được phần mộ thánh và con gái họ đẹp như những hình ảnh đẹp nhất mà tâm hồn con người chưa bao giờ tưởng tượng nổi, chống lại bạo chúa và thành kính chôn cất anh nàng. Nàng yêu con trai bạo chúa,

chàng trai này cũng yêu nàng. Và trong khi nàng chịu khổ hình nơi lòng sùng đạo đưa nàng đến thì các cụ già đều hát:

“Thần ái tình vô địch, ôi, người vô bắt những nhà giàu, người yên nghỉ trên má mảnh mai của thiếu nữ...”

Tôi không phải một kẻ ích kỷ. Tôi đứng đắn, tôi phải nuôi nấng dạy dỗ cháu gái này, cháu trẻ quá, tôi không thể lấy cháu. Không! Tôi không phải một kẻ ích kỷ, nhưng tôi phải giữ cháu lại ít năm với tôi, với một mình tôi. Cháu không thể chờ tôi chết chẵn? Antigone hãy bình tâm. Ông già Oedipe sẽ kịp thời tìm được đất thánh cho nấm mồ của mình.

Lúc này Antigone đang giúp chị quản gia gọt vỏ củ cải. Chị bảo điều đó thuộc nhiệm vụ của chị như của nghệ thuật điêu khắc.

Tháng 5

Ai nhận ra được khu nhà sách? Bây giờ trên mọi đồ đạc đều có hoa, Jeanne có lý: Trong cái chậu màu xanh kia, thì các đóa hoa hồng trông rất đẹp. Mỗi ngày cháu theo chị Thérèse ra chợ mua hoa đem về. Những đóa hoa thực tế là những sáng tác thú vị.

Mong rằng một ngày nào đấy, tôi phải theo ý định của mình nghiên cứu chúng tại chỗ, ở thôn quê với tất cả khả năng đầu óc phương pháp của tôi.

Còn ở đây thì làm gì? Tại sao lại kết thúc việc làm cay mắt với những giấy má cũ kỹ không nói lên cái gì có giá trị? Xưa kia tôi đã đọc những văn bản cổ với lòng hăng say cao thượng. Vậy tôi hy vọng tìm được cái gì trong đó? Ngày tháng của một tổ chức sùng đạo, tên tuổi một vài tu sĩ làm tranh hay công việc biên chép, giá cả một cái bánh, một con bò hay một đám ruộng, một cách bố trí hành chính hay tư pháp, cái đó và còn cái gì nữa, cái gì huyền bí mơ hồ cao cả đã kích thích cảm hứng của tôi. Cái điều gì đó trải qua sáu mươi năm tìm kiếm tôi vẫn không thấy. Những người xứng đáng hơn tôi, những bậc thầy, những vĩ nhân, những Faurie, những Thierry đã phát minh bao nhiêu việc, đã chết trong khi làm nhiệm vụ cũng không phát minh ra cái gì đó không có hình hài, không có tên tuổi, nhưng không có nó thì không có công trình nào của trí tuệ sẽ được thực hiện trên quả đất này. Bây giờ tôi chỉ mong tìm cái gì có thể tìm ra một cách hợp lý, nhưng tôi không tìm được gì hết nữa và có thể tôi sẽ không bao giờ hoàn thành cuốn sử của thầy tu nhà thờ Saint-Germain-des-Prés.

- Bác giám hộ, bác đoán xem cháu đang có cái gì trong khăn tay đây.

- Có thể là những bông hoa.

- Ô! Không, không phải hoa – Này, bác nhìn xem.

Tôi nhìn, thì ra một cái đầu nhỏ của chú mèo con màu xám thò ra ngoài khăn tay. Chiếc khăn mở ra, con vật nhảy lên tấm thảm, cụp cụp, vểnh tai này, rồi tai kia, thận trọng quan sát chung quanh và mọi người.

Chiếc thúng cầm tay, chị Thérèse thở hỏn hển đi tới. Khuyết điểm của chị là không để bụng điều gì. Chị trách mắng dữ dội tiểu thư đã đem con mèo về mà chị không biết. Để tự bào chữa, Jeanne kể lại câu chuyện tình cờ này... Cùng với chị Thérèse đi qua cửa hàng dược phẩm, cháu thấy một gã học việc đá ra đường một chú mèo con. Chú mèo sừng sốt bực bội, tự hỏi nếu cứ ở ngoài đường mặc cho khách vãng lai xô đẩy, làm cho khiếp sợ hay đá trở về cửa hàng để rồi có thể lại bị một cú mũi giày đá ra đường nữa thì sao. Jeanne cho là nó đã ở vào tình thế nguy khốn, nó đang lưỡng lự nên có vẻ ngơ ngẩn. Cháu đưa tay bế nó lên, tuy phân vân không thoải mái nhưng rồi nó cũng cam chịu, và yên tâm với những cái vuốt ve của cháu. Cháu nói với gã học việc dược sĩ:

- Nếu con vật này làm ông bực mình, xin ông đừng đánh nó và ông hãy cho tôi.

- Cô hãy bắt lấy, – gã dược sĩ đáp.

- Đấy!... – Jeanne nói thêm để kết luận.

Rồi cháu bắt đầu ngọt giọng dành mọi cử chỉ dịu dàng cho con mèo.

- Nó gầy quá – tôi vừa nói vừa quan sát con vật đáng thương – hơn nữa, nó xấu xí quá.

Jeanne không cho nó là xấu xí, nhưng thấy nó có vẻ ngớ ngẩn hơn bao giờ; theo cháu lần này không phải là do dự mà là sự ngạc nhiên khiến gương mặt nó trông buồn thiu. Cháu nghĩ nếu chúng ta ở vào địa vị nó, chúng ta sẽ nhất trí rằng nó không thể không hiểu gì hết về cuộc mạo hiểm của mình. Chúng ta chế giễu con vật tội nghiệp đang giữ vẻ nghiêm nghị buồn cười. Jeanne muốn bế nó nhưng nó trốn dưới gầm bàn, không chịu ra dù đã thấy một đĩa sữa để đó.

Chúng tôi đi tránh xa thì chỉ còn cái đĩa không.

- Jeanne – tôi nói – kẻ được cháu che chở có vẻ mặt buồn bã, nhưng bản tính nó xảo trá. Bác mong rằng nó không phạm phải những hành động xấu trong nhà sách buộc chúng ta phải trả nó lại cửa hàng dược phẩm. Trong khi chờ đợi, phải đặt tên cho nó. Bác đề nghị gọi nó là Don Gris de Gouttiere; nhưng cái tên này có lẽ hơi dài. Gọi là Pilule, Drogue hay Ricin thì ngắn gọn hơn và

được cái lợi là khiến ta nhớ tới cái thân phận ban đầu của nó. Cháu nghĩ sao?

- Gọi nó là Pilule là hay nhất – Jeanne đáp – Nhưng tốt hơn là đặt cho nó cái tên nào khiến nó luôn luôn nhớ tới những tai họa mà chúng ta đã giải thoát cho nó và sẽ khiến nó biết đền đáp lòng mến khách của chúng ta. Ta nên khoan dung đặt cho nó cái tên thật đẹp, hy vọng nó xứng đáng với cái tên đó. Nó nhìn chúng ta như thế, nó thấy người ta săn sóc nó. Từ khi hết khôn khổ, nó đã bớt ngu dốt hơn. Cháu hiểu lắm, tai họa làm cho con người đàn độn.

- Này, nếu cháu muốn thế, ta sẽ gọi con vật được cháu che chở là Hannibal. Trước hết sự tương hợp của cái tên này không làm cháu ngạc nhiên. Nhưng con mèo Angora ở nhà sách trước, bác thường tâm sự với nó, vì nó hôn ngoan kín đáo, tên nó là Hamilcar. Tên này để ra tên nọ, như thế con Hannibal nối nghiệp con Hamilcar là lẽ đương nhiên.

Chúng tôi nhất trí về điểm này.

- Hannibal lại đây! – Jeanne gọi to.

Sợ sệt vì độ vang lạ thường của cái tên riêng của nó, con Hannibal đến nấp dưới một tủ sách trong một khoảng nhỏ đến con chuột cũng không ở được.

Đấy, một cái tên phi thường được đặt đúng.

Ngày hôm ấy tôi làm việc theo thói quen, vừa nhúng bút vào lọ mực thì nghe có tiếng gọi cửa.

Nếu có ngày một vài kẻ nhàn rỗi đọc những trang viết nguệch ngoạc này của một ông già không có sức tưởng tượng, họ sẽ rất coi thường những cú chuông kia lúc nào cũng vang lên trong quá trình theo dõi diễn biến câu chuyện của tôi mà không thấy có nhân vật mới, cũng không thấy sắp đặt một tình huống bất ngờ. Trái lại về sân khấu, ông Scribe lại có ý thức chỉ thả lỏng sự vui thích quá lăm của các bà, các cô – Nghệ thuật như thế đó. Tôi thà tự treo cổ còn hơn là viết một bản hài kịch thông tục, không phải vì coi khinh cuộc đời mà vì tôi không thể sáng tạo ra cái gì để giải trí. Sáng tạo! Phải hấp thụ ảnh hưởng sâu kín mới làm được. Thiên tư này có thể sẽ tai hại đối với tôi. Người ta thấy trong cuốn sử tu viện Saint-Germain-des-Prés của tôi, tôi hư cấu một vài thầy tu trẻ măng. Các nhà bác học trẻ nghĩ sao? Tai tiếng cho nhà trường biết mấy! Còn Học viện sẽ không nói gì và cũng không suy nghĩ gì thêm. Các bạn đồng nghiệp của tôi, nếu họ còn viết một ít, họ cũng không còn đọc gì nữa hết. Họ theo ý kiến của Parny:

Một sự dửng dưng bình tĩnh

Là đức tính khôn ngoan nhất.

Càng ít bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu, những tín đồ Phật giáo nọ cố theo hướng đó mà không hay. Nếu đó là đạo lý đúng mực hơn thì tôi sẽ đi trình bày với La Mã. Tất cả điều đó liên quan đến tiếng gõ cửa của Gélis.

Con người trẻ tuổi này đã thay đổi triệt để lối sống. Trước chàng hời hợt thì nay chàng trịnh trọng, trước chàng ba hoa thì nay ít nói. Jeanne theo gương chàng. Chúng tôi đang trong trạng thái say đắm bị dồn nén lại. Bởi vì tuy già nua, nhưng tôi không nhầm lẫn: Đôi trẻ này yêu nhau vững bền và lâu dài. Bây giờ thì Jeanne tránh mặt chàng, cháu trốn vào buồng khi chàng vào thư viện. Nhưng lúc một mình, cháu tâm sự với chàng bằng tiếng dương cầm với tiết tấu dồn dập rung vang biểu lộ một tâm hồn non trẻ.

Này, tại sao không bày tỏ điều đó? Tại sao không thú nhận sự yếu đuối của mình? Tính ích kỷ của tôi, nếu tôi che giấu với mình thì có thể trở nên ít đáng chê trách hơn không? Vậy tôi sẽ bảo: Vâng, tôi chờ đợi chuyện khác; vâng, tôi tính giữ tiểu thư riêng cho tôi, như con trai tôi, như con gái yêu của tôi, không phải mãi mãi, cũng không lâu, nhưng một vài năm nữa. Tôi đã già. Có thể Jeanne không đợi tôi. Và ai biết được? Với bệnh thống phong, thêm vào là viêm khớp, có lẽ tôi sẽ không quá lạm dụng sự kiên nhẫn của cháu. Đó là mong ước của tôi, là hy vọng của tôi. Tôi tính toán nếu không có cháu, không có anh chàng lơ đễnh kia thì sao. Nhưng

nếu sự tính toán là xấu xa thì sự tính nhảm không kém phần độc ác. Rồi tôi lại nghĩ rằng: Này anh bạn Sylvestre Bonnard của ta, mày kết tội mày quá nhẹ. Nếu mày muốn giữ thiếu nữ này một vài năm nữa, đó là vì lợi ích của thiếu nữ cũng như của mày. Thiếu nữ phải học tập nhiều và mày chẳng phải là ông thầy đáng khinh. Khi viên công chứng Mouche một kẻ đã tiến hành từ hồi ấy, một hành động đều giả đúng lúc đến thế, đến thăm mày, mày đã trình bày với hắn cách giáo dục của mày bằng nhiệt tình của một tâm hồn say mê. Tất cả sự hăng hái của mày nhằm tới việc áp dụng cách thức đó thì Jeanne là kẻ phụ bạc, còn Gélis là một tên quyến rũ.

Nhưng cuối cùng, tôi không đuổi chàng mà phải đón tiếp chàng có thể do sở thích và tình cảm đáng ghét. Chàng ngồi đợi trong phòng khách nhỏ của tôi đã khá lâu, đối diện với những lọ vùng Sèvres của vua Louis Philippe tặng tôi. Bức tranh “*Những người thợ gặt*” và “*Những người đánh cá*” của Léopold Robert được vẽ trên các lọ sành này mà Gélis và Jeanne đều nhất trí với nhau là xấu kinh người.

“Con thân yêu, hãy tha lỗi cho ta không tiếp con ngay vì ta phải hoàn thành một công việc...”.

Tôi nói thật: Trầm ngâm suy nghĩ là một công việc nhưng Gélis không hiểu như vậy; chàng tưởng là vấn đề khảo cổ học và mong tôi hoàn thành nhanh cuốn sử các

tu sĩ nhà thờ Saint-Germin-des-Prés. Chỉ sau khi tỏ ra quan tâm đến công trình đó, anh chàng mới hỏi tôi về sức khỏe tiểu thư Alexandre thế nào. Với một giọng khô khan chứng minh quyền lực tinh thần của người giám hộ, tôi trả lời: “Rất tốt”.

Sau một lúc im lặng, chúng tôi nói chuyện về trường phái kinh viện, về những tài liệu mới xuất bản và về những tiến bộ trong khoa sử học – Chúng tôi đi vào những đại cương của phương sách lớn. Tôi cố gắng khắc sâu vào tâm trí Gélis một ít thái độ trọng thị đối với thế hệ các sử gia trong đó có tôi. Tôi bảo anh chàng: “Lịch sử đã từng là một nghệ thuật, đã chứa đựng tất cả mọi lúc tưởng tượng ngông cuồng, thì trong thời đại chúng ta ngày nay, trở thành một khoa học phải tiến hành với một phương pháp chính xác”.

Gélis xin phép không tán thành ý kiến của tôi. Anh chàng tuyên bố với tôi rằng anh không tin lịch sử là một khoa học mà cũng không bao giờ trở thành một khoa học.

- Và trước hết – anh nói – lịch sử là gì? Là sự thể hiện bằng chữ nghĩa những sự kiện đã qua. Nhưng sự kiện là gì? Có phải là một việc nào đó không? Không phải! Đó là một việc nổi tiếng. Thế mà, lịch sử đánh giá thế nào một sự việc nổi tiếng hay không. Nó đánh giá tùy tiện theo thị hiếu, theo ý thích thất thường, theo quan

niệm của nó và cuối cùng là với tư cách người nghệ sĩ, bởi vì những sự việc do bản chất đặc biệt của nó, không chia ra thành những sự việc do bản chất đặc biệt của nó, không chia ra thành những sự việc lịch sử và phi lịch sử. Và lại một sự việc là điều gì đó cực kỳ phức tạp của chúng không? Không, điều này không thể được. Họ sẽ trình bày với chúng thiếu nhiều đặc điểm đã cấu tạo chúng, vì thế bị cắt xén, xuyên tạc khác với cái chúng đã tồn tại thực sự. Còn về mối quan hệ giữa các sự kiện, chúng ta không bàn đến. Nếu một sự kiện gọi là lịch sử được viện dẫn, điều này có thể có, do một hoặc nhiều sự việc không có thực trong lịch sử và như một số sự kiện nào đó, chưa ai biết, thì có cách nào cho nhà sử học đánh dấu mối quan hệ các sự kiện với nhau. Thưa bác Bonnard, trong tất cả mọi điều cháu phát biểu đó, cháu giả định rằng nhà sử học có dưới mắt họ những bằng chứng chắc chắn, còn thực ra, họ chỉ tín nhiệm những bằng chứng này, nọ với những lý do cảm tính. Lịch sử không phải là một khoa học, đó là một nghệ thuật và người ta chỉ thành công do sức tưởng tượng mà thôi.

Lúc ấy, Gélis làm tôi nhớ lại một thằng điên trẻ nào đó mà hôm nào, tôi nghe hắn nói dông dài quảng xiên trong công viên Luxembourg dưới tượng đài Marguerite de Navarre. Và đây ở một khúc ngoặt của câu chuyện, chúng tôi gặp nhau, mặt giáp mặt với Walter Scott, nhà thơ và là nhà tiểu thuyết này, anh chàng trẻ tuổi khinh người của tôi tìm thấy một dáng vẻ lỗi thời theo lời

người hát thơ rong, với giọng nam cao. Đó là những lời phát biểu của chính anh ta.

- Nhưng – tôi nói một cách sôi nổi để bảo vệ người cha hào hoa của Lucy và cô gái xinh đẹp của Perth – tất cả quá khứ sống mãi trong những tiểu thuyết tuyệt diệu của họ – đó là lịch sử, đó là sử thi.

- Đó là quần áo cũ rích – Gélis trả lời tôi.

Và bạn có tin rằng đứa trẻ rồ dại này, khẳng định với tôi là, dù có thông thái bao nhiêu, người ta cũng không thể suy tưởng chính xác cách sống của loài người cách đây năm hoặc mười thế kỷ, bởi vì ngay tới cách sinh sống của con người cách đây mười hay mười lăm năm, người ta cũng phải khó khăn lắm mới hình dung nổi một cách tương đối. Đối với những anh chàng này, sử ca, tiểu thuyết lịch sử, tranh lịch sử đều là những thứ đối trá tồi tệ.

- Trong tất cả các lĩnh vực nghệ thuật – anh chàng nói thêm – người nghệ sĩ chỉ miêu tả tâm hồn mình; tác phẩm của họ, dù cái vỏ bề ngoài thế nào, vẫn là người cùng thời tinh thần của họ. Chúng ta khâm phục cái gì trong “*Hài kịch thần thánh*”, nếu chẳng phải là tâm hồn cao thượng của Dante? Và những tượng đá hoa của Michello Angelo thể hiện với ta cái gì khác thường, nếu chẳng phải chính là Michel Angelo đó sao? Là nghệ sĩ,

người ta dâng đời mình cho những sáng tạo hay là người ta gọt đẽo những con rối và mặc quần áo cho những con búp bê.

Bao nhiêu ý kiến ngược đời và lời lẽ vô lễ! Nhưng sự táo tợn đó ở một người trẻ tuổi không làm tôi phật ý. Gélis đứng, ngồi không yên, tôi thừa biết anh bận tâm điều gì và chờ đợi ai. Con người này đây đã nói với tôi món tiền một nghìn năm trăm quan kiếm được cộng vào khoản lợi tức nhỏ bé hai nghìn quan thừa kế gia sản. Nhưng những chuyện tâm sự này của anh không lừa được tôi. Tôi hiểu rõ anh phô trương tài khoản nhỏ như thế cốt để tôi hiểu rằng anh là người đã trưởng thành, có nền nếp, có công ăn việc làm, được hưởng tô tức để nói lên mọi sự là: Cưới vợ được rồi. C. Q. F. D. (đó là điều phải chứng minh) như những nhà toán học đã nói.

Anh đứng lên, ngồi xuống vài chục lần. Đến lần thứ hai mươi một, vì không thấy Jeanne, anh chàng ra về buồn tiếc.

Ngay khi anh chàng đi khỏi, Jeanne vào nhà sách lấy có là trông nom con Hannibal. Cháu đau buồn ảo não gọi con mèo đến cho nó ăn sữa. Bonnard, người hãy nhìn gương mặt ủ ê kia. Tên bạo ngược! Hãy ngắm công trình của người. Người bắt chúng nó xa nhau, nhưng chúng nó cùng một sắc mặt và qua những nét biểu hiện giống nhau của chúng nó, người thấy rằng, dù người

không muốn, chúng cũng gắn bó với nhau trong tâm tưởng. Hỡi họa sĩ Cassandre, ông gặp may! Hỡi nhà điêu khắc Bartholo! Hãy vui mừng lên! Đó là thế nào được làm một người giám hộ. Các ông có thấy cô nàng quý trên tấm thảm, hai tay ôm đầu con Hannibal không?

Được, hãy vuốt ve con vật ngọc nghé này! Hãy thương xót nó! Hãy rên rỉ với nó! Hỡi cô bé không ngay thật thân yêu, người ta hiểu những tiếng thở dài của cháu sẽ đi tới đâu và điều gì khiến cháu rên rỉ.

Điều đó tạo thành một bức tranh mà tôi lặng ngắm hồi lâu; rồi sau cùng tôi liếc nhìn thư viện, nói:

- Jeanne, bác chán ngấy những cuốn sách kia, chúng ta sẽ đem đi bán chúng.

Ngày 20 tháng 9

Chúng nó là vợ chồng chưa cưới, đó là cái chắc, Gélis mồ côi như Jeanne, ngỡ lời cầu hôn với tôi qua một giáo sư của anh là bạn đồng nghiệp của tôi, người được đánh giá cao do trình độ học vấn và tính tình của ông. Nhưng trời ơi! Sứ giả của tình yêu gì mà kỳ thế. Một người cà khịa, không phải là dân quê mùa vùng Pyrénées, mà là một học giả thô lỗ, và điều khác nhau thứ hai này ghê gớm nhiều hơn điều thứ nhất.

“Đúng hay sai (theo tôi thì sai) Gélis không thiết của hồi môn; hắn lấy con bé được anh giám hộ cùng với chiếc áo sơ mi của thiếu nữ mà thôi. Anh ừ cho một tiếng là xong. Nhanh lên, tôi muốn đưa anh xem vài ba đồng tiền vùng Lorraine khá lạ mà chắc anh chưa biết”.

Đó là điều ông ấy nói đúng từng chữ. Tôi trả lời là sẽ hỏi ý kiến Jeanne và tôi chẳng vui thích chút nào để cho ông biết rằng con bé tôi giám hộ, có của hồi môn.

Của hồi môn thì đấy! Đó là tử sách của tôi. Henri và Jeanne không đời nào nghi ngờ điều đó, thông thường thiên hạ tưởng tôi giàu có hơn mà tôi thì không giàu. Tôi có gương mặt một lão già hà tiện – Nhất định là gương mặt rất dối trá, khiến tôi đáng được quý mến nhiều. Không có hạng người nào được kính trọng ngang hàng với kẻ giàu có keo kiệt.

Tôi đã hỏi ý kiến Jeanne, nhưng cần gì nghe cháu trả lời để hiểu cháu. Chúng nó là vợ chồng chưa cưới, đó là cái chắc.

Theo đôi đôi trẻ này, chú ý lời ăn tiếng nói, cử chỉ của chúng nó là không hợp với tính tình cũng như diện mạo của tôi. *Đừng đụng đến tôi.* Đó là danh ngôn của những tình yêu cao thượng. Tôi hiểu bản phận của mình, đó là phải kính trọng điều thầm kín của con người ngây thơ mà tôi chăm sóc. Mong rằng đôi trẻ yêu nhau!

Không có những thô lộ tâm tình dài lâu của chúng, không có những điều khinh suất trong trắng ngây thơ nào của chúng được người giám hộ già nua mà quyền lực ôn hòa tồn tại không lâu đến thế, ghi lại trong quyển vở này.

Vả lại tôi không bó tay, nếu chúng nó có công việc của chúng thì tôi có công việc của tôi. Tự tay tôi lập một nhiệm vụ làm tôi đau khổ, đồng thời cũng làm tôi vui thích. Tôi kéo rê công việc có lẽ lâu hơn quá mức một ít, những tập sách quen thuộc đến thế với tư tưởng tôi, với tay tôi, với mắt tôi. Đó là một cách chào vĩnh biệt, bản tính con người lúc nào cũng muốn kéo dài nhưng cuộc vĩnh biệt mà.

Tập sách dày cộm này đã phục vụ tôi rất nhiều từ ba mươi năm nay, có thể nào tôi rời bỏ nó mà không vó sự tôn trọng phải có đối với một người đầy tớ tốt, người đầy tớ đã làm vững lòng tôi với học thuyết đúng đắn của nó, há tôi chẳng nên chào nó như một bậc thầy lần cuối cùng hay sao? Nhưng mỗi lần tôi gặp một cuốn sách lừa phỉnh tôi, đã gây đau khổ cho tôi vì những ngày tháng sai, những thiếu sót, những hư ngôn và những lý thuyết độc hại khác của nhà khảo cổ học, thì với niềm vui cay đắng, tôi bảo nó: “Nào, nào, tên bịp bợm, tên phản bội, tên làm chứng dối trá, hãy trốn khỏi tao, hãy cút đi. Và phải chăng là mày có thể phủ đầy vàng trái với lẽ thường, đi vào tủ kín của một viên chức hối đoái nghiên

sách nào đó mà mày có thể mua chuộc như đã mua chuộc tao, bởi vì hẳn ta không bao giờ đọc mày”.

Tôi để riêng ra, để giữ mãi mãi những cuốn sách người ta tặng tôi làm kỷ niệm. Khi đặt vào trong số này bản thảo *Tập truyện thánh kỳ diệu*, tôi muốn hôn nó để tưởng nhớ phu nhân Trépop vẫn còn hàm ơn, mặc dù sống trong cảnh phú quý, một người đàn bà muốn chịu ơn tôi, lại trở thành nữ ân nhân của tôi. Tôi có kho sách riêng. Chính bây giờ tôi mới hiểu thế nào là tội ác. Những tà dục đến cảm dỗ về đêm cho đến lúc bình minh thì không thể nào cưỡng lại chúng. Lúc ấy, khi mọi người còn ngủ thì tôi thức dậy và lén lút chạy ra khỏi phòng.

Lũ ma quỷ yêu quái, nếu sau tiếng gà gày, chúng mày kê cà ở nhà tao, chúng mày thấy ngay lúc ấy tao nhón chân lên lối vào nhà sách, chắc chắn chúng mày sẽ không kêu lên như phu nhân Trépop ở Naples: “Ông già này có cái lưng thanh nhã!”. Tôi vào nhà, con Hannibal thẳng đuôi, vừa gù gù vừa cọ xát vào chân tôi. Tôi tóm lấy một tập sách trên chiếc bàn con, tác phẩm của một vài kiên trúc sư đáng tôn kính hay một thi nhân thanh cao thời Phục hưng, đồ quý giá, bảo vật mà tôi mơ tưởng cả đêm tôi mang đi dúi vào đáy tủ đầy ắp những sách để dành. Nói ra thì thật ghê tởm: Tôi ăn trộm của hồi môn của Jeanne, và khi tội ác đã hoàn thành, tôi lại bắt đầu hăng hái lập danh mục cho đến lúc Jeanne đến hỏi ý kiến

tôi một vài chi tiết về trang điểm hay về quần áo mang theo của cô dâu. Tôi không bao giờ hiểu nổi đó là vấn đề gì, vì không thông thạo từ ngữ hiện thời về nghề may quần áo và đồ lót của nữ. Chà! Nếu mong có một vị hôn thê nào đó của thế kỷ XIV bàn với tôi chuyện trung diện thì hay quá. Tôi sẽ hiểu ngôn ngữ của cô nàng. Nhưng Jeanne không cùng thời với tôi, nên tôi bảo cháu đến gặp bà De Gabry giúp cháu với tư cách người mẹ lúc bấy giờ.

Trời tối, bóng đêm đã đến! Chống khuỷu tay trên cửa sổ, chúng tôi nhìn vào khoảng không bao la đen ngòm, lỗ chỗ những điểm sáng. Jeanne cúi mình trên thanh chống, tay bóp trán vẻ buồn bã. Tôi quan sát và tự nhủ: “Tất cả mọi đổi thay cả đến những đổi thay mong ước nhất đều kéo theo sầu muộn, bởi vì cái mà chúng ta từ bỏ chính là một phần của chính chúng ta; phải chết vì một cuộc đời để bước vào một cuộc khác”.

Như đáp lại suy tư của tôi, thiếu nữ nói: “Bác giám hộ của cháu, cháu rất hạnh phúc, thế nhưng cháu lại muốn khóc”.

TRANG CUỐI CÙNG

Ngày 21 tháng 8 năm 1882

Trang thứ tám mươi bảy... Còn chừng hai mươi dòng nữa thì cuốn sách của tôi về sâu bọ và hoa lá sẽ kết thúc. Trang thứ tám mươi bảy và là trang cuối cùng... *Như người ta vừa thấy, những cuộc viếng thăm của sâu bọ có tầm quan trọng to lớn đối với cây cối, quả vậy, chúng đảm nhận vận chuyển đến nhụy cái, phấn hoa của nhụy đực. Hình như hoa trang điểm sẵn sàng chờ đón cuộc thăm viếng có tính chất hôn lễ này. Tôi tin rằng đã chứng minh là tuyến mật hoa để nhỏ ra từng giọt nước ngọt quyến rũ con sâu và buộc nó tiến hành một cách không tự giác sự thụ tinh trực tiếp hay lai tạo. Phương thức sau cùng này là phổ biến nhất. Tôi đã trình bày rằng những đóa hoa đều có hương và sắc để lôi cuốn sâu bọ và được cấu tạo bên trong bằng cách phô ra cho các vị khách đến thăm này một lối đi qua thế nào, mà khi đi vào tràng hoa, chúng đặt được phấn hoa chúng mang theo đây lên trên đầu nhụy – Sprengel bậc thầy đáng kính của tôi, đã nói về lông to phủ kín tràng hoa loại cây mỗ hạc trong rừng; “Đấng tạo hóa khôn ngoan không muốn sản sinh ra dù chỉ một cái lông thừa”. Đến lượt tôi phát biểu: “Nếu hoa huệ ngoài đồng mà sách Phúc Âm nói tới khoác bộ cánh sang trọng hơn vua Salomon, thì cái áo choàng bằng vải nhuộm tía của nó là một cái áo choàng trong lễ cưới và đồ trang sức trang trọng này là một sự cần thiết cho cuộc sống vĩnh hằng”.*

Brolles ngày 21 tháng 8 năm 1882

Brolles! Nhà tôi ở cuối đường làng đi vào rừng. Đó là một căn nhà có đầu hồi mái lợp đá đen lóng lánh ngũ sắc dưới ánh mặt trời như ức chim bồ câu. Cây chong chóng chỉ chiều gió dựng trên mái nhà đáng cho tôi quý mến hơn tất cả những công trình sử học và ngữ văn học của tôi ở quê hương. Không một chú nhóc nào không biết cây chong chóng của ông Bonnard. Nó đã han gỉ và kêu cọt kẹt the thé theo chiều gió. Thỉnh thoảng nó đỡ chúng khước từ mọi việc như chị Thérèse vừa cầu nài vừa để cho chị nhà quê trẻ tuổi giúp mình một tay.

Căn nhà không lớn, nhưng tôi sống thoải mái ở đây. Buồng tôi có hai cửa sổ tiếp nhận ánh nắng đầu tiên. Phía trên là buồng trẻ con. Mỗi năm hai lần Jeanne và Henri đến ở đây.

Bé Sylvestre có cái nôi treo đó. Nó là chú nhóc xinh đẹp, nhưng rất xanh xao – Khi cháu chơi trên cỏ mẹ cháu lo lắng nhìn nó, theo dõi nó và hay ngừng may vá để bé con lên đầu gối. Thằng bé tội nghiệp không muốn ngủ. Nó bảo là khi ngủ, nó đi rất xa, rất xa đến một chốn đen ngòm và trông thấy những vật làm cho nó sợ hãi và nó không muốn nhìn nữa.

Lúc ấy, mẹ nó gọi tôi và tôi đến ngồi cạnh nôi; bàn tay nhỏ bé nóng hôi, khô khan của nó cầm một ngón tay tôi và nói:

- Cha đỡ đầu, cha phải kể chuyện cho con nghe.

Tôi kể cho cháu mọi thứ chuyện hoang đường, cháu nghe một cách nghiêm trang. Tất cả đều gây hứng thú cho cháu, nhưng có một chuyện khiến cho tâm hồn bé bỏng của nó lầy làm kinh ngạc thán phục nhất. Đó là chuyện *Con chim xanh*. Khi tôi kể xong, nó bảo:

- Kể nữa, kể nữa đi!

Tôi lại bắt đầu lại và cái đầu xanh xao, nổi gân của nó rơi xuống gối.

Đối với mọi câu hỏi của chúng tôi, thầy thuốc trả lời:

- Không có gì khác thường.

Không! Thằng bé Sylvestre không có gì khác thường. Một tối năm vừa qua, cha nó gọi tôi:

- Mời bác đến, thằng cháu ốm nặng.

Tôi lại gần nôi, mẹ nó đứng yên bên cạnh, mọi nghị lực của tâm hồn hướng vào nó. Thằng bé chậm chạp quay sang tôi, hai mắt mở to dưới mí và không muốn nhắm lại nữa.

- Cha đỡ đầu ơi – nó nói – không cần phải kể chuyện cho con nghe nữa.

Không, không cần phải kể chuyện cho nó nữa.

Tội nghiệp cho Jeanne, tội nghiệp một người mẹ.

Tôi quá già nua, không còn nhiều nhạy cảm, nhưng hẳn cái chết của thằng bé là điều bí ẩn đau lòng.

Hôm nay cha mẹ nó trở lại dưới mái nhà ông già trong sáu tuần lễ. Thế là họ từ rừng, giơ tay đỡ nhau đi trở về. Jeanne gọn gàng trong chiếc áo choàng không tay màu đen, còn Henri mang một cái băng tang trên mũ rơm; nhưng cả hai đều sáng rực tuổi thanh xuân, họ dịu dàng mỉm cười với nhau, với quả đất sản sinh ra họ, với không khí bao quanh họ, với ánh sáng lấp lánh tron mắt mỗi người. Từ cửa sổ tôi lấy khăn tay ra hiệu cho họ, và họ hớn hở tươi cười trước cảnh già yếu của tôi.

Jeanne nhanh nhẹn bước lên cầu thang, ôm hôn tôi và thì thầm bên tai tôi mấy lời mà tôi đoán ra hơn là nghe được, lúc ấy tôi trả lời cháu:

- Jeanne, cầu Chúa ban phúc cho các con, con và chồng con, mãi mãi cho đến đời sau xa xôi nhất của con. *Và lay Chúa, bây giờ xin Chúa cho tôi tớ Chúa được qua đời bình an, theo như lời Người.*

[1] Bọn bảo hoàng gọi những quân lính tập hợp lại sau trận Waterloo, dưới quyền thống chế Davout là bọn cướp vùng Loire.

[2] Mazzini: 1805-1972 nhà yêu nước Ý. Garibaldi: 1807-1882 nhà yêu nước Ý.

[3] Empédocle: Nhà triết học, nhà vật lý, nhà y học, ở thành phố Agrigente thuộc đảo Sicile Italia – thế kỷ thứ 5 trước Công nguyên.

[4] Ulysse: Tráng sĩ Hy Lạp nổi tiếng đã tham gia đánh thành Troie. Sau khi chiến tranh kết thúc, cùng các chiến hữu trở về quê hương, nhưng đã phải trải qua một chặng đường dài đầy biến cố (theo thần thoại Hy Lạp La Mã).

[5] Ney (1769-1815): Thống chế, công khanh nước Pháp tỏ ý ủng hộ Napoléon đệ nhất, bị tòa án các công khanh buộc tội phản bội và bị xử bắn.

[6] Josephine: (1763-1814) trước lấy tử tước De Baeuharnais, sau lấy Napoléon đến năm 1809 thì ly dị với Napoléon.

[7] Marie Louise: 1791 – 1847 kết hôn với Napoléon đệ nhất năm 1810.

[8] Thésée: tráng sĩ huyền thoại người Attique (thuộc Hy Lạp) nổi tiếng với những chiến công và hành động dũng cảm (theo thần thoại Hy Lạp La Mã).

[9] Antigone là con gái Oedipe – Oedipe là vua thành Thèbes, phạm tội giết cha và loạn luân với mẹ. Kinh hãi trước hai tội ác tày trời, Oedipe đã tự trừng phạt bằng cách chọc mù hai mắt rồi mặc quần áo ăn mày, có con gái là Antigone dẫn đường dắt cha đi ăn xin. Sau khi cha chết, nàng quay về thành Thèbes. Trong thời gian này, hai anh trai nàng đã giết chết nhau trong một cuộc chiến để giành giật ngôi báu. Tên bạo chúa Créon (kẻ kế vị Oedipe) cấm chôn cất một người anh của nàng bị coi là kẻ phản bội. Nhưng Antigone, vì tình nghĩa con người, vì tình nghĩa anh em đã trái lệnh vua, cứ làm lễ mai táng cho anh, nàng bị kết án chôn sống. Antigone đã thất cố tự tử, còn vị hôn phu của nàng là con trai của Créon cung tự sát (theo thần thoại Hy Lạp – La Mã).